

USA TODAY & #1 AMAZON BESTSELLING AUTHOR

14 NGÀY ĐÂM MÁU

THE SLEEP EXPERIMENT

JEREMY BATES

Đồng Thị Tú Linh dịch

1980
NOVEL[®]
MÔ HÌNH THẾ GIỚI CỦA MÌN



NHÀ XUẤT BẢN
THANH NIÊN

BẠN SẼ KHÔNG BAO GIỜ NGHĨ VỀ GIẤC NGỦ NHƯ CŨ NỮA.

Năm 1954, khi Chiến tranh Lạnh nổ ra, quân đội Liên Xô đã trao quyền tự do cho bốn tù nhân chính trị khi họ tham gia vào một cuộc thử nghiệm yêu cầu họ phải tỉnh táo trong vòng 14 ngày dưới sự tác động của một loại khí kích thích mạnh. Cuối cùng, bốn tù nhân này có hành vi giết hại, tự huỷ hoại bản thân và mất trí.

Không một ai sống sót.

Năm 2018, trong một kỳ nghỉ hè, Roy Wallis – một tiến sĩ Tâm lý học đáng kính của Đại học Berkeley – đã cố gắng thực hiện lại thí nghiệm tương tự trong một tòa nhà sắp bị phá bỏ ở khuôn viên trường. Tuy nhiên, mọi chuyện dần biến thành cơn ác mộng.

PHẦN MỞ ĐẦU

Tiến sĩ Roy Wallis rời khỏi tòa án San Francisco trong sự bảo vệ của nhóm vệ sĩ và luật sư biện hộ ngay sau khi quan tòa tuyên bố trắng án cho các tội danh mà anh bị cáo buộc trong phiên xét xử kéo dài cả tháng. Hàng trăm người biểu tình huyên náo bị chặn sau dây chắn của cảnh sát, lấp đầy cả con phố Bryant bên ngoài tòa nhà kiên cố. Nhiều tấm bảng tự chế giương cao với lời cảnh báo về ngày tận thế như: “CHÚA đang tới đón chúng ta”, “NGÀY PHÁN XÉT sắp tới!” và “Hay ĂN NĂN vì CÁI KẾT đang tới gần!”.

Wallis dừng lại trước một dàn những máy quay đang ghi hình trực tiếp để đưa tin tức nóng hổi lên ti vi. Khi đám đông các nhà báo và phóng viên đã im lặng, anh nói vào hàng chục chiếc mic đang hướng về phía mình: “Walt Whitman đã từng viết rằng, nỗi sợ hãi địa ngục không là gì đối với tôi. Nhưng ông ấy là Walt Whitman, nên ông ấy có thể viết những gì mình thích.” Wallis vuốt râu, vui đùa trên từng câu chữ của mình. “Tôi đoán,” anh tiếp tục, “rất có thể Walt ngay từ đầu đã chẳng tin rằng có địa ngục, nên ông ấy mới ung dung nói vậy.” Anh lắc ngón tay như thể khinh miệt vị cha đẻ của lối viết tự do này. “Nhưng tôi, những người bạn đáng yêu của tôi ơi, tôi của hiện tại đã biết địa ngục có tồn tại, và hãy để tôi nói cho bạn biết - địa ngục thực sự làm tôi kinh sợ.”

Xung quanh yên lặng, chỉ nghe thấy tiếng nháy liên tục của máy ảnh.

Sau đó, tất cả mọi người tranh nhau đặt câu hỏi cùng một lúc.

NGÀY CUỐI CÙNG CỦA KHÓA HỌC

(6 tháng trước)

“Tại sao chúng tại lại ngủ?” Tiến sĩ Roy Wallis nói, mắt nhìn quanh khán phòng tối mờ trong Khoa Sức khỏe Cộng đồng, Giáo dục và Tâm lý của Trường Đại học Berkeley, bang California. Khoảng hơn năm trăm sinh viên lấp đầy các dãy ghế xung quanh, kể cả khi ánh đèn trên bức giảng khiến mọi thứ hầu như chìm vào bóng tối. “Nó có vẻ là một câu hỏi ngớ ngẩn, đúng không? Ngủ là ngủ. Đó là một nhu cầu thiết yếu cho sự tồn tại của chúng ta. Nước uống, thức ăn và giấc ngủ là ba yếu tố quan trọng nhất mà con người không thể sống thiếu. Tuy nhiên, khi tầm quan trọng của nước và thức ăn đã quá hiển nhiên, thì tầm quan trọng của giấc ngủ vẫn còn là một bí ẩn.”

Anh ấn nút chuyển tiếp cho bài thuyết trình của mình phải rồi hơi nghiêng người để kiểm tra hình ảnh trên màn hình chiếu phía sau. Đó là một bức ảnh mô tả một người đang ngủ với rất nhiều dấu hỏi xung quanh đầu.

“Sự thật là,” vị tiến sĩ tiếp tục, “không ai lý giải được tại sao chúng ta ngủ, tuy nhiên chủ đề này đã hấp dẫn con người trong hơn hai thiên niên kỷ. Người Rishis ở Ấn Độ bận tâm đến tình trạng ý thức của con người trong trạng thái tinh và mơ. Người Ai Cập cổ đã xây dựng những ngôi đền thờ nữ thần Isis, nơi những người sùng đạo muốn đến gặp thầy tu để được thôi miên dưới hình thức thô sơ và giải mã những giấc mơ của mình. Người Hy Lạp và La Mã có các vị thần giấc ngủ như Hypnos, Somnus và Morpheus. Lão Tử, một nhà triết học người Trung Quốc cũng đã so sánh giấc ngủ với cái chết. William

Shakespeare thì ví giấc ngủ như sự săn sóc nhẹ nhàng của tự nhiên vì bản chất mang tính phục hồi của nó. Tuy nhiên, về mặt khoa học, cơ chế chính xác của giấc ngủ vẫn còn là điều bí ẩn cho đến giữa thế kỷ 20. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng, các mạng lưới nơ-ron thần kinh đều phát triển trên các đĩa thí nghiệm ở cả hai trạng thái hoạt động và không hoạt động, tương đương với khi thức và khi ngủ, điều đó có nghĩa là giấc ngủ xuất hiện tự nhiên khi các tế bào thần kinh đơn lẻ hoạt động cùng với các tế bào thần kinh khác. Thật vậy, điều này giải thích tại sao ngay cả những sinh vật cấp thấp nhất vẫn có những hành vi giống như ngủ."

Tiến sĩ Wallis chuyển tới bức hình tiếp theo. Trên đó là một con giun hình thù kỳ lạ trong nền đen. "Trông dễ thương chứ? Đây là caenorhabditis elegans một giống giun nhỏ, chỉ có 302 tế bào thần kinh. Tuy nhiên, nó vẫn có trạng thái yên tĩnh và bất động, mà ta có thể coi là ngủ. Phải thừa nhận rằng nó không ngủ như chúng ta thường nghĩ về khái niệm này, nhưng đó là bởi chúng ta có bộ não lớn hơn và phức tạp hơn, đòi hỏi mạng lưới thần kinh rắc rối hơn. Càng nhiều tế bào thần kinh làm việc với nhau thì giai đoạn tĩnh càng dài, ví dụ như bảy đến tám tiếng nhắm mắt mà chúng ta thường làm mỗi đêm."

Wallis bước vài bước trên buc giảng và vuốt râu: "Tuy nhiên, ngay cả khi lý thuyết này đúng – rằng các tế bào thần kinh khiến chúng ta thức và ngủ – thì vẫn không trả lời được cho câu hỏi tại sao con người lại ngủ, hay chính xác điều gì diễn ra trong giấc ngủ. Và còn rất nhiều câu hỏi nữa, các bạn của tôi ạ. Cơ thể chúng ta không đơn giản chỉ ngừng hoạt động như

những gì Sandman nói. Mà thay vào đó, bộ não của chúng ta sử dụng khoảng thời gian không hoạt động này để đào thải, có thể nói như vậy. Bộ não là nơi tiêu thụ rất nhiều năng lượng, có nghĩa là tất cả những chất thải hóa học được sản sinh do hoạt động tự nhiên của tế bào đôi khi phải được đào thải ra ngoài. Hơn nữa, có vẻ như bộ não cũng sử dụng thời gian này để tái tổ chức và ưu tiên các thông tin mà nó thu thập được trong một ngày, cũng như lưu chuyển trí nhớ ngắn hạn của chúng ta thành trí nhớ dài hạn. Điều này giải thích tại sao khi mất ngủ, chúng ta thường có vấn đề về khả năng tập trung, giải quyết vấn đề, nhớ lại những ký ức nhất định hay thậm chí điều chỉnh cảm xúc của mình. Tất cả mọi chức năng đều bị ảnh hưởng tiêu cực.”

Wallis nhìn quanh khán đài trước mặt. Một vài sinh viên ở những hàng ghế đầu đang chăm chú quan sát anh.

“Có thể nhận thấy, não bộ con người là một cơ quan vô cùng quyền năng và phức tạp. Nó có đủ khả năng để dọn dẹp ngay cả khi ta thức. Vậy tại sao phải dừng hoạt động của toàn bộ cơ thể mỗi đêm và khiến chúng ta rơi vào trạng thái không phòng vệ như trẻ sơ sinh? Phải chăng có điều gì khác đang diễn trong giấc ngủ mà chúng ta không biết? Có thể vậy.” Anh nhún vai. “Hoặc có thể không.”

Tiếp theo, trên màn hình máy chiếu hiện ra hình ảnh của thời kỳ đồ đá, mô tả một nhóm người tiền sử quấn lông thú đang ngồi bên trong một hang động khi bầu trời nhuộm đỏ dần nhường chỗ cho bóng tối. Tay mỗi người đều nắm chặt một vũ

khí băng đá, ánh mắt thể hiện sự lo lắng và thận trọng với những mối nguy hiểm đang rình rập bên ngoài màn đêm u tối.

“Đối với tổ tiên của chúng ta vào thời kỳ đồ đá, việc tìm kiếm thức ăn vào ban ngày khi có thể nhìn thấy mọi thứ rõ ràng là điều rất hợp lý và dễ hiểu, và ban đêm là thời gian ẩn nấp, vì đó là thời điểm hoạt động chủ yếu của động vật ăn thịt. Tuy nhiên... khi ẩn nấp thì chúng ta làm gì? Nếu bất kỳ ai trong số những bạn ngồi ở đây đã từng chơi trò trốn tìm với đám bạn hay các anh chị em họ hàng thì các bạn đều biết rằng thời gian khi trốn rất nhảm chán, bởi bạn chẳng phải làm gì nhiều. Hãy tưởng tượng trốn ở cùng một vị trí từ hoàng hôn cho đến bình minh vào mỗi đêm, 365 ngày mỗi năm. Điều đó còn tệ hơn là nghe Fran Drescher và Gilbert Gottfried tranh luận lặp đi lặp lại vô thời hạn. Cho nên, để tiêu tốn thời gian – cũng như bảo tồn năng lượng – cơ thể cần được nghỉ ngơi cho đến khi đứng dậy và tiếp tục đi tìm kiếm thức ăn. Giải pháp này không chỉ áp dụng cho con người mà còn cho tất cả mọi sinh vật sống trên hành tinh. Ngay cả máy móc cũng cần được nghỉ ngơi, không phải để bớt nhảm chán mà là để bảo tồn năng lượng.”

Wallis bước vài bước, vuốt râu, rồi lại bước thêm vài bước nữa.

“Quay trở lại với câu hỏi ban đầu là tại sao chúng ta lại ngủ? Nếu các bạn hỏi tôi, tôi tin những gì các bạn nhận lại sẽ tệ nhạt một cách thảm thương. Ta ngủ là để cho qua thời gian và để dự trữ năng lượng. Tất cả những gì tôi nói bên trên đều diễn ra khi đèn tắt – não bộ đào thải, sắp xếp kiến thức và ký ức – tất cả

được phụ trợ, hoàn thiện trong khi ngủ, bởi vì giấc ngủ tạo điều kiện thuận lợi và thời gian cho hoạt động đó.

Vị tiến sĩ nhấp chuột, chuyển sang hình ảnh tiếp theo là một thành phố lấp lánh toàn kính và thép. Anh chỉ về phía bức hình.

“London, nước Anh, khác xa với những vùng đồng bằng và rừng rậm hoang sơ của khu vực Á-Âu cổ đại, phải không? Không có sư tử hay gấu nấp trong hang rình chờ bạn tới. Thức ăn cũng không thành vấn đề. Chỉ cần vào siêu thị, từng khu từng khu với đủ loại thực phẩm bạn có thể nghĩ tới, tất cả đều được chất đầy hằng ngày. Do đó, việc trốn tránh thú săn mồi và tích trữ năng lượng không còn là vấn đề đối với con người hiện đại. Phần lớn dân số đã phát triển vượt lên trên những nhu cầu cơ bản như vậy. Vì vậy, bây giờ, cho phép tôi hỏi các bạn một câu.” Anh dừng lại một cách cường điệu, rồi như thể đã hài lòng với màn trình diễn của mình, nói tiếp: “Trong thời đại văn minh ngày nay, con người có cần ngủ không?”

“Tôi sẽ không nói vòng vo quanh vấn đề nữa,” Tiến sĩ Wallis nói. “Câu trả lời của tôi rất đơn giản. KHÔNG, tôi không nghĩ rằng con người cần ngủ. Thực chất, tôi nghĩ rằng toàn bộ loài người đơn thuần chỉ ngủ do thói quen.”

Những tiếng bàn luận và cười cợt lan khắp khán phòng.

Wallis đợi thêm vài giây trước khi giơ tay về phía trước để kêu gọi sự chú ý quay trở lại.

Tiếng ồn ào dần.

Wallis tiếp tục làm động tác chuyển trang trên màn hình chiếu. Hình ảnh mới hiện ra mô tả một doanh nhân trong bộ vest và cà vạt chỉnh tề ngồi phía sau bàn làm việc. Đôi mắt anh ta hằn lên những tia đỏ, còn gương mặt tràn đầy sự mệt mỏi. Ly cà phê đặt bên cạnh bàn phím nghi ngót khói. “Đúng, tôi biết các bạn đang nghĩ gì. Nếu chúng ta không cần ngủ, vậy tại sao chúng ta lại trông giống anh chàng này sau những đêm thức trắng? Hãy để tôi giải thích cho các bạn nghe. Bởi vì khi thức đêm, cơ thể chúng ta tạo nên một thứ mà các nhà sinh vật học gọi là áp lực ngủ. Vậy giờ các bạn hỏi tôi: áp lực ngủ là gì? Chà, những nhà sinh vật học đó cũng chẳng biết. Họ chỉ đơn thuần đặt tên cho một thứ gì đó mà chính họ chưa hiểu rõ. Hãy liên tưởng đến những điều bí ẩn. Chúng ta đều biết chúng tồn tại, nhưng không ai lý giải được nguyên do. Vậy nên... áp lực ngủ,” anh nhắc lại, như để nghiền ngẫm câu chữ. “Áp lực ngủ. Thật vậy, nó nghe như một trò đố vui của Tolkien, phải không Điều gì được tích tụ khi ta thức và phân tán khi ta ngủ? Cái gì đang đếm số giờ, ẩn trong bộ não của chúng ta, chờ được xóa sạch vào mỗi tối? Và hãy tưởng tượng... điều gì sẽ xảy ra nếu như ta có thể nắm bắt nó, tái lập trình nó?” Vị tiến sĩ mỉm cười. “Nếu như, các bạn trẻ của tôi ơi, ta có thể xóa bỏ nó thì sao? Đúng, xóa bỏ áp lực ngủ. Loại bỏ hoàn toàn sự mệt mỏi và giấc ngủ – thử làm lãng phí cả đống thời gian khổng lồ khi ta rơi vào vô thức mỗi đêm, điều mà theo sự tiến hóa của loài người ngày nay là không còn hợp thời và không có giá trị thực tiễn. Hãy tưởng tượng xem, nếu bạn có thêm bảy hay tám tiếng mỗi ngày

thì bạn sẽ có thêm bao nhiêu tấm hình tự sướng để đăng lên Instagram?"

Có vài tiếng cười khẽ bật lên nhưng không nhiều. Không khí trong khán phòng tràn đầy sự mong đợi minh uyên phấn khích.

Wallis bước đến giữa buc giảng, ngón tay anh vuốt dọc ve áo khoác của chiếc áo vest được cắt may tỉ mẩn. Khi đã chắc rằng tất cả mọi ánh mắt đều đổ dồn vào mình, anh nói tiếp: "Hãy nhìn lại những gì đã diễn ra vào tháng 01 năm 1964, các bạn trẻ của tôi. Một học sinh cấp ba tại San Diego tên là Randy Gardner đã dành 11 ngày – tức là 264 giờ – không ngủ. Điều thú vị ở đây là khi sắp kết thúc 11 ngày, cậu bé không hề lê lết như một zombie, mà thay vào đó, cậu ta hoàn toàn đánh bại nhà nghiên cứu – người đang tiến hành cuộc thí nghiệm này trong trò chơi pinball, không những thế còn đạt được nhiều mức điểm đáng kinh ngạc khác. Hơn nữa, cậu bé còn trả lời phỏng vấn một cách rõ ràng, mạch lạc. Còn sức khỏe tổng quan của cậu ta thì hoàn toàn tốt."

"Sau đấy thì cậu ta ngủ trong bao lâu ạ?" Một giọng nam vang lên từ khán đài chìm trong bóng tối.

"Cám ơn vì giúp tôi tiếp nối câu chuyện," Wallis đáp. "Cậu ta mất bao lâu để ngủ sau 11 ngày thức trắng ư? Không nhiều như các bạn mong đợi đâu. Chỉ 14 tiếng thôi – gấp đôi thời gian một người bình thường dùng để ngủ mỗi ngày. Khi tỉnh dậy, cậu ta không lảo đảo, chênh choáng chút nào. Cậu bé hoàn toàn tỉnh táo và khoan khoái. Nay giờ, cậu ta đã là một người đàn ông lớn tuổi, theo như tôi biết thì vẫn còn sống, và suốt quãng thời gian

sau này không gặp bất kỳ một ảnh hưởng tiêu cực nào cả về thể chất lẫn tinh thần.”

Im lặng – nhưng không phải là kiểu buồn chán thường thấy trong các giảng đường đại học. Mà là sự im lặng được đan chặt lại như dây nêm, đang chờ bị chặt đứt bởi một tiết lộ động trời.

Wallis cũng không định làm đám đông thất vọng. Anh tiếp tục: “Kết quả đáng ngạc nhiên của cuộc thử nghiệm 11 ngày ở Randy Gardner không là gì so với nhiều trường hợp khác đã chiến thắng giấc ngủ. Trong thế chiến thứ nhất, một binh sĩ người Hungary tên là Paul Kern đã bị bắn vào đầu. Sau quá trình điều trị chấn thương ở thùy trước não, anh ta mất hoàn toàn khả năng chìm vào giấc ngủ hay buồn ngủ. Mặc dù các bác sĩ đã dự báo rằng trường hợp này không thể sống lâu, nhưng anh ta đã sống mà không cần ngủ trong suốt 40 năm tiếp theo, và qua đời một cách tự nhiên vào năm 1955. Gần đây hơn, vào năm 2006, một vài tháng sau khi nhận được một công việc mới tại phòng thí nghiệm, một người đàn ông tên là John Alan Jordan đã vô tình đổ hóa chất công nghiệp cực mạnh lên da, làm nhiễm độc dịch não tủy. Từ đó, anh ta không thể ngủ thực sự đã không ngủ dù chỉ một chút. Tương tự, một người đàn ông khác tên là Al Herpin đã mắc phải chứng mất ngủ hiếm gặp mà không rõ lý do. Khi các chuyên gia Y khoa đến nhà anh ta, họ không tìm thấy giường hay bất kỳ đồ đạc nào để phục vụ việc ngủ, chỉ có duy nhất một chiếc ghế tựa mà Herpin nói rằng mình thường ngồi đó đọc báo khi muốn nghỉ ngơi. Cho đến nay, anh ta vẫn ở trong trạng thái khỏe mạnh và không chịu bất kỳ tổn thương nào từ trường hợp đặc biệt của mình. Lại thêm

một phụ nữ khác tên là Ines Fernandez, người đã không ngủ trong vài thập niên mặc dù đã tham vấn hàng tá các y bác sĩ và uống hàng ngàn các loại thuốc ngủ khác nhau; một người đàn ông Việt Nam tên là Thái Ngọc cũng đã luôn thức kể từ khi bị sốt cao vào năm 1973. Còn rất nhiều những câu chuyện tương tự. Điều đáng ngạc nhiên ở đây là các nhân vật trong những câu chuyện trên đều duy trì tình trạng sức khỏe rất tốt. Ines Fernandez vẫn còn sống và tràn đầy năng lượng, Thái Ngọc cũng thế, ông có thể khoe khoang thể lực bằng việc vác những bao gạo vài chục ký hơn ba ki-lô-mét mỗi ngày."

Wallis lấy cốc nước từ chiếc bàn trên bức giảng, nhấp một ngụm nhỏ, để nước ấm xoa dịu cổ họng mình.

Anh đặt cốc nước xuống và tiếp tục nói: "Cứ coi mấy người đó là đám dị tiến hóa, nếu muốn, cứ gọi họ bằng bất cứ cái tên nào, nếu điều đó giúp bạn chấp nhận những câu chuyện phi thường này. Nhưng có một điều mà họ tỏ rõ cho chúng ta thấy: con người không cần phải ngủ để tồn tại. Ta ngủ bởi vì ta đã quen với việc ngủ. Bởi vì những điều bí ẩn sâu bên trong chúng ta mà ta gọi là áp lực ngủ... thứ áp lực ấy, có lẽ một ngày nào đó, chúng ta có thể loại bỏ nó..." Từ xa vọng lại tiếng chuông ngân của 61 cái chuông trong tháp Sather gần đó, Wallis liếc nhìn đồng hồ trên tay mình: tiết học đã kết thúc. "Chúc các bạn may mắn trong kỳ thi sắp tới!" Giọng anh vượt lên trên những tiếng sột soạt ồn ã của sinh viên đang thu dọn sách vở và những bước chân di chuyển nhanh chóng về phía cửa. Sau đó, anh còn trêu chọc: "Đừng thức quá khuya để học bài đấy nhé!"

Khi cất hết sách vở từ bàn giáo viên vào chiếc cặp da của mình, Roy Wallis phát hiện trong phòng vẫn còn có người khác. Một cô gái vẫn yên vị trên hàng ghế đầu. Đôi mắt hình trái hạnh đào, gò má cao và đường xương hàm nổi bật cùng mái tóc đen bóng và thẳng, cô xinh theo kiểu đặc trưng của phụ nữ Á Châu. Đôi mắt nâu của cô sáng lên khi bắt gặp ánh mắt anh, nụ cười làm hiện núm đồng tiền bên má.

Cô gái khẽ vỗ tay. “Một bài giảng xuất sắc, thưa tiến sĩ. Em thực sự rất thích ạ.” Cô đứng lên và dần tiến về phía bục giảng theo lối đi xuống của bậc thang. Cô mặc quần áo kiểu tomboy dễ thương với chiếc áo sơ mi kẻ ca-rô ngoại cỡ, quần yếm bò thụng màu xanh xắn gấu và giày thể thao màu xanh nhạt. Cô dừng lại ngay bên hông bục giảng. “Nhưng em nghĩ thầy có thể đã bỏ qua vài thứ.”

Tiến sĩ Wallis đóng cặp lại. “Vậy hả?” Anh trả lời. Penny Park là một trong những học trò ưu tú nhất của anh. Cô là một trong hai nghiên cứu sinh mà anh tuyển chọn để hỗ trợ mình trong thí nghiệm về giấc ngủ sẽ được tiến hành sau khoảng mười ngày nữa. Cô đến từ một gia đình có thu nhập thấp ở Hàn Quốc và chỉ mới nhận được học bổng toàn phần của trường gần đây. Mặc dù chỉ mới sống ở Mỹ ba năm nhưng tiếng Anh của cô rất trôi chảy. Tuy nhiên, ngữ điệu cần chăm chút hơn, đặc biệt là cách phát âm R và L mà cô hay bị nhầm lẫn.

“Thú săn mồi ạ,” Penny nói. “Thầy có đề cập đến người tiền sử cần phải trốn tránh lũ thú săn mồi vào ban đêm, và ngủ là hành động bắt nguồn từ việc lẩn trốn để cho qua thời gian.”

“Đúng là tôi đã nói thế, Penny. Tôi mừng là em đã tập trung nghe giảng.”

“Thầy đừng trêu em. Thầy biết là em luôn lắng nghe lời thầy nói mà. Nhưng điều em muốn nói là... chuyện tổ tiên của chúng ta phải ẩn nấp vào ban đêm ấy. Thế còn lũ thú săn mồi thì sao? Những loài động vật nằm trên tầng cao của chuỗi thức ăn? Chúng chỉ săn mồi, không cần lẩn trốn nên không cần cố tiêu bớt thời gian, thế nên theo như thầy giảng thì chúng cũng không cần ngủ. Nhưng rõ ràng là chúng cũng ngủ mà. Do đó những gì thầy nói có vẻ như không hoàn toàn có lý. Tại sao những loài động vật đó không đi săn cả ngày? Hay chúng không đói?”

“Luận điểm rất hay, Penny,” Tiến sĩ Wallis nhấn mạnh vào sự thông minh lanh lợi của cô. “Động vật săn mồi đúng là cũng có áp lực ngủ. Tại sao lại vậy? Tôi tin rằng có cùng lý do với những con vật bị săn. Do buồn chán.”

“Buồn chán?”

“Chúng tiến hóa để làm một điều: săn bắt. Nhưng đi săn 24/7 thì mệt mỏi quá. Mà giấc ngủ lại cho chúng sự nghỉ ngơi, tạm dừng chu trình ấy lại, khiến chúng... tinh táo, có thể gọi là vậy.” Anh đi cùng Penny ra cửa, đứng ngay sau cô một bước rồi nói thêm: “Mà có lẽ thí nghiệm về giấc ngủ trong mười ngày nữa sẽ làm sáng tỏ vài vấn đề ấy nhỉ?”

“Em rất mong chờ khi được tham gia thí nghiệm lần này. Em nghĩ về nó suốt.”

“Tôi cũng vậy, Penny, tôi cũng rất mong chờ.”

Cô gái đẩy một bên cửa rồi bước ra, Wallis tắt những bóng đèn cuối cùng trên bức giảng, liếc nhìn toàn bộ căn phòng lần cuối đầy hồi tưởng và luyến tiếc, anh biết rằng mình có thể sẽ không trở lại cho đến tháng Chín của học kỳ mùa thu sau.

“Thưa thầy?” Penny giữ một bên cửa đợi anh bước tới.

“Tôi tới đây,” sau đó anh thay cô khép lại cánh cửa phòng học.

NGÀY THỨ NHẤT

Thứ Hai, ngày 28 tháng 5 năm 2018

Trong chẳng khác nào một thị trấn ma, Roy Wallis nghĩ thầm khi đứng bên cửa kính phòng làm việc nhìn xuống đại lộ Shattuck. Bên kia đường là một quán rượu và nhà hàng Thái Lan rất hay đông khách, chủ yếu là các giảng viên và sinh viên. Nhưng giờ cả con phố vắng lặng. Tất nhiên vẫn còn một vài người đi lại xung quanh khuôn viên cổ kính của trường học, trong đó có rất nhiều sinh viên quốc tế và những người nhập cư đang theo học những khóa học tiếng, nhưng nhìn tổng thể thì nơi này vẫn giống một thị trấn ma. Không còn tiếng tranh luận ồn ào sôi nổi của những hội nhóm sinh viên, không còn bầu không khí tích cực tràn đầy năng lượng đại diện cho một thế hệ mới, trẻ trung của nước Mỹ, cả không gian gần 1300 mẫu đất thật yên tĩnh mà xinh đẹp lạ thường, điều mà Wallis đã lâu không được trải nghiệm, từ hồi anh còn là một vị tiến sĩ non trẻ và làm việc theo hợp đồng có thời hạn. Tầng mây che lấp ánh mặt trời, Wallis bắt gặp mình trong tấm kính phản chiếu từ cửa sổ phòng làm việc. Mái tóc ngắn vuốt keo bóng bẩy ngược về sau và bộ râu dài được chải chuốt cẩn thận, anh từng được so sánh với tất cả mọi người, từ thợ đốn củi cho đến nghệ sĩ xiếc, cả tới Abe Lincoln theo lời một nữ sinh đã tốt nghiệp. Thực chất, anh đặc biệt được ngưỡng mộ bởi những nữ sinh trong trường. Anh có chút xấu hổ nhưng cũng tự hào vì điều đó, mặc dù đã bước sang tuổi 41. Nhưng anh không cố gắng theo đuổi hình mẫu “tiến sĩ thời thượng” với kiểu tóc và bộ râu, mà chỉ đơn giản là tạo hình đó hợp với khuôn mặt anh mà thôi. Ngày trước, anh từng để tóc dài hơn và râu ngắn hơn, nhưng cuối

cùng anh cho rằng một bộ râu đẹp là phải dày và khỏe, phải trông thật nam tính. Kết quả là anh đã nuôi râu thêm năm năm, chăm chút cẩn thận, thường xuyên ghé thăm thợ làm tóc, kể cả phải dưỡng ẩm và thoa dầu dưỡng hằng ngày, không bỏ lỡ ngày nào.

Wallis quay đi khỏi cửa sổ. Tất cả các tiến sĩ đã mãn nhiệm đều có phòng làm việc riêng để trang hoàng theo sở thích cá nhân. Nay giờ anh đã là chủ nhiệm của khoa Tâm học, anh không chỉ có văn phòng riêng mà đó còn là một căn phòng rộng thênh thang để tùy ý sáng tạo. Mặc dù trên lý thuyết là không được phép, nhưng anh vẫn sơn lại bức tường trắng đơn điệu thành màu xanh lam và thay tấm thảm xám thành thảm mun lông dày vào ba năm trước. Đồ trang trí nội thất đều là do nhà trường cung cấp, nhưng anh vẫn mua thêm một vài tác phẩm acrylic trừu tượng, cả bức tranh màu nước vẽ Sigmund Freud đang suy tư hút xì gà, và một vài vật dụng linh tinh khác từ nhà mang đến. Một vài đồng nghiệp không tiếc lời khen ngợi gu thẩm mỹ này của anh; vài người còn được truyền cảm hứng đến nỗi cũng tô điểm cho văn phòng của họ những tấm thảm hay đèn bàn theo phong cách riêng; vài người khác lại chẳng nói gì; trong khi không thiếu những nhân vật lại công khai chê bai sự lòe loẹt và dị biệt trong môi trường học thuật này. Wallis không quan tâm họ nghĩ gì. Đối với anh, không gian làm việc phải dễ chịu và gần gũi, phải tối đa hóa được năng suất làm việc.

Wallis đi về phía chiếc tủ lạnh mini và lấy một chai nước. Anh cân nhắc có nên uống một lon bia từ bịch sáu lon hiệu Coors Light trong đó hay không, nhưng tự nhủ rằng ngày còn

quá sớm để uống thứ ấy. Bức tường phía trên tủ lạnh treo tấm bằng Y khoa của Đại học Arizona và bằng Tiến sĩ của Đại học California; cùng một vài giải thưởng anh nhận được về những thành quả nghiên cứu biểu đồ nhịp sinh học và chứng bệnh ngủ rũ của mình; có thêm hai bức hình được đóng khung cẩn thận. Một tấm chụp anh với người cha đẻ quá cố của thuốc ngủ – Giáo sư William C. Dement. Tấm còn lại là hình anh với một đồng nghiệp tại hang Mammoth thuộc tiểu bang Kentucky, ở độ sâu hơn 15 mét dưới lòng đất, nơi họ đã dành hai ngày để phác họa đồ thị biến động về mức độ tinh táo và nhiệt độ cơ thể khi không có ánh sáng mặt trời và lịch trình sinh hoạt hằng ngày.

Tiếng gõ cửa khiến anh giật mình, Wallis nhíu mày. Các lớp học và kỳ thi đã kết thúc từ tuần trước, vậy ai có thể biết rằng anh vẫn còn ở trong trường?

Anh mở cửa và hóa ra là Penny. Hôm nay, cô đeo một cặp kính gọng đen dày cộp khiến nó nhìn lỏng lẻo như sắp rơi khỏi đầu mũi. Chiếc áo len rộng màu tím dài đến đùi, che khuất chiếc quần ngắn cô đang mặc. Mái tóc dài được tết thành bím gọn gàng sau vai. “Chẳng phải chúng ta hẹn sẽ gặp nhau ở tòa nhà Tolman sao?” Anh hỏi.

“Em nhớ mà,” cô đáp, má hơi nâng lên ẩn sau lớp kính dày, “nhưng em đến sớm, vậy nên em nghĩ mình có thể tới đây để đi cùng thầy đến đó?” Penny chỉ vào một trong những hình hoạt họa liên quan đến tâm lý học được dán lên cánh cửa căn phòng. “Em thích hình này nhất, trông nó thật vui nhộn.” Bức hình miêu tả cô bé Goldilocks nằm dài trên sô pha của bác sĩ tâm lí

và nói: “Alice ở xứ sở thần tiên, Dorothy thì ở đâu đó trên cầu vồng, nhưng con lại mắc kẹt trong ngôi nhà lụp xụp với mấy con gấu.”

“Con bé sống còn dễ chịu hơn so với Rapunzel.”

“Cô gái với mái tóc dài ấy à?”

Anh gật đầu. “Tôi thấy tóc em đẹp đó. Trước đây em đâu có để kiểu này phải không?”

“Vâng, vì nếu em buộc hết tóc lên thì trông đầu sẽ to hơn. Nhiều người Hàn Quốc có đầu to lắm, thầy có biết điều đó không?”

“Không, tôi chưa từng nghe tới.”

“Vậy đó, ở Hàn Quốc, cột tóc lên có nghĩa là độc thân.” Cô giơ cao bàn tay trái của mình và lắc lắc ngón tay đeo nhẫn. “Và em độc thân! Em chỉ bện tóc cho may mắn thôi.

“Ồ, vậy thì chúc may mắn nhé,” anh nói. “Còn bây giờ thì chờ tôi một chút rồi chúng ta cùng đi.” Anh cầm theo áo khoác và túi xách từ bàn làm việc rồi khóa trái cửa phòng khi rời đi. Họ đi dọc cầu thang xuống tầng trệt và tiến về lối ra nơi cửa chính. Trời u ám, ẩm ướt hơn thường ngày, những đám mây đen từ xa như đang chuẩn bị mang mưa tới.

Penny Park túm tỉnh hỏi: “Thầy có nhớ câu nói mà thầy đã nói để mở đầu khóa học Giấc ngủ và Giấc mơ năm nay không à?”

Anh nghĩ lại. “Không, ngay lúc này thì tôi không nhớ ra.”

“Mỗi ngày, hãy làm một việc khiến bạn sợ.” Cô nhắc lại một cách đầy tự hào.

Anh gật đầu đồng ý. “Đúng rồi. Của Eleanor Roosevelt. em rất ấn tượng với câu nói đó nhỉ?”

Penny cười to. “Không phải đâu! Em chỉ nghĩ tới buổi thí nghiệm ngày hôm nay thôi.”

“Ồ” anh đáp.

“Thầy có thấy sợ hãi chút nào không?”

“Penny, không có việc gì phải sợ.”

“Thầy thực sự không lo lắng chút nào à?”

Wallis do dự, rồi nhún vai. “Hừm, có lẽ là một chút xíu.”

Tiến sĩ Roy Wallis không chắc tình hình của Penny Park sẽ tiếp diễn thế nào.

Tháng trước, khi Wallis thông báo chung tới các sinh viên năm cuối lớp Giấc ngủ và Giấc mơ của mình rằng anh muốn thuê hai sinh viên hỗ trợ mình trong thí nghiệm về giấc ngủ trong ba tuần vào kỳ nghỉ hè, có mười người đã nộp đơn. Trong suốt quá trình phỏng vấn không chính thức lần một, anh không tiết lộ gì nhiều về cuộc thí nghiệm, chỉ giải thích rằng người được chọn phải dành ra tám tiếng mỗi ngày, các ca làm việc thay đổi tùy vào lịch trình để đảm bảo lấp kín được thời gian 24/7. Yêu cầu này đã khiến một nửa số sinh viên bỏ cuộc. Wallis tiếp tục phỏng vấn năm người còn lại, miêu tả rõ hơn công việc mà họ cần làm, bao gồm quan sát, ghi chép các hành động của hai đối tượng thí nghiệm đang chịu tác động của một loại khí kích thích.Thêm hai ứng viên nữa xin rút đơn, chỉ còn lại ba người là Penny Park, một sinh viên quốc tế khác đến từ

Ấn Độ tên là Guru Rampal và một thành viên của đội chèo thuyền của trường tên là Trevor Upton. Trevor rất thông minh, khả năng tập trung cao và hòa đồng, anh chàng sẽ là lựa chọn đầu tiên của Wallis nếu cậu ta tham gia lớp học trong học kỳ trước thường xuyên hơn. Bởi có hai yếu tố quan trọng mà Wallis đặt ra cho những trợ lý của mình là phải đúng giờ và đáng tin cậy. Vậy nên Penny Park và Guru Rampal là lựa chọn cuối cùng.

Wallis nghĩ họ sẽ hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách xuất sắc, và anh vẫn luôn tin vào điều đó. Vấn đề của Penny Park là cô luôn thể hiện mình như đang tán tỉnh, đong đưa. Hai năm qua, cô gái ấy đã ghé thăm anh trong giờ làm việc kha khá lần, và mặc dù cô rất nhạy bén và có khiếu hài hước châm biếm – bạn có thể gần như gọi đó là trêu chọc – anh cũng không nghĩ nhiều về nó cho đến ba tuần trước. Sau khi lựa chọn Penny và Guru làm trợ lý cho mình, anh dẫn họ đi dạo quanh con phố, từ tòa nhà của khoa cho tới quán bar có bán cả pizza và bia. Hóa ra Guru không ăn được pizza lẫn uống đồ có cồn và chỉ khăng khăng uống coca. Penny thì hoàn toàn ngược lại, uống hết tất cả những ly bia có độ nặng trung bình mà Wallis gọi. Có hai kiểu người khi uống bia rượu: kiểu người uống được đồ có cồn tốt đến nỗi khó nhận ra họ có đang say hay không; và kiểu người uống nhưng không áp chế được men bia rượu xâm lấn. Penny rõ ràng rơi vào kiểu người thứ hai. Đầu tiên, những lời khen ngợi của cô nàng rất mang tính nịnh bợ, như là “Thầy là tiến sĩ duy nhất biết cách ăn mặc đấy!” hay “Em biết là câu hỏi hơi kỳ nhưng thầy có đi tập thể hình không? Thầy chắc phải

thường xuyên tập lăm hả?", và sau đó là những cái động chạm vô ý. Cuối cùng thì Wallis phải lấy lý do đi vào nhà vệ sinh để rời khỏi bàn ăn, sau đó ngồi ở vị trí khác khi quay trở lại. Guru cũng nhận ra sự thái quá của Penny và cười ngây ngốc trong suốt hai mươi phút liền, cho tới khi Wallis – phớt lờ mong muốn gọi thêm một chầu bia của Penny — hỏi xin hóa đơn từ người phục vụ.

Kể từ hôm đó, Wallis liên lạc với Penny qua điện thoại và email về thí nghiệm này một vài lần, nhưng anh mới chỉ gặp mặt cô trực tiếp vào buổi cuối cùng của lớp học mà cô đã cố nán lại trong khán phòng hôm đó.

Lúc đó, cô vẫn là Penny thôi, bây giờ vẫn vậy... nhưng vấn đề là Wallis đã nhìn thấy bí mật của cô. Anh biết cảm giác của cô đối với anh, điều đó làm anh thấy bất tiện và đôi phần lo lắng.

Wallis không phải là phản đối mối tình thầy - trò. Mặc dù có nhiều ý kiến không tán thành, nhưng theo luật của hội đồng trường thì hẹn hò với sinh viên đã thành niên là hoàn toàn hợp pháp và được cho phép ở đa số các trường đại học. Thực ra, bây giờ Wallis đang trong mối quan hệ không rõ ràng với một cựu sinh viên.

Nhưng đó không phải là vấn đề, điều khiến anh bận tâm là hành động tấn công mãnh liệt của Penny có thể làm ảnh hưởng đến quá trình nghiên cứu về giấc ngủ của mình. Họ sẽ phải cộng tác chặt chẽ trong ba tuần tới, và anh muốn cô tập trung vào cuộc thí nghiệm này, chứ không phải vào anh.

Thôi, gió thoổi qua tai vậy, anh quyết định. "Có thể mình chỉ đang làm quá lên những chuyện xảy ra ở quán bar. Cô ấy say và

chỉ vui đùa chút thôi. Chẳng có gì to tát cả.”

Nói Penny Park mới chỉ “cảm nắng” Tiến Wallis thì còn nhẹ chán, cô nàng rơi vào lưới tình luôn rồi, có thể trách ai chứ? Thầy quyến rũ, thân hình cân đối, lại còn ăn mặc rất thời thượng. Mà trên hết thầy, thầy còn là một tiến sĩ, theo một cách nào đó thì điều này càng làm cho thầy trở nên hấp dẫn hơn.

Nếu được hỏi, Penny có lẽ sẽ trả lời rằng đây là tình yêu sét đánh. Cô thường ngồi ở hàng ghế đầu để không phải đối phó với tất cả những lời bàn tán của đám hút chích và “mấy cô nàng sành điệu”. Đây cũng là nơi cô ngồi trong buổi học của lớp Tâm lý học đầu tiên với thầy Wallis. Suốt năm mươi phút đồng hồ, ánh mắt cô không tài nào rời khỏi thầy, mỉm cười vui thích mỗi khi ánh mắt họ gặp nhau.

Cuối tuần đó, cô đã ghé qua văn phòng của thầy trong giờ hành chính để hỏi một số vấn đề trong bài tập thầy giao. Cô vẫn còn nhớ mình đã ngượng ngùng, lo lắng như thế nào khi được ở riêng với thầy, điều này đối với cô thật kỳ lạ. Cô là một người hướng ngoại, một người hướng ngoại có khuôn mặt xinh đẹp là đằng khác. Từ nhỏ, cô đã có thể làm thân với bất kỳ chàng trai nào cùng độ tuổi, chỉ bằng việc đi vài vòng trước mặt anh ta và làm mấy trò thú vị nho nhỏ. Ở tuổi mươi sáu, hàng tá các bạn nam muốn kết thân với cô, nhưng hầu hết họ đều khiến cô chán ngấy chỉ sau một hay hai tuần. Có thể nói, ngay từ đầu, cô chưa từng thực sự thích ai.

Cũng không phải là cô không thích đàn ông lớn tuổi.

Cô mới chỉ biết được lý do tại sao mình có sở thích này nửa năm trước, trớ trêu thay là nhờ thầy Wallis. Trong lớp Tâm lý học tiến hóa, thầy từng giải thích rằng: khi địa vị xã hội và tài chính được coi trọng và đề cao, một vài cô gái trẻ sẽ có hứng thú đối với đàn ông trưởng thành, điều này sẽ làm rạn nứt mối quan hệ với cha của mình khi cô gái bước qua tuổi dậy thì. Theo Tiến sĩ Wallis, khi người cha không biết phải làm thế nào với cô con gái đang độ tuổi dậy thì của mình, ông ấy sẽ tránh xa cô bé mỗi khi có thể, và phản đối việc trang điểm và ăn mặc thiếu vải của con mình. Nhận thấy không giành được sự chú ý từ cha trong giai đoạn phát triển quan trọng này của mình, cô bé buộc phải tìm kiếm sự chú ý từ nơi khác.

Câu chuyện này hoàn toàn đúng với tình trạng của Penny và cha mình. Ở trường hợp của cô, trong những năm dậy thì, người lớn duy nhất mà cô biết rõ ngoài cha mẹ của mình là giáo viên – điều này có thể lý giải những gì đã xảy ra và năm cuối cô học trung học.

Một buổi tối sau khi tan học, Penny ở lại trễ để ôn bài cho kỳ thi sắp tới. Trong khi rời khỏi tòa nhà, cô đi ngang qua lớp Sinh học và nhìn thấy giáo viên của mình, thầy Cho, đang ngồi chấm điểm ở bàn làm việc. Nửa năm trở lại đây, cô đã có những mơ tưởng không đúng mực với thầy, và khi gặp mặt vợ thầy tại lễ hội của trường tuần trước, cô ngay lập tức cảm thấy ghen tị với người phụ nữ ấy. Bà ta già khú – già hơn thầy Cho, ít nhất nhìn qua là vậy – nhưng bà ta có vẻ nghiêm nghị, kiểu trưởng thành, đứng tuổi với mái tóc nhuộm nâu vàng được chải phồng một cách hoàn hảo và đôi mắt to tròn hai mí (phẫu thuật cắt mí

chẳng?), mông to hông nở và túi xách Louis Vuitton sáng bóng. Bà nội trợ hoàn hảo của gia đình, suốt ngày chỉ mua sắm và tất cả những gì cần làm chỉ giới hạn ở việc dọn dẹp nhà cửa và nấu ăn cho chồng.

Từ lần gặp mặt đó, Penny lại càng mơ tưởng về việc giành lấy thầy Cho từ tay bà ta, cho nên vào buổi tối hôm ấy, khi đang rời khỏi trường học, cô cố tình bước vào phòng học giả vờ hỏi han về kỳ thi sắp tới, nhưng thực chất là để phô trương sự tươi mát, trẻ trung của mình, mà ở độ tuổi mười tám, điều đó ở cô là hiển nhiên. Lúc bắt chéo chân, cô nhận thấy ánh mắt thầy Cho nhìn chằm chằm vào phần đùi lộ ra bên dưới chiếc váy ngắn kẻ sọc của mình, và được đà, cô nói: “Em sẽ đi Itaewon lúc 7 giờ tối nay. Có một quán bar rất thú vị, tên là Câu lạc bộ Đường sắt ở Haebangchon. Nếu thầy ở gần đó, thầy có muốn đi uống với em một ly không ạ?”

Tất nhiên là Penny biết thầy Cho nào có ở gần đó. Trường trung học ở Jungnang-gu, ngoại ô phía đông Seoul. Thầy có thể sống ở một nơi nào gần đó. Còn Itaewon thì ngược lại, ở ngay giữa lòng thành phố, nổi tiếng với khách du lịch và người lao động nước ngoài. Đó chính là lý do vì sao cô chọn địa điểm này: một con phố riêng biệt, nơi hai người có thể gặp nhau mà không dung phải người quen.

Thầy Cho đắn đo về lời đề nghị của cô trong một lúc lâu, cho tới khi Penny định thốt lên rằng mình chỉ đang nói đùa thôi thì thầy đột nhiên nói: “Em còn quá nhỏ để uống rượu đấy, Penny.”

“Em sắp 19 rồi thầy.” Cô nhún vai và mỉm cười. “Mà ở quán đó họ biết em, họ vẫn thường phục vụ đồ uống cho em.” Điều

này chỉ đúng một phần. Cô mới tới đó một lần sau khi xem một ban nhạc biểu diễn ở một địa điểm gần đó và đúng là cô chưa từng gặp bất kỳ vấn đề gì khi gọi đồ uống có cồn ở đó cả.

“Em nói 7 giờ phải không?” Thầy Cho hỏi.

Penny gật đầu, vẫn cười tưng tigm.

“Em ở đó với bạn hả?”

“Không, chỉ có mình em thôi.”

“Vậy thì thầy có thể ở quanh đó đấy.”

Penny tới quán bar trễ mười lăm phút và thấy thầy Cho đang ngồi ở một bàn chân cao với ly bia đã cạn trước mặt. Khi cô ngồi xuống, họ gọi thêm đồ nhắm và hai cốc bia. Tỷ lệ lượng của Penny không quá tốt và thầy Cho đã lợi dụng việc này, tiếp tục chuốc thêm cho cô hết cốc bia này đến cốc bia khác và cô cũng rất vui vẻ hợp tác. Sau khoảng một tiếng hoặc lâu hơn, cô di chuyển tới ngồi cạnh ông ta để họ có thể dễ dàng động chạm. Cô xoa nhẹ nơi hơi lồi lên ở đũng quần ông ta, còn tay của ông ta thì đang chu du dưới lớp váy ngắn của cô. Rồi khi cô thử hôn ông, ông ta liền đề nghị chuyển địa điểm sang chỗ khác. Ông ta thanh toán hóa đơn và dẫn cô đến một khách sạn tình yêu có cách trang trí khiêu gợi. Căn phòng duy nhất còn trống có tên là “Căn phòng mì ăn liền” với chiếc giường cỡ lớn được đặt bên trong một mô hình bản sao khổng lồ của hộp mì ăn liền.

Mặc dù đã từng qua lại thân mật với cả tá bạn trai trước đây, nhưng Penny chưa từng làm tình. Cô cũng không nói với thầy Cho về việc này, ông ta cũng không hỏi, và cô đã có một trải nghiệm tuyệt vời. Sau khi ông ta rời đi – ông ta đề nghị họ nên đi riêng lẻ ra bến tàu – cô ở lại trong phòng, thoả mãn bản thân

trong bồn tắm dành cho hai người và bộ sưu tập đồ chơi tình dục được cất trên kệ phía trên màn hình ti vi.

Cuộc gặp gỡ như thế này diễn ra thêm sáu lần nữa, cho tới khi Penny tốt nghiệp và chuyển đến California để theo học tại trường Đại học Berkeley.

Mặc dù đã có kinh nghiệm với người lớn tuổi, Penny vẫn không có đủ dũng khí để quyến rũ Tiến sĩ Wallis vào ngày đầu tiên cô bước chân đến phòng anh vào mùa thu năm 2015. Cô chỉ mới tới Mỹ được một tháng và không còn tự tin vào làn da của mình như khi còn ở Hàn Quốc. Hơn nữa, Tiến sĩ Wallis không phải là một giáo viên trung học, anh là tiến sĩ của một trong những trường đại học được đánh giá cao nhất cả nước. Anh vừa có ngoại hình, vừa có phong thái mà thầy Cho không bao giờ đuổi kịp, cộng thêm khuôn mặt điển trai, dễ dàng cuốn hút bất cứ cô gái nào.

Tuy nhiên, Penny không vì thế mà nản lòng. Cô tiếp tục tới gặp thầy trong thời gian làm việc gần như mỗi tuần trong suốt ba năm sau đó, mỗi lần đều tự nhủ rằng hôm nay cô sẽ rủ thầy đi chơi, nhưng cô chẳng bao giờ làm được. Là một vị tiến sĩ có tiếng, anh thường xuyên có đồng nghiệp vây quanh, cả trong phòng làm việc, hoặc thậm chí vài sinh viên ngóng đợi trước cửa chỉ để nhìn thấy thầy... và cũng có vài lần cô bắt gặp anh ở một mình. Hừm, khoảnh khắc đó dường như không bao giờ đúng.

Rồi tháng trước, Tiến sĩ Wallis thông báo trong tiết học Giấc ngủ và Giấc mơ rằng anh đang tìm kiếm hai sinh viên hỗ trợ mình trong thời gian nghỉ hè với một thí nghiệm sẽ diễn ra

ngay tại khuôn viên trường. Penny ngay lập tức nộp đơn cho vị trí ấy và không kìm nổi phấn khích khi được lựa chọn. Cô có thể trích nguyên văn lời thầy đã nói qua điện thoại, khi thông báo: “Nếu em thích công việc này thì Penny, tôi rất vui mừng vì được hợp tác với em. ””

Ngày hôm sau, Tiến sĩ Wallis mời Penny và tên một sách Ấn Độ – Guru Rampal – đi ăn pizza và uống bia, để hiểu nhau hơn. Penny đã rất cố gắng giữ thái độ đúng mực với thầy, mặc cho ham muốn cháy bỏng đang sục sôi nhưng cô biết giờ vẫn chưa phải lúc hay địa điểm phù hợp để lại gần thầy hơn. Vậy mà chỉ sau vài ly bia, sự kiềm chế này đã bị cô vứt ra ngoài cửa sổ, và tất nhiên là cách tân tinh của cô không đi đúng hướng. Cô đã tiến quá xa, còn thầy Wallis thì không thể hiện chút hứng thú nào. Khi thức dậy vào sáng hôm sau, cô đã chắc rằng thầy sẽ gọi điện để thông báo loại cô ra khỏi cuộc thí nghiệm, nhưng thầy đã không làm thế.

Cuối cùng cũng có ngày này, cô thầm nghĩ, chỉ có hai người chúng ta, cùng đi bộ đến tòa nhà Tolman.

Dù sao thì Penny cũng sẽ không mắc cùng một lỗi hai lần. Không còn là cô gái xỉn quắc cần câu nữa. Cô mong muốn mối quan hệ của mình với Tiến sĩ Wallis phát triển một cách tự nhiên trong ba tuần tới cho đến khi cô đủ tự tin để có được thầy.

Và cô sẽ có được thầy.

Trường Đại học California Berkeley là một công trình kiến trúc gần 150 tuổi, khuôn viên vừa cổ kính vừa hiện đại, nằm đối xứng giữa các đại lộ và những lối đi quanh co.

Tòa Tolman có thể được coi là một chú vịt con xấu xí trong đại gia đình.

Nó được xây dựng vào giữa thế kỷ trước, ở thời kỳ đỉnh cao của kiến trúc thô mộc, bê tông lộ ra ngoài và thiết kế hình khối đã thu hút nhiều lời khen ngợi cũng như chỉ trích từ công chúng trong nhiều thập kỷ. Đây là nhà của khoa Tâm lý học từ năm 1963, trước khi chuyển đến khu phía tây của trường. Tòa Tolman từng bị hư hại do một cơn địa chấn và sau đó bị bỏ hoang.

Vậy nên đây là địa điểm thích hợp nhất trong trường để tiến hành thí nghiệm giấc ngủ.

“Đến nơi rồi,” Tiến sĩ Wallis nói, ngược lên nhìn tòa nhà hoang tàn.

“Thầy biết không, sau khi họ tuyên bố sẽ phá hủy tòa nhà, nó bỗng chốc trở nên nổi tiếng trên Instagram.”

“Nổi tiếng á?” Anh trêu chọc.

“Nổi tiếng. Xin lỗi, em không nói được tiếng Anh chuẩn như thầy.”

Wallis khẽ gật đầu. “Nó nổi tiếng cũng dễ hiểu thôi. Người ta chỉ có thể yêu hoặc ghét nơi này. Với cá nhân tôi, tôi có cả hai cảm xúc đó. Tòa nhà đã phục vụ khoa ta ngót nghét 50 năm. Nhưng bản chất công việc của chúng ta đã thay đổi đáng kể, và nó không còn là một tác phẩm nghệ thuật nữa, phải không?”

“Hơi ghê rợn, đặc biệt là bây giờ, khi tất cả cánh cửa và cửa sổ đều không còn. Nó như một con quái vật đang chực chờ ăn tươi nuốt sống chúng ta.”

“Em quả là có trí tưởng tượng phong phú đấy, Penny, Kìa, Guru đây rồi.”

Guru Rampal đang đứng dựa vào một cái cây gần đó, hai chân bắt chéo, lướt điện thoại bằng một tay. Anh chàng có mái tóc đen được tỉa mỏng theo phong cách Teddy Boys với phần mái hất ngược (có lẽ là để che đi mảng hói trên đầu); đôi mắt đen lờ đờ (bây giờ nằm phía sau bị che đi bởi cặp kính mát); làn da màu nâu nhạt. Anh khá gầy mặc dù có một cái bụng to, điều mà chiếc áo phông Pac-man quá chật không thể giấu nổi. Quần soóc kaki màu be được là phẳng phiu, đôi giày thể thao màu trắng không một vết bẩn.

Anh sinh ra ở một ngôi làng nhỏ ngoại ô Delhi, Ấn Độ, và cũng giống như Penny Park, anh chỉ mới tới Mỹ được vài năm. Guru cũng là một trong những sinh viên quốc tế may mắn nhận được học bổng toàn phần của trường. Nhưng khác Penny ở chỗ anh vẫn chưa hòa nhập được cuộc sống trời Tây này. Đúng là anh thiếu sự lanh lợi nơi đường phố, nhưng anh đã thay thế nó bằng sách vở, học hành. Trên thực tế, anh là một trong những sinh viên ưu tú nhất mà Tiến sĩ Wallis truyền dạy, và không có gì nghi ngờ về một tương lai tươi sáng đang đợi anh trước mắt, trong bất kỳ lĩnh vực tâm lý học nào mà anh theo đuổi, cho dù là học thuật, tâm lý học nghề nghiệp, chăm

sóc sức khỏe hay luật và chính sách trong ngành nghiên cứu tâm lý.

“Guru!” Penny gọi lớn. Cô luôn phát âm tên của anh thành Gulu, giống như tên một thành phố ở Uganda.

Guru ngược lên từ chiếc điện thoại trên tay. “Chào mọi người!”

Tiến sĩ Wallis và Penny bước về phía anh.

“Tớ thích kính của cậu đấy,” Penny khen.

“Cám ơn tình yêu.” Anh tháo nó xuống và cài vào cổ áo.

“Đã nói đừng gọi tớ là tình yêu nữa mà.”

“Thật hả?”

“Thật!”

Guru nhún vai. “Tớ mua nó với giá mười đô-la ở Target,” anh nói với phát âm kéo dài. “Tớ nghĩ là họ đã đưa cho mình loại kính mát xịn nhất. Hai người có thấy thế không?”

Tiến sĩ Wallis vỗ vai anh, đáp: “Rồi, kính mà còn mát hơn nữa thì chúng tôi phải gọi cậu là Người băng ấy nhỉ?”

“Người băng,” anh nhắc lại. “Nghe hay đấy; từ bây giờ mọi người có thể gọi em như vậy.”

Penny bỗng chỉ tay về phía xa. “Kia có phải mấy con chuột thí nghiệm của chúng ta không?”

Guru tiếp lời: “Hay theo cách nói của George Bernard Shaw thì là những chú chuột lang hình người.

“Đúng là họ đây.” Wallis nhìn xuống chiếc đồng hồ đeo tay của mình. “Và rất đúng giờ.”

Ba nhà khoa học quan sát những “chú chuột lang” người Úc với chiếc ba lô trên lưng đang tiến dần về phía tòa nhà Tolman, mỉm cười thân thiện rồi vẫy tay chào đón. Cả hai đều trông khá khỏe mạnh với làn da bánh mật và mái tóc vàng sậm. Người phụ nữ là Sharon Nash, mặc một chiếc áo ba lỗ màu trắng bên ngoài bikini cùng quần soóc jean rách; còn người đàn ông là Chad Carter, mặc một chiếc áo thun của hãng Billabong và quần đùi. Họ bước tới một cách từ tốn trên đôi dép xỏ ngón màu mè, như thể đang đi dạo trong công viên,

Ai nói khuôn mẫu là không đúng chứ? Wallis nghĩ thầm. Đặc biệt là trong trường hợp có hơn hai chục người Úc tới California để lướt sóng.

Hồi tháng Năm, Wallis đã đăng một quảng cáo trên tờ nhật báo San Francissco Chronicle để thuê hai đối tượng thử nghiệm tham gia vào nghiên cứu về giấc ngủ của mình. Số lượng hồi đáp khiến anh hoàn toàn bất ngờ. Anh gửi một bài kiểm tra sàng lọc được thiết kế riêng với các tiêu chí bao gồm và loại trừ tới từng ứng viên tiềm năng qua email. Sau cả đống lý do, sự lựa chọn cuối cùng của anh dừng lại ở hai vị người Úc này. Chỉ số khối cơ thể của họ nằm trong phạm vi lý tưởng, không hút thuốc, không đang dùng bất kỳ loại thuốc nào và không có tiền sử bệnh lý, không dị ứng với bất cứ thứ gì hay không bị kháng thuốc. Hơn nữa, những câu trả lời của họ cho thấy họ thuộc nhóm tính cách B. Những người thuộc nhóm tính cách này có xu hướng thoải mái hơn những người trong nhóm A, có sức chịu đựng tốt hơn và suy xét kĩ hơn, đồng thời biểu lộ mức độ lo âu thấp hơn, cùng trí tưởng tượng và sáng tạo tốt hơn. Thêm

một điều, hai người Úc này là bạn bè nhưng không có quan hệ tình cảm.

Nói tóm lại, với Wallis, hai người này thỏa mãn các tiêu chí anh đặt ra cho thí nghiệm của mình, và họ sẽ phải ở chung với nhau trong một căn phòng trong vòng ba tuần tới.

Tiến sĩ Wallis chào đón Chad và Sharon bằng cái bắt tay nồng nhiệt, rồi giới thiệu họ với Penny và Guru.

“Này anh bạn, tôi thích kính nắng của anh đấy,” Chad nói với Guru. “Anh tỏa sáng như một người bắt chước theo Elvis hay gì?”

Guru cười rạng rỡ. “Thấy chưa, tôi nói mà. Hắn là họ đã đưa cho tôi cái kính xịn xò nhất.”

Penny nhìn chằm chằm vào áo bikini của Sharon. “Hai người vừa từ bãi biển đến hả?”

“Ngâm mình chút xíu vào sáng nay,” Sharon đáp. “Chúng tôi được thông báo rằng quần áo sẽ được cấp nên chúng tôi không thay đồ.”

“Hoặc mang theo gì khác,” Chad thêm vào.

“Đúng thế, không mang theo gì khác,” Sharon đồng tình.

“Quần áo chắc chắn sẽ được cung cấp,” Wallis trả lời. “Cùng với nhiều thứ khác nữa. Hai người sẽ hoàn toàn thoải mái trong vòng ba tuần tới. Đi theo tôi.”

Bên quản lý tòa nhà của trường Berkeley đã di chuyển hết nội thất và vật dụng bên trong tòa nhà, từ hệ thống đèn, thảm sàn nhà cho đến các loại tủ. Những gì còn lại chỉ là một khối bê

tông rỗng ruột với tình trạng đáng bị lên án. Lý ra nó cũng đã bị phá bỏ nếu như Wallis không thương lượng với người quản lý tài sản xin trì hoãn cho đến tháng sau, sau khi cuộc thí nghiệm kết thúc.

Wallis dẫn Penny, Guru và hai người Úc đi về phía cánh tây của tòa nhà, sau đó đi xuống một đoạn cầu thang để đến tầng hầm. Tòa nhà vẫn có điện, anh bật công tắc tổng. Từng bóng đèn huỳnh quang cũ trên trần nhà chiếu rọi không gian u tối.

“Nơi này ghê quá, lại còn không một bóng người,” Penny thốt lên.

“Cứ như mấy trại thương điên trong phim kinh dị ấy nỉ?” Guru thêm vào.

“Đủ rồi đó hai em,” Wallis không vui vì họ đang khiến hai người Úc kia hoảng sợ.

“Đừng lo lắng,” Chad xoa dịu. “Shaz và tôi không dễ bị dọa vậy đâu. Miễn là không có mấy thứ không sạch sẽ sống ở đây là được.”

“Không sạch sẽ?” Penny thắc mắc.

“Kiểu vô gia cư ấy. Bạn biết mà, mấy kẻ lang thang, ăn mày, lục rác, lũ bất cần, kẻ...”

“Được rồi, tôi hiểu rồi, cảm ơn anh.”

Wallis dẫn họ đi xuyên mê cung dưới tầng hầm. Có tin đồn thiết kế này được lấy cảm hứng từ thí nghiệm mê cung chuột do nhà tâm lý học hành vi Edward Chance Tolman cùng tên với tòa nhà thực hiện.

Wallis dừng lại cạnh một căn phòng vẫn còn nguyên cánh cửa và bên cạnh là một chữ X lớn màu đỏ được sơn trên tường.

“X đánh dấu vị trí!” Penny ríu rít thốt lên.

“Thầy đã làm thế,” Wallis giải thích, “để đội thi công không động vào đồ đạc trong phòng.” Nói đoạn anh mở cửa, bước vào khoảng tối bên trong và bật đèn, để lộ một gian phòng nhỏ. Cách đó chừng vài mét, một bức tường giả kéo dài từ bên này sang bên kia của căn phòng. Nó có một ô cửa sổ quan sát hình chữ nhật dài và một cánh cửa khác dẫn vào không gian bên trong, nơi mà hai người Úc sẽ sống trong vòng 21 ngày tới. Phía trước cửa sổ có một cái bàn, bên trên đặt một bảng điều khiển cảm ứng có kích cỡ bằng một cái iPad và một chiếc máy tính xách tay màu bạc.

Wallis ngồi xuống chiếc ghế duy nhất trong phòng. “Sẵn sàng để nghe bí mật được bật mí chưa?” Anh hỏi.

“Không đợi được thêm nữa rồi,” Chad nói.

“Em có nhìn thấy gì đâu,” Guru phàn nàn, áp tay lên cửa sổ quan sát.

“Vì đèn có bật đâu, hả thiên tài,” Penny mỉa mai.

“Tớ là thiên tài thật đấy, chỉ số thông minh của tớ là...”

“Đi mà nói với người quan tâm ấy.”

“Trẻ con như vậy là đủ rồi đấy,” Wallis nói. Anh quay sang hai người Úc, lý giải: “Căn phòng này trước đây từng là một trong những phòng hội nghị lớn nhất của tòa nhà. Tôi đã xây bức tường này cho thí nghiệm để ngăn cách phòng quan sát này với... hãy gọi nó là... phòng thí nghiệm giấc ngủ đi.”

“Nhưng chúng tôi sẽ không được ngủ, Chad nói. “Vì vậy, nó chẳng còn nghĩa lý gì nữa.”

“Đúng, nhưng với bản chất của cuộc thí nghiệm – nó được gọi là thí nghiệm về giấc ngủ – tôi nghĩ...

“Điều đó cũng không hợp lý lắm. Nó nên được gọi là thí nghiệm về mất ngủ thì đúng hơn?” Penny cười khúc khích.

Wallis lịch sự mỉm cười. “Điều đó không hoàn toàn giống nhau, phải không?” Anh nhận xét.

“Không,” Sharon đáp, cựt lủn. “Tôi đồng ý với Chad trong vấn đề này. Phòng thí nghiệm giấc ngủ Không, nó không có nghĩa là đâu anh bạn ạ.”

“Hai người gọi nó là gì cũng được,” Wallis trả lời ngắn gọn. “Nhưng tại sao chúng ta không xem qua nhỉ?” Anh bật nguồn bảng điều khiển, sau đó nhấn một cái nút ở bên hông để nó hiển thị trang điều khiển ánh sáng. Anh nhấn nhanh năm nút liên tục để bật nguồn đèn LED âm trần trong phòng thí nghiệm giấc ngủ.

“Ôi Chúa ơi, tuyệt quá!” Penny thốt lên.

“Đẹp tuyệt vời,” Chad khen.

“Siêu đẹp,” Sharon lặp lại.

“Nó còn lớn hơn cả nhà em ở Ấn Độ nữa,” Guru tán thưởng. “Và em có đến tận bốn anh em trai.”

Tiến sĩ Wallis thỏa mãn với phản ứng của họ. Anh đã dành nhiều tháng để xin trợ cấp từ tiểu bang và liên bang, nhưng sau những lần tái thẩm định liên tiếp – với lý do về tính đạo đức của cuộc thí nghiệm – anh đã quyết định tự lo mọi thứ. “Tất nhiên, căn phòng này được trang bị đầy đủ,” anh nói Hai người sẽ có thư viện của riêng mình với đa dạng tác giả từ Bronte và Atwood tới Poe và King. Rạp chiếu phim tại nhà ở ngay bên

cạnh. Có hơn 80 kênh thì phải, và có cả Netflix nữa. Một đầu máy DVD và một bộ sưu tập kha khá các loại phim hay. Một phòng tập thể hình nhỏ.”

“Và một sân bóng rổ!” Penny vui thích nói. “Không còn gì tuyệt hơn.”

Wallis gật đầu đồng ý. Nó không hẳn là một cái sân bởi không có phần đánh dấu ngăn cách hai bên, nhưng cũng đủ rộng để làm một cú ném xa vào rổ, hay một trận một đấu một. “Phòng bếp ở đây,” anh tiếp tục, chỉ tay về một phía. “Tủ lạnh có đủ đồ, các ngăn chứa đồ khô cũng vậy. Hai người đều nói rằng mình không bị dị ứng bất cứ đồ ăn gì. Nhưng nếu muốn thêm thứ gì khác thì cứ nói cho tôi nhé, tôi sẽ mang tới.”

“Tại sao lại có giường?” Chad hỏi. “Chúng tôi có được ngủ đâu.”

“Các bạn sẽ không ngủ.” Anh chỉ vào hộp chứa lớn ở phía xa. Nó có kích thước và hình dáng của một hệ thống sưởi tại gia bằng khí đốt tự nhiên. “Cái đó chứa chất kích thích dạng khí, và có đường dẫn tới phòng thí nghiệm giấc ngủ. Nếu hít phải nó trong vài phút, anh sẽ không thể ngủ dù muốn đến cỡ nào. Còn hai chiếc giường ở đó dành cho... không gian riêng tư, có thể nói là thế. Hai người sẽ có rất nhiều thời gian, Ngay cả khi không thể ngủ, các bạn có thể vẫn muốn một nơi để nằm xuống nghỉ ngơi.”

Sharon vẫn nhìn chằm chằm vào hộp chứa. “Khí này... an toàn chứ?”

“Tất nhiên,” Wallis đáp. “Nó đã được kiểm định cẩn thận rồi.”

“Trong đó là gì? Ý tôi là, nó làm từ gì?”

“Tôi e rằng công thức là một bí mật kinh doanh.”

“Nếu thầy ấy nói với cô,” Penny dọa, “thì thầy ấy sẽ phải giết người diệt khẩu.”

“Nếu chúng tôi muốn rời khỏi căn phòng này thì sao?” Chad hỏi. “Cửa sẽ không khóa, phải không?”

“Khóa ư? Không đâu. Tuy nhiên, việc rời khỏi phòng thí nghiệm không được khuyến khích. Đây là một thử nghiệm có tính kiểm soát. Tất cả các yếu tố phải được giữ cố định, chỉ trừ một thứ: biến độc lập. Trong trường hợp này, đó là cả hai bạn. Nếu một trong hai người tính rời đi, bạn sẽ được hít thở không khí bình thường, do đó có thêm một biến độc lập thứ hai có thể ảnh hưởng đến kết quả cuối cùng của thí nghiệm.”

“Nói một cách chính xác thì, thưa tiến sĩ,” Guru “với bất kỳ thử nghiệm nào trên người đều có những biến không thể kiểm soát được như tuổi tác, giới tính và khuynh hướng di truyền. Vì vậy, đây không phải một cuộc..”

“Những biến không thể kiểm soát đó sẽ được loại bỏ trong những thí nghiệm tiếp theo, Guru, Wallis cắt ngang.

“Nhưng điểm mấu chốt,” Chad hỏi, “là chúng tôi sẽ mắc kẹt ở căn phòng này trong vòng 21 ngày?”

“Không sai. Điều này đã được nhắc tới trong bản thỏa thuận mà các bạn đã ký,” Wallis nói với giọng mỉm cười nhẫn. “Nếu các bạn sợ thì phải nói cho tôi ngay bây giờ khi tôi còn có những ứng viên khác.”

“À không” Chad đáp. “Không sợ.” Anh ta liếc mắt nhìn Sharon.

“Em không muốn rút lui,” cô nói. “Chúng ta sẽ đủ tiền đi du lịch trong vòng sáu tháng tới với khoản được trả.”

“Anh nghe cô ấy nói rồi đấy,” Chad nói. “Chúng tôi sẽ không bỏ cuộc. Nhưng...” Anh ta nhún vai. “Giả dụ như một trong hai chúng tôi bị bệnh, anh sẽ để chúng tôi rời đi chứ?”

“Tất nhiên,” Wallis đáp. “Hai bạn không phải tù nhân. Hai bạn có thể tự do kết thúc thử nghiệm tại bất kỳ thời điểm nào mình muốn.”

“Nhưng chúng tôi sẽ không nhận được tiền thưởng phải không?”

“Hai người được nhận tiền thưởng?” Penny ngạc nhiên hỏi.

“Để hoàn thành 21 ngày,” Wallis giải thích.

“Tớ không được hứa sẽ có tiền thưởng. Guru, cậu thì sao?”

“Không, tớ cũng thế,” anh ta đáp. “Ít nhất là chưa nghe nói tới.”

Wallis thở dài. “Hai em có phải người phải trải qua 21 ngày không ngủ đâu.”

Penny nhướng mày nhìn Chad. “Anh được nhận thêm bao nhiêu tiền thưởng? Và được trả bao nhiêu?”

“Penny!” Wallis lớn tiếng. Nhìn thấy biểu cảm giật mình của cô, anh thu lại một chút sự thất vọng của mình. “Penny,” anh dịu giọng, cố giải thích kỹ hơn. “Thí nghiệm này không phải vì tiền. Đó là khoa học. Tôi chọn em vì tôi nghĩ em hiểu điều này. Nhưng nếu em cảm thấy tôi đang đối xử bất công thì tôi cho rằng chúng ta có thể bàn về...”

“Không, thưa tiến sĩ,” cô đáp, có vẻ ngượng ngùng. “Thầy nói đúng. Thí nghiệm này không phải là vì tiền. Em xin lỗi. Em

thực sự không quan tâm... Em chỉ..."

Wallis đứng dậy và siết chặt cẳng tay cô để trấn an, điều này làm cô bừng tỉnh. Anh quay sang nói với hai người Úc: "Hai người sẽ tìm thấy phòng tắm với vòi sen nhỏ ở phía sau phòng thí nghiệm. Đó là phần duy nhất của căn phòng mà chúng tôi không thể quan sát các bạn bằng mắt thường. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn có thể giám sát từ xa. Anh đưa cho họ hai chiếc đồng hồ thông minh từ trong túi của mình. "Nó sẽ theo dõi nhịp tim, mức độ căng thẳng và vận động của các bạn. Sắc không dây được đặt bên cạnh ti vi. Khi pin yếu, hãy sạc chúng ngay nhé."

"Chúng tôi giao tiếp với anh bằng cách nào?" Sharon hỏi. "Ý tôi là, nếu chúng tôi có thắc mắc về cái gì đó?"

"Hệ thống liên lạc nội bộ," Wallis trả lời. "Có sáu cái mic được lắp trên trần nhà, cũng như một hệ thống loa. Các bạn không phải làm gì cả; chúng tôi có thể nghe mọi thứ bạn nói thông qua máy tính bảng này. Nếu có câu hỏi gì, hãy cứ hỏi tự nhiên. Còn một vấn đề cuối cùng. Có ai trong hai bạn mang theo điện thoại bên mình không."

"Anh đã nói với chúng tôi rằng không được mang" Chad đáp.

"Vậy nên anh đã không mang theo?"

Anh ta lắc đầu. "Đã để nó lại cho bạn tôi."

Sharon chột dạ, sờ tay vào túi quần. "Tôi không chắc là anh có nghiêm túc hay không?"

Wallis chìa tay ra. "Thật không may, không được có bất kỳ liên hệ nào với thế giới bên ngoài. Tôi không thể để bạn phát

trực tiếp thử nghiệm lên Facebook..."

"Tôi sẽ không!"

"Tôi xin lỗi, Sharon, nhưng tôi đã nói rõ ràng..."

"Tôi hiểu rồi. Được thôi." Cô đưa chiếc điện thoại cho anh.

"Đừng làm mất nó."

"Tôi sẽ giữ nó ở nơi an toàn nhất trong văn phòng và trả lại cho bạn khi thí nghiệm kết thúc. Böyle giờ thì còn câu hỏi nào nữa không?"

Hai người Úc nhìn nhau. Họ trao nhau nụ cười tràn đầy hy vọng, như thể để ngụy trang cho một nỗi lo sợ ẩn sâu bên trong.

"Vậy nhé," Wallis nói. "Bắt đầu nào."

Tiến sĩ Roy Wallis đã tự lên lịch làm việc cho mình tất cả các ca từ 2 giờ chiều đến 10 giờ tối. Anh chào tạm biệt Guru và Penny rồi mở máy tính xách tay lên, sau đó châm một điếu thuốc. Mặc kệ lệnh cấm hút thuốc trong trường, tòa nhà Tolman có còn là gì ngoài tầng kí ức phủ bụi và đóng đón qua thời gian đầu. Thêm vài lần khói thuốc có chết gì?

Các đối tượng thí nghiệm người Úc dành giờ đồng hồ đầu tiên trong phòng thí nghiệm về giấc ngủ để khám phá mọi ngóc ngách trong căn phòng. khiến Wallis liên tưởng đến một đôi chuột hamster đang khịt mũi trong chiếc lồng mới của mình. Khi đã hết tò mò, cả hai cùng ngồi xuống ghế sofa và bật ti vi. Sharon cầm điều khiển nhưng lại chiều theo ý của Chad, chuyển kênh tới chương trình cải tạo nhà cửa. Trong thời gian quảng cáo, cô đứng dậy và bắt đầu mò mẫm cái máy tập

thể dục. Sau đó, cô đến gần cửa sổ quan sát, dừng cách đó nửa bước chân. Trên tấm gương là hình ảnh phản chiếu của cô chứ không phải là của Tiến sĩ Wallis, người đang quan sát phía sau tấm kính.

Cô vén một lọn tóc mái vàng óng ra sau tai. Hành động này có chút ngần ngại, gần như là ngượng ngùng, mặc dù cho đến thời điểm này tính cách của cô đã không còn nhút nhát nữa. Đôi mắt với hàng lông mi dày chuyển ánh nhìn từ đầu này sang đầu kia của tấm kính, như đang tìm kiếm một điểm nào đó có thể nhìn xuyên qua. Chúng có màu xanh lam nhạt pha một chút xanh lá, Wallis đánh giá như màu của biển nhiệt đới vậy. Đôi môi cô hơi cong lên, như thể muốn nói điều gì đó. Thay vào đó, cô vẫy tay.

Wallis nhấn vào nút Trò Chuyện trên bảng điều khiển cảm ứng và nói: “Kính hai chiều đấy.”

Sharon nhìn lên trần nhà, nơi phát ra âm thanh là mấy chiếc loa âm trần.

Chad cũng nhìn theo, rồi rất nhanh quay sự chú ý trở lại ti vi.

“Giờ thì tôi thực sự cảm thấy mình giống như một đối tượng thử nghiệm rồi,” Sharon cảm thán. Giọng nói của cô truyền qua loa của máy tính bảng, nhỏ nhưng rõ ràng. Cô gõ vào tấm kính hai chiều. Âm thanh sắc hơn hẳn so với khi gõ vào một tấm kính bình thường, bởi không có khung hay giá đỡ phía sau. Wallis nghi ngờ cô biết điều này. Cô ấy chỉ thử cho biết thôi, chứ không gì hơn. “21 ngày,” cô nói thêm. “Không ngủ. Chà.”

“Không ngủ,” Wallis nhấn mạnh.

“Vậy tôi và Chad sẽ làm gì?”

“Đọc sách chăng?” Anh gợi ý.

“Chắc phải vậy rồi.”

“Có cả bộ tác phẩm của H.P. Lovecraft trên giá đấy. Tôi đã mang nó tới từ nhà mình.”

“Ông ấy viết tiểu thuyết kinh dị phải không?”

“Kinh dị, viễn tưởng và khoa học giả tưởng. Trọn bộ là 1600 trang, nên nó cũng tốn kha khá thời gian đấy.”

Sharon lắc đầu. “Tôi không thích mấy thứ kinh dị. Hồi nhỏ, tôi từng gặp ác mộng rất nhiều... và đến giờ vẫn vậy.”

“Điều đó không có gì lạ,” Wallis giải đáp. “Cứ hai người trưởng thành thì sẽ có một người thỉnh thoảng gặp ác mộng.”

Cô cười cho qua. “Đúng rồi, tôi quên mất anh là tiến sĩ về giấc ngủ đấy. Tôi nên gọi anh là gì nhỉ? Tiến sĩ? Hay Bác sĩ?

“Cứ gọi tôi là Roy.”

Cô tỏ vẻ suy tư. “Không, điều đó nghe có vẻ không đúng. Tôi sẽ gọi anh là tiến sĩ.”

“Vậy cũng được.”

“Tốt. Vậy... tiến sĩ, tại sao chúng ta lại mơ thấy ác mộng.”

“Ác mộng thường tự phát,” Wallis giải thích, châm thêm một điều thuốc. “Mặc dù vậy, có nhiều nguyên nhân. Ví dụ, ăn đêm có thể dẫn đến ác mộng. Thức ăn làm tăng quá trình trao đổi chất trong cơ thể, truyền tín hiệu lên não bộ để nó làm việc. Ngoài ra còn có thể do các loại thuốc khác, đặc biệt là thuốc chống trầm cảm và ma tuý, những loại kích thích phản ứng hóa học trong não.” Anh gạt phần tàn thuốc vào chiếc cốc giấy rỗng bên cạnh. “Cũng có những yếu tố kích thích tâm lý khác góp

phần, chẳng hạn như chứng lo âu hoặc trầm cảm, cũng như một số chứng rối loạn giấc ngủ nhất định.”

“Chứng rối loạn giấc ngủ là gì?” Cô hỏi.

“Mất ngủ và hội chứng ngưng thở khi ngủ là những trường hợp hay gặp. Hội chứng chân không yên lại là một hội chứng khác...”

Sharon cắt ngang bằng một tràng cười sảng khoái. “Anh nói làm tôi liên tưởng đến cảnh mấy con chó chạy loanh quanh để kiếm cột điện đấy.”

Wallis mỉm cười. “Về cơ bản, nó là cảm giác thôi thúc mạnh mẽ muốn di chuyển, dẫn đến việc gấp khó khăn, hay thậm chí là không thể chìm vào giấc ngủ sâu yên ổn.”

“Tôi cũng cảm thấy khá cuồng chân bây giờ.”

“Bạn đang ở trong một môi trường mới, không quen thuộc. Cố gắng thư giãn nhé, rất nhanh thôi, nơi này sẽ có cảm giác như ở nhà. Con người có khả năng thích ứng đáng kể đấy.”

“Bởi chúng ta có bộ não lớn hả?”

“Là bộ não xã hội,” anh sửa. “Não chúng ta được lập trình để sáng tạo, chia sẻ và truyền kiến thức. Điều này cho phép chúng ta thích ứng với hoàn cảnh mới một cách dễ dàng, tạo ra sự khác biệt giữa con người ngày nay và tổ tiên xa xưa, giữa người tiền sử và động vật linh trưởng. Nhưng chúng ta lạc đề rồi, phải không?” Tiến sĩ Wallis dí điếu thuốc xuống sàn nhà và tự nhủ phải mang theo gạt tàn vào lần tới. Anh vứt đầu lọc vào cốc giấy đã có sẵn ba đầu lọc khác. “Ác mộng, Sharon,” anh kết luận, “là một phần hoàn toàn bình thường của giấc mơ, nó giúp ta giải phóng những cảm xúc dồn nén. Tôi sẽ không quá lo lắng

nếu thỉnh thoảng gặp ác mộng. Trên thực tế, chúng rất quan trọng đối với sức khỏe tinh thần. Còn Chad, anh thế nào rồi?"

Chad giơ ngón cái lên ra hiệu mà không rời mắt khỏi ti vi. "Tôi ổn, anh bạn."

"Cám ơn vì cuộc nói chuyện, tiến sĩ," Sharon lên tiếng, tiếp tục vén lọn tóc ra sau tai khi nó lại rơi lòe xòa về phía trước. "Tôi không còn cảm thấy chán nữa. Tôi nghĩ mình có thể sẽ tiếp tục trò chuyện rất nhiều với ông trong ba tuần nữa... nếu được?"

"Không thành vấn đề."

"Tôi chỉ ước có thể nhìn thấy ông. Nói chuyện với hình ảnh phản chiếu của mình trong gương hơi kì quái."

Trước khi Wallis có thể nghĩ ra câu trả lời phù hợp, Sharon đã di chuyển tới giá sách, nơi có bắt đầu chọn lựa trong số hàng trăm quyển sách mà anh đã mượn từ thư viện trường.

Wallis quan sát cô thêm chốc lát, rồi đứng dậy, vươn vai và đi vào nhà vệ sinh ở hành lang, nơi gần thang máy đã ngừng hoạt động. Tất cả đồ đạc bên trong đều được giữ lại theo yêu cầu của anh, một bồn cầu và một bồn rửa tay. Sau khi đi vệ sinh, anh tự nhẩm trong đầu phải bổ sung giấy vệ sinh, xà phòng và khăn lau tay khi quay lại vào ca làm tiếp theo, rồi trở lại phòng quan sát.

Sharon đã quay trở lại xem ti vi với Chad.

Sáu giờ đồng hồ tiếp theo trôi qua nhanh chóng. Wallis ghi chú được ba trang giấy, anh đang xem lại những gì mình thu thập được thì có tiếng gõ cửa.

Guru Rampal bước vào phòng ngay sau đó, mặc áo phông và quần soóc kaki như lần trước, nhưng không thấy kính đen đâu. “Chào buổi tối, tiến sĩ,” cậu lén tiếng, tháo ba lô ra khỏi vó và đặt nó xuống nền đất cạnh bàn.

Wallis có thể ngửi thấy mùi đồ ăn McDonald’s, “Mang theo đồ ăn khuya hả, Guru?” Anh hỏi.

“Em không biết là mình có đói hay không?” Mắt cậu hướng tới ô cửa sổ quan sát phòng thí nghiệm. “Có chuyện gì hay ho diễn ra không ạ?”

Wallis lắc đầu. “Cơ thể họ vẫn đồng bộ, với nhịp sinh học tự nhiên. Chúng ta không nên mong đợi sẽ nhìn thấy bất kỳ sự sai lệch nào so với các kiểu hành vi thông thường cho đến khi họ không ngủ ít nhất một ngày.” Nói đoạn anh đứng lên. “Ngồi xuống đi. Em làm tôi thấy bất an khi cứ đứng kè kè bên cạnh như thế.”

“Cám ơn, tiến sĩ.” Cậu ta ngồi vào ghế. “Có điều gì đặc biệt mà em phải ghi nhớ trước khi thầy đi không ạ?”

“Không, chưa có gì cả, Wallis đáp. “Chỉ cần theo dõi hai đối tượng thí nghiệm cẩn thận và ghi chép hành vi của họ là được. Em có thể xem những ghi chú của tôi trong máy tính nếu muốn biết rõ phải ghi những gì. Ngoài ra... Anh nhún vai. “Đừng ngủ gật nhé.”

“Thầy đừng lo. Em là cú đêm mà. Vậy nếu họ muốn nói chuyện với em thì sao ạ?”

“Cứ trả lời họ.”

“Như vậy cũng được sao?”

“Sao lại không?”

“Em không biết. Em đoán vậy thôi... Em chưa bao giờ tham gia một thí nghiệm nào mà đối tượng nghiên cứu là con người cả.”

Wallis chỉ tay về phía bảng điều khiển cảm ứng. “Ở đó có nút Trò Chuyện, hãy nhấn nó nếu muốn họ nghe thấy em, và nhấn nút Nghe nếu muốn nghe họ nói. Chỉ vậy thôi.”

Guru gật đầu, gõ nhịp các ngón tay lên bàn.

Wallis cau mày. “Em đang nghĩ gì thế, Guru?”

“Thầy nghĩ em có nên cạo đầu không ạ?”

Wallis chớp mắt, chưa bắt kịp với câu hỏi. Ánh mắt anh đổ về phần tóc hất ngược của anh chàng. “Tóc như bây giờ là đẹp rồi,” anh đáp.

“Nhìn đẳng trước thì có vẻ đẹp,” Guru gật đầu đồng tình. “Em bắt chước kiểu tóc của một ngôi sao nhạc pop rất nổi tiếng ở đất nước em – Ấn Độ đấy. Nhưng vấn đề là ở đây.” Cậu cúi người về phía trước và chỉ vào phần đỉnh đầu bị hói của mình. “Thầy nhìn thấy không?”

“Rất nhiều đàn ông bị rụng tóc.”

Cậu ngồi thẳng lại. “Nhưng em mới hai mươi hai tuổi thôi! Nếu em có vợ rồi thì không sao, nhưng khi em đang bị hói thì sẽ rất khó để lấy vợ đấy, thầy biết không?”

Wallis mỉm cười. “Em sẽ có cách của mình mà.”

“Cám ơn thầy. Nhưng thầy vẫn chưa trả lời câu hỏi của em. Em có nên cạo đầu không ạ? Có rất nhiều lời khuyên trên mạng bảo em làm thế.”

“Tôi nói rồi đó, tóc như bây giờ là đẹp rồi. Đây là phong cách của em. Nhưng nếu em vẫn tự ti về phần tóc thừa trên đỉnh đầu

mình thì – tất nhiên, cứ cao đi, sao lại không? Tóc kiểu gì cũng mọc lại mà.”

Guru thở dài. “Vấn đề là, em không chắc mặt mình có hợp với đầu trọc không. Em không được đẹp trai như thầy. Em cũng không có một hình thể lý tưởng.”

“Hay là để râu cho cân đối?”

“Đó lại là vấn đề khác! Em không thể! Em thử rồi. Em chỉ để được vài cọng râu lún phún ở đây và ở đây thôi.” Anh ta đưa tay lên sờ vào nhân trung và cằm của mình. “Chỉ có vài sợi ở đây, đó là tất cả. Nếu không có tóc và râu, chắc trông em như người ngoài hành tinh màu nâu mất.”

“Các cô gái sẽ thích người ngoài hành tinh da nâu lắm đấy.”

Guru ỉu xiù, vai chùng xuống. “Thầy chẳng giúp em được gì cả. Thầy có một mái tóc thời thượng và một bộ râu cũng sang chảnh. Thầy không hiểu em đang trải qua những gì đâu.”

Giờ đến lượt Wallis thở dài. “Thầy xin lỗi, thầy không nên đánh giá thấp việc này. Muốn nghe lời khuyên chân thành nhất của thầy không? Hãy đến gặp một thợ cắt tóc tốt, không phải mấy dịch vụ giá rẻ, người có tay nghề giỏi ấy. Thầy có thể giới thiệu em đến gặp thợ cắt tóc của thầy, nếu em muốn? Tên anh ta là Andre. Anh ta sẽ chỉ cho em nên sử dụng những sản phẩm nào để tạo độ phồng cho tóc và kiểu tóc nào sẽ khắc phục khuyết điểm mà em tự ti.”

Guru tươi tỉnh hẳn lên. “Thật à?”

“Tiệm của cậu ấy nằm gần Quảng trường Thống Nhất. Em sẽ dễ dàng tìm thấy nó thôi.”

“Cám ơn thầy! Em sẽ đến gặp anh ấy ngay sáng ngày mai!”

“Em cần phải đặt lịch hẹn...”

“À, phải rồi. Vâng, sáng mai em sẽ gọi điện cho anh ấy.”

“Cứ vậy đi. Buổi tối tốt lành, Guru. Và hãy nhớ là, bất kể vấn đề gì, hay câu hỏi gì – phải là những câu hỏi có liên quan nhé – cứ gọi điện cho thầy.”

Guru Rampal ngồi trên chiếc ghế xoay bọc da màu đen, nhìn quanh căn phòng thí nghiệm nhỏ, mặc dù chẳng có gì nhiều để chú ý. Có một máy tính bảng điều khiển và một máy tính xách tay được đặt trên chiếc bàn trước mặt. Gần đó là một xe đẩy kim loại chất đầy một máy tính để bàn và thiết bị điện não đồ. Và cả thùng chứa hơn 500 lít đang cung cấp khí kích thích vào phòng thí nghiệm giấc ngủ.

Guru tò mò đứng dậy và tiến về phía hộp chứa. Anh đặt một tay lên bề mặt thép không gỉ, cảm nhận sự lạnh lẽo dưới tay mình. Anh ngắm nghía các van và đồng hồ đo áp suất nhưng không dám chạm vào. Amphetamine^[*] và các chất kích thích thần kinh khác phải được nén dưới dạng viên hoặc tiêm trực tiếp vào tĩnh mạch (hoặc, để sáng tạo hơn, có thể dùng để hít dưới dạng bột hoặc dạng khói). Anh chưa bao giờ nghe nói về bất kỳ thứ gì ở dạng khí được bơm vào để hít thở như ô-xy thế này. Tuy nhiên, nếu điều này có thể được thực hiện với một số loại khí gây mê như ô-xít ni-tơ và xê-non, anh cho rằng đó chỉ là vấn đề về thời gian trước khi ai đó tìm ra cách để biến nó thành một loại chất kích thích.

Và ai đó ở đây có thể là Tiến sĩ Roy Wallis, anh thầm nghĩ. Người thầy của mình.

Guru vô cùng phán khích khi Tiến sĩ Wallis chọn anh để hỗ trợ cho thí nghiệm mang tính đột phá này. Anh ngưỡng mộ thầy vô cùng. Trong những năm qua, anh luôn chọn các khóa học của thầy, chỉ cần chúng phù hợp với thời gian biểu của mình và anh sẽ tiếp tục làm thế khi anh lấy bằng thạc sĩ vào mùa xuân tới và thậm chí là cả bằng tiến sĩ của mình.

Luôn kiên định và quyết tâm là sở trường của Guru. Đây là kết quả của cả gen di truyền lẫn chăm chỉ rèn luyện. Theo lời kể của mẹ, anh có thể đi lại và nói chuyện vào sinh nhật đầu tiên của mình. Hai năm rưỡi sau đó, anh có thể đếm đến hơn một trăm. Khi lên năm tuổi, anh đã giải được khối Rubik mà anh tìm thấy trong thư viện ở trường vào lần thử đầu tiên. Vào năm học lớp Sáu, anh giành chiến thắng cuộc thi đánh vần của trường, một thành tựu mà anh đạt được vào mỗi năm cho đến khi tốt nghiệp.

Mặc dù việc học đối với anh quá dễ dàng, nhưng anh không tự mãn. Anh luôn cố gắng phát triển bản thân từng chút một để vượt xa các bạn cùng trang lứa, bởi anh biết đó là cách duy nhất để thoát khỏi khu ổ chuột nơi anh sinh ra và có một cuộc sống tốt đẹp hơn cho bản thân, cho mẹ và các anh em trai của mình,

Khi được nhận vào học tại Đại học Berkeley (phải cảm ơn là thư giới thiệu của thầy hiệu trưởng trường trung học ở quê nhà Dharamshala), mẹ muốn anh theo đuổi sự nghiệp công nghệ thông tin. “Người Ấn Độ lập trình máy tính có tiếng, Guru à,” bà khuyên nhủ. “Đó là một công việc rất tốt, lương lại cao. Mẹ

không hiểu sao con cứ muốn trở thành một nhà tâm lý học. Người Ấn Độ có làm khoa học tâm lý tốt đâu."

Tất nhiên, Guru không đồng tình với ý kiến cho rằng người Ấn Độ không thể trở thành một nhà tâm lý học giỏi, và về lý do tại sao anh muốn theo học ngành này thì câu trả lời đơn giản thôi: đó là công việc anh muốn làm. Cha của anh mắc chứng Alzheimer, còn người anh thứ hai mắc chứng tự kỷ, nên Guru đã phải dành phần lớn những năm tháng thơ bé của mình để đưa họ ra vào bệnh viện và chăm sóc họ. Anh bắt đầu tự tìm tòi học hỏi về căn bệnh của hai người họ, luôn quấy rầy các bác sĩ và y tá bằng những câu hỏi về sức khỏe tâm lý, hoặc lưu giữ những bài báo, thông tin mà anh có thể tìm thấy về nó. Qua năm tháng, anh thu được am hiểu sâu sắc về cả hai căn bệnh, và khi cha anh qua đời vì biến chứng của bệnh, anh đã quyết định sẽ dành nửa đời còn lại của mình cho lĩnh vực nghiên cứu tâm lý này.

Guru háo hức bắt đầu cuộc hành trình này càng sớm càng tốt, nhưng anh vẫn còn một quãng đường dài phía trước. Còn hai năm nữa anh mới hoàn thành bằng thạc sĩ và bốn năm tiếp theo để trở thành một nhà tâm lý học hợp pháp, được sự công nhận của Hội đồng Tâm lý học Quốc gia. Trên hết, anh cũng cần dành thêm một hoặc hai năm nghiên cứu tại trường đại học để tích lũy kinh nghiệm. Vậy là cũng mất bảy hoặc tám năm nữa anh mới có thể trở thành một nhà tâm lý học thực thụ.

Ban đầu, ước mơ của Guru là được làm việc ở California. Tuy nhiên, bây giờ anh muốn trở về Ấn Độ, nơi anh có thể giúp nâng

cao hệ thống chăm sóc sức khỏe của đất nước, vì anh đã tận mắt chứng kiến nó từ nhỏ tới lớn – dịch vụ chăm sóc sức khỏe của quê hương anh đang ở trong tình trạng tồi tệ. Bệnh viện và các tổ chức cộng đồng đều thiếu nhân lực và vốn đầu tư. Các chính sách chỉ tập trung vào chữa trị, chứ không có các biện pháp phòng ngừa. Ở rất nhiều ngôi làng và trấn thị nhỏ, việc điều trị và tư vấn hầu như là không có. Đúng, anh chỉ là một cá thể trong số 1,3 tỷ người, nhưng thay đổi nào cũng đều bắt đầu từ con số 0.

“Anh có ở đó không, tiến sĩ?”

Một giọng nói bất ngờ vang lên, Guru vội tiến lại bảng điều khiển. “À, xin chào. Tôi là Guru.”

“Elvis!” Chad trêu chọc. Anh ta đứng đối diện cửa sổ quan sát, nhăn răng cười.

“Đúng, là tôi.” Anh vẫn chưa thành thạo sử dụng hệ thống máy liên lạc.

“Anh có đang đeo kính nắng không? Tôi không thể nhìn thấy anh qua tấm kính này.”

“Kính mát của tôi ấy hả?”

“Chứ còn gì nữa, anh bạn.”

“Không, tôi không đeo kính mát vào buổi tối.”

“Tôi đeo kính mát vào buổi tối,” Chad bỗng nhiên hát. “Vậy nên tôi có thể, bạn cũng thế...”

Guru nhận ra bài hát và biết Chad đang bối rối mình. Anh không đáp lại.

Chad dừng ngân nga và tiếp tục: “Này anh bạn, anh tới từ đâu? Ấn Độ phải không?”

“Đúng thế. Thành phố Dharamshala của bang Himachal Pradesh. Anh sẽ thích thú khi biết Đức Đạt Lai Lạt Ma sống ở đó đây.”

“Thật vậy ư? Anh từng gặp ông ấy chưa?”

“Khi tôi còn bé thì có, Lớp tôi đã đến thăm đền thờ Tsuglakhang khi Đức Đạt Lai Lạt Ma còn tại thế, nên chúng tôi đã được nghe thầy ấy thuyết giảng.”

“Ông ấy có làm phép thuật gì không?”

“Phép thuật?” Guru cau mày, “Không, Đức Đạt Lai Lạt Ma chỉ là một thầy tu. Ông ấy không có sức mạnh siêu nhiên.”

“Nghe nói ông ấy đã chữa lành bệnh cho mọi người đúng không?”

“Không, ông ấy thậm chí còn không thể tự chữa bệnh cho mình khi đau ốm, và đã từng làm phẫu thuật cắt bỏ túi mật.”

“À, ra vậy, tôi hiểu rồi, anh bạn. Mà tôi có một câu hỏi.”

“Về Đức Đạt Lai Lạt Ma?”

“Không, không. Đồ ăn cơ. Anh có công thức nấu ăn gì hay ho không?”

“Tôi ấy hả, không đâu.” Guru lắc đầu, mặc dù thực tế là anh chàng người Úc không thể nhìn thấy anh. “Tôi không phải là một người biết nấu ăn.”

“Thôi nào, anh bạn. Ít nhất anh cũng phải biết chút chút chứ? Chúng tôi có nguyên liệu nhưng cả Shaz và tôi vụng nấu lắm.”

“Em biết làm bữa sáng đấy nhé!” Sharon nói, nhìn lên từ cuốn sách cô đang đọc trên giường.

“Bộ chiên thịt xông khói và trứng khó lầm hả?” Chad mỉa mai.

“Em làm được nhiều hơn thế,” cô phản đối.

“Được rồi, Elvis,” Chad quay lại với Guru, “hãy cho tôi một công thức đi. Cái gì khó khó ấy để tiêu bớt thời gian trong cái hộp này.”

“Món ăn duy nhất tôi làm ở nhà là cà ri. Nếu anh thích thì tôi sẽ gửi anh vài công thức. Tôi đã học được chúng từ mẹ tôi đấy.”

“Cà ri sao, quá ổn! Như vindaloo hoặc gà nấu bơ hay đại loại kiểu thế đúng không?”

“Cái đó tùy vào việc anh muốn cay hay ngọt.”

“Cay đi, anh bạn! Càng cay càng tốt.”

“Anh có ớt không?”

“Chúng tôi có nguyên cái chợ ở đây. Nhưng để tôi kiểm tra đã nhé.” Chad đi về phía tủ lạnh. “Có, cả một bịch luôn.”

“Vậy anh kiểm tra tủ đựng đồ khô để tìm các loại gia vị này...”

Tiến sĩ Roy Wallis sống trong Tòa nhà Tháp Đồng hồ cổ kính ở khu phố South of Market của San Francisco. Kiến trúc bằng gạch và gỗ từ năm 1907 bao phủ toàn bộ hai dãy nhà của đường Second và Bryant. Đây từng là trụ sở của Công ty Schmidt Lithograph – nhà máy in ấn lớn nhất Bờ Tây. Đến năm 1992, nó đã trải qua một cuộc cải tổ khi mà các nhà đầu tư có tầm nhìn xa biến những không gian rộng lớn thành hàng trăm những

căn phòng nhỏ thời thượng với trần cao, cột trụ và cửa sổ nhiều ô nhô.

Wallis đỡ chiếc Audi TT vào vị trí dành riêng cho anh ở phía sau tòa nhà, bỏ qua thang máy để đốt cháy chút năng lượng và leo bộ sáu cầu thang để lên căn hộ xa hoa của mình ở tầng cao nhất.

Nhà vẫn là nơi tuyệt nhất, anh nghĩ bụng khi bước vào không gian rộng gần 300 mét vuông. Những bức tường gạch và trần như trong thánh đường Thiên Chúa giáo với những thanh xà ngang bằng thép lộ ra là tàn tích của quá khứ công nghiệp. Wallis đã cho sang sửa vài thứ – bao gồm cửa sổ kính từ sàn đến trần, giếng trời, sàn đá phiến bóng và gam màu chủ đạo đen xám – để nâng giá trị thẩm mỹ của căn nhà hợp với thời đại hơn.

Wallis sẽ chẳng thể mua nổi móng của căn nhà này với khoản tiền lương đi dạy của mình. Tuy nhiên, cha mẹ anh rất giàu có, và khi họ qua đời trong một tai nạn du thuyền hai mươi năm trước, anh đã được thừa kế tài sản trị giá gần hai mươi triệu đô-la. Lúc đó, anh đang sống trong một căn hộ studio nhỏ ở Soma – một thị trấn ma với đầy rẫy những ngôi nhà bỏ hoang và các ống khói lởm chởm, có một vài nhà hàng nhưng không có lấy nổi một siêu thị. Khi anh nghe tin căn hộ áp mái ở Tòa nhà Tháp Đồng hồ gần đó được mở bán, anh đã tò mò đi xem thử và ngay lập tức phải lòng. Không chỉ có không gian rộng rãi và thoáng mát, nó còn tiện đường tới Tháp Đồng hồ. Wallis trả số tiền mà người bán yêu cầu rồi chuyển vào ngay tháng sau.

Anh gọi nó là nhà kể từ đó, và anh không còn muốn ở bất kỳ nơi nào khác.

Wallis treo áo khoác của mình lên móc treo tường, bỏ chìa khóa xe vào đĩa pha lê trên chiếc bàn cạnh cửa, sau đó đi đến quầy bar trong bếp, tự rót cho mình một ly rượu rum đậm màu có đá, thêm một lát chanh để trang trí. Anh mang ly rượu ra ngoài ban công rộng gần hai mươi mét vuông, hít sâu bầu không khí hoàng hôn. Đường chân trời ở phía xa của trung tâm thành phố lập lanh ảnh đèn, khi cây cầu của vịnh San Francisco hiển hiện mờ do trong làn sương đêm, trông như một chiếc vòng cổ trang sức quý giá.

Wallis đang định châm một điếu thuốc thì điện thoại đổ chuông, anh lấy nó ra từ túi quần của mình, liếc nhìn màn hình trước khi nghe máy: “Em đang ở dưới theo dõi anh hả?” Anh vui vẻ. “Gọi đúng lúc anh vừa về đến nhà.”

“Anh đang đứng ở ban công với ly rượu và ngắm trời đêm chứ gì,” giọng một người phụ nữ truyền đến.

“Sao em biết?”

“Thì em đang nhìn anh mà.”

Wallis nhìn quanh mấy khung cửa sổ bên ngoài. “Anh dễ đoán đến thế cơ à?” Anh hỏi.

“Dễ đoán như chiếc đồng hồ của ông nội em vậy.”

“Em đang nói đến tuổi của anh đúng không?”

Brandy Clarkson bật cười. “Trông anh vẫn trẻ so với tuổi 41 lăm Roy, đừng bị ám ảnh đến thế chứ.”

“Anh không hề.”

“Vậy mà anh nói về nó suốt vào sinh nhật của mình đấy.”

Tháng trước là sinh nhật của anh. Brandy từng ở San Francisco nên cô dẫn anh tới một nhà hàng dimsum ở Khu phố Tàu, nơi mà phải thừa nhận là anh đã làm quá lén vụ tuổi tác của mình.

“Em đang ở trong thành phố hả?” Anh hỏi.

“Vâng, em đến dự một hội nghị vào sáng mai.”

Anh liếc nhìn đồng hồ đeo tay: 10 giờ 30 phút. “Anh có thể tới gặp em ở Yoshi trong vòng hai mươi phút nữa không?”

“Em không có tâm trạng thưởng thức nhạc Jazz. Hay là chúng ta tới nơi nào yên tĩnh một chút?”

Được chứ. “Em có muốn tới nhà anh không? Mà em đang ở đâu?”

“Đường Fairmont. Em sẽ bắt Uber đến đó trong mười lăm phút nữa.”

Wallis cúp điện thoại, uống cạn ly rượu rồi đi tắm. Anh và Brandy từng hẹn hò bảy năm trước, khi anh 34 tuổi còn cô mới 21 – và cô là học trò của anh. Sau khoảng ba năm hẹn hò, mối quan hệ của họ trở nên nghiêm túc hơn. Thật ra là quá nghiêm túc đối với anh, và anh đã phá vỡ nó, dù Brandy không mong muốn. Cô chuyển về phía nam tới Menlo và làm công việc phân tích thông tin của người tiêu dùng cho Facebook. Anh đã không gặp lại cô trong hai năm, cho đến khi họ tình cờ đụng phải nhau trong sảnh chờ ở tầng 39 của khách sạn Marriot, nơi cả hai từng hẹn hò. Hai người uống với nhau vài ly, hồi tưởng và cuối cùng đã lên giường với nhau. Kể từ đó, họ thường gặp nhau bất cứ khi nào cô ở gần, thường là mỗi tháng một lần hoặc

lâu hơn. Brandy bây giờ đã 28 tuổi, có tất cả mọi thứ – độc lập, tự tin, tinh tế – và Wallis thực sự thích mỗi lần cô ghé thăm.

Tuy nhiên, anh đã 41 tuổi rồi. Anh không thể duy trì lối sống độc thân của mình mãi, và anh thấy mình ngày càng suy nghĩ nhiều hơn về việc tìm kiếm một người bạn gái thực sự, người mà anh muốn ở bên mỗi đêm và xây dựng một tương lai chung.

Anh cạo râu, mặc một bộ đồ màu đen, đang rót thêm một ly thứ hai thì Brandy gõ cửa. Anh nhấn nút mở cửa và nói vọng ra. “Em vào đi!”

“Chào buổi tối, anh yêu!” Brandy bước vào trong và mỉm cười rạng rỡ. Một tay cầm sâm panh, tay còn lại xách một chiếc túi màu đen, cô đóng cửa bằng gót chân.

“Trông em tuyệt lắm,” Wallis nói.

“Cám ơn anh,” cô đáp, băng qua phòng khách, âm thanh giày cao gót nện trên nền đá phiến, mấy lọn tóc vàng trên vai lay động theo từng nhịp bước chân, đôi mắt xanh biếc sáng ngời. Màu son đỏ rực đồng bộ với màu chiếc váy cô đang mặc, nó ôm sát vào ngực và hông, tôn lên đôi chân dài màu mật ong của cô.

Cô đặt một nụ hôn lên môi anh.

“Mmmm,” cô nhỏ giọng. “Anh thơm quá. Em thích mùi kem cạo râu này.”

“Mùi hương của em cũng rất tuyệt,” anh đáp. “Có phải mùi nước hoa anh chọn không?”

“Đúng rồi đấy. Nhớ em không?”

“Anh lúc nào cũng nhớ em.”

Cô bĩu môi. “Anh không hề. Nếu có thì anh đã không đá em. Đây.” Cô đưa chai sâm panh cho anh.

“Nhân dịp gì đây?” Anh hỏi, nhận lấy chai rượu và đọc nhãnh.

“Gì chứ?” Cô nghịch ngợm vỗ nhẹ vào ngực anh. “Ngày đầu tiên của một cuộc đại thí nghiệm ngầm mà anh còn chẳng thèm nói với em!”

“Anh đã nhắc đến nó vào sinh nhật hả...”

“Đúng rồi đấy, quý ngài-một-ly-là-xin ạ. Và em đã lắng nghe anh nói, Roy. Tin hay không thì tùy, nhưng em không phải chỉ làm trò hề cho một mối quan hệ chỉ có tình dục.”

Wallis dẫn Brandy vào bếp. Anh rót hai ly sâm panh, sau đó bày một chùm nho đỏ, bánh quy lúa mạch đen và pho-mát dê vào một chiếc khay pha lê.

“Vì một thí nghiệm thành công” anh nói, khẽ nâng ly của mình.

Brandy xoay nhẹ ly rượu. “Nó không tệ phải không?”

“Vừa đạt chuẩn,” anh nói sau khi nhấp một ngụm rượu. Sâm panh có vị ngọt nhẹ nhàng, thơm mùi hương hoa trái và rất tươi mát.

“Giờ hãy nói về nó đi,” cô lên tiếng. “Anh tính giấu hạt đậu dưới đệm để tìm công chúa hoàn hảo của mình hả?”

“Anh đang nghiên cứu về ảnh hưởng của việc thiếu ngủ,” anh nói một cách đơn giản.

Cô nhìn anh chằm chằm. “Hết? Đó là tất cả những gì anh muốn nói với em hả?”

“Thật ra thì cũng không có gì nhiều.”

“Thôi nào, Roy! Anh cứ kín bưng như trong sinh nhật của mình ấy! Bí mật lớn ở đây là gì?”

“Không có bí mật lớn nào cả,” anh đáp. “Anh đang quan sát hành vi của hai đối tượng tham gia thí nghiệm khi họ không ngủ.” Anh nhún vai. “Và có thêm tác động của một loại khí..”

“Đây mới là đoạn em muốn nghe! Khí gì cơ?”

“Một loại gần giống như amphetamine, một hợp chất có cấu trúc dựa trên cấu trúc của nó.”

“Em không biết là con người có thể hít khí amphetamine đây?”

“Phương pháp này được ưa chuộng hơn là uống theo dạng viên, vì các đối tượng không bao giờ bỏ lỡ một liều nào, và khi được đưa trực tiếp đến phổi, để hạn chế việc hấp thụ toàn thân và từ đó làm giảm tác dụng phụ. Trên thực tế, cho đến nay anh không thấy bất kỳ một tác động tiêu cực nào lên hệ thống thần kinh trung ương trong mọi buổi thử nghiệm của anh.”

“Không một tác dụng phụ? Lúc nào chẳng có tác dụng phụ chứ?”

Anh lắc đầu. “Ngay cả khi được sử dụng ở liều lượng cao, khí này cũng không gây tổn thương đến các nơ-ron thần kinh trong tế bào não. Tất nhiên là anh mới chỉ thử nghiệm trên động vật. Nhưng hãy thử tưởng tượng xem, Brandy à, nếu thử nghiệm trên con người thành công.”

“Thì anh sẽ có vô số quân toàn những kẻ nghiên cứu ngập trên khắp cả nước!”

Anh một lần nữa lắc đầu. “Không giống như methamphetamine^[*], khí này không hoạt động trên chất dẫn truyền thần kinh serotonin hay dopamine. Nó không gây ra sự cuồng loạn hay cảm giác phấn khích. Không gây nghiện hay phong bế. Không lo âu, trầm cảm, ảo giác hay điên loạn. Em chỉ là... không ngủ.”

“Vậy... ta đang nói đến trong bao lâu?”

“Vài ngày.” Anh nhún vai. “Vài tuần.”

Brandy tỏ vẻ ngờ vực. “Đừng nói quá thế chứ, Roy.”

“Chừng nào em còn hít phải khí ga, em sẽ không thể ngủ. Chỉ đơn giản là vậy.”

“Nhưng chúng ta cần phải ngủ. Anh, em, tất cả mọi người! Anh không thể không ngủ.”

Wallis mỉm cười. “Giả thuyết đó, Brandy, là điều anh muốn xác minh trong 21 ngày sắp tới.”

Roy Wallis trả lời thêm vài câu hỏi từ Brandy trước khi chuyển hướng chủ đề vào phòng ngủ. Những cuộc làm tình của họ luôn ồn ào, sáng tạo và có chút bạo dạn.

Bây giờ Wallis đang cuốn lấy cô ở trên giường, cởi bỏ chiếc váy đỏ của cô và phủ lên bụng cô những nụ hôn. Cô nắm chặt tóc anh và đẩy hông mình về phía anh. Anh đưa tay xuống phần lưng và giải thoát cô khỏi chiếc áo ngực..

Có tiếng gõ cửa.

Wallis ngồi thẳng dậy, tự hỏi ai đến đây vào lúc này.

“Anh gọi người tới hả?” Brandy hỏi, mỉm cười tinh nghịch.

Anh lắc đầu. “Ở đây đợi anh chút nhé.”

Wallis vừa đi về phía cánh cửa, vừa cài lại nút áo.

Tên quái quỷ nào lại đến vào giờ này không biết?

Anh dừng lại trước cửa. Không có lỗ nhòm để có thể trông ra ngoài. Anh đã dự tính lắp đặt một camera an ninh nhưng vẫn chưa bắt tay vào làm.

“Xin chào? Ai đó?” Anh nói.

“Roy! Brook đây.”

Chết tiệt! Anh nghĩ. Sao cô ấy lại ở đây?

Họ đã hẹn với nhau từ tuần trước, nhưng anh quên khuấy mất.

Biết rằng không thể để cô đứng đó, anh mở cửa và chào đón cô bằng một nụ cười thân thiện. Cô cũng mỉm cười đáp lại.

“Chào anh!” Cô nói.

“Chào buổi tối!” Anh đáp.

Về hình thể, Brook Foxley hoàn toàn trái ngược với Brandy Clarkson. Mái tóc đen của cô được cắt ngắn và thẳng. Đôi mắt đen chứa đựng một sự dè dặt đến khó hiểu. Làn da nhạt màu như thể chưa từng được tiếp xúc với ánh nắng. Cô không sở hữu những đường cong như Brandy, nhưng dáng người mảnh khảnh bằng cách nào đó lại trở nên nữ tính nhẹ nhàng, và nhìn cô thật hấp dẫn trong chiếc áo lụa mỏng, quần jean bó và đôi giày cao gót màu nude, nhạt màu hơn so với chiếc túi cầm tay đính cườm cô đang mang.

Tính cách của Brook và Brandy cũng hoàn toàn khác biệt. Brook thận trọng, khiêm nhường và tinh nghịch một cách thân thiện. Cô không phải người sẽ hút mắt bạn ngay từ lần gặp đầu

tiên, nhưng bằng cách nào đó cô sẽ trở nên quyến rũ hơn mỗi lần bạn gặp lại.

Brandy thì trái lại, khơi gợi và tán tỉnh. Cô phô trương sự quyến rũ của mình, biến nó trở thành vũ khí và thế mạnh. Khi hai người còn ở bên nhau, anh đã nghĩ mình đang hẹn hò với chiếc điện thoại của cô mới đúng. Cô khẳng định tất cả những tin nhắn và email đều là về công việc, nhưng anh chưa bao giờ biết chắc, Và khi không dùng điện thoại, cô sẽ chỉ tám chuyện với anh về một người nổi tiếng nào đó, hay thung lũng Silicon, vân vân và vân vân, những người mà cô gặp tại một buổi dạ tiệc hay bữa tiệc trên du thuyền. Cuộc sống của cô hào nhoáng, muôn màu, đầy phấn khích... và trống rỗng. Cô từng là một kẻ ngoại đạo, không ngừng tìm kiếm con đường vào một thế giới mà cô không thuộc về và có thể sẽ không được chấp nhận, không ngừng đưa bản thân đến đúng vị trí, ở đúng thời điểm để tìm kiếm một cơ hội đổi đời, không ngừng tìm cách nhanh nhất leo lên các bậc thang của xã hội; đạo đức, hạnh phúc và sự đồng cảm cho người khác đã bị vứt bỏ.

Trên thực tế, cô hợp với Wallis một cách hoàn hảo.

“Em đã cố gọi cho anh,” Brook nói, nụ cười hơi gượng gạo, “nhưng điện thoại của anh tắt máy.”

“À, điện thoại anh yếu pin cả ngày nay, nên có khi sập nguồn rồi,” anh nói, vẫn đứng thẳng ở ngưỡng cửa khi tâm trí anh điên cuồng tìm cách thoát ra khỏi cái bẫy mà chính anh tự giăng cho mình.

Cảm nhận được có thứ gì đó không ổn, đôi mắt Brook liếc nhanh về phía sau anh. “Em hy vọng mình không làm phiền...”

“Không, không chút nào...” Anh đáp. “Thật ra...”

Sự yên tĩnh ngượng ngùng nói lên tất cả.

“Em hiểu rồi. Em xin lỗi,” Brook nói. “Em không nên đến... Tại tuần trước chúng ta đã hẹn với nhau vào tối nay. Rằng anh muốn chúc mừng thí nghiệm mới của mình...”

“Anh biết, và đúng là anh đã muốn chúc mừng... với em,” anh nói, lúng túng lựa chọn từ ngữ thích hợp. “Chỉ là anh đã quá bận rộn, và buổi hẹn trôi ra khỏi đầu..”

“Có chuyện gì ở đó vậy?”

Dạ dày của Wallis thắt lại khi nghe thấy tiếng Brandy. Anh quay ra và thấy cô đang đi về phía mình, trên người không mặc gì ngoài bộ đồ lót ren trắng.

“Ô!” Brook thốt lên, ánh mắt cô dừng lại ở Wallis trước khi chuyển xuống sàn nhà. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi đó, anh có thể thấy trái tim tan vỡ – một cảm giác thắt lại nơi lồng ngực. “Chúc anh buổi tối vui vẻ,” cô lầm bầm, rồi lui về phía cầu thang.

“Brook!” Anh gọi với theo cô.

Cô vẫn tiếp tục bước đi, không dừng lại. Anh muốn gọi tên cô thêm lần nữa nhưng anh không làm vậy. Còn nghĩa lý gì nữa? Cô sẽ không trở lại, và kể cả nếu có, họ sẽ nói gì về việc Brandy đang đứng trong phòng khách với bộ đồ lót?

Brandy.

Chết tiệt thật.

Wallis quay trở lại phía trong, đóng cửa, rồi tập trung sự chú ý vào người bạn tình không thường xuyên của mình, người bây giờ đang đứng cạnh quầy bar trong bếp, nhấm nháp sâm panh.

“Em làm thế để làm gì?” Anh gắt gỏng.

“Cô ấy đâu cần phải rời đi,” Brandy đáp. “Em chưa chơi ba người bao giờ, ô, khá lâu rồi đấy.” Cô hờ hững, tông giọng vẫn ở mức trung bình, nhưng Wallis có thể nhìn ra cô đang khó chịu, và anh thấy mình cũng không có quyền đổ lỗi ở đây.

Anh thở dài. “Sao em không ở trong phòng ngủ. Anh đã có thể tiễn cô ấy về một cách tự nhiên.”

“Em chỉ muốn nhìn người mà anh đang qua lại gần đây thôi mà.”

“Chúa ơi,” anh nói, lắc đầu. Anh đi đến quầy bar, rót đầy một ly rượu rum, hùng hực uống cạn mặc cho sự bỗng gắt nơi cổ họng.

Brandy hỏi: “Cô ấy cũng là sinh viên như em lúc trước hả?”

“Không.”

“Cô ấy nhìn rất trẻ.”

“33 tuổi.”

“Trời phú cho bộ gen tốt đấy. Khỉ thật, Roy, anh chẳng bao giờ thay đổi, phải không?”

“Thay đổi?” Anh nhìn cô một cách ngạc nhiên. “Thay đổi như thế nào? Anh không thể gặp gỡ ai khác à? Chúng ta chỉ là bạn tình thôi. Em biết mà.”

“Em biết, nhưng em đã nghĩ...” Đôi mắt xanh của cô tối sầm lại. “Em đã nghĩ anh sẽ thay đổi. Em đã nghĩ có thể... Em không biết nữa! Nhưng chúng ta đã dành rất nhiều thời gian bên nhau... Em đã nghĩ... Mẹ kiếp, thôi quên đi!”

Cô giật dữ xông vào phòng ngủ.

Wallis rót thêm vài ly rượu rum.

Một phút sau, Brandy quay lại, quần áo chỉnh tề. Cô cầm túi xách ở quầy bar và đi thẳng ra cửa.

“Em đi đâu vậy?” Anh hỏi cô.

“Về khách sạn.”

“Em không cần phải...”

“Tạm biệt, Roy.” Cô mở cửa, xoay người lại nhìn anh. “Anh biết điều đáng buồn ở đây là gì không? Em đã muốn đối xử tốt với anh. Em đã muốn khiến anh hạnh phúc.

“Brandy...”

Cô rời đi, đóng sầm cánh cửa sau lưng mình.

NGÀY THỨ HAI

Thứ Ba, ngày 29 tháng 5 năm 2018

Tiến sĩ Roy Wallis bước vào phòng quan sát trong tầng hầm của tòa nhà Tolman với một chiếc vali và hai ly cà phê đựng trong khay các-tông mang đi. Anh đặt khay lên bàn và nói: “Cappuccino và latte hương vani. Cho hai em chọn.”

“Em thật ra không thích cà phê lắc, thầy ạ,” Penny Park trả lời. “Em thích trà.”

“Vậy là tiếp thêm cà-phê-in cho thầy rồi.” Anh ngồi sụp xuống chiếc ghế thứ hai, thở dài đầy mệt mỏi. “Thầy có thể uống cả hai.”

“Thầy trông mệt mỏi quá.” Cô nheo mắt nhìn anh nghi ngờ. “Thầy đã đi quấy cả đêm hả?”

“Thầy đã quá già cho mấy câu lạc bộ đêm đó rồi, Penny. Thầy chỉ uống vài ly ở nhà thôi.”

“Một mình ạ?”

“Ừ, một mình,” anh đáp, điều này cũng không hẳn là sai. Sau khi Brandy rời đi, anh đã thức đến khuya hút thuốc và uống rượu, thậm chí còn mở nhạc rất to. Anh dụi mắt và quan sát hai người Úc trong phòng thí nghiệm ngủ. Chad đang nằm ngửa trên ghế tập tạ, có thể anh ta đang nghỉ giữa hiệp, còn Sharon thì đang nằm nghiêng trên giường đọc sách. “Họ thế nào rồi?”

“Tất cả đều tốt,” Penny đáp lại với một nỗ lực hết sức giả âm giọng của người Úc.

“Chúa ơi,” anh thốt lên.

“Không hay ạ?”

“Có cố gắng đấy.”

“Shaz đã dạy em rất nhiều cách phát âm của người Úc.”

“Shaz?”

“Đấy là tên thân mật của cô ấy.”

“Thầy biết điều đó...”

“Cô ấy muốn em gọi như vậy. Đó là cách họ gọi tắt tên người khác trong tiếng Úc. Em, em sẽ không là Penz, bởi nó nghe như bút viết vậy.”

“Nghe như một đơn vị tiền tệ ấy.

Penny bật cười. “Thay vào đó, Shaz gợi ý là Parksy. Em không biết tên của thầy là gì. Không thể là Royz được. Nghe như tên một loài hoa ấy, hơi nữ tính quá với một người nam tính như thầy.”

“Nam tính như thầy?”

“Thầy rất nam tính mà. Hừm... Có thể thầy sẽ được gọi là Wallsy? Thầy tự hỏi cô ấy đi.”

“Chắc chắn rồi, thầy sẽ ưu tiên việc này,” anh đáp. “Hai người còn nói chuyện gì nữa?”

“Thầy có biết bản đồ của vùng Tassie là gì không?”

“Thầy biết, Penny.”

“Có thật không ạ? Thầy chứng minh đi.”

“Đó là một từ lóng để chỉ phần lông vùng kín của phụ nữ.”

“Bởi vì hình dạng của Tasmania là...”

“Có thực sự phải dành thời gian để bàn luận về nó không?”

“Thì thầy hỏi tụi em đã nói chuyện gì mà.”

“Thầy sẽ đọc ghi chép của em sau. Sao em không chuẩn bị về nghỉ ngơi đi? Em đã thức từ sáng sớm tới giờ rồi đấy.”

“Em thực sự rất tinh táo. Thầy có biết điều gì thú vị ở đây không? Chad đã dùng phòng tắm vào 6 rưỡi sáng.

“Sao điều đó lại thú vị?”

“Bởi vì đó là thời gian mà cậu ấy thường thức dậy hằng ngày. Và khi ta thức dậy, ta luôn phải đi vệ sinh. Vì vậy, thú vị bởi cậu ấy vẫn đi vệ sinh vào đúng thời điểm đó, mặc dù không hề ngủ. Có nghĩa là gan cậu ấy đã được lập trình sẵn.”

“Đó chỉ đơn thuần là dao động nội sinh đang hoạt động theo chu kỳ hai mươi tư tiếng của nó thôi.”

“Gì ạ? Tiếng Anh không phải tiếng mẹ đẻ của em, thầy biết mà.”

“Đồng hồ sinh học của cậu ấy, Penny ạ. Dao động nội sinh có nghĩa là những nhịp sống hằng ngày tự duy trì. Còn rèn luyện nghĩa là chúng đã được thay đổi để thích nghi với các nhân tố môi trường xung quanh như ánh sáng và nhiệt độ.”

“Vậy đồng hồ sinh học của cậu ta sẽ điều chỉnh để thích nghi với môi trường mới?”

“Đúng thế.”

“Vậy cậu ta sẽ đi vệ sinh vào bất kỳ thời điểm nào?”

“Guru sẽ đi khi cần, không phải khi đồng hồ sinh học báo.”

“Em có thể hỏi thêm thầy điều này được không ạ?”

“Em không nghĩ đến việc cạo đầu phải không?”

“Dạ?”

“Cứ hỏi đi.”

“Sáng nay, em có đọc máy thông tin về những thí nghiệm giấc ngủ. Em có quá nhiều thời gian ấy mà. Nên em đã xem qua về thí nghiệm giấc ngủ của Liên Xô vào thế kỷ trước...”

Wallis cười. “Thầy đã thắc mắc khi nào em hay Guru sẽ hỏi thầy về điều đó.”

Cô đang để cập đến một truyền thuyết bí ẩn đã khuấy đảo mạng xã hội vài năm về trước. Theo phiên bản nổi tiếng nhất, vào cuối những năm 1940, năm tù nhân chính trị của Liên bang Xô viết đã được hứa sẽ được trao trả tự do nếu tham gia vào một cuộc thí nghiệm của chính phủ, mà trong đó họ phải thức trắng trong một môi trường khép kín hoàn toàn trong vòng mười lăm ngày – bằng việc hít thở một loại khí gây kích thích.

“Bởi vì, thầy biết đấy,” Penny nói, “nó giống như những gì mà chúng ta đang làm...”

“Thầy hy vọng khí ga của chúng ta không độc hại như của họ,” anh đáp.

“Thầy đang nói đùa à?”

“Thí nghiệm về giấc ngủ của người Nga là một truyền thuyết, Penny. Hoàn toàn giả tưởng. Cái mà chúng ta đang thực hiện rất cẩn trọng, đã qua nghiên cứu khoa học và tính toán kỹ lưỡng.”

“Nhưng thầy có nghĩ tới thứ gì đó... rất đáng sợ... có thể xảy ra trong đời thật không?”

“Rằng thức trắng trong một khoảng thời gian dài có thể làm người ta điên loạn, tự hủy, giết người và ăn thịt người? Em nghĩ sao, Penny?”

“Không ạ,” cô rụt rè đáp. “Chỉ là truyền thuyết đó quá đáng sợ. Có lẽ bởi vì em ở đây một mình...”

“Cần lời khuyên của thầy không? Hãy mang đến một quyển sách thật hay để tiêu tốn thời gian hơn là đọc mấy thứ nhảm nhí trên mạng.”

“Vâng, đúng ạ, đó là ý hay,” cô ngáp dài. “Có lẽ em mệt mỏi hơn mình tưởng” Cô thu dọn túi xách và đứng lên. “Thầy làm việc nhiều quá, tiến sĩ ạ. Thầy thường làm gì vào lúc rảnh?”

“Thầy có một vài sở thích. Thầy luôn cố gắng đến phòng tập mỗi khi có thời gian.”

“Berkeley bây giờ quá trống trải, phải không ạ? Thật không quen khi trường học vắng vẻ như vậy. Bạn bè em về thăm gia đình hết rồi.”

“Thầy thích sự vắng vẻ. Rất yên bình.”

Penny gật đầu đồng ý nhưng không có động thái rời đi. “Em nghĩ là, có lẽ chúng ta nên ra ngoài ăn tối trong tuần này?”

Wallis cố gắng không để lộ sự ngạc nhiên. Mặc dù biết Penny thích mình, nhưng anh không nghĩ cô có đủ dũng khí để mời anh hẹn hò! Đúng là anh đã cặp kè với Brandy khi cô còn là sinh viên của mình, nhưng lúc đó anh trẻ hơn bây giờ rất nhiều. Anh bây giờ gần gấp đôi tuổi Penny – một nhận thức khiến anh chán nản đến mức gần như chấp nhận lời mời của cô, gần như lại không.

“Nghe tuyệt đó, Penny,” anh đáp. “Trừ việc thầy sẽ không kết thúc ca làm việc của mình cho tới tận mười giờ tối, đến lúc đó thầy cũng đã kiệt sức rồi. Nhưng... vẫn cảm ơn lời mời của em.”

“À, không có gì ạ,” cô đáp, không tỏ thái độ như thực sự tin lý do đó. “Hẹn gặp thầy vào ngày mai!”

“Ừ, cùng thời gian và địa điểm như bây giờ nhé.”

Cô rời đi, nhẹ nhàng khép cửa lại cho đến khi âm thanh chốt cửa cài vào nhau vang lên.

Sự rời đi của cô ít kịch tính hơn nhiều so với Brandy tối hôm trước, nhưng trong căn phòng tĩnh lặng dưới tầng hầm này, hành động của cô khiến không khí nặng nề hơn.

Chad Carter không biết mình đã luẩn quẩn trong phòng thí nghiệm này bao lâu, nhưng anh có thể đoán mình trải qua khoảng một ngày hay lâu hơn một chút – và anh cảm giác như đã rất lâu rồi. 19 hay 20 ngày còn lại sẽ chẳng đáng như cả một cuộc đời đẫm máu.

Ban đầu, khi anh và Shaz còn đang cân nhắc có nên tham gia thí nghiệm kỳ quái này không thì anh nghĩ ba tuần cũng không dài lắm. Nhưng tất nhiên, chẳng ai cho anh biết việc thức thao láo nhiều giờ đồng hồ liền như thế này sẽ có cảm giác thế nào.

Tất nhiên, trước đây anh từng thức nguyên đêm. Nhưng việc thức trắng để nhậu nhẹt, tiệc tùng hay vui chơi khác xa với việc tĩnh như sáo mà chẳng có việc gì để làm ngoài xem ti vi hoặc tập thể dục, hay nhìn chằm chằm vào bức tường chết tiệt trước mặt.

Chúa ơi, chẳng thể tưởng tượng nổi rằng vào thời điểm này năm ngoái, anh còn đang vi vu tiệc tùng khắp châu Âu... Vậy mà giờ anh như một con chuột mắc kẹt trong hộp. Anh rời Melbourne vào tháng Ba cùng một người bạn thân từ trường đại học của mình – Shane Eales. Họ đáp xuống London, nơi chị gái của Shane – Laura, làm việc cho một công ty quảng cáo. Laura có rất nhiều bạn bè và những mối quan hệ thân thiết, vào

đêm đầu tiên họ tới thành phố, cô đã dẫn họ đi khắp các quán bar sang chảnh, tất cả đều có màu nhung đỏ, nơi các khay thuỷ tinh trong nhà vệ sinh không được dùng để đựng cốc. Mỗi lần Chad vào nhà vệ sinh đều nghe thấy những âm thanh rên rỉ đằng sau cánh cửa phòng đã khóa. Anh không phải không muốn xếp hàng tới lượt mình, nhưng túi tiền anh có hạn, còn chẳng đủ cho một lần “thổi”.

Khuya hôm đó, Kelly Osbourne, con gái của Hoàng tử Bóng đêm, đã tới quán bar đó và có vô số anh chàng đứng xếp hàng để được nói chuyện với cô nàng. Chad không hiểu nổi. Cô ta chẳng nóng bỏng, cũng chẳng quyến rũ chút nào, chỉ là một tiểu thư con nhà giàu hư hỏng. Nhưng tất cả những gã đó muốn tiếp cận cô ta chỉ bởi “đức hạnh” ấy?

Shane là người thích náo nhiệt, anh quyết định tiến lại gần cô ta trong giây phút hiếm hoi cô gái ở một mình. Anh ngồi xuống cạnh cô ta, bắt chuyện – và cô ả vui vẻ đáp lại. Phần còn lại của cả tối là những lời đùa cợt qua lại giữa hai người.

Ba ngày sau đó, Chad và Shane mua vé máy bay giá rẻ Ryanair tới Tây Ban Nha, nơi họ đã ở lại Barcelona vài đêm trước khi hướng tới Pamplona. Thành phố nhỏ chật cứng người nước ngoài do lễ hội bò tót hằng năm mà Hemingway đã khiến nó trở nên nổi tiếng trong một tác phẩm của mình. Không còn một chiếc giường trống nào trong mấy nhà nghỉ hay khách sạn gần đó, nên lựa chọn duy nhất là mua lều và cắm trại trong một khu tập trung lớn với hàng ngàn người khác.

Không khó để bắt gặp người Úc khi bạn đi du lịch. Bạn chỉ cần đi theo tiếng gọi của bia và sự huyên náo. Chad và Shane

nhanh chóng làm quen với một nhóm khoảng hai mươi người Úc khác, cũng đang dựng trại ở khu tập trung với một lá cờ Úc to bự được cắm ở một bên, và vài ngày tiếp theo là những cuộc nhậu nhẹt tới bến, quăng quật một quả bóng bầu dục, nướng thịt và làm tình trong những cái lều nhỏ xíu.

Hai ngày trước khi lễ hội bắt đầu, Shaz đi đến khu cắm trại một mình. Cô đến châu Âu với một người bạn, nhưng người bạn đó đã quay trở lại Perth. Shaz nghiêm nhiên trở thành người hấp dẫn nhất trong nhóm, và Chad thủ tán tỉnh cô nàng nhưng cô không đáp lại, nói rằng mình đã có bạn trai ở quê nhà.

Sáng hôm sau, tất cả mọi người đều mặc đồ trắng với thắt lưng đỏ buộc ngang hông, họ cùng nhau thuê một chiếc xe buýt lớn để vào thành phố. Cảnh tượng trước mắt thật đên rồ. Đường phố đông nghẹt người. Mọi người chạy xung quanh để hắt rượu sangria^[*] vào nhau.

Việc đầu tiên phải làm là mua bia, và chỉ tới giữa trưa, đám người Úc đã say bí tỉ. Một gã người Ireland nào đó mà họ làm quen được vào buổi sáng xin đến mức leo lên một cái cột và nhảy xuống đất, chết. Tất nhiên điều đó không được dự trù trước. Có vài người nhảy từ đỉnh cột xuống tấm lưới được tạo thành bởi mấy cánh tay đan vào nhau từ những người đứng bên dưới, kiểu như mấy gã siêu sao nhạc rock nhào lộn trên sân khấu nhảy xuống vòng tay của đám người hâm mộ. Tuy nhiên, anh chàng Ireland đó con tội nghiệp này bắt chước nhảy xuống trước khi có ai kịp chú ý. Anh ta tiếp đất bằng đầu và được

khiêng đi bởi các nhân viên y tế. Nghe phong thanh là anh ta đã qua đời trong bệnh viện.

Không còn gì để nói, đây là điều rất đáng tiếc, và nó không phải cách người ta bắt đầu một lễ hội. Nhưng bất chấp điều buồn đau đó, phần còn lại của ngày diễn ra rất suôn sẻ, với những trò uống rượu, đồ nhắm, đánh nhau và thậm chí cả những điệu nhảy nổi đuôi conga. Hầu hết mọi người trong đám họ đều bất tỉnh hoặc quay trở lại lều để ăn tối, nhưng Chad và Shane vẫn tiếp tục cuộc vui suốt đêm để giữ vị trí tốt quanh hàng rào, nơi mấy con bò tót sẽ chạy qua. Chad đã tính chạy song song với chúng, nhưng đó là trước khi xảy ra vụ việc của anh chàng người Ireland kia, điều này làm cho việc chạy song song với mấy con bò tót trở nên đáng sợ hơn một chút.

Trong cuộc đua, toàn bộ mọi thứ trôi qua nhanh một cách khủng khiếp, từ tiếng còi hú khai cuộc cho đến con bò tót cuối cùng lao qua chỗ anh đứng chỉ diễn ra không quá vài phút.

Ngày hôm sau, đoàn người Úc đi tới Bồ Đào Nha, Chad và Shaz đi cùng họ. Họ đã dành gần ba tháng để đi du lịch hết các thị trấn nhỏ, tới cả những thị trấn nằm dọc theo đại dương, lướt sóng, uống rượu và tiệc tùng, cho đến khi họ chia tay. Có ba người tách ra thuê xe hướng về nước Đức để tham dự lễ hội Oktoberfest, trong khi nhiều người khác về nước hoặc tách lẻ. Sharon nói với Chad rằng cô muốn nhìn thấy nước Pháp, và với bất kể lý do gì (trong tâm trí mình, anh nghĩ mình vẫn có hy vọng được trở thành bạn trai của cô), anh nói sẽ đi cùng cô.

Anh tách khỏi Shane, người đang rất háo hức được tham dự lễ hội Oktoberfest. Chad và Shaz bắt xe buýt tới Bordeaux, nơi

họ qua đêm trong một khách sạn cổ kính (chung phòng, khác giường). Vào buổi sáng, họ thuê một chiếc xe và lái qua vùng nông thôn của Pháp để tới Paris, nơi mà, cho tới tận bây giờ, vẫn là điểm sáng của cả chuyến đi. Tháp Eiffel, Khải Hoàn Môn, Bảo tàng Louvre – tất cả những gì bạn thấy trên ti vi bây giờ đều hiện ra trước mắt.

Hai người ở lại Paris trong một tháng... và có lẽ sự lãng mạn của thành phố này đã khiến cô lay động, bởi cô cuối cùng cũng buông lỏng để lên giường với anh một đêm, mặc cho cô luôn nói “không” mỗi lần anh cố gắng cởi nút quần jean của mình.

Sao chẳng được. Làm tình là một chuyện vui sướng, và cuộc vui này kéo dài thêm một tháng trước khi Sharon nói với anh rằng mình đã đặt vé máy bay đi California. Cô không có nhiều lựa chọn. Cô phải tiếp tục đi về phía Tây bởi tấm vé vòng quanh thế giới của mình. Chad đáng lý sẽ bay trở lại Melbourne sau ba tuần nữa, nhưng anh quyết định không về nữa và đặt vé mới đi California.

Shaz có vẻ không quá phấn khích trước việc này, còn Chad tự cho rằng hành động ấy liên quan đến việc cô bị anh hấp dẫn và đang đấu tranh với tội lỗi khi phản bội bạn trai ở nhà.

Dù sao thì anh vẫn đi chung với cô tới California, và họ kiếm được một căn nhà trọ ở Los Angeles, ở chung với ba người Úc khác và một người Canada.

Los Angeles nhanh chóng vét sạch số tiền còn lại, nên cả hai bắt đầu kiếm việc làm. Sharon làm bồi bàn cho một quán ăn Ý, nhưng Chad gặp nhiều khó khăn hơn và cuối cùng quyết định trở thành đối tượng thử nghiệm cho mấy cuộc thử nghiệm

thuốc. Anh đã tham gia vào ba cuộc thử nghiệm – hai trong số đó là với Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) và thử nghiệm còn lại là với một nhà sản xuất dược phẩm lớn – trước khi đọc được bài viết về Thí nghiệm giấc ngủ, nó nghe như một món hời.

Không ngủ trong vòng ba tuần, kiếm được cả đống tiền. Còn muốn gì thêm nữa?

Bài viết đề cập rằng: Một vị tiến sĩ đang tìm kiếm hai người tham gia vào một thí nghiệm của mình, họ phải quen biết nhau nhưng không được có quan hệ tình cảm. Chad thuyết phục Shaz nộp đơn cùng mình và hướng dẫn cô không được nhắc đến mối quan hệ không rõ ràng và mấy “cuộc vui” của họ.

Và bây giờ thì họ đã ở đây.

Một hay hai ngày gì đấy, trong phòng thí nghiệm này.

Còn 19 hoặc 20 ngày nữa.

Không có buổi sáng, buổi trưa hay buổi tối. Không có gì giúp phân định thời gian trong một ngày. Chỉ có những thứ không hồi kết như mấy bộ phim *Trò chơi vương quyền*, *Tập làm người xấu* và cả lố những bộ khác trên Netflix.

Chad nằm xuống ghế tập và nắm chặt thanh tạ đòn treo lơ lửng phía trên. *Ít nhất thì mình cũng sẽ một hình thể đẹp khi chuyện này kết thúc*, anh nghĩ, rồi nhấc thanh tạ ra khỏi giá đỡ và bắt đầu những nhịp nâng đầu tiên.

Roy Wallis vẫn đang chăm chú quan sát hai người Úc qua tấm kính. Sharon đang nằm trên giường, đọc một cuốn tiểu

thuyết của Rex Stout. Chad đang nâng tạ. Anh nhấn nút Trò Chuyện trên bảng điều khiển và lên tiếng: “Hai người thế nào rồi?”

Sharon ngược lên ngay tức khắc từ cuốn tiểu thuyết, có vẻ như bị giật mình bởi âm thanh vang lên một cách đột ngột. “Xin chào, tiến sĩ. Ông đã trở lại.”

“Cô thích quyển sách chúa?”

“Tôi rất thích nhân vật chính Nero Wolfe. Anh ta là một thám tử tài ba, giải quyết tất cả những vụ án chỉ từ phòng khách nhà mình. Anh ta không bao giờ đi ra ngoài, chỉ nhốt mình trong nhà đọc sách.” Cô cười ngọt ngào. “Như tôi bây giờ ấy, tôi nghĩ thế.”

“Lẽ ra tôi nên mang cho cô chậu phong lan để chăm sóc?” Anh nói, ám chỉ tới một trong những sở thích của Nero Wolfe.

“Thật sao? Thế thì hay quá.”

Chad hoàn thành các bài tập của mình, anh ngồi dậy. “Chúng tôi đã sống sót qua ngày thứ nhất, phải không?”

“Điều này có nghĩa là đã đến giờ ăn sáng?” Sharon hỏi.

Không có đồng hồ trong phòng thí nghiệm, do muốn tránh việc hai người Úc theo dõi thời gian họ bị cô lập. Để họ đếm ngược hơn ba trăm giờ cho đến khi thí nghiệm kết thúc không phải là việc làm có đạo đức cho lắm.

Tiến sĩ Wallis lại ấn vào nút Trò Chuyện. “Cô dạy cho Penny vài từ tiếng lóng thú vị đấy.”

“Cô ấy học nhanh lắm!” Sharon đáp.

“Tôi hy vọng hôm nay chúng ta có thể thử một vài bài tập. Nếu các bạn muốn ăn uống trước thì cứ ăn đi.”

“Bài tập gì?”

“Bài đầu tiên là đọc một vài câu líu lưỡi.”

“Tôi thích! Thủ luôn đi. Tôi cũng chưa đói lắm.”

“Vậy được. Không có gì khó, hãy làm theo tôi...”

Wallis đưa ra tổng cộng sáu câu nói gây líu lưỡi, và Sharon hoàn thành chúng một cách dễ dàng. Chad mặc vài lỗi, nhưng Wallis kết luận đó là do độ khó của câu nói, chứ không phải do sự đi xuống của năng lực trí tuệ, gây ra bởi thiếu ngủ,

“Rất tốt,” anh nói với họ. “Bài tập thứ hai khó hơn một chút. Tôi có một chiếc khăn bịt mắt, cùng với một túi vài đồ vật linh tinh...”

“Hơi kỳ rồi đó, tiến sĩ,” Sharon cười khúc khích.

“Tôi sẽ mang chúng tới cửa. Chad, hãy gấp tôi ở đó, Anh có thể nhìn vào cái túi, nhưng Sharon thì không. Hiểu chứ?”.

“Quá dễ,” Chad nói, bắt đầu tiến về phía cửa.

Wallis lấy ra một chiếc túi đựng giày bằng lụa có dây rút đi kèm và một đôi giày lười mà anh mới mua gần đây. Anh cũng lôi thêm ra một chiếc khăn vuông màu đỏ có hoạ tiết. Anh đứng ở cửa phòng thí nghiệm, đưa cả hai vật cho Chad và quay trở lại chỗ ngồi đằng trước tấm kính.

Mặc dù khí ga không mùi không vị, anh vẫn ngửi thấy một mùi như kim loại.

Chắc chỉ là tưởng tượng thôi, anh phớt lờ chính mình.

Anh tiếp tục nhấn vào nút Trò Chuyện. “Chad, tôi muốn anh bịt mắt Sharon lại bằng chiếc khăn vuông đó.”

Chad làm như chỉ dẫn.

“Cô có nhìn thấy gì không, Sharon?”

“Không.”

“Tốt. Tôi muốn cô cho tay vào cái túi mà Chad đang cầm và lấy đồ bên trong ra.”

“Đừng có là mấy thứ như nǎo cùu hay mềm nhũn nhé, tiến sĩ.”

“Tất nhiên rồi.” Anh đảm bảo. “Chúng chỉ là vật dụng hằng ngày trong nhà chúng ta thôi.”

“Điều này có nghĩa là gì thế?” Chad tò mò.

“Tôi muốn biết liệu Sharon có bất kỳ dấu hiệu ban đầu nào của chứng rối loạn xúc giác do thiếu ngủ không - có nghĩa là, liệu cô ấy có cảm thấy khó khăn khi xác định đồ vật chỉ bằng xúc giác mà không có thêm một giác quan nào khác phụ trợ hay không.”

“Anh đúng là sắc bén thật đấy, tiến sĩ à. Nhưng mặc kệ những gì anh đang tính toán. Shaz, sẵn sàng chưa?”

“Nếu tôi đoán sai thì sao?” Cô hỏi.

“Thì tiến sĩ thiên tài đằng kia sẽ nhấn nút và em sẽ bị thiêu thành tro,” Chad trêu chọc.

“Cô sẽ không đoán sai,” Wallis nói. “Bất cứ khi nào cô sẵn sàng...”

Sharon thò tay vào túi và lấy ra một khối rubik. Cô đoán ra nó ngay lập tức.

“Rất tốt,” Wallis khen. Hình cầu, hình kim tự tháp và hình khối bình thường không phải là vấn đề. “Tiếp đi.”

Cô đặt khối Rubik sang một bên, và lần này lấy ra một cái nắp bình trà bằng sứ. Cô lật đi lật lại nó trong lòng bàn tay mình.

“Nó là nắp của một cái gì đó.”

“Có thể cụ thể hơn không?” Wallis hỏi.

“Tôi không biết. Có thể là bình trà?”

“Chính xác,” anh đáp.

“Đoán hai đúng hai, Shaz, Chad nói. “Em lập kỷ lục rồi đấy.”

“Tiếp nào,” Wallis nói.

Lần này cô rút ra một cái ổ cắm USB hình con bạch tuộc.

Cô nhăn mặt. “Lạy Chúa, cái gì thế?”

“Cố gắng xác định nó bằng tay khác của mình xem.”

Cô đổi USB sang tay trái. “Không rõ..”

“Thử dùng cả hai tay xem.”

“Nó hơi mềm và đàn hồi, với cái... gì đó... ở một đầu và cái khác sắc nhọn ở đầu còn lại... nhưng... xin lỗi, tôi không đoán ra được, tiến sĩ.”

Họ tiếp tục bài tập cho đến khi không còn vật dụng nào trong túi. Sharon đoán chính xác bảy trong số mười hai đồ vật. Cô tháo khăn bịt mắt ra.

“Cô ấy có mắc bệnh... kia không?” Chad hỏi.

“Đó không phải là một căn bệnh” Wallis sửa lại. “Và không, nhận thức xúc giác của cô ấy không có biểu hiện bị sụt giảm từ quan sát bên ngoài. Chúng ta sẽ xem có gì thay đổi vào ngày mai không.”

“Tôi rất mong chờ,” Chad nói và quay lại chỗ nâng tạ.

Roy Wallis tiếp tục vai trò quan sát viên của mình, và trong vài giờ tiếp theo, âm thanh duy nhất trong căn phòng bên

ngoài phòng thí nghiệm là tiếng gõ bàn phím, vì anh đang ghi chú lại những thông tin thu được từ hành vi của hai đối tượng thí nghiệm và các triệu chứng nổi lên liên quan đến mất ngủ.

Guru Rampal đến vào lúc 9 giờ 45 phút tối, đang nghe điện thoại khi bước vào.

Wallis chớp mắt ngạc nhiên nhìn cầu thành niên trẻ.

Đầu cậu ta được cao nhẫn, sáng bóng.

Guru giơ một ngón tay lên ra hiệu, ý chỉ mình sẽ không còn nói chuyện lâu nữa. Wallis châm một điếu thuốc. Guru vẫn chưa nói tiếng nào, Wallis đã nghĩ cậu ta đang ở trạng thái chờ nếu như không nghe thấy giọng nói loáng thoáng phát ra từ đầu dây bên kia. Khi anh hút hết điếu thuốc và vứt đầu lọc vào gạt tàn mang đến từ nhà, Guru vẫn đang im lặng, anh bèn đi tới nhà vệ sinh. Năm phút sau quay lại, anh vẫn thấy Guru đang lắng nghe người đầu dây bên kia nói liên hồi. Anh định lén tiếng thì nghe thấy Guru nói vài từ trong tiếng Hindi, lắng nghe rồi nói thêm vài từ nữa trước khi cúp máy.

“Có chuyện gì thế, Guru?”

“Em nói chuyện với mẹ ở Ấn Độ.”

“Bà ấy có vẻ nói khá nhiều nhỉ?”

“Không, bà ấy ít khi nói lắm.”

“Nhưng em chỉ nói có vài từ trong suốt cuộc nói chuyện kéo dài mươi phút.”

“À, đây là một cuộc gọi nhóm trên Facebook với mẹ và bốn anh em của em. Bọn em nói chuyện theo thứ tự, từ lớn nhất tới nhỏ nhất. Bởi vì em nhỏ nhất, nên em luôn phải nói sau cùng.

Mà thôi.” Cậu ta chỉ tay vào cái đầu trọc lốc của mình. “Thầy thấy sao ạ?”

“Nhìn đẹp đây, Người Băng ạ.”

Guru cười toe toét. “Sáng nay, Andrea có một cuộc hẹn bị hủy vào phút cuối, nên em đã đến gặp anh ấy. Anh ấy nói có thể giúp em tạo kiểu tóc với keo xịt và vài sản phẩm khác, nhưng sẽ phải chăm sóc rất nhiều, và tóc em sẽ vẫn luôn mỏng thôi. Lời gợi ý tiếp theo là cạo trọc. Em lúc đầu còn do dự, nhưng Andre cũng trọc, và anh ta trông vẫn đẹp trai, nên em càng tự tin hơn để đưa ra quyết định.”

“Thầy mừng là em thấy hài lòng, Guru,” Wallis nói. “Bây giờ thì dễ hơn rồi, có lẽ chỉ phải đi mua kem chống nắng thôi.”

“Ý kiến hay đó thầy. Em sẽ mua vài lọ khi đi sắm thêm vài bộ quần áo mới. Đúng rồi đây, em đã sẵn sàng cho một sự biến đổi hoàn toàn rồi.” Cậu ngồi xuống chiếc ghế trống và đặt ba lô lên sàn nhà. “Tiến sĩ, em có thể nói thầy ăn mặc rất đẹp, rất có khiếu thẩm mỹ. Thầy có sẵn lòng chia sẻ cho em vài bí quyết về thời trang không?”

Wallis đánh giá trang phục của Guru. Cậu chàng mặc một chiếc áo phông màu cam thêu hình hoạt họa nhân vật trong phần tiếp theo của bộ phim *Bảy viên ngọc rồng*, một chiếc quần soóc kẻ ca-rô và đôi giày thể thao trắng không倜傥 mà cậu đã mang vào hôm trước. Guru trông giống như chàng thanh niên trên tấm áp phích của lính thủy ngày xưa. “Lời khuyên thật lòng hả?” Wallis nói, lựa chọn từ ngữ khéo léo nhất có thể. “Cạo đầu khiến em trông có vẻ chín chắn hơn. Không phải một điều xấu đâu. Để phù hợp với tạo hình trưởng thành này, thầy thấy

em nên chú trọng cách ăn mặc hơn. Bớt tùy tiện ngẫu hứng, phải... lịch sự, nhã nhặn hơn.”

“Thầy quan sát chuẩn đấy ạ!” Guru nói, gật đầu vui vẻ. “Nhã nhặn, lịch sự. Vậy là không áo phông nữa? Dù cho đẹp thế nào? Em không muốn mình trông quá già dặn.”

“Ý thầy không phải là mặc vest và đeo cà vạt, Guru, mà chỉ đơn giản là chải chuốt lịch sự hơn một chút. Nếu là em, thầy sẽ chọn áo sơ mi, ôm vừa người và có màu sắc trung tính.”

“Thế còn quần soóc ạ?”

“Thật lòng mà nói, thầy sẽ tránh xa các loại quần ngắn nhất có thể.”

“Chỉ mặc quần dài thôi ạ. Được rồi, quần dài. Quần jean thì sao ạ?”

“Quần jean cũng được. Nó hợp với mọi độ tuổi. Nhưng không nên là jean rách, và nên tối màu thay vì sáng màu.”

“Còn giày ạ?”

“Hừm... Em cũng nên bỏ hết mấy đôi giày thể thao đi.”

Guru thất vọng. “Tất cả giày thể thao của em ư....”

“Nếu em thực sự vẫn muốn chúng, nên lựa chọn đôi nào đơn giản thôi. Tuy nhiên, theo thầy, giày da vẫn thích hợp hơn.”

“Chỉ giày da thôi ạ?” Guru lắc đầu. “Thầy ơi, em vẫn chưa sẵn sàng để thay đổi đến thế đâu. Cảm giác cứ như là Tom Hanks trong phim *Big* ấy.”

Wallis mỉm cười. “Đúng là có hơi nặng nề thật. Thầy hiểu. Nhưng hãy nhớ rằng, đây chỉ là ý kiến cá nhân của thầy thôi nhé. Em hoàn toàn tự do mặc những gì mình thích.”

“Không đâu ạ, lời khuyên của thầy rất hữu ích.”

Wallis cười khẩy, liếc nhìn ba lô của Guru trên sàn nhà. “Em có mang đồ ăn nhanh tới nữa không?”

“Có chứ ạ.”

“Hai ngày liên tiếp rồi. Em nên cân nhắc đến việc ăn uống lành mạnh hơn cho một phong cách sống mới.”

“Em biết là đồ ăn nhanh không tốt cho sức khỏe. Nhưng đó là thứ duy nhất em có thể ăn.”

Wallis nhíu mày. “Em nói vậy là sao?”

“Đồ ăn mẹ nấu là thứ duy nhất em ăn từ bé tới lớn. Em thèm nó kinh khủng. Từ khi qua Mỹ, chỉ có đồ ăn nhanh của McDonald’s là thứ duy nhất mà em cảm thấy thích.”

“Em đã ở đây được hai năm rồi đấy.”

“Đúng ạ, em biết. Chế độ ăn của em không lý tưởng chút nào.” Câu vỗ về thứ mà trước đây Wallis từng nghĩ rằng đó là bụng bia, nhưng xem ra đó là bụng của McDonald’s rồi.

“Em không tự nấu ăn à?”

“Có, em có nấu ở nhà. Nhưng khi ra ngoài, em chỉ ăn đồ McDonald’s.”

“Có rất nhiều nhà hàng ngon ở xung quanh, Guru. Thậm chí có cả nhà hàng bán đồ Ấn ở cách đây không xa...”

“Ở đại lộ Solano phải không ạ? Em đã đến đó rồi. Nhưng đồ ăn không có vị như mẹ em nấu...”

“Lạy Chúa tôi!” Wallis thốt lên, lắc mạnh đầu, tỏ vẻ không thể tin tưởng nổi. “Một ngày nào đó, Guru, em sẽ trở thành một người đàn ông thành đạt và khỏe mạnh – nhưng chàng trai ạ, bây giờ em đang là một chú vịt lạc đà.”

Thay vì trở về nhà, Roy Wallis lái xe thêm mươi hai cây số để tới thành phố lân cận Oakland, sau đó rẽ vào một con phố mua sắm ở Dogtown (Thị trấn chó) – được đặt tên bởi cảnh sát địa phương do số lượng chó hoang nhiều bất thường ở nơi đây. Anh chậm rãi đánh tay lái qua quán bar Emporium nơi Brook làm việc, nhìn xuyên qua khung cửa sổ lớn. Anh không thể nhìn thấy cô trong đám đông hơn hai mươi người. Anh đỗ xe gần đó rồi bước vào quán bar. Nơi này rất có phong cách, gợi nhớ đến tầng hầm của một nhà quý tộc kỳ dị thời xưa, hoặc như một tiệm đồ cổ của một tay chơi những thế kỷ trước. Quán vẫn đông khách như thường ngày, nhân viên quầy bar đang pha chế Greyhounds và Marquee. Wallis đã từng thử Greyhound một lần. Rượu rất nặng và nồng, nhưng anh chỉ thấy rõ vị bưởi tươi. Brook kể với anh rằng quán bar đặt mua bưởi ở những nhà cung cấp khác nhau theo từng đơn hàng, phụ thuộc vào nhà cung cấp nào có thể cung cấp những trái ngọt nhất vào thời điểm đó, Anh hoàn toàn tin cô.

Wallis ngồi lên chiếc ghế cao ở quầy bar và gọi một chai bia IPA đắng, Anh vẫn chưa thấy Brook đâu dù chỉ có hai quầy bar mà cô có thể đứng, anh mang bia ra bên ngoài và đứng hút hai điếu thuốc,

“Anh đang làm gì ở đây?”

Wallis đang xuyên qua làn sương dày ngắt nhìn đường chân trời duyên dáng của San Francisco ở phía xa. Anh quay lại và thấy Brook đang đứng sau lưng mình. Đôi lông mày cô nhíu lại, khoanh tay như báo trước một cuộc hòa giải không dễ dàng.

“Đây là cách em chào đón khách hàng của mình sao?” Anh nhẹ giọng.

“Em đang nghiêm túc, Roy. Em không biết anh đang làm gì ở đây.”

“Anh muốn gặp em.”

“Sẽ không có một cô nàng tóc vàng nóng bỏng nào đó nhảy ra từ phía sau bụi rậm hay một gốc cây chứ?”

“Tối hôm đó đúng là rất khó xử, anh thừa nhận.”

“Nói như vậy còn nhẹ chán.” Cô liếc nhìn lại về phía quầy bar. “Em phải quay lại làm việc.”

“Mấy giờ em tan ca?”

“Em chỉ là một cô gái đơn giản, Roy. Em thích anh. Em đã nghĩ anh cũng thích em...”

“Anh có thích em, Brook.”

“Cứ coi như em cổ hủ đi, nhưng khi một người đàn ông và một người phụ nữ thích nhau, và khi trở nên thân mật, họ không nên ngủ với người khác. Mà cô gái ấy là ai?” Brook lắc đầu. “Mà thôi, em không quan tâm. Em cũng chẳng muốn biết. Em cũng không quan tâm đạo gần đây anh đã ngủ với bao nhiêu cô gái...”

“Chỉ có lần đó thôi, Brook,” Wallis chân thành. “Anh và cô ấy từng hẹn hò, nhưng đã chia tay hai năm trước. Anh chỉ mới gặp lại cô ấy vài lần. Chỉ vậy thôi.”

“Chỉ vậy thôi?” Brook nhắc lại một cách mỉa mai. “Việc anh ngủ với người yêu cũ thực sự là vấn đề lớn đối với em.”

“Anh biết, anh hiểu,” anh đáp. “Anh dùng sai từ. Ý anh là, cô ấy không còn quan trọng với anh nữa, còn em thì khác. Anh sẽ

không tới đây nếu em không là gì đối với anh.”

Có gì đó thay đổi trong mắt Brook. Hy vọng chăng? “Anh sẽ còn gặp lại cô ấy chứ?”

“Không” anh đáp.

Brook thả lỏng cơ thể. Hai tay cô vẫn bắt chéo trước ngực, nhưng dường như không còn cảm giác cô muốn ném ly rượu gần nhất vào người anh nữa. Cô cắn môi. “Em không biết nữa, Roy...”

“Hôm nay mấy giờ em tan ca?”

“Tới khi đóng cửa.”

“Em có thể nhờ ai thay ca cho mình không?”

“Em không chắc... Có lẽ có thể...”

“Tuyệt! Anh sẽ chờ em ở đây cho tới khi em nhờ được người.”

“Chúa ơi, Roy.” Cô lắc đầu.

“Sao nào?” Anh nói, cười toe toét.

“Anh thật là...”

Cô trở lại vào trong.

Từ năm ngoái đến giờ, hầu hết các sáng thứ Bảy hay Chủ nhật, Wallis đều ghé Emporium để đọc báo, uống một ly latte vani và thỉnh thoảng nhấm nháp một chiếc bánh ngọt. Khoảng hai tháng trước, Brook bắt đầu có thói quen phục vụ anh một ly latte kèm theo một chiếc bánh quy sô-cô-la nhỏ mà anh không đặt. Lúc đầu, anh không nghĩ gì nhiều, và cũng chẳng để tâm lắm. Cho đến năm tuần trước, khi anh ngược lên từ chuyên

mục thể thao trên tờ báo đang đọc dở của mình, ánh mắt họ chạm nhau. Cô ăn mặc đơn giản, áo sơ mi và quần bó cùng màu đen, đang lau dọn chén đĩa ở mây bàn xung quanh. Tuy nhiên, có gì đó đang chớm nở bên trong anh. Anh liếc trộm cô thêm vài lần trước khi ra tính tiền. Thứ Bảy tiếp theo, anh bắt chuyện với cô bất cứ khi nào cô đến gần bàn mình, và trước khi rời đi, anh ngoảnh lời mời cô đi ăn tối. Cô có phần lúng túng và từ chối lời mời. Anh kiên trì nài nỉ với cả sự ngang bướng và hài hước thân thiện, cuối cùng cô cũng đồng ý. Họ hẹn nhau ăn tối tại một nhà hàng ở trung tâm thành phố, sau đó xem biểu diễn ca nhạc ở Nhà hát Fox. Đó là một buổi tối không thể tuyệt vời hơn, và sau một vài buổi tối khác, Brook qua đêm tại nhà anh. Kể từ đó, họ gặp nhau ít nhất một hoặc hai lần mỗi tuần.

Wallis uống cạn cốc bia của mình và đang tính gọi thêm một cốc nữa thì Brook xuất hiện.

“Nhanh thật đấy,” anh nói.

“Tối nay không đông khách lắm,” cô đáp, dù anh có thể nhìn thấy đám đông bên trong. “Anh có đặc biệt muốn đi đâu không?”

“Có một quán Tây Ban Nha khá ngon trên đường Grace. Anh thèm ăn tapas cả ngày nay.”

“Tốt thôi. Nhưng anh có phiền ghé qua nhà em một chút để em thay đồ không?”

“Tất nhiên rồi,” anh ngạc nhiên đáp. Anh chưa bao giờ đến nhà cô trước đây.

Hóa ra Brook không sống ở đâu xa – cô ở trong một căn nhà nổi trên vịnh San Francisco.

“Chà!” Wallis cảm thán, ngồi xổm xuống quan sát cấu trúc của căn nhà. “Anh không biết em sống như thủy thủ Popeye đây!”

“Đừng chế giễu vậy chứ, Roy. Giá của nó cũng bằng hai phần ba giá của căn hộ một phòng ngủ đấy.”

“Anh không chế giễu, anh rất thích căn nhà này.”

Nội thất bên trong tương tự như một căn nhà gỗ miền núi mộc mạc: sàn gỗ, tường gỗ, trần gỗ, tủ gỗ. Cùng đồ đạc treo tường phong phú và thảm trang trí đầy màu sắc, thêm cả mấy món đồ thú vị khác như đĩa nhạc cổ, cây hoa, hộp đựng đàn ghi-ta dựa vào chiếc piano màu đen sáng bóng – làm không gian nhỏ bé trở nên ấm cúng và đầy sáng tạo.

“Không có gì nhiều,” Brook nói với vài phần tự tin. “Nhưng nó rất thoải mái.”

“Quá tuyệt,” Wallis đáp. “Anh có cảm giác như đang trong kỳ nghỉ vậy.”

“Có bia trong tủ lạnh đó. Anh tự lấy nhé. Em sẽ tắm qua một chút.”

“Sao em không xuống vịnh tắm?”

“Hài hước đấy, thưa ngài. Sẽ không lâu đâu.”

“Rõ, thưa thuyền trưởng.”

Brook đảo mắt rồi biến mất vào căn phòng khác trong ngôi nhà nổi, cửa đóng lại sau lưng mình.

Wallis lấy chai bia Bỉ ra khỏi tủ lạnh, mở nắp và uống một hơi dài. Anh đang thèm một điều xì gà nhưng tự thấy sẽ không an toàn khi hút trong một căn nhà toàn gỗ sồi và gỗ đào như thế này.

Thay vào đó, anh nghiên cứu kỹ lưỡng bức tường phía sau bàn bếp. Nó được lắp đầy bởi những tấm ảnh, hầu hết nằm trong những khung hình đơn giản, vài bức được đinh ghim giữ lại. Một số bức là ảnh chụp chân dung của một người đàn ông và phụ nữ mà Wallis đoán là cha mẹ của Brook. Vài tấm khác là của Brook: một cô bé Brook với đôi mắt to, tóc đuôi ngựa; một thiếu nữ Brook xinh đẹp và ngượng ngùng; hình cô gái ở lễ tốt nghiệp mặc áo choàng cử nhân; hình tiệc tùng với mấy cô bạn gái trong nhà, ngoài trời và trên một cái hồ ở đâu đó. Có năm tấm hình Brook chụp với cùng một người đàn ông, anh ta trạc tuổi cô, đẹp trai và khỏe khoắn.

Wallis nhăn mày. Anh không thường xuyên ghen tuông, nhưng ngay lúc này có một ngọn lửa đang bùng lên trong anh.

Tiếng nước chảy qua đường ống ngừng lại. Vài phút sau, Brook bước ra từ căn phòng bên cạnh với một chiếc khăn trắng quấn quanh người. "Phòng tắm không có đủ chỗ để chứa tủ đồ," cô giải thích. "Chiếc váy em muốn mặc ở đây." Cô mở cửa tủ và lấy một chiếc váy màu xanh lam ra khỏi móc treo.

"Ai đây?" Wallis hỏi, chỉ tay về phía người đàn ông trong bức ảnh.

Brook theo anh vào bếp. "Ồ, anh ấy hả," cô thản nhiên. "Chỉ là một người yêu cũ mà em thỉnh thoảng ngủ cùng thôi."

Wallis trao cho cô một ánh nhìn sắc lẹm.

Cô cười lớn. "Anh nên nhìn thấy khuôn mặt mình lúc này!"

"Anh ta là ai?" Anh cương quyết hỏi.

"Em trai em, Roy ạ!"

Wallis đỏ bừng hai má vì xấu hổ. “Anh không thấy nét giống nhau giữa hai người.” Anh uống hết chai bia và để chai lên bàn bếp. “Nhân lúc nói về người yêu cũ... Anh không nghĩ mình từng nghe em nhắc đến ai?”

“Anh có hỏi đâu.” Brook nhún bờ vai trần mảnh khảnh của mình. “Anh ấy là người trông coi động vật hoang dã ở Sở thú San Francisco. Sau đó anh ấy được nhận vào làm ở một vị trí cao hơn ở Sở thú San Diego.” Cô lại nhún vai. “Anh ấy chấp nhận nó, em không muốn đi theo nên chúng em chia tay. Nhưng người yêu cũ của em có thực sự là điều anh muốn chúng ta bàn luận bây giờ.”

“Không” Wallis đáp, vòng cánh tay qua bờ eo thon gọn của Brook và hôn nhẹ lên đôi môi cô. Anh ngay lập tức cảm thấy một luồng nhiệt chảy ngược lên trong người mình. Anh lướt tay xuống bờ mông căng tròn, xoa nắn phần đùi thon thả rồi lại vuốt lên, bên dưới chiếc khăn tắm. Ngực cô áp sát vào ngực anh.

“Em nên mặc đồ,” cô thì thầm.

“Không” anh đáp.

“Hàng xóm có thể nhìn thấy chúng ta từ cửa sổ đấy.”

Anh phát hiện một công tắc đèn trong tầm tay với, liền vươn tay, đưa họ vào bóng tối. Anh giật mạnh chiếc khăn tắm của Brook và thả nó xuống sàn. Cô đưa tay cởi thắt lưng và kéo khóa quần anh xuống.

Họ hôn nhau dịu dàng nhưng nóng bỏng, di chuyển từ phòng khách lấp lánh ánh trăng đến phòng ngủ lộn xộn, cơ thể họ quấn lấy nhau trong vũ điệu chậm rãi mà gợi cảm.

Họ không đến kịp bữa tối.

Brook thức trắng đêm, nằm trên giường, chống khuỷu tay nhìn Roy Wallis ngủ. Cửa sổ và rèm cửa để mở, mang không khí tươi mát tràn vào căn phòng, ánh trăng bạc bên ngoài chiếu vào lưng anh. Tấm ngực trần của anh nâng lên và xẹp xuống theo từng hơi thở.

Đẹp trai quá, cô ngắm nghía đôi lông mày rậm và hàng lông mi dày, chiếc mũi cao và gò má như được khắc gọt cẩn thận, thêm cả bộ râu dài và đầy đặn của anh. Trong tâm trí mình, cô hình dung anh trên trang bìa của mấy quyển tạp chí thời thượng, với chiếc áo sơ mi kẻ ca-rô và dây đeo buộc qua vai.

Lịch lãm, mạnh mẽ và tri thức.

Rất khác so với người bạn trai trước của cô. Không phải George Goldmark không thông minh, anh rất sáng trí. Chỉ có điều hơi nhảm chán, cả về tính cách lẫn ngoại hình. 1m78, không cao cũng không thấp. Mái tóc màu hạt dẻ, rẽ ngôi trái, phần tóc bên phải được chải phồng và giữ cố định bằng keo xịt tóc giữ nếp tối đa. Dưới gọng kính xám là đôi mắt đen, quai hàm nhẵn nhụi và cầm chẻ. Thân thiện nhưng xa cách, bằng lòng trở thành một người ngoài cuộc hơn là muốn tham gia. Giọng nói nhẹ nhàng, lịch sự, luôn khen ngợi – rất nhảm chán.

Mặc cho sự nhảm chán tầm thường này, Brook thực sự rất quan tâm đến George. Anh đối xử tốt và hỗ trợ cô rất nhiều. Anh không dùng chất kích thích hay hút thuốc lá, chỉ thỉnh thoảng uống rượu và không bao giờ say xỉn. Anh cũng không

bao giờ thô bạo hay lăng nhục cô. Có thể nói, anh thực sự rất an toàn.

Họ gặp nhau trong khu ẩm thực ở Costco, khi cô vừa kết thúc việc mua sắm và quyết định chiều chuộng bản thân bằng một kem dâu. Đó là một buổi chiều Chủ nhật, siêu thị chật ních người, và George, bưng một khay đầy đồ ăn với bánh mì kẹp thịt gà tây, khoai tây chiên và một ly nước ngọt lớn, đi tới và hỏi cô về việc ngồi chung bàn. Cô không muốn ngồi ăn với người lạ, nhưng vẫn lịch sự gật đầu. Cô tính ăn nhanh cho xong ly kem rồi rời đi, nhưng khác với dự đoán của cô, George không chủ động bắt chuyện. Thay vào đó, anh lấy từ trong túi ra một quyển sổ, bắt đầu viết. Cô thả lỏng hơn một chút và lấy điện thoại ra, như thể mình cũng đang bận rộn làm gì đó.

“Một loại cá nhiệt đới nhỏ, được nuôi phổ biến và có thể sống ở nước lợ?”

“Xin lỗi?” Cô bối rối nhìn lên.

Anh lặp lại mấy từ khóa.

“Cá vàng?” Cô đoán.

“Gồm năm chữ cái, chữ cái thứ ba là L.”

Cô đang định trả lời rằng mình không biết nhưng bất chợt đoán: “Molly?”

“A! Đúng rồi, cảm ơn cô.” Anh viết vội vào phần đáp án. “Là một bác sĩ thú y, cô nghĩ tôi phải trả lời được câu hỏi đó.”

“Thật ra, hầu hết mọi người chỉ đơn giản là thả con cá bị bệnh của mình vào bồn cầu và xả nước, thay vì đưa chúng đến bác sĩ thú y,” cô đáp.

“Họ làm vậy thật á? Nhưng dù sao thì tôi cũng không chữa bệnh cho cá. Tôi làm việc ở sở thú.”

“Sở thú Oakland?”

“Sở thú San Francisco.”

“Tôi đã đến đó khi còn là một đứa trẻ.”

“Đó là một nơi tuyệt vời để dành một ngày với lũ trẻ. Chúng có thể học một vài điều về môi trường và cách bảo tồn nó.”

“Tôi không có con,” cô nói.

“Không?” Anh ngạc nhiên, nhìn vào ngón tay đeo nhẫn của cô. “Tôi xin lỗi, tôi không để ý...”

“Sao anh phải xin lỗi chứ?” Cô xúc thia kem cuối cùng trong ly của mình rồi đứng dậy. “Chúc may mắn,” cô nói, ám chỉ trò chơi đó chẽ.

“Ừm... Tôi là George.” Anh cũng đứng dậy và chìa tay ra. Cô bắt tay anh nhưng không giới thiệu tên của mình. “Nói cho tôi biết tên của cô đi,” anh tiếp tục. “Tôi chưa bao giờ làm bất cứ điều gì như thế này trước đây... nhưng nếu cô muốn một chuyến tham quan sở thú, tôi rất sẵn lòng dẫn cô đi vòng quanh. Nó thực sự là một nơi rất tuyệt để dành một ngày nghỉ đấy. Đây, cầm lấy cái này.” Anh lấy một tấm danh thiếp từ ví của mình và đưa cho cô. Cô nhận lấy và liếc nhìn dòng chữ in trên đó.

“Cám ơn anh,” cô trả lời.

Cô chưa từng nghĩ mình sẽ nhận lời mời của George. Nhưng vào tuần tiếp theo, trong một ngày nghỉ của mình, cô tình cờ tìm thấy tấm danh thiếp của anh trong ngăn kéo nhà bếp, nơi

cô ném tất cả những thứ linh tinh vào đó. Sau khi nhớ lại cuộc nói chuyện lần trước, cô quyết định gọi cho anh.

Anh nghe có vẻ không giấu nổi phấn khích khi nhận được cuộc gọi từ cô, họ hẹn nhau ở cổng chính của Sở thú San Francisco lúc 10 giờ sáng hôm đó.

Buổi hẹn này là một sự thay đổi thú vị, khác với kiểu đi ăn uống thông thường – ở đây có sư tử, voi và hươu cao cổ ở mọi góc – Brook đã vui đến mức cô nhận lời mời đi ăn tối của George ngay trong tuần đó.

Ba năm chớp mắt qua đi, giờ thì cô đã rời khỏi căn hộ của anh trên đường Grand. Cô biết hầu hết bạn bè của anh và cũng đã gặp cha mẹ anh vài lần. Họ đã nhận nuôi một con mèo từ Hội bảo trợ Động vật, và đặt tên nó là Leo. Họ thậm chí đã bắt đầu bàn về chuyện kết hôn và có con.

Mối quan hệ không phải quá nồng nhiệt theo bất cứ nghĩa nào của từ này. Nó dễ chịu, dễ đoán và đúng, an toàn, không có gì sai với điều đó.

Cho đến khi Brook phát hiện ra George Goldmark là một kẻ hai mặt xảo trá.

Một đồng nghiệp ở Emporium – Jenny Stillwater – vừa ly hôn và đang không ngừng khen ngợi ứng dụng hẹn hò Tinder. Một buổi sáng nọ, khi làm chung ca với Brook, cô nói: “Này, chỉ có thứ này muốn cho em xem. Có thể là chị nhìn nhầm. Chị hy vọng là mình đã nhầm.”

Nhưng không.

Người đàn ông trên Tinder mà Jenny cho cô xem có tên là George Cohen, nhưng những bức hình chắc chắn là của George

Goldmark. Theo thông tin trên tiểu sử thì anh ta vẫn độc thân, có tài chính ổn định và đang tìm kiếm một mối quan hệ nghiêm túc, vân vân và mây mây.

Khỏi phải nói Brook tuyệt vọng đến mức nào, nhưng cô không muốn chìm trong nỗi đau khổ ấy. Cô tan làm sớm, về nhà và vứt hết đồ đạc của George ra khỏi căn nhà nổi của mình vào thùng rác công cộng. Cô từ chối tất cả các cuộc gọi từ anh ta, và khi anh ta chạy tới, cô đã thay khóa cửa mới. Anh ta đập cửa, bối rối và phẫn nộ. Cô ngó lơ cho tới khi anh ta bỏ đi. Anh ta gửi cho cô vài tin nhắn vào tuần tiếp theo, bóng gió rằng anh biết tại sao cô giận nhưng không thừa nhận lý do, và khăng khăng rằng họ có thể cùng nhau giải quyết việc này. Cô xóa tất cả những tin nhắn đó mà không thèm trả lời, và cuối cùng thì anh ta cũng dừng lại.

Cho đến mùa thu năm ngoái, Brook hẹn hò với một huấn luyện viên thể hình hồi tháng Mười hai, một nhân viên xây dựng vào tháng Một, nhưng không ai hợp ý cô,

Rồi Roy Wallis tới.

Chính xác mà nói, anh không tới từ một nơi nào. Đó đặc biệt anh ở ngay trong tầm mắt cô, tại quán bar vào mỗi sáng cuối tuần. Luôn ăn mặc lịch sự và chải chuốt, anh khiến mọi người không thể không chú ý đến mình. Brook luôn tươi cười chào đón anh, nhưng có chưa bao giờ cố gắng bắt chuyện. Có gì đó xa cách toát ra từ người đàn ông này khiến cô ngần ngại, khiến cô phải rón rén quanh bàn anh mỗi khi anh đọc báo để không làm phiền đến anh, có gì đó nhắc nhở có về thân phận bởi bàn của mình và không có gì khác.

Đó là lý do tại sao có hoàn toàn choáng váng khi anh mời cô đi ăn tối.

Brook có những cảm xúc lẫn lộn khi nghĩ về những gì đã xảy ra tại căn hộ của anh. Họ đã lên kế hoạch cho bữa tối, nhưng cô vẫn chưa xác nhận nó, và bằng cách xuất hiện trước cửa nhà anh mà không báo trước, cô đã xâm nhập vào thế giới riêng của anh. Mặt khác, nếu cô không làm thế, cô sẽ không bao giờ biết về người phụ nữ tóc vàng kia. Roy vẫn sẽ tiếp tục ngủ với cô ta sau lưng cô. Mặc dù họ chưa bao giờ đồng ý hẹn hò với nhau một cách rõ ràng, nhưng điều này đối với cô vẫn không tài nào chấp nhận được.

Brook không thích trò chơi tình ái, và cô sẽ không để mình bị tổn thương thêm lần nữa.

Vậy cô đang làm gì trên giường bên cạnh anh?

Anh đã xin lỗi. Anh đã nói rằng mình kết thúc với người phụ nữ kia.

Và cô tin anh?

Đúng.

Roy chợt mở mắt ra, khiến cô giật mình.

“Vẫn chưa sáng phải không?” Anh nói với giọng ngái ngủ.

Cô liếc nhìn đồng hồ phía sau anh trên tủ giường. “Mới 2 giờ sáng.”

“Tốt,” anh đáp, vòng tay qua lưng cô và kéo cô lại gần. Cô tựa má lên ngực anh và lắng nghe từng hơi thở đều đặn.

Cô nhắm hai mắt và cố gắng chìm vào giấc ngủ.

TỪ NGÀY THỨ BA ĐẾN NGÀY THỨ NĂM

**Những ghi chép về các cuộc đối thoại của Tiến
sĩ Roy Wallis, Guru Chandra Rampal và Penny
Park**

Đối tượng 1 nói chuyện với tôi trong gần ba giờ đồng hồ. Cô ấy dạy tôi tiếng lóng của Úc và có vẻ đang nhớ quê nhà. Đối tượng 2 không tham gia thảo luận. Anh ta chia thời gian để xem ti vi, nâng tạ và nấu ăn. Vào bữa trưa, anh ta sử dụng công thức trong sách dạy nấu ăn để làm xốt cá cơm với tỏi tây, món tartiflette với củ cải, cá hồi với nước xốt thì là cùng bánh pudding củ cải đường cho món tráng miệng (làm tôi siêu đói!). Trong bữa ăn, hai đối tượng bàn về những kế hoạch của họ khi cuộc thí nghiệm kết thúc. Đối tượng 2 bày tỏ sự quan tâm đến việc chuyển tới Hollywood, nơi anh ta hy vọng có thể tham gia vào vai phụ của một bộ phim hay thậm chí chỉ là mấy vai diễn nhỏ với vài lời thoại. Đối tượng 1 khuyến khích anh ta theo đuổi ước mơ, mặc dù cô ấy không đả động đến việc có đi cùng anh ta hay không.

– Penny, thứ Tư, ngày 30 tháng 5.

Huyết áp, nhịp tim, sức đề kháng mạch máu ở cẳng tay và hoạt động thần kinh giao cảm của cơ bắp được đo vào chiều nay trong hai trạng thái: ổn định và dưới bốn áp lực (gồng chặt cơ tay, thiếu máu cục bộ tối đa ở cánh tay, căng thẳng thần kinh và kiểm tra tim mạch khi gấp áp suất lạnh). Kết quả cho thấy: có sự gia tăng trong áp lực máu của đối tượng thử nghiệm và sự thuyên giảm trong hoạt động thần kinh giao cảm cơ bắp. Nhịp tim, sức đề kháng mạch máu ở cẳng tay và huyết tương không thay đổi đáng kể. Những dữ liệu này cho thấy việc thiếu ngủ làm tăng huyết áp nhưng không làm tăng nhịp tim hay hoạt động thần kinh giao cảm cơ bắp và do đó, trái với những tài liệu

về chủ đề này, thiếu ngủ không làm tăng nguy cơ mắc bệnh về tim mạch.

– Roy Wallis, thứ Tư, ngày 30 tháng 5.

Trong hai ngày đầu tiên của cuộc thí nghiệm, hai đối tượng ăn uống và ăn nhẹ theo chu kỳ từ ba đến bốn giờ. Hôm lần đầu tiên họ ăn các bữa cách nhau sáu tiếng, có nghĩa là có sự giảm cảm giác thèm ăn. Đây cũng là lần đầu tiên hai đối tượng thử nghiệm có dấu hiệu mất điều hoà (những bất thường nhỏ trong cách đi đứng, giọng nói và chuyển động của con người). Trong những bài tập đánh giá sự nhạy bén về trí não, họ thể hiện sự chán chường, cáu kỉnh với kết quả của mình, đặc biệt là Đối tượng 2, người đã kết thúc quá trình đánh giá sớm. Đối tượng 1 vẫn duy trì hợp tác. Sự suy giảm trong suy nghĩ, suy luận và trí nhớ ngắn hạn được thấy rõ.

– Guru Chandra Rampal, ngày 30 tháng 5.

Đối tượng 1 và 2 có cuộc tranh luận đầu tiên vào ngày hôm nay. Đối tượng 1 đọc sách trên giường của mình, trong khi đối tượng 2 nâng tạ. Đối tượng 1 liếc nhìn đối tượng 2 nhiều lần với vẻ khó chịu thấy rõ trước tiếng ồn mà thiết bị tập thể dục phát ra khi kim loại va vào nhau. Cuối cùng, cô nói anh ta hãy dừng lại. Đối tượng 2 chuyển sang dùng tạ tay. Nhưng đây chỉ là một giải pháp tạm thời, khi mà đối tượng 1 cũng rất nhanh chóng cảm thấy khó chịu bởi tiếng thở nặng nề và tiếng gằn giọng của đối tượng 2. Đến lúc này, họ to tiếng với nhau và bắt đầu có

những lời lẽ xúc phạm đối phương. Kết quả, Đối tượng 2 tiếp tục nâng tạ. Đối tượng 1 gấp sách một cách tức giận, bước ra khỏi giường và đi lại quanh phòng. Theo số lần đếm của tôi, cô ấy đã đi 61 vòng trước khi ổn định lại để quay trở về giường tiếp tục đọc sách! Vào lúc này, Đối tượng 2 đeo tai nghe và bắt đầu xem phim.

– Penny, thứ Năm, ngày 30 tháng 5.

Đối tượng 1 sinh hoạt bình thường, nhưng giảm thời gian chăm sóc bản thân và phản ứng với mọi thứ. Cô ấy có dấu hiệu trầm cảm và triệu chứng rối loạn tư thế. Đối tượng 2 cũng cho thấy sự suy giảm trong thời gian tự chăm sóc bản thân và các phản ứng với môi trường xung quanh. Câu trả lời của anh ta cho các câu hỏi kiểm tra trở nên hời hợt. Anh ta thể hiện sự thiếu hứng thú và quan tâm, bắt đầu nói chuyện với thái độ lạnh lạt. Hai đối tượng trở nên đối đầu nhau mà không muốn hòa giải, không cảm thấy tội lỗi hay tự trách. Tổng thể: suy nghĩ rời rạc và suy giảm trí nhớ rõ, điều này cho thấy thiếu ngủ dẫn đến mất các kết nối giữa các nơ-ron thần kinh trong hồi hải mã.

– Roy Wallis, thứ Năm, ngày 31 tháng 5.

Hôm nay, các bữa ăn của hai đối tượng cách nhau bảy tiếng. Sự thuyên giảm trong khả năng chú ý và tập trung, cũng như suy giảm trí nhớ nghiêm trọng đã được quan sát thấy. Chẳng hạn như Đối tượng 1 không thể nhớ bất kì điều gì trong các

cuộc nói chuyện của chúng tôi ngày hôm trước, phàn nàn về cảm giác như thể mình có dấu hiệu của bệnh tiễn Alzheimer. Đối tượng 2 mất trí nhớ nghiêm trọng hơn. Điều dễ nhận thấy nhất là anh ta không thể thực hiện những phép toán đơn giản được nữa. Trong một bài kiểm tra, anh ta được giao nhiệm vụ đếm ngược từ 100 xuống 7, và anh ta chỉ đếm được tới số 72, rồi dừng lại và trở nên buồn bã. Khi tôi hỏi lý do dừng lại thì anh ta đáp rằng mình đã quên mất bản thân đang làm gì. Cả hai đối tượng đều thể hiện sự khó khăn trong việc phối hợp cơ bắp và duy trì sự tập trung bằng mắt.

– Guru Chandra Rampal, ngày 31 tháng 5.

Chà, hôm nay họ rất tâm trạng! Họ hiếm khi muốn nói chuyện với tôi, và khi nói chuyện, họ thể hiện rõ sự uể oải, cau có và hay quên, hầu như không thể nói hoàn chỉnh được câu nào. Đối tượng 1 vẫn đọc sách như bình thường, mặc dù thời gian bị rút ngắn lại, đôi khi không quá mười phút mỗi lần. Khi không đọc sách, cô ấy trở nên kích động. Có lúc, cô ấy đi lại lại trong 14 phút mà không rời mắt khỏi sàn nhà. Sau đó, ngồi trên mép giường trong 50 phút, không nhúc nhích, ngoại trừ dung đưa bàn chân phải liên hồi. Đối tượng 2 dành phần lớn buổi chiều để xem phim. Ngoài việc nói ngắn gọn với tôi vài lần, hoạt động duy nhất của anh ta là chơi bóng rổ một mình (và lờ đờ, không di chuyển gì nhiều). Đây là ngày thứ hai liên tiếp anh ta không nâng tạ. Cả hai đối tượng đều phàn nàn về

cảm giác chóng mặt và không có khẩu vị. Tất cả những gì họ ăn là quýt và cam.

- Penny, thứ Sáu, ngày 01 tháng 6.

Các xét nghiệm điện não đồ được tiến hành trên các vỏ não trước trán của đối tượng, vì vùng não này có nhu cầu phục hồi lớn hơn những vùng não khác, do đó nhạy cảm hơn với tình trạng thiếu ngủ. Cả hai đối tượng đều thuận tay phải và không dùng ni-cô-tin, rượu bia hoặc đồ uống có chứa xan-tin như cà phê, trà, nước uống có ga trong suốt tuần qua. Các điện cực được định vị theo hệ thống quốc tế 10/20, và tất cả kháng trở điện cực đều được giữ dưới 5kW. Dữ não đồ được thu thập từ hai mươi lăm phút xuất đơn cực trong vòng năm phút khi đối tượng nhắm mắt, để quan sát hoạt động điện sinh học ở vỏ não mà không có bất kỳ kích thích nào từ bên ngoài, Kiểm tra bằng mắt thường được sử dụng để phát hiện và loại bỏ một số kết quả sai lệch có thể thấy được, do những tác động không đáng có. Kết quả là một dữ liệu dài hai phút không bị tác động ngoại lực làm sai lệch đã được thu lại và trích xuất từ kết quả ban đầu của những bài kiểm tra điện não đồ. Kết quả chỉ ra rằng tình trạng mất ngủ kéo dài gây ra sự sụt giảm năng lượng nghiêm trọng ở phần não vùng trán, thái dương và khu vực thùy chẩm của dải tần số alpha và beta. Tuy nhiên, biên độ sóng delta của vùng thái dương và sóng theta ở thùy chẩm T6, O2 và OZ đều tăng. Theo lý thuyết, việc tăng biên độ sóng theta tương quan với sự gia tăng trong những hoạt động về nhận thức và cảm giác mệt

mỗi. Lý do tại sao hiện tượng này trở nên rõ ràng hơn khi đối tượng đang ở trạng thái liên tục tỉnh táo, khi mà các hoạt động sinh hoạt và các bài kiểm tra trí não đều rất nhẹ và dễ, vẫn chưa được giải đáp.

- Roy Wallis, thứ Sáu, ngày 01 tháng 6.

NGÀY THỨ SÁU

Thứ Bảy, ngày 2 tháng 6 năm 2018

Sharon Nash thực sự bắt đầu cảm thấy mình giống như một con chuột lang thí nghiệm. Những ngày đầu tiên của cuộc thí nghiệm trôi qua rất khó khăn, với cả đống thời gian trong tay và có quá ít việc để giết thời gian. Cô đã dành vô số giờ đồng hồ nằm trên giường nhắm mắt mơ mộng. Thỉnh thoảng cô cố ngủ nhưng không được. Trí não cô không thể thả lỏng, và khi mở mắt ra, cô ngay lập tức tỉnh táo.

Sharon đã tự thuyết phục bản thân rằng cô không cần và không muốn ngủ, tất nhiên là cũng sẽ không ngủ được trong nhiều ngày tiếp theo, nên cô để bản thân chìm vào những trang sách. Từ nhỏ đến lớn, cô luôn thích đọc sách. Cô nhớ lại những mùa hè mình đã trải qua ở ngôi nhà nghỉ dưỡng của gia đình gần sông Avon bên ngoài Toodyay, đọc những cuốn của Roald Dahl, R.L.Stine, toàn bộ tuyển tập của Nancy Drew và thậm chí vài cuốn Hardy Boys nếu không còn gì hấp dẫn hơn trên giá sách, Cô tiếp tục đọc điên cuồng trong suốt thời trung học của mình - chủ yếu là sách của Danielle Steele và J.D. Robb, thêm vài cuốn giả tưởng khác nhưng tất cả điều này đã thay đổi trong năm đầu tiên ở Đại học Curtin. Những khóa học yêu cầu đọc rất nhiều sách chuyên ngành, nên ngôn của có kha khá thời gian, Thêm vào đó là những buổi tiệc tùng và hẹn hò, khiến cô có lẽ chỉ đọc trung bình một quyển sách một năm hồi đại học. Và cô đã nghĩ mình sẽ lấy lại được thói quen cũ khi đi du lịch khắp châu Âu, nhưng có đã nhầm, bởi phần lớn thời gian rảnh đều được dành để giao lưu những người bạn du lịch mới quen, tham quan những danh lam thắng cảnh nổi tiếng, chơi trò chơi uống

rượu và vui vẻ trong các quán bar. Thời gian yên tĩnh thật sự mà cô có là vào những buổi sáng nôn nao sau cơn say xỉn, và tất nhiên đọc sách không phải là hoạt động nên làm khi ấy.

Sharon không muốn tham gia thí nghiệm ngủ. Cô hoàn toàn hài lòng với công việc của mình ở nhà hàng Ý. Mặc dù cô chỉ được trả khoảng một phần ba số tiền mà cô kiếm được trong một giờ làm việc ở Úc, nhưng số tiền boa có thể bù vào rất nhiều.

Tuy nhiên, Chad cần tiền, và anh ta đã kéo cô đi đến buổi phỏng vấn với mình.

Phải thừa nhận rằng, sau khi nghe Tiến sĩ Wallis nói về cuộc thí nghiệm, cái nhìn tiêu cực và cố chấp của Sharon hầu như tan biến. Thí nghiệm đã được chấp thuận bởi Ủy ban Bảo vệ Đối tượng con người của trường Berkeley, và không có bất cứ biến chứng lâu dài nào sau này. Hơn nữa, khoản tiền được trả phải thừa nhận là khá hậu hĩnh, và nếu cô biết cách thu vén, số tiền đó có thể giúp cô sống thoải mái cho tới khi bay về nước vào tháng Chín.

Suy nghĩ cuối cùng này khiến cô vừa vui mừng vừa buồn bã. Cô đã xa nhà gần một năm nay, và cô thương nhớ cha mẹ da diết. Cô cũng nhớ nhà nữa. Cô thậm chí không phiền nếu gặp lại thằng em lão toét đang học năm hai ở Curtin của mình.

Tuy nhiên, đồng thời, chuyến đi này cũng cho Sharon rất nhiều trải nghiệm thú vị. Cô có cơ hội làm quen với rất nhiều bạn bè tốt mà đến giờ cô vẫn giữ liên lạc trên mạng xã hội, cô có những trải nghiệm điên rồ và táo bạo mà cô tin chắc mình sẽ không bao giờ quên được, và từ sâu thẳm trái tim, cô biết ngày

chuyến bay đáp trả lại Perth sẽ là một ngày buồn và nhiều nuối tiếc.

Cô nói với Chad rằng cô có một người bạn trai đang đợi ở quê nhà, đó không phải là sự thật. Nhưng anh quá cuồng nhiệt theo đuổi vào những ngày họ mới gặp nhau ở Pamplona, cô cần nói gì đó khiến anh bình tĩnh lại. Không phải bởi anh không đẹp hay không dễ thương, anh có cả hai điều đó. Anh chỉ là có quá nhiều hoóc-môn nam tính và không đủ điềm đạm trầm lặng, điều mà sẽ hấp dẫn một người mọt sách như cô. Dù sao thì lời nói dối ấy cũng đã có tác dụng... ít nhất là trong một thời gian. Bởi khi cô đã chán ngấy Bồ Đào Nha và quyết định tới Pháp, anh đã khăng khăng đòi đi cùng... và cô đã nhượng bộ, rồi họ quen nhau kể từ đó.

Chà, ít nhất là cho tới khi thí nghiệm ngủ bắt đầu. Cô hiểu lý do tại sao Tiến sĩ Wallis không muốn các đối tượng tham gia thí nghiệm của mình dính líu đến chuyện tình cảm, bởi những mối quan hệ đó có thể thực sự gây ảnh hưởng đến tâm trí.

Dù vậy, Sharon cũng không quá lo lắng, vì cô không còn cảm xúc gì với Chad nữa. Những gì cô thấy hấp dẫn từ anh trong năm qua đã bay hơi hết trong thời gian họ mắc kẹt với nhau ở phòng thí nghiệm này. Trên thực tế, anh đang khiến cô tức điên. Tất cả những thứ về anh đều khiến cô khó chịu. Như cách anh gầm gừ như m้าย con vượn trong lúc nâng tạ, hoặc lầm bầm một mình như một người vô gia cư trong khi đi lại lại trong phòng không ngừng, hay lúc anh khoe khoang về tài nấu nướng của mình, trong khi tất cả chỉ là bắt chước mấy công thức trong sách. Lần cuối cùng anh nói bóng gió muốn được

khen (“Món enchiladas này ngon chứ, Shaz? Anh đã chế biến từng nguyên liệu đấy!”), cô chỉ muốn ném đĩa thức ăn đó vào mặt anh. Cô thậm chí còn không được dùng ti vi bởi anh xem suốt. Anh đúng là một kẻ lười biếng chết tiệt! Liệu anh có bao giờ đọc sách trong đời không nhỉ? Cô chưa từng thấy anh chạm dù chỉ là một ngón tay vào trang sách.

Tuy vậy, Sharon vẫn nhận thức được rằng tất cả những cảm xúc bức bối cô dành cho Chad đều bắt nguồn từ thí nghiệm ngủ. Bởi mỗi ngày trôi qua (hoặc nhận thức được một ngày trôi qua, dù chẳng có cái đồng hồ hay quyển lịch chết tiệt nào ở đây), cô càng ngày càng cảm thấy khó khăn hơn khi đối mặt với nỗi buồn chán này; bị quan sát cả ngày và thiếu không gian riêng tư; những câu hỏi và bài kiểm tra thể chất cũng như trí não không ngừng từ Tiến sĩ Wallis và hai trợ lý. Máy điện não đồ EEG kia là cái quái gì cơ chứ? Nghiêm túc mà nói, mớ điện cực dính chặt vào đầu khiến cô cảm thấy mình chẳng khác nào một bệnh nhân trong nhà thương điên.

Đúng, cô bắt đầu thực sự cảm thấy mình giống như một con chuột thí nghiệm rồi.

Đừng quan tâm nữa, Shaz, cô tự an ủi chính mình. Không lâu nữa đâu, cho tới khi mày thoát khỏi đây. Thêm một tuần nữa, có lẽ là vậy. Sau đó mày sẽ được tự do. Mày có thể bỏ Chad và đến Canada. Khu trượt tuyết trên núi, không khí thoáng đãng, thiên nhiên cây cỏ. Sau đó trở về nhà. Bầu trời xanh trong, bãi biển, món lasagna của mẹ và bít tết của cha trên lò nướng. Chỉ một chút nữa thôi...

Ai đó đang nói chuyện với cô. Không phải Tiến sĩ Wallis, không phải anh chàng người Ấn Độ, Là cô gái người Hàn Quốc. Tên cô ta là gì ấy nhỉ Lạy Chúa, sao cô không nhớ tên cô ta?

Cô nàng người Hàn Quốc – Penny, đúng rồi, chính là nó! – vẫn đang nói chuyện bằng thứ tiếng lơ lớ của mình, tỏ ra thân quen để đánh giá trí não của cô...

Im đi và để tôi yên! Sharon thầm nghĩ, không chịu ngẩng lên khỏi cuốn sách đang nắm chặt trong tay. *Im đi! Im đi! Im đi!*

“Chào buổi sáng, Penny.” Tiến sĩ Roy Wallis đặt khay giấy đựng một ly latte vani và một ly trà xanh lên bàn.

Penny, hôm nay mặc toàn đồ màu trắng, với tay ra đón lấy ly trà xanh và nói: “Cám ơn thấy nhiều. Thầy lúc nào cũng tốt bụng mang cho em một ly. Thầy là thầy giáo ga lăng nhất mà em biết đấy.”

“Không có gì, Penny,” anh đáp. “Và tôi phải khen ngợi em vì những đóng góp mà em đã làm cho công việc mới đúng. Tôi biết không hay lắm khi phải dậy sớm để đến đây mỗi ngày.”

“5 giờ sáng, vì em luôn tắm vào buổi sáng.”

Mặc dù nghe như một câu nói vô thường vô phật, nhưng cách cô cong môi nhấn mạnh chữ “luôn” khiến câu nói nghe có vẻ đậm đặng, như thể cô đang muốn gợi lên hình ảnh trần truồng của mình trong đầu anh.

Quả thật là trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, anh đã làm thế.

Wallis hướng sự chú ý của mình trở lại ly cà phê, nhấc nó ra khỏi khay và nói: “Tôi đã đọc những ghi chú của em, chúng được viết rất cẩn thận.”

“Cảm ơn thầy,” cô đáp. “Em đã cố gắng hết sức...”

Có thứ gì đó đập mạnh vào cửa sổ quan sát.

Penny hét toáng lên. Wallis giật mình, giơ tay lên trước mặt theo bản năng tự vệ. Cửa kính không hề hấn gì. Ở chính căn phòng thí nghiệm ngủ, Sharon đang run rẩy chỉ tay vào mặt Chad, khuôn mặt cô đỏ bừng vì căm giận.

Wallis vươn tay về phía Penny tỏ ý bảo cô bình tĩnh lại, sau đó ấn nút NGHE trên bảng điều khiển.

“...thật kinh tởm!” Sharon giận dữ. “Chúng ta sẽ phải ở chung với nhau dài dài, vậy nên hãy biết nghĩ đến người khác chút đi!”

“Thả lỏng nào, Shaz,” Chad nói. “Nó chỉ là nước tiểu thôi mà.”

“Anh không thể nâng cái bệ ngồi chết tiệt đó lên được hả?”

“Anh chưa bao giờ phải nâng bệ ngồi trong nhà cả.”

“Cho nên tôi đã phải ngồi lên đống nước tiểu của anh vào giữa đêm! Chỉ bởi vì tôi chưa bao giờ lên tiếng không có nghĩa là việc đó bình thường.”

“Thì em hãy lau nó đi nếu cảm thấy phiền.”

“Việc tiểu đúng chỗ bộ khó lắm hả? Hay nó quá nhỏ với anh?”

Chad tiến về phía cô đầy đe dọa. “Tôi thề, Shaz...”

Khi cuộc cãi vã đang tiếp diễn, Wallis Penny đổi chỗ ngồi cho nhau. Bây giờ, Wallis ấn vào nút Trò Chuyện và nói: “Sao

hai người không cho nhau chút khôn gian riêng nhỉ?"

Hai người Úc đồng thời nhìn về phía cửa sổ quan sát đầy giận dữ khó chịu. Chad giơ hay tay đầu hàng, lui về phía sofa. Anh bật ti vi lên và đeo tai nghe vào.

Sharon tiến gần đến cửa kính. "Anh ta thật ghê tởm, tiến sĩ! Ý tôi là, làm ơn! Anh có thể nói chuyện hay làm gì đó với anh ta không?"

Wallis tiếp tục nhấn vào nút Trò Chuyện. "Tôi nghĩ là cô đã nêu rõ quan điểm của mình, Sharon," anh trả lời. "Hãy đợi xem sau này anh ta sẽ thay đổi thế nào."

"Tôi thế," cô nói, hai bàn tay đang nắm chặt ở hai bên được thả lỏng ra, "nếu anh ta không nâng nổi bệ ngồi, hoặc ít nhất là đi vệ sinh đúng chỗ, tôi cũng sẽ làm thế khắp nơi!" Cô giận dữ quay gót đi về phía giường của mình và nhặt quyển sách lên. Cô ổn định vị trí quen thuộc thường ngày của mình, dựa lưng vào đầu giường, đối diện với cửa sổ quan sát. Chỉ ít phút sau, cô lại đứng dậy và đẩy giường mình xoay ngược chiều kim đồng hồ. Cô đẩy đầu giường vào hướng bảy giờ, sau đó kéo chân giường, cho tới khi chiếc giường bị xoay ngược 180 độ. Cô trở lại chỗ dựa lưng trên đầu giường của mình – chỉ là bây giờ Wallis và Penny không nhìn thấy mặt cô nữa.

"Ồ..." Penny nói. "Cô ấy có vẻ không vui. Sao cô ấy lại làm thế với chúng ta? Cô ấy đã ném gì nhỉ?"

"Thầy cũng không rõ," Wallis đáp. "Nhưng chắc không phải do chúng ta đâu, có thể là do Chad. Họ còn cãi cọ về vấn đề gì khác trong ca của em không?"

“Không, họ không nói năng gì cả. À, Shaz đã nói chuyện với em. Cô ấy hỏi họ còn phải ở trong phòng này bao lâu nữa. Nhưng thầy đừng lo. Em không nói với cô ấy.”

“Cô ấy có giận không?”

“Không hẳn, không có cảm xúc gì thì đúng hơn. Đó chỉ là một cuộc trao đổi ngắn thôi.”

“Dù vậy, thầy tự hỏi liệu việc ta che giấu thông tin về thời gian có góp phần vào sự bùng nổ cảm xúc của cô ấy không? Rõ ràng là càng ngày cô ấy càng bị hạn chế hoạt động có thể làm trong ngày, và việc bị hạn chế cả về thông tin có thể tạo ra sự chán chường và tuyệt vọng.”

“Liệu ta có nên nói với cô ấy là họ mới ở trong đó một tuần thôi không ạ?”

“Không được. Thầy chỉ nói vậy thôi, Penny.”

Penny gật đầu. “Cô ấy bắt đầu bị lúi lưỡi. Thầy có nhận thấy điều đó khi nghe cô ấy nói chuyện không? Nó không quá rõ ràng, nhưng... có nằm trong dự đoán không ạ?”

“Đó là một trong những triệu chứng của chứng mất điều hòa tiểu não, cũng là nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm khả năng điều khiển cơ thể và giữ thăng bằng của cô ấy mà chúng ta đã chứng kiến, cũng như sự bất thường trong chuyển động của con người.”

Penny có vẻ đã hiểu. “Cậu thiếu niên mà thầy từng nhắc đến trong buổi học cuối cùng của học kỳ vừa rồi,” cô nói, “người mà đã thức trong 11 ngày...”

“Randy Gardner,” Wallis gợi nhắc.

“Vâng, là anh ta – thầy đã nói rằng anh ta không bị ảnh hưởng từ việc mất ngủ. Nhưng Shaz và Chad, họ đang sấp sụp đổ, không ăn uống được gì, con ngươi trong mắt họ như long ra, giờ thì họ còn không nói được rõ ràng...”

“Thầy biết em đang ám chỉ điều gì, Penny,” Wallis trả lời, “và em có đủ lý do để lo lắng, nên hãy để thầy giải thích. Thầy chưa bao giờ khẳng định Randy Gardner không bị ảnh hưởng từ việc mất ngủ. Thầy chỉ nhấn mạnh vào các kỹ năng vận động của cơ thể và sự rõ ràng trong tư duy của anh ta sau khi kết thúc thí nghiệm. Thầy thừa nhận đó là một dạng lừa phỉnh. Nhưng hầu hết ảnh hưởng mà Randy Gardner gặp phải chỉ là mệt mỏi. Tuy nhiên, điều quan trọng cần nhớ là tất cả những triệu chứng đó điều biến mất sau một đêm ngon giấc, và anh ta không gặp bất kỳ di chứng nào về sau, cả về thể xác lẫn tinh thần.”

“Anh ta có hay cáu kỉnh như hai người kia không? Đánh nhau hay hét lên với mọi người.”

“Không,” Wallis đáp. “Không như Chad và Sharon, Randy Gardner không bị nhốt vào một căn phòng. Anh ta được đi khắp nơi mình muốn. Anh ta đi chơi bowling và ăn uống ở nhà hàng, có giao thiệp với người khác. Việc đó có thể đã làm tăng sức khỏe tinh thần của anh ta.” Nói đoạn anh nhìn xuống đồng hồ đeo tay của mình. “Mà Penny này, đã 10 giờ hơn rồi đấy. Nếu em nghĩ mình sẽ được trả thêm tiền tăng ca thì hãy suy nghĩ lại đi.”

“Được rồi, thưa thầy,” cô nói rồi đứng dậy. “Em biết khi nào em không nên ở lại. Gặp lại thầy vào ngày mai nhé!”

Sau khi Penny Park rời đi, Wallis thấy mình đang nghĩ về cô. Lúc này, khi cánh tay anh vô tình lướt qua ngực cô, cô đã không lùi lại. Trên thực tế, anh khá chắc rằng cô cố tình dựa vào tay anh trước khi anh nói muốn đổi chỗ. *Cô gái này đang chơi trò gì nhỉ?* Anh tự hỏi mình. Cô chỉ đang tán tỉnh chơi đùa anh, hay có ý định quyến rũ anh ngủ với mình?

Anh khẽ mỉm cười với chính mình, không thể chối bỏ cảm giác tự hào khi thấy mình vẫn còn hấp dẫn với mấy cô gái trẻ. Wallis châm một điếu thuốc và quay trở lại với công việc. Trong suốt hai giờ tiếp theo, sự việc không có gì đáng chú ý. Chad vẫn đang cày mấy bộ phim dài tập trên Netflix, còn Sharon thì đọc sách, đi lại trong phòng và tắm rửa. Có vài lúc, Wallis duỗi chân lên mặt bàn để cảm thấy thoải mái hơn. Chẳng bao lâu sau, hai mí mắt anh trở nên nặng hơn và anh cố gắng đấu tranh với cơn buồn ngủ đang kéo đến.

Anh giật mình tỉnh dậy, ngạc nhiên khi đã cho phép bản thân ngủ gục. Anh kiểm tra đồng hồ và nhận ra đã bảy giờ tối. Anh quan sát thấy Sharon đang xem phim, trong khi Chad – không thấy Chad đâu cả.

Hồi chuông cảnh giác rung lên, Wallis ngồi thẳng dậy.

Anh ta đã chuồn ra ngoài lúc mình ngủ ư?

Chết tiệt thật!

Anh nhấn mạnh nút Trò Chuyện. “Chad? Anh đang ở đâu? Sharon, Chad đâu rồi?”

“Sao vậy, ông bạn?” Một giọng nói cáu kỉnh đáp lại. Đầu của Chad ló ra từ phía sau bàn bếp.

Wallis thở phào nhẹ nhõm. “Anh đang làm gì vậy?”

“Nằm xuống,” Chad càu nhau.

“Trên nền đất?”

“Thì làm sao?”

Đầu anh ta biến mất bên dưới bàn bếp.

Wallis ghi lại sự việc vào máy tính xách tay, theo dõi nhịp tim của Chad trong mười lăm phút tiếp theo để chắc chắn rằng anh ta không phải đang ngủ, sau đó anh đứng dậy và vươn vai, đấm đấm lưng mình vài cái. Anh đi tới nhà vệ sinh, nhưng sau đó, thay vì quay trở lại phòng quan sát, anh quyết định ghé qua phòng làm việc trước đây của mình.

Khi lên đến tầng bốn của tòa nhà xi măng cũ kỹ, anh rẽ trái, băng qua những khoảng không gian trống trải đã từng phục vụ rất nhiều sinh viên đại học và cao học, đến văn phòng trước đây của mình ở cuối hành lang. Bước vào không gian tối tăm bên trong, một cảm giác nhớ nhung, tràn đầy hồi tưởng trỗi dậy trong tim. Không còn gì ở đó nữa, nhưng mọi thứ ùa về trong ký ức anh như chưa từng rời đi. Anh nhớ đến một vài sinh viên mình đã từng tư vấn, những vị đồng nghiệp mà anh tranh luận và giao thiệp. Những đêm ở lại làm việc tới khuya, soạn bài giảng, chấm điểm các bài luận và bài kiểm tra. Căn phòng nhỏ bé này từng là cuộc sống của anh – và giờ đây chỉ còn là những bức tường trống vô hồn đang chờ bị phá hủy.

Tiến sĩ Wallis đi đến một ô cửa sổ quay mặt về hướng Bắc, ngón tay chạm vào khung cửa, để lại một dấu vết trên lớp bụi dày. Anh nhìn ra đại lộ Hearst sau cơn mưa. Ánh đèn đường chiếu sáng vệt nước. Các vũng nước đọng lại trên mặt đường như đóng khung cho ánh trăng chìm vào.

“Tại sao con người lại già đi nhỉ?” Anh trầm ngâm thành tiếng. “Tại sao mọi thứ phải thay đổi? Sao chúng ta không mãi như vậy?”

Ai đó đang rảo bước trên vỉa hè.

Wallis nghiêng người về phía trước cho đến khi đầu chạm vào cửa sổ, nhưng người đó đã đi về phía tòa nhà Tolman và khuất khỏi tầm mắt của anh.

Anh đi ngược trở lại hành lang và xuống cầu thang dẫn đến cửa chính. Nhìn xuyên qua tấm cửa kính ra phía ngoài đường lớn, không có ai ở đó cả.

Rốt cuộc là ai nhỉ? Anh thầm nhủ.

Mặc dù khuôn viên trường đại học có thể giống như một thị trấn ma, nhưng cũng không phải là không có ai. Bất cứ ai cũng có thể tự do đến và đi khi họ muốn.

Wallis quay trở lại tầng hầm và tiếp tục quan sát các đối tượng của mình.

Penny và người bạn Jimmy Su của mình ngồi dưới bóng mát của một cây thông lớn, tán cây hình nón ngược che chắn họ khỏi cơn mưa.

“Thêm một con nữa!” Penny nói, dùng một cành cây nhỏ chọc con bọ hung đang cố gắng di chuyển trong đám cỏ ướt. “Cây này chắc bị tụi này tàn phá cả rồi.”

“Đây là cây thông” Jimmy nói, “và mấy con này là bọ vỏ cây thông, cho nên kết luận của ngài đúng trọng điểm đấy, thưa quý ngài Sherlock.”

Jimmy là người gốc Đài Loan, nhưng anh sống ở California từ bé, và có những đặc điểm giống như người California, với cơ thể săn chắc, mái tóc đen lâm tím lọn vàng, đính khuyên ở mũi, lưỡi và vành tai.

Anh và Penny trở thành bạn của nhau từ tuần đầu tiên nhập học, và vì anh chưa từng một lần buông lời tán tỉnh cô nên cô nghĩ anh là người đồng tính, mặc dù anh chưa bao giờ thừa nhận điều này và cô cũng chưa bao giờ hỏi. Điều đó không quan trọng đối với cô. Cô chỉ đơn thuần hài lòng kết bạn với một người con trai mà mình có thể thỉnh thoảng đi chơi cùng.

Tuy nhiên, kể từ khi nhận công việc bán thời gian vào mùa hè với tư cách là phụ tá cho một người trồng cây, anh bắt đầu hành động hơi quái dị. Chẳng hạn, anh sẽ dừng lại trước vài cái cây bất kỳ, đặt tay lên thân chúng và nhắm mắt lại, cứ như đang trò chuyện qua tâm thức với chúng. Anh cũng có thể nhồi nhét vào đầu cô cả đống kiến thức ngu ngốc về cây cỏ. Chỉ mới năm phút trước, anh còn nói với cô rằng cây thông mà họ đang ngồi bên dưới là một trong hơn một trăm giống cây thuộc chi Thông, được phân biệt dựa trên các đặc điểm của lá, hình dạng nón và hạt, hơn nữa nó còn là món ăn yêu thích của loài khủng long mỏ vịt.

Chẳng cần phải nói cô mong đợi Jimmy ngày xưa quay trở lại vào cuối mùa hè như thế nào.

Penny tiếp tục chọc con bọ hung: “Làm thế nào mà cậu biết con này là bọ vò thông? Nó nhìn chẳng khác mấy con bọ hung bình thường là mấy.”

“Nó chắc chắn là một con bọ hung vỏ thông” Jimmy chắc nịch.

Cô giãm bẹp nó bằng gót giày của mình.

“Này! Sao cậu lại làm vậy?”

“Mình ghét lũ bọ hung. Vả lại, chúng đang giết chết cái cây này.”

“Chúng ta đâu có biết chắc. Hầu hết bọ thông đều sống trên vật chủ đã chết hoặc sắp chết, có nghĩa là có thể cái cây này đang sắp chết rồi.”

Penny ngược lên nhìn ngọn thông cao chót vót. “Nó trông vẫn có sức sống đó chứ.”

“Cậu không thể biết nó có đang bị bệnh hay không khi chỉ nhìn bằng mắt thường. Mình cá là nếu chúng ta bóc một chút lớp vỏ thân cây ra thì tầng phát sinh gỗ sẽ có màu nâu và khô...”

“Chúa ơi,” cô thốt lên, đập tay vào trán. “Đây có phải là dấu hiệu tương lai của cuộc đời mình không?”

Jimmy cau mày. “Có gì sai khi hiểu biết về cây cối chứ? Cậu có nhận ra rằng nếu không có chúng thì tất cả những sinh vật trên Trái Đất này đều sẽ biến mất.”

“Đúng, đúng,” cô đáp. “Và mình cũng nhận ra rằng đã đến lúc phải kết thêm bạn mới.”

“Tuyệt! Mình hy vọng cậu sẽ có thêm nhiều bạn bè. Như vậy thì sẽ có người khác ngồi đây chịu rét chịu ướt với cậu chứ không phải là mình. Mà rốt cuộc thì chúng ta đang làm cái quái gì ở đây vậy?”

“Mình nói với cậu rồi mà. Đợi Tiến sĩ Wallis.”

“À ừ nhỉ, cậu muốn ngủ với thầy ấy. Nhưng cậu có thực sự nghĩ việc bám đuôi như thế này sẽ là cách tốt nhất để đạt được mục đích của mình?”

“Mình không phải là một kẻ bám đuôi!” Cô phẫn nộ đính chính.

“Cậu đang ngồi dưới một lùm cây vào giữa đêm khuya, say xỉn, lén lút đợi thầy ấy về nhà. Đối với mình thì đó là bám đuôi rồi. Tại sao cậu không đi hẳn vào tòa nhà để gặp thầy? Dù gì thì hai người cũng làm việc chung với nhau mà.”

“Bởi vì Guru sẽ đến để thay ca trong vài phút nữa.”

“Cho nên?”

“Cho nên, mình không muốn cậu ta nhìn thấy mình lại...”

Cô chợt ngừng lại. Suýt chút nữa cô định thốt ra rằng mình lại tán tỉnh thầy, nhưng cô vẫn chưa nói với Jimmy về việc Tiến sĩ Wallis đã từ chối cô sáng nay. Thật sự đáng xấu hổ. Lời từ chối khiến cô đau đớn, và nó trở thành nỗi nhức nhối trong cô cả ngày nay.

Mặc dù vậy, càng nghĩ về những chuyện đã xảy ra, cô càng chắc chắn rằng lý do duy nhất mà tiến sĩ từ chối mình chỉ là anh là thầy giáo của cô mà thôi. Anh đang cố gắng giữ khoảng cách đúng mực. Nhưng tất nhiên là anh vẫn thầm thích cô. Giờ anh đã ngoài 40, còn cô vẫn trẻ trung và quyến rũ. Anh không thể nào chối từ thêm lần nữa, nếu cô bỏ qua phần trò chuyện mà đi thẳng sang tiết mục phô bày thân thể xinh đẹp đã sẵn sàng của mình.

Đó là lý do tại sao cô mời Jimmy tới căn hộ của mình (cậu ta sống ở tầng hai trong cùng một tòa nhà) để uống vài chén. Kế

hoạch là làm trông như cô vừa tiệc tùng cả đêm với lũ bạn và chỉ tình cờ đi ngang qua tòa nhà Tolman trên đường về.

Penny uống thêm một ngụm vodka pha nước cam từ chai rượu nhỏ màu bạc của Jimmy, và cô suýt chút nữa đã uống cạn.

“Này!” Jimmy phản ứng. “Cậu không sao đấy chứ?”

Mắt cô ngắn nước, gật đầu.

“Hít sâu nào...”

Cô nuốt vị chua bỗng rát xuống cổ họng và hít thở sâu. “Phù.” Cô phát ra âm thanh theo từng nhịp thở.

“Có lẽ đây không phải là ý hay,” anh nói. “Chúng ta vẫn còn rất nhiều để phải uống hết. Hay ngày mai quay lại...”

“Suyt!” Penny nói, phát hiện Guru đang băng qua đường tiến về hướng cửa chính của tòa nhà. “Anh chàng đầu trọc tới rồi kìa! Sẽ không phải đợi lâu nữa.”

Wallis kiểm tra đồng hồ đeo tay của mình Guru bước vào phòng. 9 giờ 45 phút tối. Đầu Guru vẫn trọc lóc, nhưng cậu ăn mặc lịch sự hơn trong bộ cánh mới: chiếc áo sơ mi màu hồng cùng quần jean xanh đậm và một đôi giày lười bằng da màu rượu vang do Burgundy.

“Em mang phong thái của thầy rồi đó, anh bạn trẻ!” Wallis tán thưởng. “Mặc giống hệt tôi vào ngày nghỉ.”

“Thầy khen em quá rồi,” Guru đáp lại chân thành. “Em nợ thầy một ân tình rồi đó ạ.”

“Ân tình? Chẳng lẽ em đã kiếm được một người vợ thích hợp rồi hả?”

“Không, vẫn chưa ạ, nhưng em chắc rằng sẽ sớm thôi.” Cậu giơ cao cặp sách của mình lên. “Thầy ngủi thấy gì không?”

Wallis cười khẩy. “Thầy ngủi thấy mùi gì đó, nhưng không phải đồ ăn nhanh của McDonalds.”

“Không phải hôm nay! Thầy nhìn này!” Cậu đặt chiếc cặp lên bàn và lấy từ trong ra một chiếc túi giấy có logo của Chipotle trên đó. “Xin hân hạnh giới thiệu với thầy – Chipotle!” Cậu phát âm tên của chuỗi nhà hàng là Chơ-pô-til.

“Nó đọc là Chơ-pốt-lây, Guru ạ.”

“Thầy biết cửa hàng này hả?”

Wallis nhướng mày. “Em sao đấy hả? Đây là một trong những chuỗi cửa hàng ăn nhanh lớn nhất đất nước đó. Em chưa từng nghe tới nó cho đến hôm nay hả?”

“Chưa ạ, chưa bao giờ. Em chưa bao giờ để ý kỹ tên mấy hàng ăn. Nhưng khi đi dạo sáng nay, và nhìn thấy Chơ-pốt-lây, em chợt nghĩ thầy nói đúng. Em cần thay đổi chế độ ăn của mình. Vì vậy em bước vào bên trong và gọi một bát Burrito, và thật kì diệu, em được phép tự chọn nguyên liệu cho riêng mình!”

“Đó là cách nó hoạt động đó, Guru. Như một dạng bánh mỳ Subway của Mexico ấy.”

“Bánh mỳ Subway? Nó là cái gì? À! Em hiểu ý thầy rồi, tất nhiên là em biết bánh mỳ Subway là gì. Nhưng bánh mỳ kẹp kiểu Mỹ chưa bao giờ hấp dẫn đối với em.”

“Nhưng burger Mỹ thì có?”

“Không ạ, em chỉ đặt gà viên chiên ở McDonald’s thôi.”

“Mỗi ngày?”

“Đúng thế, mỗi ngày. Nhưng bây giờ em biết tới Chơ-pốt-lây rồi, em sẽ không bao giờ quay trở lại McDonald’s nữa.”

“Được rồi, giờ thầy về đây. Guru, em làm thầy ngạc nhiên đấy.” Wallis đứng dậy và thu gọn tài liệu của mình cho vào túi xách. “Chad và Sharon đã im lặng trong hầu hết cả ngày nay. Họ có tranh cãi một chút. Em có thể đọc những ghi chép của thầy. Bây giờ có thể họ đang nhường nhịn nhau, nhưng nếu có chuyện gì xảy ra, thì em biết số điện thoại của thầy rồi đó.”

“Thầy đừng lo. Em có thể xử lý được.”

Trời đã tạnh mưa, nhưng không khí ban đêm vẫn thật ẩm ướt và lạnh lẽo, mùi đất bốc lên sau cơn mưa thật dễ chịu. Wallis đang đi về phía đông dọc theo đường Bayard Rustin thì nghe thấy tiếng gót giày lạch cách trên con đường phía sau mình.

“Thầy Roy!”

Anh quay lại và thấy Penny Park đang chạy về phía mình, trên đôi giày cao gót màu đỏ và mặc áo khoác da ngắn.

“Penny?” Anh ngạc nhiên. “Em đang làm gì ở đây? Ca làm của em là vào sáng sớm cơ mà.”

“Tất nhiên ạ, em biết mà,” cô đáp, bước đến bên cạnh anh. “Em đến tìm thầy!”

Wallis không ngửi thấy mùi rượu trong hơi thở của cô, nhưng anh có thể nhìn thấy nó trong ánh mắt cô và cách cô nói chuyện.

“Đồ em mặc là để đi chơi đêm,” anh nhận xét.

“Em đi chơi về rồi. Với bạn em, Jimmy và vài người khác. Nhưng em cảm thấy chán.”

“Nên em đến tìm tôi?”

“Vâng.” Cô chớp đôi lông mi giả và tóm lấy cánh tay anh. “Điều đó tệ lắm ạ?”

Wallis nhìn qua vai cô nhưng không thấy ai ở gần. Anh quay lại nhìn Penny. Cô đang mỉm cười đầy mong đợi. “Penny, tôi không thể đi với em được.”

Cô giật dỗi. “Sao lại không ạ?”

“Tôi là thầy của em.”

“Thì sao ạ? Các tiến sĩ được phép đi chơi với sinh viên của mình mà. Với lại, em cũng 21 tuổi rồi.”

“Điều này không thích hợp cho lắm.”

“Ai thèm quan tâm chứ!” Cô khăng khăng. “Không ai thấy chúng ta đâu! Không có ai ở trường bây giờ hết.”

Wallis thấy mình thực sự đang cân nhắc lời mời gọi của cô gái. Nhưng: Không – không thể được!

Penny có lẽ đã cảm nhận được sự do dự từ anh, liền năn nỉ: “Thôi nào, thầy Roy. Chúng ta đến một nơi nào đó nhỏ bé và yên tĩnh nhé?”

“Xin lỗi, Penny,” anh đáp. “Không phải tối nay.”

“Em cá là sẽ rất vui cho mà xem,” cô nhẹ nhàng, tựa hồn ngực về phía anh.

“Không, Penny,” anh kiên quyết. “Thầy sẽ gọi xe cho em.”

“Aaa...” Cô nắc lên.

“Em đã uống bao nhiêu vậy?” Anh hỏi.

“Không nhiều lắm,” cô đáp. “Và thầy không được gọi Uber cho em.”

Anh cau mày. “Tại sao lại không?”

“Em không tin họ. Thầy có biết có bao nhiêu cô gái mất tích trên Uber không?”

“Chúng cũng an toàn như tắc-xi mà.”

“Em cũng không tin tắc-xi.”

“Vậy em đến đây bằng cách nào?” Anh không nghĩ là xe buýt, nhìn vào cách cô ăn mặc là biết.

“Jimmy đưa em tới.”

Wallis nhíu chặt đôi lông mày của mình. “Thế em tính về nhà bằng cách nào?”

Cô lại nấc cụt. “Thôi nào, thầy. Đi chơi với em đi!”

“Tôi sẽ lái xe đưa em về nhà.”

“Nhưng em muốn đi chơi!”

“Penny, hoặc là tôi đưa em về, hoặc là đêm nay em ở lại với Guru. Tùy em.”

“Chúa ơi! Được rồi, xe thầy để ở đâu vậy ạ?”

Wallis dẫn cô đi về phía xe anh ở gần bãi đậu xe Crescent.

“Một chiếc Audi!” Penny thích thú. “Em không biết thầy kếc xù như thế đấy ạ.”

“Thầy không có con để tiêu hết tiền của mình.” Anh ngay lập tức cảm thấy hối hận vì câu trả lời này.

Penny sững người một lúc. “Vậy là thầy chưa kết hôn phải không ạ?”

“Chưa,” anh đáp gọn.

“Bạn gái thì sao?”

“Vào xe đi, Penny.”

Anh ấn nút Mở trên chìa khóa từ rồi ngồi vào phía sau tay lái và đóng cửa lại. Penny cũng leo lên ghế phụ, cánh cửa tự động đóng lại ngay sau đó.

“Tuyệt thật!” Cô tán thưởng.

“Nhà em ở đâu?”

“Thầy không cần tìm trên GPS đâu. Em sẽ chỉ đường cho thầy. Böyle giờ rẽ trái vào đường Oxford.”

Wallis đi theo chỉ dẫn, xe anh là chiếc duy nhất xuyên màn đêm trên con đường rộng lớn.

“À,” anh lên tiếng, nghĩ đến một chủ đề an toàn nào đó để phá vỡ sự yên lặng.

“À?” Cô lặp lại một cách tinh nghịch.

Cô gái này thật hết nói nổi! Anh thầm nghĩ.

“Tôi nghĩ là mình chưa bao giờ hỏi em,” anh nói. “Kế hoạch của em sau khi tốt nghiệp vào năm tới là gì? Em định làm công việc gì?” Anh nhanh chóng nói thêm về sau, để cô không nghĩ anh muốn nói đến chuyện kết hôn hay mấy thứ vớ vẩn tương tự.

“Em muốn trở thành một ngôi sao K-pop.” Cô thở dài. “Nhưng em hát không hay nên không nghĩ việc đó sẽ trở thành sự thật. Thực ra thì em muốn làm một công việc nào đó có thể đi đây đi đó. Em muốn tới Paris, London, Đài Loan và Lào. Em muốn đi vòng quanh thế giới.”

“Vậy em học sai ngành rồi,” anh nhận xét.

“Ý của thầy là ngành Tâm lý học?” Cô bật cười. “Ôi trời, tiến sĩ ơi. Đó không phải là ngành học chính của em. Em học

Thương mại Quốc tế cơ.”

Wallis liếc nhìn cô. “Nhưng em tham dự tất cả các khóa học của tôi học kỳ trước. Điều đó chắc hẳn phải ngốn phần lớn thời gian của em cho các môn học chuyên ngành chứ?”

“Đúng là em đã tham dự tất cả các lớp học của thầy. Thầy có muốn biết một bí mật không ạ?”

Anh không chắc mình muốn biết hay không nhưng vẫn kiên nhẫn lắng nghe.

“Em cũng đã tham dự lớp Tâm thần học của thầy vào năm nhất,” cô tiếp tục. “Thầy chắc không nhớ đâu, bởi lớp đó rất đông, phải đến năm trăm người ấy ạ.”

Đúng là anh không nhớ thật.

“Em thực sự thích,” cô nói. “Ý em là, em học lớp đó bởi nó là một trong những môn học bắt buộc của năm nhất. Nhưng sau đó, em có say nắng thầy chút xíu.”

Wallis nắm tay lái chặt hơn. “Tôi nên rẽ hướng nào đây?” Họ đang gần đến đường Bancroft.

“Con phố tiếp theo, rẽ phải.”

“Đường Durrant?”

“Vâng, rồi đi thẳng thêm hai khúc nữa. Dù sao thì, đó cũng là bí mật của em.”

“Được rồi, vậy cảm ơn em đã nói với tôi, Penny. Tôi rất, hừm, vui, chắc là vậy.”

“Giờ thì tới lượt thầy,” cô nói. “Nói em nghe một bí mật đi ạ.”

“Tôi không nghĩ thế.”

“Tại sao lại không?”

“Vì tôi không có bí mật.”

Cổ bật cười. “Ai mà chẳng có bí mật của riêng mình chứ. Đến rồi, dừng xe. Chúng ta đến nơi rồi à.”

Wallis nhán chân phanh. “Ở đây?”

Cô chỉ tay qua cửa sổ xe về phía một tòa nhà sinh viên sáu tầng được sơn màu đỏ, nâu và bạc. Phía trên cửa ra vào là cái tên: VARSITY.

“Em biết điều đó mà, thưa thầy.”

“Ý tôi là, em đã có thể tự đi bộ về.”

“Trên đôi giày cao gót này ư? Cám ơn, nhưng không đâu ạ! À,” cô nói, quay mặt sang anh, “em thích ở trong xe của thầy.”

“Em nên về nghỉ ngơi đi, Penny.”

“Thầy có muốn vào trong không?”

“Không.”

“Chỉ một lát thôi.” Cô chạm vào tay anh.

“Không.”

“Sao lại không chứ” Có đưa người lại gần, cổ áo khoác để lộ khe ngực ẩn hiện trong chiếc váy khoét sâu.

“Em đi quá giới hạn của mình rồi đấy,” anh nói.

“Em thích đạt được thứ mình muốn.” Cô càng lúc càng dựa người về phía anh gần hơn.

“Penny, em nên về đi,” anh khuyên nhủ.

Nhưng môi cô đã chạm vào môi anh mất rồi. Nụ hôn của cô mạnh bạo, và anh thấy mình đang hôn đáp trả lại cô. Cô đặt một tay lên ngực anh, sau đó cổ gắng di chuyển cơ thể của mình để có thể ngồi vào lòng anh. Điều này có vẻ khá khó khăn trong không gian chật hẹp, và cô quyết định chỉ di chuyển tay về phía quần của anh...

“Penny,” anh nói, giọng khàn khàn. Anh nắm chặt cổ tay cô. Đôi mắt cô chỉ cách anh vài phân, long lanh, hoang dại và nồng nhiệt. “Em nên về nghỉ ngơi đi.”

Anh chắc chắn rằng cô sẽ phản đối, và anh đã sẵn sàng tự thuyết phục bản thân mình đến cùng, nhưng cô chỉ đơn thuần là ngồi lại vào ghế của mình. Nở một nụ cười yếu ớt, cô nói: “Gặp lại thầy vào ngày mai,” sau đó bước ra khỏi xe và đóng cửa lại.

Wallis dõi theo cô cho đến khi cô bước vào bên trong tòa nhà, và chỉ khi đó anh mới tự hỏi người mà anh nhìn thấy ở bên ngoài từ cửa sổ phòng làm việc cũ của minh liệu có phải là Penny.

“Lạy Chúa,” anh thốt lên trong sự bối rối cực độ, sau đó phóng chiếc Audi về nhà.

Anh không về nhà.

Anh chắc chắn mình sẽ không tài nào ngủ được. Thay vào đó, anh ghé qua The Hideaway, một quán rượu mang hơi hướng cướp biển ở quận Fillmore của San Francisco. Nơi này được mô phỏng theo phong cách cướp biển vùng Caribbe, mở cửa muộn, luôn ồn ào và tự hào về bộ sưu tập rượu rum lớn nhất cả nước.

Wallis đã chiếm ngay được một vị trí quầy bar, và anh nhanh chóng được chào đón bởi Julio, chủ quán kiêm trưởng quầy pha chế, người mà có lẽ là duy nhất ở thành phố này đam mê rượu rum hơn anh.

“Ô hô hô, Roy,” Julio lớn tiếng chào đón. “Tôi nay anh muốn uống gì? Như cũ hay muốn tham gia một chuyến du ngoạn đây?”

Chuyến du ngoạn mà anh ta muốn nói đến ở đây là cho Wallis uống hết hơn trăm loại đồ uống có trong thực đơn. Anh đã đi được nửa quãng đường rồi, từ những ly thời quán rượu kiểu thuộc địa cho đến những thức uống sáng tạo hơn của Havana, hay cả những loại cocktail phức tạp được tạo nên từ mười nguyên liệu.

“Đồ uống tiếp theo trong chuyến đi sẽ là gì nhỉ?” Anh hỏi.

“Tôi không nghĩ là anh đã thử qua một ly Rum Flip đâu. Trứng, rượu Demerara, nhục đậu khấu tươi xay và tất nhiên là cả rượu rum hảo hạng được chọn lựa kĩ càng.”

“Ăn tối và thưởng thức một ly. Nghe thú vị đấy, người anh em.”

Julio quay sang pha chế đồ uống, còn Wallis rút điện thoại ra khỏi túi. Anh mở ứng dụng tin nhắn. Tin nhắn cuối cùng là từ Brook, cảm ơn anh về bữa tối đêm hôm trước. Anh trả lời bằng một biểu tượng cảm xúc nắm tay với ngón cái chĩa lên trên. Vào thời điểm đó, nó có vẻ phù hợp, nhưng nghĩ sâu xa hơn thì nó có vẻ quá xuề xòa, không thể hiện đủ cảm xúc và thậm chí có phần khen kiêu, khi mà anh đã dành cả đêm trong căn nhà nỗi của cô.

Suy nghĩ này khiến anh cảm thấy tội lỗi hơn, đặc biệt là sau cuộc gặp gỡ lúc trước với Penny, và anh tiếp tục gõ:

Anh cũng đã có một buổi tối rất vui vẻ. Em thật tuyệt vời!
Khi nào thì chúng ta gặp lại?

Anh đặt điện thoại của mình xuống. Người phụ nữ ngồi trên chiếc ghế bên tay trái anh nói gì đó.

“Xin lỗi?” Anh hồ nghi. Cô khoảng 30 tuổi, mái tóc vàng đậm có chút sắc nâu.

“Một kẻ khốn, vô lại, xấu xa hay bất lương. Anh thuộc loại nào?”

“Chúng đều có một nghĩa mà,” anh đáp.

Cô nâng ly cocktail của mình lên tỏ vẻ cảm kích.

Julio quay trở lại với một ly pha chế màu vàng trong như thứ bạn sẽ uống vào buổi sáng Giáng sinh.

Wallis nhấp một ngụm. “Ngon như mong đợi, anh bạn,” anh khen.

Julio nói ra tên loại rượu rum mà mình đã dùng rồi quay trở lại phục vụ những vị khách khác.

“Khách hàng quen?” Cô nàng tóc vàng hỏi anh.

“Tôi chưa từng thấy cô trước đây.”

“Một người bạn của tôi đã giới thiệu địa điểm này vì không khí nơi đây.” Cô nhếch môi cười. “Cô ấy lẽ ra nên gợi ý nó cho một người đàn ông mới phải.”

Wallis nghiên cứu kỹ hơn người phụ nữ: Chiếc váy màu xanh lá bó sát, dài đến đầu gối, đôi giày cao gót ánh vàng khiến cô vừa giống “gái làng chơi” vừa nhìn có chút thanh lịch. Tuy nhiên, đồ trang sức của cổ trông có vẻ thật, cách trang điểm cũng không quá lố... nên anh vẫn chưa thể xác định liệu cô có hứng thú thật với mình hay chỉ đang mời khách.

“Vậy bạn của cô có tới đây với cô không?” Anh hỏi.

“Tôi tới một mình.”

Anh đang không biết nói gì tiếp thì điện thoại rung lên.

“Xin lỗi,” anh nói, mở ứng dụng nhắn tin. Đó là một tin nhắn từ Brook:

Chào Roy. Em không phải làm việc tối nay. Em vừa làm xong mỳ Ý và salad. Nếu anh muốn ghé qua thì vẫn còn dư rất nhiều đấy. Nhưng em hiểu nếu anh tan ca trễ và cảm thấy mệt mỏi... Cứ nhắn lại cho em biết nhé.

Wallis nhoẻn miệng cười. Đúng là Brook: chân tình, rụt rè và lịch sự.

Anh cảm thấy tội lỗi hơn vì những gì đã diễn ra với Penny... và cả suy nghĩ thoáng qua rằng anh nên mời người phụ nữ bên cạnh một ly rượu.

Anh đứng dậy. “Thật không may, một cuộc gọi công việc.”

“Công việc... hay nhân tình?” Người phụ nữ hỏi.

Wallis do dự, “Rất vui vì được nói chuyện với cô.”

Cô ấy đưa bàn tay gầy gò về phía trước. “Tôi là Liz.”

“Roy!” Anh đáp, run rẩy bắt lấy tay cô.

“Chúng ta sẽ gặp lại nhau ở đây chứ, Roy?”

“Cô ấy là một trong những người bạn tâm giao của tôi.”

“Thật là một cô gái may mắn,” có nói, đôi mắt thoảng nhìn vào điện thoại trên tay anh.

“Không, tôi mới là người may mắn,” anh đáp, sau đó rời đi và nghỉ thầm: *May mắn hơn những gì tôi xứng đáng nhận được.*

NGÀY THỨ BẢY

Chủ nhật, ngày 3 tháng 6 năm 2018

Wallis có một giấc mơ ám ảnh mình suốt thời thơ ấu, đến thuở thiếu thời và cả thời điểm hiện tại. Lúc ấy anh khoảng 7 hoặc 8 tuổi, đang đi dọc con phố đông đúc toàn khách du lịch và các dãy cửa hàng bán đồ trang sức, cốc cà phê và nam châm giá rẻ. Một con tàu du lịch khổng lồ cập cảng, đậu sừng sững ở bến tàu như một lâu đài thời hiện đại.

Roy không thể nhìn thấy thứ gì đang bám theo mình, nhưng anh biết nó ở đó. Nó luôn ở đó và dõi theo anh. Đây là lý do của nỗi ớn lạnh kinh hoàng trong anh: sự bất lực và không thể thoát ra khỏi vận mệnh. Thứ đã tóm được anh cả trăm lần trước đây, và nó sẽ luôn bắt kịp anh thêm cả nghìn lần nữa trong tương lai.

Dù vậy, anh vẫn tiếp tục len lỏi qua đám đông ồn ào, tiếp tục ngoài đầu lại phía sau để tìm kiếm kẻ đeo bám không thể nhìn thấy của mình, tiếp tục đấu tranh với những giọt nước mắt luôn chực trào. Anh có một ham muốn tốt cùng là tiếp cận một viên cảnh sát đang điều khiển giao thông bên vệ đường để xin sự giúp đỡ. Nhưng anh không làm vậy, vì anh đã từng làm thế, trong giấc mơ trước, và vị cảnh sát đó không những không thể giúp anh mà còn khiến anh chậm lại để kẻ đeo bám kia có thể đuổi kịp.

Roy bắt đầu chạy. Anh va phải người trên đường, làm đổ những quầy đồ lưu niệm và gọi cha mẹ mình, nhưng họ chẳng giúp được gì cả. Họ đã chết. Họ chết ở đây, ở Bahamas này. Chiếc du thuyền bị lật được một ngư dân phát hiện cách đảo Paradise hai mươi hải lý. Thi thể của họ không được tìm thấy. Bi kịch này

xảy ra khi Roy đang là sinh viên năm nhất của trường Đại học Los Angeles, và bản thân anh trước đây chưa từng đến thăm bất kỳ hòn đảo hay vịnh nào trong quần đảo này, nhưng tâm trí anh quá rối bời cho những suy nghĩ kỹ càng và hợp lý.

Đám đông khách du lịch và người dân địa phương thưa dần, và trước khi kịp nhận ra, anh chỉ còn lại một mình trên phố. Nhà thờ Công giáo Roman mà anh thường đến cùng cha mẹ vào mỗi sáng Chủ nhật vẫn sừng sững ở góc phố. Anh vội vã chạy về phía cánh cổng mở hé, lao vào sảnh chính bên trong. Nội thất không giống như những gì anh nhớ. Không có những băng ghế dài trải khắp sàn gỗ cứng. Những dải tường vy leo cao phủ đầy các bức tường đá và vây kín những ô cửa kính màu. Những đường viền khuyết và mái che mở ra khoảng giếng trời màu xanh lam to rộng.

Vì một lý do nào đó, người ta đã bỏ hoang nhà thờ này, để mặc nó tàn lụi theo thời gian, và Chúa cũng rời đi.

Điều đó có nghĩa là ở đây không mang lại sự an toàn. Anh phải đi. Anh phải tìm ra một nơi nào đó tốt hơn để trốn...

Nhưng quá muộn rồi.

Cánh cửa nhà thờ đã đóng lại. Không gian trở nên tăm tối.

“Không,” anh rên rỉ, và một phần trong anh biết rằng anh đã thốt ra bằng lời từ đó trên chiếc giường anh đang nằm.

Bóng đêm vẫy gọi anh, anh tiến về phía nó, không thể chống cự. Ra đến cửa, Roy có thể cảm nhận được lũ quỷ dưới địa ngục đang ở phía bên kia. Anh từng xuất hiện cảm giác này, nhưng chưa bao giờ nhìn thấy chúng. Không có những con người dữ

tợn hay hàm răng sắc nhọn. Nó chỉ rất lớn, khổng lồ. Nó khiến anh cảm thấy mình nhỏ bé như một hòn đá dưới chân núi.

Wallis bật dậy, nuốt ngược dịch mật chực trào ra khỏi cổ họng.

Ánh mặt trời chói lóa khiến anh nheo mắt. Phải mất một lúc anh mới nhận ra mình đang ở trên giường của Brook. Cảm giác này luôn xuất hiện khi anh thức dậy trên giường của một người phụ nữ – một nơi không phải là nhà và có thể là nơi anh không nên ở lại – vây chặt lấy anh. Tuy nhiên, nó rất nhanh được thay thế bởi cảm giác khác: một sự vô ưu. Ác mộng không phải thứ đáng quan tâm, thật tuyệt khi được thức giấc trong phòng ngủ của Brook. Những tia nắng ban mai ấm áp chiếu xuyên qua ô cửa sổ, hương dâu của ga trải giường thoang thoảng, sự di chuyển nhịp nhàng của căn nhà nổi theo từng gợn sóng. Nội thất đều bằng gỗ tự nhiên và thêm những món đồ trang trí thủ công chiết trung, khiến ta cảm giác như được thức dậy trong một căn nhà gỗ trên cây dễ thương thời thơ ấu.

Lau những giọt mồ hôi trên trán và cố quên đi cảm giác sợ hãi còn đọng lại từ giấc mơ, anh gọi, “Brook?”

Không có tiếng trả lời.

Căn nhà nổi không lớn, anh cũng không nghe thấy tiếng nước chảy, có nghĩa là cô đã ra ngoài.

Anh gạt chăn sang một bên, tìm kiếm quần áo của mình mà anh nghĩ chắc hẳn phải ở đâu đó trên sàn nhà, nhưng cuối cùng anh lại thấy chúng được gấp gọn gàng trên chiếc ghế nơi góc phòng.

Brook đã để lại lời nhắn trên một tờ giấy nhớ màu hồng dán bên trên:

Lại là một ngày thứ Bảy, lại là một ngày phải làm ca sáng. Trước khi biết anh, em vẫn luôn mong đợi được nhìn thấy anh mỗi khi anh tới để uống một ly latte vani. Còn bây giờ thì em phải mong ngóng điều gì đây?

Hãy tự nhiên làm những gì anh muốn nhé. Gọi lại cho em.

xoxo

Wallis kiểm tra điện thoại và chìa khóa trong túi áo khoác của mình rồi rời đi, sau khi đảm bảo rằng cửa nẻo đã được khóa cẩn thận. Một buổi sáng đầy nắng và mát mẻ, không khí trong lành và hơi ẩm bởi sương sớm, anh cảm thấy tràn đầy năng lượng. Anh nhìn thấy một quán cà phê bên kia đường và cảm thấy đói rã, đêm qua anh đã không thưởng thức món mỳ Ý của Brook. Liếc nhìn đồng hồ và thấy đã gần 9 giờ sáng. Hiếm khi anh ngủ dậy trễ tới vậy.

Wallis ngồi xuống quầy bánh và gọi một chiếc bánh quy cùng kem tươi, trái cây theo mùa, đường mịn và xi rô phong. Sau đó, anh gọi thêm một ly cà phê mang đi và dạo qua công viên ngát hương thơm của bạch đàn và hồi hương dại. Khi đến gần xe mình, anh nhìn thấy một tờ giấy nhỏ kẹp bên dưới chiếc cân gạt nước. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, anh đã nghĩ đó là một lá thư ngọt ngào nữa đến từ Brook. Anh cầm tờ giấy lên – giấy phạt 83 đô-la vì đậu xe ở khu vực cấm.

Anh vo tròn tờ giấy, ném nó vào hộp cẩn điều khiển (*nơi Penny đã cố gắng trèo qua để ngồi vào lòng mình, anh nhớ lại với cảm giác ăn năn*), rồi ngồi vào sau tay lái. Còn hơn năm tiếng

nữa mới đến ca làm việc. Thay vì lái xe về thẳng nhà, anh ghé vào một tiệm trang sức chỉ cách căn hộ của mình vài dãy nhà, nơi anh đã mua rất nhiều nhẫn và khóa thắt lưng đặt làm. Không gian bên trong nhỏ và hiện đại, ánh đèn tập trung chiếu rọi những mặt dây chuyền bạc sáng lấp lánh, những chiếc nhẫn xếp chồng lên nhau một cách đẹp mắt, vòng tay, và vô số những tạo tác khác của thợ kim loại kim và nghệ nhân địa phương.

“Roy!” Beverley St. Clair, một nghệ nhân chào đón anh từ phía sau quầy kính. Mái tóc màu trắng được cắt ngắn và vuốt thẳng, nước da rám nắng, cô nàng đeo một cặp kính hai tròng của Ben Franklin hình mai rùa và khoảng chín cân bạc quanh cổ. Cô đã thiết kế chiếc nhẫn vàng có khắc ký hiệu cho riêng gia đình anh mà anh vẫn luôn đeo ở ngón giữa trên tay phải. “Thật vui khi lại thấy anh,” giọng nói Đông Âu của cô luôn khiến anh liên tưởng đến Bá tước Vlad,

“Chào buổi sáng, Bev,” anh nói, dừng chân bên quầy hàng.

“Chiếc nhẫn nào cho chuyến ghé thăm của anh ngày hôm nay? Anh biết là mình có rất nhiều nhẫn calavera rồi chứ, tôi luôn nghĩ một thiết kế hình vua sư tử là lựa chọn hoàn hảo. Loại lớn, 150 gram bạc nguyên chất. Kim cương hoặc hồng ngọc làm mắt. Hay có thể là lục ngọc cho mới lạ.”

“Thật ra, Bev, hôm nay tôi không đến để mua cho bản thân mình.”

“Ồ?” Cô nói, đôi lông mày nhướng lên tỏ vẻ tò mò,

“Một thứ gì đó cho bạn gái.” Anh giơ tay lên. “Không phải kim cương. Không nên quá hào nhoáng hay lấp lánh. Cái gì đó –

không phô trương nhưng vẫn có cá tính. Cô có thể giúp tôi không?"

"Tất nhiên rồi, Roy. Tại sao không chứ? Đợi một chút, tôi đi lấy giấy phác thảo."

"Cuối cùng thì thầy cũng tới!" Penny nói ngay khi Wallis bước vào phòng quan sát. "Mọi chuyện đang rối tung hết cả lên!"

Anh đặt đồ uống nóng mình vừa mua lên bàn, nhìn qua tấm kính một chiều – và thấy bản thân đang đối diện với Chad. Anh ta trông có vẻ đau khổ. Đôi mắt nhìn chằm chằm vào hình ảnh phản chiếu trên tấm kính một cách tuyệt vọng đầy ám ảnh, như thể đang nhìn một người xa lạ trong gương. Anh ta dùng cả hai tay ôm đầu, chậm rãi vò mái tóc màu vàng xoăn (không gội) của mình. Sharon đang đi vòng quanh căn phòng, mắt dán chặt vào nền nhà.

"Có chuyện gì xảy ra với anh ta thế?" Wallis lo lắng hỏi.

"Anh ta nói nấm đang mọc trên đầu mình."

"Nấm?" Wallis gật đầu. "Anh ta đang gặp ảo giác. Điều này không nằm ngoài dự đoán."

"Chuyện này có bình thường không ạ?"

"Ngày nay, giới học giả coi việc thiếu ngủ trên 48 tiếng là trái đạo đức, vì vậy không có một thông tin chính nào về tác hại của chứng mất ngủ quá độ. Nhưng những nghiên cứu mà thầy đã đọc về những người mắc chứng thiếu ngủ cực độ đều chỉ ra rằng có sự sai lệch thị giác, hoang tưởng, biến đổi xúc giác và có

vài trường hợp bị ảo giác (có cảm giác ảo), mặc dù những người này không có tiền sử bệnh tâm thần.”

“Vậy những gì chúng ta đang làm là trái đạo đức à?” Penny hỏi, rõ ràng là ngạc nhiên trước câu nói của anh.

“Thôi nào, Penny!” Wallis chỉ trích. “Chúng ta chỉ đang giảm giấc ngủ của hai cá nhân trong 21 ngày. Chúng ta sẽ không giành được Giải thưởng Hòa bình cao quý đâu. Nhưng một khi em vượt qua ranh giới của nghiên cứu khoa học, vấn đề về đạo đức không phải lúc nào cũng có hai màu trắng và đen. Sẽ có rất nhiều màu xám nữa.” Nói đoạn anh nhấn nút Trò Chuyện trên bảng điều khiển. “Chad? Anh thế nào rồi?”

“Nấm đang mọc trên đầu tôi!”

“Sao anh lại nghĩ vậy?”

“Shaz đã nói với tôi như thế.”

Wallis nhìn sang Sharon. Cô đang đi ngang qua khu vực tập thể dục, mắt vẫn dán chặt xuống sàn nhà.

“Tôi không thấy cây nấm nào cả,” anh nói.

“Anh chắc chứ? Tôi có thể cảm nhận được chúng.”

“Không, tôi không thấy gì cả. Tôi nghĩ Sharon chỉ đang làm anh rối lên thôi.”

Ánh mắt anh ta lóe lên vẻ hy vọng. “Anh nghĩ vậy hả?”

Sharon dừng bước ngay phía sau Chad. Cô lẩm bẩm: “Tránh ra, đồ đầu nấm!”

“Anh thấy chưa!” Chad khóc lóc, một lần nữa đập cuồng vò mái tóc của mình.

“Không có nấm đâu, Chad!” Wallis trấn an. “Anh có tin tôi không?”

Lông mày anh ta nhíu chặt lại. “Tôi... tôi không biết.”

“Anh có tin Sharon không?”

“Không đời nào!”

“Vậy anh tin tôi hay tin Sharon hơn?”

“Hừm, anh.”

“Vậy hãy tin tôi rằng không có nấm nào mọc trên đầu anh hết. Anh hoàn toàn khỏe mạnh.”

Sharon lúc này đang đi ngang qua khu bếp, chế nhạo: “Đầu anh còn đang rửa ra đấy, nó còn mọc nấm nữa!”

Chad nghiến răng. “Im mồm đi!” Anh ta bùng nổ, hai bàn tay nắm chặt. “Tiến sĩ nói đầu tôi không có cây nấm nào cả, cô lừa tôi, vì vậy hãy câm miệng đi!”

“Chad!” Wallis gọi. “Anh có muốn dừng thí nghiệm ở đây không?”

Anh ta quay lại đối mặt với tấm kính, đôi mắt mở to. “Dừng lại?”

“Anh có thể rời đi ngay bây giờ. Chúng tôi sẽ tiếp tục chỉ với Sharon.”

“Rời đi? Ý anh là, sẽ không có khí ga nữa?” Khuôn mặt Chad trở nên trắng bệch. “Không! Tôi... tôi muốn ở lại. Mẹ kiếp, tôi xin lỗi, tiến sĩ.”

“Anh sẽ không nóng giận nữa chứ.”

“Đúng, không thành vấn đề, anh bạn, tôi hứa.”

“Tốt,” Wallis đáp. “Được rồi, Chad. Sao bây giờ anh không đi xem phim nhỉ, đeo tai nghe vào và thư giãn.”

“Được, tôi nghĩ mình sẽ làm vậy...”

Anh ta đi về phía sofa, chọn đĩa phim *Cảnh sát Beverly Hills*, sau đó ngồi xuống và đeo tai nghe lên. Sharon tiếp tục đi lại quanh căn phòng, cô ta hoàn toàn ngó lơ Chad.

Wallis trở lại ghế ngồi, trầm tư.

Penny lên tiếng: “Mọi thứ đang trở nên dần kỳ lạ, thưa thày.”

“Bảy ngày không ngủ đã là một bước tiến rồi, Penny. Chỉ còn vài ngày nữa là phá kỷ lục Guinness của Randy Gardner rồi.”

“Ý thày là anh chàng đó, Randy Gardner... Không có ai vượt qua mười một ngày của anh ta à?”

“Trên thực tế, vài người đã làm được. Tuy nhiên, Guinness đã ngừng công nhận những cố gắng khác sau trường hợp của anh ta, bởi họ tin rằng mất ngủ quá lâu sẽ nguy hiểm đến tính mạng.”

Penny vẫn giữ yên lặng.

“Sự thận trọng của họ là vô nghĩa, Penny,” Wallis trấn an cô. “Không có bằng chứng khoa học nào chứng minh điều đó. Sau khi thí nghiệm của Randy Gardner kết thúc, anh ta được đưa tới bệnh viện, nơi mà anh ta ngủ thẳng cẳng mười bốn giờ liên tục một cách ngon lành. Mặc dù các nhà khoa học theo dõi sóng não của anh ta đã phát hiện ra tỷ lệ phần trăm giấc ngủ có chuyển động mắt nhanh của anh ta dài một cách bất thường, nhưng điều này lại trở lại bình thường chỉ sau vài ngày.”

Penny gật gù nhưng vẫn thắc mắc: “Tình trạng của Chad và Shaz mỗi ngày đều một tệ hơn.”

Wallis nhún vai. “Chad chỉ xuất hiện ảo giác nhẹ thôi, Penny. Đó vẫn chưa phải điều gì đáng lo ngại.”

“Còn Shaz vẫn chưa dừng chân chút nào trong suốt ca làm việc của em ngày hôm nay. Tám tiếng rồi. Cô ấy đi lòng vòng không ngừng nghỉ.”

Wallis nhíu mày, “Cô ấy không dừng lại một lần nào?”

“Đúng thế.”

“Họ có ăn uống gì hôm nay không?”

“Chỉ ăn cam thôi. Chắc chúng ta sẽ phải mua thêm.”

Wallis suy ngẫm.

Penny tiếp tục: “Em không biết liệu họ có chịu đựng nổi hai tuần nữa không, thày ạ. Em thậm chí còn không dám nghĩ tới tuần tiếp theo sẽ như thế nào.”

“Rất có thể họ sẽ không tiếp tục được.”

“Nhưng làm sao chúng ta biết khi nào nên dừng thí nghiệm?”

“Chúng ta sẽ biết khi Chad hay Sharon thông báo rằng họ muốn dừng lại,” anh nói cộc lốc. “Em cũng nghe Chad nói rồi đó. Anh ta muốn tiếp tục.”

Roy Wallis mải mê quan sát khi Chad diễn lại hết cảnh này đến cảnh khác trong bộ phim *Cảnh sát Beverly Hills* năm 1984. Anh ta đọc lại từng lời thoại của nhân vật Alex Foley do diễn viên Eddie Murphy thủ vai.

Và anh ta đã làm thế được một tiếng rồi.

“Này, đừng cố làm vậy nữa....” Chad đang diễn lại một hoạt cảnh mà Alex Foley đối đầu với người chủ giàu có của phòng trưng bày nghệ thuật và một tên du côn của câu lạc bộ dành

cho những người đàn ông giàu có trong bộ quần áo bảo hộ. “Tránh xa tôi ra,” anh ta nói với tên du côn tưởng tượng trước khi múa vài đường võ kỳ cục, tự thêm vào vài hiệu ứng âm thanh.

“Câm miệng” Sharon bất ngờ thét lên chói tai. Trong hầu hết ca làm việc của Wallis, cô vẫn luôn ngồi ở mép giường của mình, quay lưng về phía Chad, dùng hai tay bụt tai và đung đưa chân. “Anh ồn ào quá! Câm miệng! Im lặng giùm đi!”

Chad dường như không quan tâm. “Tôi đang tập luyện. Sắp có vai diễn lớn. Làm quen với nó đi.”

“Anh không phải ngôi sao điện ảnh!” Cô rên rỉ. “Anh chẳng là ai cả!”

“Sau khi tôi có được vai diễn này, Shaz, tất cả mọi người sẽ biết đến tôi!”

Cô đứng lên và đối mặt với anh ta. “Tên của anh là gì?”

“Tên tôi?” Anh ta nhún vai. “Eddie.”

Sharon cười chế nhạo. “Eddie, đúng rồi! Eddie Murphy ấy hả?”

“Đúng, thì sao?”

“Anh ta da đen!”

“Cho nên?”

“Anh là người da đen hả, đồ ngu? Nhìn lại mình đi!”

Chad giơ tay lên trước mặt mình.

“Trông có đen không?” Cô nói.

“Có! Vấn đề của cô là gì?”

“Tên của anh là Chad! Anh là một thằng khốn da trắng người Úc thất nghiệp – nếu anh không coi cuộc thí nghiệm này

là một công việc – và không có tương lai trong việc diễn xuất! Không tin hả?” Cô chộp lấy chiếc ví của anh ta trên chiếc bàn ngăn giữa hai giường của họ. “Bằng lái xe, đúng rồi. Tôi không thấy có thằng khốn da đen nào đang nhìn mình cả. Tôi chỉ thấy anh. Và, ngạc nhiên chưa, tên anh không phải là Eddie Murphy. Mà là Chad Turner.”

Chad xông tới và giật chiếc ví từ tay cô. Anh mở tung nó ra, lấy bằng lái xe và nghiên cứu thông tin trên đó. Những cảm xúc khác thường xuất hiện trên gương mặt anh ta. Sau đó, anh ta nhét ví vào túi quần của mình và nói: “Eddie là nghệ danh của tôi, Shaz. Rất nhiều diễn viên có nghệ danh. Cô nghĩ Spacey là tên thật của Kevin Spacey hả, đồ đần?”

“Diễn viên có thể thay đổi tên của mình, nhưng họ không thể thay đổi chủng tộc.”

“Cô không biết mình đang luyên thuyên gì đâu.”

“Anh không phải người da đen! Anh là người da trắng! Da trắng! Da trắng! Đồ đầu nấm ngu ngốc...”

Chad vung tay lên. Có ngồi thụp xuống, nhưng nắm đấm của anh ta đã đập vào trán cô,

Wallis nhanh chóng nhấn vào nút Trò Chuyện. “Chad! Để cô ấy yên!”

Chad lờ đi yêu cầu của anh, bổ nhào về phía Sharon khi cô lùi dần về khu bếp, đứng sau bàn bếp ngăn cách cô với anh ta, Cô vừa hét lên vừa cười điên dại. Chad giận dữ, xoay người trái phải đe dọa tấn công.

“Chad!” Wallis gầm lên, đứng bật dậy, đắn đo không biết mình có nên đi vào phòng thí nghiệm và can thiệp trực tiếp hay

không. “Chad!” Một suy nghĩ loé lên trong đầu anh. “Eddie!” Anh gọi lớn, “Eddie Murphy!”

Chad quay đầu nhìn lại, biểu cảm tràn đầy sự giận dữ và hoang dại. “Ai đó?”

Tâm trí Wallis quay cuồng, “Quản lý của anh, Eddie. Tôi là quản lý của anh. Hãy để người phụ nữ đó yên.”

Chad lắc đầu. “Cô ta là một kẻ điên, ăn nói hàm hồ. Cô ta gọi tôi...”

“Anh muốn làm việc ở Hollywood phải không, Eddie?”

“Ý anh là sao?”

“Nếu anh chạm vào người cô ta, tất cả những hãng phim và đạo diễn sẽ đưa anh vào danh sách đen. Họ không chấp nhận một diễn viên có hành vi như vậy. Không một ai.”

Chad nhìn Sharon, người đang nhếch miệng cười nhạo anh, gần như là thách thức sự tấn công của anh. Anh khịt mũi, rồi khạc nhổ xuống sàn. “Cô không xứng, Shaz ạ. Cô không thể phá hủy sự nghiệp của tôi.” Anh quay đầu nhìn lại tấm kính và gãi cằm. “Lúc nãy tôi đang làm gì vậy?”

“Tập luyện,” Wallis đáp. “Cho vai diễn của mình trong bộ phim *Cảnh sát Beverly Hills*. Một cảnh trong Câu lạc bộ Harwood.”

“À, phải rồi.” Chad cười toe toét, sự hoang dại lúc nãy hoàn toàn biến mất. “Tôi diễn thế nào?”

“Anh rất tài năng, Eddie. Vai diễn hoàn toàn phù hợp với anh.”

“Vậy tôi nên tiếp tục luyện tập...”

“Sao anh không nghỉ ngơi một chút? Như là xem phim chẳng hạn?”

“Không, tôi không muốn.” Anh ta giơ cánh tay qua đầu và ngửi nách của mình. “Tôi nghĩ mình nên đi tắm. Hôi quá. Không thể tham gia buổi thử vai như vậy được.”

“Ý kiến hay đó,” Wallis nói. Lần tắm gần đây nhất của anh ta là ba ngày trước.

Chad huýt sáo, hoàn toàn phớt lờ Sharon, lấy một bộ đồ mới từ ngăn tủ quần áo, đi vào phòng tắm phía cuối phòng thí nghiệm ngủ và đóng cửa lại.

“Anh ta điên rồi!” Sharon nói, nhìn thẳng vào tấm kính quan sát, ánh nhìn mãnh liệt của cô làm Wallis có cảm giác ớn lạnh như thể cô có thể nhìn thấy anh xuyên qua hình ảnh phản chiếu của mình. “Anh nhốt tôi với một kẻ điên, tiến sĩ à!”

“Cô cảm thấy thế nào, Sharon?” Anh hỏi.

“Không nhớ được gì. Cảm thấy mình như một con cá cảnh nằm trong một cái bát nhỏ xíu chết tiệt.”

“Cô có thể nhắc lại những gì mình đã ăn vào trưa nay không?”

Có nghiêng đầu nhìn khu bếp. “Giờ cơ?”

“Không có gì,” Wallis nói. “Cô vẫn chưa ăn gì cả ngày nay.”

“Không đói.”

“Cô cần phải ăn, Sharon.”

Cô lại nhìn tấm kính như muốn xuyên thủng nó. “Chúng tôi đang phát điên, phải không tiến sĩ?”

“Tất nhiên là không” anh đáp. “Hai người vẫn bình thường.”

“Tôi không cảm thấy vậy. Cảm giác như chúng tôi đang phát điên.”

“Ý của cô là gì?”

“Cảm giác như có ai đó khác đang ở trong đầu tôi. Ai đó muốn thay tôi nói chuyện và làm mọi thứ.”

Wallis nghiêng người về phía trước. “Người này có tên không?”

Sharon bước đến gần cửa sổ quan sát. Cô ta dừng lại khi chỉ cách đó một bước chân. Khoảng cách gần như vậy khiến anh có thể nhìn thấy con ngươi của cô ta đang đảo trái phải liên hồi. Mái tóc màu vàng xõa ra quanh gương mặt bóng nhờn. Cô liếc nhìn qua vai về phía phòng tắm, rồi quay trở lại đối mặt với cửa sổ. Cô thầm thì: “Tôi cần nói chuyện này với anh, tiến sĩ.”

“Tại sao cô phải nói thầm?” Anh hỏi.

“Tôi không muốn anh ta nghe thấy,” Sharon đáp.

“Chad ư?”

Cô gật đầu.

Wallis giảm âm lượng của chiếc loa trần để giọng nói của mình cũng chẳng to hơn tiếng thì thầm là bao. “Anh ta sẽ không thể nghe thấy bất cứ điều gì bây giờ.”

Con ngươi trong mắt Sharon đảo nhanh hơn bao giờ hết.
“Anh ta đang giả bộ.”

“Gì cơ?”

“Tôi không tin anh ta. Anh ta đang do thám tôi.”

“Do thám? Như thế nào?”

“Giống như tôi bắt gặp anh ta quan sát tôi. Khi tôi nhìn lên từ cuốn sách, tôi đã thấy như vậy.”

“Rồi anh ta phản ứng thế nào?”

“Anh ta nhanh chóng nhìn đi chỗ khác.”

“Cô có bao giờ đề cập vấn đề này với anh ta chưa? Có lẽ nói chuyện với anh ta rằng việc đó khiến cô thấy không thoải mái, và cô muốn anh ta dừng lại...”

“Anh ta muốn cái gì đó.”

Wallis cau mày. Có một sự suy diễn kỳ quái cho câu khẳng định đó. “Cô nghĩ anh ta muốn gì, Sharon?”

Cô cười. “Anh nghĩ anh ta muốn gì, tiến sĩ?”

Tiếng nước trong nhà tắm ngừng chảy. Sharon đặt tay lên môi. Sau một lúc lâu im lặng, cô ta thì thầm: “Anh ta đang lắng nghe chúng ta đấy.”

Trong giây lát, Wallis đã bắt kịp với sự hoang tưởng của Sharon và tin rằng Chad đang không ở trong nhà tắm mặc quần áo mà đang ép tai lên cánh cửa, lén nghe họ nói chuyện.

Vở vắn.

Anh nhấn nút Trò Chuyện để trấn an cô về kết luận này, nhưng trước khi anh kịp nói, Sharon đã đi lại phía giường của mình, cầm sách lên và bắt đầu đọc. Ít phút sau đó, Chad xuất hiện. Tóc anh ta ẩm ướt, rối bù, quần áo sạch sẽ nhưng không đi tất. Anh ta ném quần áo bẩn của mình vào giỏ ở cửa nhà tắm, rồi đi về phía sô pha. Anh ta liếc nhìn Sharon khi đi ngang qua giường cô. Cô cố tình giữ sự tập trung vào cuốn sách. Chad dành chút thời gian để lựa chọn trong chồng đĩa DVD trước khi nhét đĩa *The Thing* của John Carpenter vào đầu máy. Anh ta đeo tai nghe lên và ngồi sụp xuống sô pha.

Sharon tiếp tục đọc sách.

Đêm đó, Roy Wallis lại ghé quán rượu The Hideaway trên đường về nhà. Anh tiếp tục chuyến du ngoạn của mình với hai ly rượu rum mới và thấy mình vừa khao khát vừa khiếp sợ một cuộc gặp gỡ khác với Liz vayah xanh và giày cao gót ánh vàng. Khi anh không thấy cô ở quầy bar – hay chỉ đang đi vệ sinh và vẫn chưa quay lại — anh biết rằng hôm nay cô không tới và đây là một điều tốt.

Về đến nhà, anh pha thêm một ly rượu khác nhưng chỉ nhấp một ngụm rồi trèo lên giường, mặc nguyên quần áo và chìm vào giấc ngủ sâu, không mộng mị.

NGÀY THÚ TÁM & THÚ CHÍN

**Những ghi chú của Tiến sĩ Roy Wallis, Guru
Chandra Rampal và Penny Park**

Hôm nay, Đối tượng 1 bắt chuyện với tôi, trong khi Đối tượng 2 đeo tai nghe xem phim. Cô ấy từ chối nói chuyện, mà thay vào đó dùng bút chì và giấy để giao tiếp. Cô ấy khẳng định lại sự lo lắng của mình rằng Đối tượng 2 đang do thám và có ý đồ bất chính nào đó nhắm vào cô. Tuy nhiên, khi tôi hỏi liệu cô có muốn kết thúc việc tham gia thí nghiệm không, thì cô ta dứt khoát từ chối và tỏ ra quyết tâm hoàn thành 21 ngày. Một lúc sau, cô ấy than vãn vì những con bọ trong tóc mình, những tiếng ồn mà tôi không nghe thấy và cả mùi đồ ăn cháy. Cô ấy miêu tả căn phòng thí nghiệm như một khu rừng ma thuật, thay đổi liên tục, đầy ắp những sinh vật biết nói chuyện, và có cả một con đường quanh co, ngoằn ngoèo trước mắt mà cô ấy rất muốn đi. Tôi tự hỏi đây có phải là khu rừng và con đường mà cô ấy nhìn thấy khi đi lại liên tục quanh phòng hàng giờ liền?

– Penny, thứ Hai, ngày 04 tháng 6.

Có những sự thay đổi lớn ở cả hai đối tượng khi được quan sát trong ngày hôm nay, bao gồm sự gia tăng trong hoạt động tâm thần có ý thức, rối loạn cảm xúc, nói nhanh và cười bất thường. Các đối tượng bắt đầu có biểu hiện hoang tưởng, rối loạn nhận thức và những triệu chứng loạn thần kinh bao gồm ảo giác thính giác, xúc giác và vị giác ở các mức độ khác nhau.

- Roy Wallis, thứ Hai, ngày 04 tháng 6.

Đối tượng 2 đã hoàn toàn chìm đắm trong ảo giác sống động và kéo dài rằng anh ta là diễn viên Eddie Murphy. Anh ta diễn lại các cảnh phim từ những bộ phim của diễn viên này và tự diễn hài độc thoại, bắt chước điệu bộ và cách nói chuyện của ông ta. Hai đối tượng không nói chuyện với nhau trong suốt ca làm việc của tôi. Đối tượng 1 lầm bầm một mình và có biểu hiện cảm xúc thay đổi liên tục: cười, khóc, lo lắng và hưng phấn quá độ. Cô ấy cũng có những biểu hiện đáng lo ngại như ném đồ vật, tự khạc nhổ vào mình và tụt quần xuống. Cô ta tiếp tục có những hành vi của chứng hoang tưởng. Mặc dù cô ta tin rằng Đối tượng 2 đang do thám mình, nhưng tôi không quan sát thấy những chứng cứ cho việc đó. Ngược lại, chính Đối tượng 1 mới là người thường xuyên liếc nhìn Đối tượng 2. Cả hai đều đã không ăn gì trong 18 tiếng.

– Guru Chandra Rampal, thứ Hai, ngày 04 tháng 6.

Khám sức khỏe ngày hôm nay cho thấy tình trạng sụt cân, giãn đồng tử, chảy nước mắt, sổ mũi, sốt và đổ mồ hôi ở cả hai đối tượng. Ngoài ra còn có những thay đổi khác về nhiệt độ cơ thể, giảm hoóc-môn tuyến giáp, tăng tỉ lệ trao đổi chất, nhịp tim tăng nhanh, nồng độ norepinephrine trong huyết tương cao, tỉ lệ triiodothyronine-thyroxine tăng và sự gia tăng của một loại enzyme : điều hòa nhiệt độ cơ thể bằng các mô mỡ. Nhiệt độ cơ thể thay đổi là do mất nhiệt quá nhiều và sự tăng cao của loại hoóc-môn này, trong khi những biến đổi khác được cho là phản ứng của nhiệt độ thay đổi. Những dữ liệu này cho

thấy giấc ngủ phục vụ chức năng điều hòa nhiệt độ trong cơ thể người và việc mất ngủ kéo dài dẫn đến những triệu chứng như cảm sốt.

– Roy Wallis, thứ Ba, ngày 05 tháng 6.

NGÀY THỨ MƯỜI

Thứ Tư, ngày 6 tháng 6 năm 2018

Chad đang trở nên lo lắng.

Anh đã cố gắng hết sức để ghi nhớ lời thoại, thể hiện chính xác cảm xúc của nhân vật, thực sự hóa thân thành Alex Foley, cảnh sát thông minh của thành phố Detroit đang cố gắng giải quyết vụ án giết bạn mình... và bây giờ, tất cả sẽ tan thành mây khói nếu mấy cây nấm chết tiệt thực sự mọc trên đầu anh.

Martin Brest sẽ không đời nào mời anh đóng phim với cái đầu đầy nấm ấy, và vai diễn để đời này, vai diễn sẽ đưa anh lên đỉnh cao danh vọng, sẽ thuộc về người khác.

Chad vò đầu bứt tai cả trăm lần, sờ thấy cục mụn mà anh ta đã để ý từ trước.

Nó ở đó, ngay trên mắt trái của anh, sát dưới lằn tóc và lông mày.

Anh ấn vào nó. Cục mụn vỡ ra một chút, hoặc ít nhất là anh nghĩ như thế.

Nhưng nó có thực sự là mụn không?

Đúng, có chứ. Nó vẫn chưa to lắm, nhưng có thể chín bất kỳ lúc nào, như mấy cây nấm mọc lên sau một cơn mưa nặng hạt.

Chad có suy nghĩ muốn kiểm tra bản thân trong cửa kính, nhưng anh không muốn Tiến sĩ Wallis hay hai trợ lý của ông hỏi anh đang làm gì. Họ có thể sẽ gọi cho Martin Brest và nói rằng anh không đủ sức khỏe để tham gia diễn xuất.

Anh xoa xoa cục mụn một lần nữa và nhận thấy Shaz đang quan sát mình.

“Cô nhìn cái quái gì?” Anh nói với cô ta.

Cô nhanh chóng quay trở lại cuốn sách của mình.

Chad nhìn chăm chăm cô ta thêm vài giây, rồi quay lưng lại với cô và cả cửa sổ quan sát.

Anh tiếp tục xoa chõ lõi lên trán.

Sharon cố gắng tập trung vào cuốn tiểu thuyết của Dean Koontz đang đặt mở trên đùi, nhưng cô không thể hiểu được những từ ngữ được viết trong đó. Đã được một khoảng thời gian dài rồi, nhưng cô vẫn cứ tiếp tục nhìn chăm chăm vào chúng, lật vài trang để ai đó đang thám thính nghĩ rằng cô vẫn ổn.

Nhưng có hoàn toàn không ổn chút nào.

Gần đây, cô không chỉ bị nóng trong người mà còn bị viêm họng, khiến việc nuốt nước bọt trở nên khó chịu. Dạ dày cô cũng không ổn cho lắm. Cô có cảm giác căng chướng và đầy bụng mặc dù cô không nhớ lần cuối mình ăn là khi nào.

Hồi nhỏ, khi cô bị ốm, mẹ sẽ ở nhà chăm sóc cô, nấu cho cô món xúp mì gà và cho cô uống một chai bia lạnh từ Canada của bố. Vào ban đêm, bà sẽ đắp chăn cho cô, thoa dầu bôi ấm ngực và đọc sách cho đến khi cô ngủ thiếp đi.

Sharon rất nhớ cha mẹ và em trai, nhưng có biết rằng mình sẽ không được gặp họ cho tới khi cuộc thí nghiệm kết thúc. Cô đơn thuần chỉ phải đối phó với cơn sốt, đau họng và chướng bụng cho đến khi Wallis nói rằng cô có thể rời đi.

Cô không phải tù nhân, Shaz. Chỉ cần nói với ông ta rằng cô muốn đi. Ông ta sẽ để cô đi.

Đúng thế. Ngay khi bước ra khỏi căn phòng này, tôi sẽ ngủ. Ai mà biết ông ta sẽ làm gì cơ chứ. Tôi có thể tỉnh dậy và thấy mình bị trói trên một chiếc bàn với cái bụng bị rách mõ.

Tại sao ông ta lại muốn rách bụng cô?

Để nhìn thấy thứ bên trong.

Thứ gì bên trong?

“Im di!” Sharon đột ngột hét lớn, ném quyển sách ra xa. Cô đứng dậy khỏi giường và bắt đầu đi vòng quanh,

Ai đó đang nói chuyện với cô. Gã Ấn Độ. Đang hỏi cô có chuyện gì.

“Để tôi yên!” Cô gằn giọng, chộp lấy trái bơ trong chiếc giỏ trên bàn bếp và ném nó xuống sàn. Trái bơ vẫn còn nguyên hình dạng. Cô nghiền nát nó bằng gót giày. Lớp vỏ xanh rách ra và phần thịt quả màu xanh nhạt phun ra từ cả hai phía, nhảy nhụa vón cục. Hạt bơ to lăn tròn trên đất, dừng lại ở chân bếp.

Sự tàn phá khiến Sharon cười lớn, và khi đó, cô ngừng nghĩ đến nỗi nhớ nhà và những gì đang lớn dần lên bên trong cô, cùng tất cả những điều nguy hiểm khác mà cô không muốn nghĩ đến.

Vài phút sau, cô ngồi thụp xuống sàn bếp với khuôn mặt vô cảm, cơn sốt và các triệu chứng khác trở về, cảm giác bị theo dõi quay trở lại, những suy nghĩ đen tối cũng xuất hiện.

Còn tệ hơn lúc trước.

Cô khóc.

Guru kiểm tra chiếc đồng hồ đeo tay Casio mạ vàng mà mẹ đã tặng cho anh khi anh được nhận vào Đại học California. Bay giờ đã là 5 giờ 45 phút sáng. Còn mười lăm phút nữa là đến giờ tan ca. Anh ngáp dài. Mỗi ngày một khó khăn hơn để giữ mình tỉnh táo xuyên đêm. Cả Chad và Sharon đều không nói chuyện với anh nữa. Trên thực tế, gần đây họ không làm gì nhiều. Chad chỉ ngồi trên ghế tập hoặc sô pha, nhìn chăm chú vào khoảng không trước mặt, còn Sharon thì ngồi trên giường, nhìn chăm chằm vào quyển sách nào đó đang mở trên đùi, thỉnh thoảng còn không lật trang trong một thời gian dài. Phải lâu lắm cả hai mới làm gì đó đáng gây chú ý. Chad sẽ nhảy dựng lên và bắt đầu diễn tập mấy cảnh trong phim *Cảnh sát Beverly Hills*. Sharon thì sẽ bất thình lình cười to hoặc khóc lóc, giống như những gì cô đã làm vào sáng nay. Nhưng phần lớn thời gian họ chỉ ngồi và không làm gì cả, điều đó đồng nghĩa với việc Guru cũng chỉ ngồi và nhìn họ không làm gì.

Trong suốt tám tiếng.

Tuy nhiên, trong khi Guru và Penny làm công việc chẳng khác trống trẻ là mấy này thì Tiến sĩ Wallis vẫn tiến hành những bài kiểm tra nhận thức quan trọng cho hai đối tượng người Úc, cũng cố nghiên cứu của thầy ấy về ảnh hưởng của khí kích thích lên các đối tượng là con người, và Guru vẫn tự hào khi được là một phần của công trình này.

Anh nghe thấy tiếng bước chân đang đến gần. Chỉ vài phút sau, cánh cửa phòng quan sát bật mở và Penny xuất hiện trong bộ trang phục được phối một cách kỳ quặc khiến Guru liên

tưởng đến một đứa trẻ sáu tuổi cố gắng mặc đồ để trông giống búp bê Barbie. Cô đang mỉm cười và có vẻ tâm trạng khá tốt.

“Chào buổi sáng, Guru!” Cô xoa cái đầu nhẵn nhụi của anh.
“Con ước có một chiếc Lamborghini.”

“Còn tớ thì sẽ ước cậu ngừng làm thế này với tớ vào mỗi sáng.”

Cô ngược nhìn về phía cửa sổ quan sát. “Mấy chú chuột của chúng ta thế nào rồi?”

“Thật không may, Sharon lại khóc nức nở một lần nữa.”

“Tớ nói thật đấy,” cô tiếp tục, phớt lờ Guru. “Họ giống mấy con chuột, phải không? Nhốt người trong một căn phòng trong một khoảng thời gian dài không có việc gì để làm, và họ đang mất đi những thứ khiến họ là một con người. Họ chỉ ngồi yên như mấy con chuột ngu ngốc. Tại sao chúng ta lại nghĩ chúng ta khác biệt nhỉ?”

“Cậu nói như thể cậu đang gặp phải một khủng hoảng về sự tồn tại vậy.”

Cô quay sang anh ta. “Sao cậu lại nói như thế?”

Anh nhíu mày. “Như thế nào?”

“Kiểu lúc nào cũng trang trọng và nói rất nhanh. Tốc độ nói của cậu – quá nhanh. Mau mau lẹ lẹ, vội vội vàng vàng. Cậu cần phải nói chậm lại.”

“Cậu đang đưa lời khuyên cho tớ về cách ăn nói đó hả? Đến tên mình cậu còn chẳng phát âm đúng nữa là.”

“Gulu?”

“Là Guru! Gu-ru!”

“Thì tớ nói vậy mà. Mà tên Guru có nghĩa là gì thế? Không phải đó là một danh từ chung hả?”

“Guru trong tiếng Phạn có nghĩa là thầy giáo, chuyên gia trong một lĩnh vực nào đó.”

“Vậy cậu là một kiểu giáo viên?”

“Tớ không phải là giáo viên, Penny. Guru chỉ là đơn giản tên thôii, giống như Violet (hoa tử linh lan) hay Rose (hoa hồng) là tên của phụ nữ mà không ám chỉ tới loài hoa đó.”

“Vậy tớ đoán là cậu là chuyên gia về tình dục.”

Guru đứng dậy: “Tớ nghĩ là mình nên về rồi.”

“Nhưng chúng ta còn chưa bàn giao công việc mà!”

“Thôi được, nếu cậu nghiêm túc...”

Penny ngồi xuống chiếc ghế trống. “Thực ra, tớ không quan tâm đến việc giao ban lăm,” cô nói, gác đôi chân vẫn còn đi giày của mình lên bàn làm việc. “Tớ cần hỏi cậu một câu.”

“Nói đi!” Anh nói, bất bình nhìn đôi chân đang đặt trên bàn của cô.

“Cậu có biết tiến sĩ sống ở đâu không?”

Guru chớp mắt. “Tiến sĩ Wallis á?”

“Thì còn vị tiến sĩ nào khác nữa?”

“Sao cậu lại muốn biết chỗ ở của thầy?”

“Tớ chỉ tò mò thôi.”

“Rất tiếc, tớ không biết.”

“Nhưng cậu có thể tìm thấy nó trên mạng mà, phải không?”

“Sao cậu lại nghĩ thế.”

“Bởi vì cậu là người Ấn Độ, và người Ấn rất giỏi mấy thứ này nọ về máy tính.”

Guru đảo mắt ngán ngẩm. “Cậu nói chuyện nghe như mẹ tớ ấy. Và người Ấn Độ không giỏi máy tính hơn người nước khác đâu. Chỉ có một số người...”

“Tớ đùa thôi!” Cô cắt ngang. “Nhưng cậu giỏi về máy tính, đúng không?”

“Tớ không phải ‘Guru’ máy tính.”

“Ôi Chúa ơi, thôi nào. Cậu không hài hước chút nào đâu, cố quá thành quá cố đấy.”

Nụ cười của Guru biến mất. Anh đã nghĩ đó là một câu nói hài hước.

“Thôi nào,” Penny nài nỉ. “Cậu có thể giúp tớ chứ?”

“Tớ nghĩ chúng ta nên tôn trọng quyền riêng tư của thầy.”

“Tớ biết là cậu sẽ bảo thủ như thế mà.” Cô thu chân về và xoay ghế để quay lưng lại về phía anh. “Gặp lại cậu vào ngày mai, đồ mọt sách bảo thủ.”

Guru hoàn toàn bất ngờ vì giọng điệu không thiện chí này của cô. Anh suy nghĩ về lời trách móc này trong phút chốc rồi nói: “Cậu đã thử tìm kiếm Tiến sĩ Wallis trên mạng xã hội chưa?”

Penny quay phắt lại. “Tất nhiên là rồi. Thầy ấy có tài khoản Linkedin, nhưng tớ không tìm thấy bất cứ thông tin cá nhân nào bởi tài khoản để chế độ riêng tư.”

Guru nhún vai. “Với số điện thoại mà chúng ta có được của thầy, chúng ta có thể tìm kiếm chút ít,” anh nói. “Nếu Google từng ghi lại số điện thoại của thầy trên một trang web công khai nào đó, chúng ta có thể kiểm tra thử, có thể có thông tin liên quan nào đó, chẳng hạn như địa chỉ..”

Penny nở nụ cười không thể nào tươi hơn. “Vậy thì làm thôi!”

Roy Wallis đã không gặp lại Brook kể từ đêm anh ngủ lại trên căn nhà nổi của cô, và anh đang rất mong đợi buổi hẹn hò của họ vào tối nay. Sau khi tắm rửa, anh mặc một bộ quần áo đơn sắc giản dị cùng một đôi giày lười đế màu kem. Anh xức thêm chút nước hoa, vuốt keo tạo kiểu tóc và thoa một chút dầu dưỡng tuyết tung lên râu. Trong phòng khách, âm nhạc vang lên du dương, ánh đèn mờ ảo làm tăng phần lãng mạn, anh pha cho mình một ly rượu rồi bước ra ban công hút một điếu thuốc. Đang định châm lửa thì chuông cửa vang lên. Anh nhét lại điếu thuốc vào bao, mang ly rượu trở vào bên trong và mở cửa.

Brook đứng đó trong dáng vẻ của những cô gái năm 1920, với vòng cổ ngọc trai và một chiếc váy dài đính cườm cổ ren mang nghệ thuật chiết trung, trông cô đẹp mê hồn.

“Mời vào, em yêu,” Wallis nói, hôn nhẹ lên má cô.

“Chào anh, mùi nước hoa tuyệt quá,” cô khen. “Hương gỗ.”

“Giống ở nhà của em chứ?”

“Căn nhà nổi của em có nhiều mùi gỗ đến thế à?”

“Không phải, mà nó thực sự là mùi gỗ. Em uống gì? Anh có một chai California Syrah mà anh luôn muốn để dành cho một dịp như thế này.”

“Nghe thật đáng yêu.”

Wallis vào bếp rót cho cô một ly, rồi nói: “Lại đây, anh muốn cho em thấy thứ này.” Anh dẫn cô tới một căn phòng thông ra tháp đồng hồ, sau đó nhìn xuống đôi giày cao gót của cô. “Em định leo ba tầng lâu bằng đôi giày đó hả?”

“Ba tầng?” Cổ nhăn mặt nhìn về phía bậc thang. “Đừng nói với em là nơi này có hơn ba tầng nhé?”

“Không, chỉ có tòa tháp này thôi.”

“Tòa tháp...”

Anh nắm tay cô và dẫn cô đi lên những bậc thang bằng thép sơn tĩnh điện. Cô ngạc nhiên thích thú trước tầng đầu tiên rộng thênh thang, đặt một bàn bi-a, một bàn pinball và khung cảnh thành phố qua bốn ô cửa sổ lớn. Cô mắt chữ (mồm chữ A) trước thư viện, văn phòng và cả khu vườn bằng kính ở tầng hai. Nhưng chính tầng ba – nơi mà ánh trăng đêm xuyên qua bốn mặt kính đồng hồ chiếu sáng cả căn phòng trong một thứ ánh sáng mờ đầy ma mị – mới làm cô đứng hình.

“Ôi, Roy, em yêu chỗ này mất rồi!” Cô cảm thán, ngó nghiêng qua khung cửa kính của mặt đồng hồ phía đông. “Em cảm thấy mình như một nàng công chúa trong lâu đài cổ tích của riêng mình vậy!”

“Anh rất vui vì em thích nó,” anh nói, nâng ly rượu của mình từ chiếc bàn gần đó lên. “Nơi đây chính là lý do khiến anh mua căn nhà này hai mươi năm trước.”

“Nếu anh không ngại thì cho em hỏi, Roy... làm sao anh có thể mua được căn nhà này? Ý em là, em biết lương của tiến sĩ rất khát, nhưng căn nhà này chắc hẳn phải tốn hàng triệu đô...”

“Anh được thừa kế một khoản khá lớn khi bố mẹ anh qua đời. Anh phải chi một số tiền lớn cho một cái gì đó. Bất động sản dường như luôn là chỗ đầu tư an toàn.”

“Ồ, Roy,” cô nói, mang vài phần lúng túng. “Em xin lỗi... Em biết mình không nên hỏi.”

Wallis kéo cô lại gần và hôn lên môi cô. Nụ hôn kéo dài cho đến khi anh phải lùi lại để cho ham muốn của mình một khoảng không gian. Anh muốn tận hưởng một buổi tối yên bình bên Brook, chứ không phải chỉ lao vào những cuộc làm tình.

Họ quay trở lại căn phòng chính và chuẩn bị bữa tối. Wallis đã ghé qua siêu thị địa phương vào sáng nay để mua nguyên liệu cho món salad Caprese, bánh mỳ nướng kiểu Ý Bruchetta và mì Ý Carbonara. Tuy nhiên, niềm vui thích nấu nướng của anh không bao gồm món tráng miệng, nên anh đã mua một chiếc Tiramisu thay vì cố gắng làm.

Họ đang kết thúc bữa ăn ở chiếc bàn ngoài ban công thì chuông cửa nhà anh vang lên.

Wallis thoảng giật mình và sợ hãi liên tưởng tới cái đêm mà Brandy tới vào hai tuần trước, khi Brook xuất hiện một cách bất ngờ.

Liệu đó có phải là Brandy ở trước cửa như một trò đùa nghịch ngã của số phận?

“Xin lỗi,” anh nói, dùng khăn ăn chấm lên môi và đứng dậy. Không thể đưa ra một lời giải thích nào với Brook, anh nhanh chóng quay vào trong và đi đến cửa trước, cảm giác lo lắng dâng tràn trong lồng ngực theo từng bước chân.

Anh nắm chặt tay nắm cửa, dừng lại một nhịp, sau đó mở cửa, hy vọng điều tốt nhất trong tình huống này là đó có thể là bất cứ ai, ngoại trừ Brandy.

Đứng trước cửa là Penny Park, ăn mặc theo phong cách K-pop với chiếc áo len ngoại cỡ, khăn quàng cổ và váy xòe ngắn.

Wallis chớp mắt. "Penny?" Anh ngạc nhiên, cố gắng để giọng mình không lớn quá. Anh nhìn qua vai cô, không có ai cả. "Em đang làm gì ở đây?"

"Em muốn đi chơi. Cô cười. "Thầy có rảnh không, tiến sĩ?"

"Làm thế nào mà em biết địa chỉ nhà tôi." Anh thắc mắc.

"Không quá khó nếu ta biết làm vải thú trên mạng."

Wallis kìm nén cơn giận dữ đang trào dâng vì sự ngang nhiên xâm phạm vào nơi riêng tư của mình.

"Bây giờ không phải lúc, Penny," anh đáp đơn giản.

"Thôi nào, tiến sĩ," cô tinh nghịch mời gọi. "Ý em là, tối nay em không say. Em sẽ cư xử đúng mực."

"Bây giờ không phải lúc, Penny," anh nhấn mạnh lặp lại.

Như chợt hiểu ra gì đó, cô liếc nhìn vào trong, nhìn thấy mối liên hệ giữa chai rượu đã được mở để trên bàn bếp, ánh đèn mở và cả nhạc nền du dương.

Khuôn mặt cô tối sầm lại.

"Về nhà đi," anh nhẹ nhàng nói thêm. "Chúng ta sẽ nói chuyện vào ngày mai."

Trong khoảnh khắc đó, Wallis đã nghĩ Penny có thể bật khóc, hoặc tệ hơn là tức giận rồi làm ấm ĩ lên. Nhưng cảm ơn Chúa, cô chỉ nhanh chóng bước về phía cầu thang.

Anh quay trở lại ban công với sự rung động nặng nề vẫn còn sót lại. Brook đã dừng ăn và đang đứng tựa vào lan can, nhìn xa xăm vào màn đêm trước mặt.

“Là trợ lý của anh ở trường” anh giải thích. “Trò ấy muốn cập nhật cho anh về cuộc thử nghiệm.”

Brook quay đầu lại. “Vào giữa đêm như thế này?”

Wallis gãi đầu. “Nghe thật vớ vẩn. Anh thực sự không biết phải giải thích làm sao.”

“Cô ấy biết nơi anh sống?”

“Anh cũng ngạc nhiên mà, Brook. Anh thể, cô ấy chưa từng tới đây, và không có chuyện gì giữa anh và cô ấy cả.” Anh không thể tin được rằng mình đang nói những lời này – những lời biện hộ sáo rỗng – nhưng anh vẫn tiếp tục: “Cô ấy là trợ lý của anh, vì Chúa! Cô ta mới 21 thôi!”

“Em nghĩ là mình nên rời đi,” Brook quyết định.

“Brook, không – đợi đã! Nghe này, cô ấy thích anh. Anh biết điều đó. Cô ta cũng đã nói rõ ràng. Nhưng không có gì giữa anh với cô ấy cả! Anh thể với em, không có gì!”

Brook dừng mắt nơi anh một lúc lâu, sau đó nói một cách dịu dàng: “Được rồi, Roy, em tin anh. Em không biết chuyện gì đang diễn ra, và em không nghĩ rằng anh sẽ nói với em tất cả, nhưng em tin rằng anh không có mối quan hệ tình cảm nào với cô trợ lý này. Nhưng em vẫn không thể ở lại tối nay. Em xin lỗi.”

Cô bước qua anh và đi vào bên trong. Wallis nhíu chặt lông mày, bối rối không biết phải nói gì hay làm gì trong hoàn cảnh này.

“Brook...” Anh dè dặt gọi tên cô khi cô mở cửa để rời đi.

Cô không đáp lại. Cánh cửa đóng sập lại sau lưng.

Sau một lúc im lặng trầm ngâm, Wallis quay trở lại ban công và hoàn thành bữa tối của mình – ăn hết đĩa mì rồi tới ly rượu rum.

NGÀY THỨ MƯỜI MỘT

Thứ Năm, ngày 7 tháng 6 năm 2018

Roy Wallis không mang trà xanh cho Penny Park vào sáng hôm sau. Anh đặt ly latte vani của mình lên bàn làm việc và đi thẳng vào vấn đề. “Họ thế nào rồi?” Anh hỏi, nhìn qua cửa sổ quan sát. Chad đang ngồi ở ghế tập, đổ người về phía trước, hai tay ôm đầu. Không thấy Sharon đâu hết.

“Sharon đang ở phòng tắm?” Anh hỏi.

“Vâng,” Penny đáp mà không hề nhìn anh. Cô mặc áo khoác denim bên ngoài một chiếc sơ mi màu mè chẳng khác gì trang phục của chú hề. Tuy nhiên, trông cô không được vui vẻ. Cô giống như đang tức giận thì đúng hơn.

Wallis không đồng tình với thái độ đó. Anh chẳng làm gì sai vào đêm hôm trước. Cô ấy mới là người tự tiện rình mò nơi anh sống và phá hỏng buổi hẹn hò của anh.

“Cô ấy đã ở trong đó bao lâu rồi?” Anh hỏi.

“Vài tiếng.”

“Vài tiếng?”

“Hôm nay họ rất tệ,” Penny nói. “Rất rất tệ. tệ hơn nhiều so với hôm qua.” Cuối cùng thì cô cũng nhìn anh, nhưng thay vì sự giận dữ mà anh nghĩ mình sẽ nhìn thấy trong mắt cô, thì chỉ có sự lo lắng chân thành. “Chúng ta khiến họ phát điên rồi, tiến sĩ, cô tiếp tục. “Và em nghĩ chúng ta nên dừng cuộc thí nghiệm ở đây thôi.”

Wallis sốc nặng. “Kết thúc? Penny, chúng ta không thể dừng...”

Cô cắt ngang. “Mấy ngày nay, em đã không còn thoái mái với cuộc thí nghiệm này. Em rất quan ngại về tình hình của Chad

và Shaz. Bây giờ thì em thực sự rất lo lắng cho họ. Điều mà chúng ta đang làm, cướp đi giấc ngủ của họ, nó không đúng. Chính thầy đã nói..."

"Cuộc thí nghiệm đã được Hội đồng trường phê duyệt. Chad và Sharon cũng đã đồng ý bằng văn bản. Quan trọng hơn hết, hai người bạn họ cũng không muốn kết thúc..."

"Đừng lại đi!" Penny bật khóc. "Đừng nói nữa và hãy nghe em, được không? Chad và Shaz không ổn. Nhìn họ kìa! Nhìn đi! Thầy tự nhìn đi!"

Tiến sĩ Wallis và Penny Park quan sát hai người Úc trong hai mươi phút tiếp theo. Chad vẫn ngồi trên chiếc ghế tập, tay ôm đầu. Khi Wallis dụ anh ta nói chuyện, câu trả lời của anh ta cộc lốc và cùt ngắn, anh ta phàn nàn về việc bị chóng mặt, buồn nôn và "đầu đau như búa bô". Khi Sharon trở lại từ phòng tắm, cô gầy đến đáng sợ, nước da sần sùi và bước đi không vững. Cô cuộn tròn người lại như trái bóng trên giường, tay ôm chặt đầu gối để ngăn cơ thể run rẩy. Cô từ chối nói chuyện.

Wallis cố gắng thử một lần nữa. "Sharon?" Anh gọi. "Tôi muốn đo điện não của cô. Cô có đồng ý không?"

Không thấy cô trả lời, anh đứng dậy và đẩy chiếc xe kim loại có chứa thiết bị điện não đồ vào phòng thí nghiệm ngủ.

Không đối tượng thí nghiệm nào chú ý tới anh.

Anh dừng lại cạnh giường của Sharon.

"Sharon?" Anh nói với tông giọng đều đặn. "Phiên cô mở mắt ra được chứ?"

Cô làm theo. Đôi mắt cô đỏ lòm và ngắn nước. “Gì cơ?”

“Cô nhớ máy này chứ?”

Cô nhìn vào thiết bị điện não đồ. “Không.”

“Chúng ta đã sử dụng nó vài ngày trước.”

“Nó dùng để làm gì?”

“Nó sẽ giúp tôi tìm được thứ gì đang khiến cô khó chịu. Hãy đứng dậy nào.”

Sharon không phản ứng lại trong một lúc lâu. Rồi từ từ, như một người già bị viêm khớp, cô đứng dậy, vai khom về phía trước.

“Tôi sẽ đặt cái này lên đầu cô,” anh nói, nhấc băng cuốn đầu điện cực lên. Sau khi bôi một lớp gel lên trán cô, anh đặt băng cuốn đầu vào vị trí sao cho mặt nhẵn của kim loại tiếp xúc với da đầu cô, và miếng dán nằm sau tai. “Chúng ta sẵn sàng rồi. Cô có thể dựa lưng vào đầu giường, nếu cô muốn.”

Sharon chỉ nhắm mắt lại.

Wallis điều chỉnh đèn chiếu để nó hướng thẳng vào mặt Sharon, chọn bộ khuếch đại và bắt đầu đo sóng não của cô ấy.

Trong khi Penny Park quan sát Tiến sĩ Wallis đo điện não đồ cho Sharon, những câu hỏi choán hết tâm trí cô cả buổi sáng lại xuất hiện:

Người phụ nữ ở cùng với tiến sĩ đêm qua là ai? Cô ta có đẹp hơn mình không? Cô ta có phải cũng là một tiến sĩ. Họ đang qua lại với nhau à? Mình có cạnh tranh nổi không?

Penny rất hối hận vì đã tới nhà Tiến sĩ Roy vào tối qua. Cô đã tự làm xấu mặt mình. Cơ mặt cô co rút mỗi khi nhớ lại ánh mắt không bằng lòng của thầy khi nhìn thấy cô xuất hiện trước cửa nhà mình, và cách anh đuổi cô về như thể cô chẳng là cái thá gì ngoài một cô học trò ngu ngốc.

Cô tức giận vô cùng khi cảm thấy mình bị coi thường đến vậy. Cô muốn trả thù, muốn làm tổn thương thầy, như cách anh đã làm đối với cô, đó là lý do tại sao cô thỏa mãn vô cùng khi khăng khăng muốn kết thúc cuộc thí nghiệm này. Sự kinh sợ trên khuôn mặt thầy đúng là vô giá! Nhưng cô không phải đơn thuần nói thế chỉ bởi sự xấu hổ và ganh tị của mình.

Sharon và Chad thực sự rất không ổn, họ cần phải được điều trị ngay.

Sau khi Guru giao ca cho Penny lúc 6 giờ sáng, hai người Úc vẫn ở trong tình trạng yên lặng như bình thường. Nhưng đến giữa buổi sáng, Sharon bắt đầu toát mồ hôi và run lẩy bẩy, còn Chad vung tay đánh liên tiếp vào không khí và lẩm bẩm những câu nói vô nghĩa. Đến trưa, Sharon cuộn tròn người trong tư thế bào thai trên giường, nơi cô rên rỉ và thở dốc, còn Chad khó có thể đứng vững trong vài phút mà không mất cân bằng và xiêu vẹo như một gã đang say xỉn.

Penny gần như đã muốn gọi điện thoại cho Wallis vào lúc đó, để thông báo cho anh về tình trạng sức khỏe xuống dốc không phanh của hai đối tượng người Úc, nhưng lòng tự tôn của cô không cho phép. Cô không muốn phô bày sự lo lắng của mình, không muốn anh nhìn cô yếu đuối như một nữ sinh

ngốc nghếch, mặc cho ý muốn trả thù, cô vẫn khát khao có được sự tôn trọng từ anh.

Vậy nên, cô đã loay hoay một mình trong suốt hai tiếng qua, kiểm tra đồng hồ mỗi mười phút, yên lặng mong đợi thời gian trôi nhanh hơn.

Wallis tháo bỏ băng cuốn đầu ra khỏi đầu Sharon.

Kiểm tra điện não đồ đã xong.

Penny biết Tiến sĩ Roy sẽ cố gắng xoay chuyển kết quả sang hướng tươi sáng và nhẹ nhàng nhất có thể, và nhấn mạnh rằng mọi thứ vẫn ổn. Cô muốn tin vào điều đó, trong sâu thẳm, cô không thực sự muốn cuộc thí nghiệm này kết thúc, bởi điều đó đồng nghĩa với việc mối quan hệ giữa cô với tiến sĩ có thể sẽ kết thúc luôn tại đây.

Nhưng mong muốn của cô không phải là yếu tố quan trọng.

Việc này không phải vì mình, cô tự nhủ, nhận ra sự ích kỷ của bản thân. Việc này là vì Chad và Shaz. Đó là những điều tốt nhất cho họ.

“Hoạt động điện cực trong não của Sharon vượt mức bình thường,” Wallis thừa nhận khi quay trở lại phòng quan sát. “Tương tự như những gì em thấy ở một người bị động kinh, thậm chí là ở trong tình trạng rất nặng, rất nhiều cơn co giật xuất hiện mỗi ngày.”

“Thầy thấy chưa!” Penny nói, như thể được minh oan. “Cô ấy đang ở trong tình trạng nghiêm trọng! Có gì đó không ổn trong não của cô ấy. Cô ấy phải đi gặp bác sĩ... một bác sĩ y khoa.”

“Không!” Wallis đáp, gạt những lo lắng này sang một bên bằng một cái phuộc tay. “Em đang phản ứng thái quá.”

Penny có vẻ sững sót. “Thầy sẽ không làm bất cứ điều gì để giúp họ sao?”

“Chúng ta có thể làm gì, Penny?”

“Chúng ta nên dừng truyền khí ga và đưa họ tới bệnh viện, thưa tiến sĩ.”

Wallis chớp mắt ngạc nhiên. “Em thực sự muốn kết thúc thử nghiệm?” Anh lắc đầu nguầy nguậy. “Niềm đam mê khoa học trong em đâu rồi, Penny? Chúng ta không thể lùi bước trước những điều chưa được dự đoán, chúng ta phải bước tiếp để tìm ra chân lý.”

“Không phải với cái giá của hai mạng người, thưa thầy.”

“Penny, Penny, Penny,” anh cảnh giác với sự thay đổi trong lòng trung thành của cô. “Kiểu đạo đức mới phát hiện này của em... có liên quan gì đến việc xảy ra vào tối qua không?”

“Không! Chúa ơi! Họ đang thực sự gặp nguy hiểm!”

“Có thể là vậy, nhưng để Chad và Sharon rời phòng thí nghiệm cũng không tạo ra kỳ tích, thầy e là vậy. Họ sẽ không ngay lập tức hồi phục một cách nhiệm màu đâu. Trên thực tế, các triệu chứng còn có thể trở nên tồi tệ hơn.”

Penny cau mày. “Ý thầy là sao? Thầy không biết chắc chắn? Khí ga kia, tiến sĩ... thầy đã thử nghiệm nó trước đây rồi phải không?”

“Tất nhiên là tôi đã làm, Penny. Một cách chuyên sâu. Với chuột.”

“Với chuột? Chỉ với chuột? Rồi chuyện gì đã xảy ra với lũ chuột đó?”

“Chúng không ngủ, một cách tự nhiên,” anh trả lời cô. “Rồi sau đó, không may mắn thay, chúng chết.”

“Chết!” Cô khóc nấc lên, đá mạnh chân về phía trước.

“Penny, bình tĩnh nào.”

“Nếu Chad và Shaz cũng chết thì sao?”

“Con người không phải chuột, Penny! Họ sẽ ổn thôi. Thầy sẽ giảm lượng khí ga lại,” anh nói dối, để cô ở lại làm việc cho mình. “Chúng ta sẽ dừng truyền khí ga vào tuần cuối cùng của thí nghiệm.”

“Không! Không đời nào, tiến sĩ! Chuyện này phải kết thúc ngay bây giờ.” Cô rút điện thoại từ trong túi ra.

“Em định gọi cho ai?” Anh sốt sắng.

“Guru.”

“Guru? Tại sao?”

“Để cậu ta khuyên nhủ thầy...”

Wallis nhanh tay chộp lấy điện thoại của cô và nhét nó vào túi áo khoác của mình, tự tiếp thêm dung khí. Penny không để anh có lựa chọn nào khác. Suy nghĩ của cô hoàn toàn đối lập với anh. Cô không còn đáng tin tưởng để tiếp tục nhiệm vụ, và anh cần làm gì đó để giữ miệng cô. Cô đã trở thành một mối đe dọa hiện hữu đối với cuộc thử nghiệm. “Em sẽ không gọi được cho Guru đâu, Penny,” anh nói. “Hãy dừng làm mấy trò ngu ngốc, khoa trương này đi.”

Penny cứng người, như thể anh vừa tát vào mặt cô. Sự bối rối và tổn thương trong mắt cô nhanh chóng tụ lại thành một

nỗi kinh sợ sắc bén khi cô đọc được ý định trong biểu cảm trên khuôn mặt của anh.

“Tiến sĩ...?” Cô nói, lùi dần về phía cửa.

“Sao em không thể trở thành một đứa trẻ ngoan hả, Penny? Sao em không thể đơn giản chỉ gật đầu và làm theo tôi, Penny? Tôi không muốn làm điều này. Tôi thực sự không muốn.”

“Tiến sĩ.” Lưng cô đã chạm vào cánh cửa. Cô quay lại nhanh nhất có thể, mở cửa ra, nhưng Wallis đã kịp tóm lấy cô và ném cô về phía sau. Cô run sợ kêu lên. Anh đẩy cô xuống sàn và ngồi lên người cô.

Cô hét lên.

Wallis bịt miệng cô bằng một tay. Tiếng hét bị bóp nghẹt. Cô quắn quại bên dưới anh, ra sức dùng hai tay đánh vào hai bên hông anh. Anh dồn trọng lượng của mình về phía trước cho đến khi đầu gối ghì chặt hai cánh tay của cô xuống sàn. Nước mắt cô tuôn trào, cả cơ thể run rẩy sợ hãi, nghẹn ngào trong tiếng khóc bị đè nén dưới lòng bàn tay anh. Anh dùng bàn tay còn lại của mình bóp chặt hai cánh mũi cô.

Đôi mắt cô mở lớn. Cô điên cuồng quắn quại, ưỡn hông, lắc mạnh đầu sang hai bên và cắn mạnh vào bàn tay đang đè lên miệng mình.

Wallis không muốn thấy cô chết. Anh không phải là một kẻ bệnh hoạn. Anh là một gã đàn ông đầy tham vọng và anh không cho phép bất cứ ai phá hủy sự nghiệp của mình.

Không phải khi anh sắp khám phá ra sự thật bên trong cơ thể người.

Vì vậy, anh tiến sát môi về phía tai cô và nói với cô bằng giọng điệu an ủi, nhẹ nhàng rằng cô sẽ không còn phải chịu đựng lâu nữa, rằng nỗi đau của cô sẽ qua nhanh thôi, và rằng cô sẽ được yên nghỉ.

Wallis tiếp tục nhắc đi nhắc lại những câu nói này với Penny cho đến khi cô ngừng động đậy.

9 giờ 30 phút tối.

Roy Wallis rời khỏi phòng quan sát và đợi Guru ở phía trước tòa nhà Tolman cho ca trực lúc 10 giờ của cậu. Những đám mây đen nặng trĩu cướp mất khoảng trời đêm của sao và trăng. Mưa bắt đầu rơi, tí tách từng giọt, một cơn gió nhẹ cuốn tung đám lá ướt nhẹp ở mấy cái cây gần đó. Wallis liên tục hút thuốc, cố gắng không nghĩ tới chuyện đã xảy ra với Penny, hay chuyện phải xử lý thi thể của cô ra sao. Khi phát hiện Guru đang đi tới từ công viên, anh dập tắt điếu thuốc dưới gót giày và hướng mắt về phía anh chàng người Ấn Độ giữa làn mưa đêm.

“Tiến sĩ Wallis?” Guru ngạc nhiên khi thấy anh ở bên ngoài.
“Thầy làm gì ngoài này vậy ạ?”

“Không khí thật tốt, phải không?” Wallis nói. “Thầy thích mỗi khi trời mưa. Mọi thứ đều sạch sẽ và tươi mới.”

“Em cũng thích mưa, nhưng không tới nỗi sẽ đi dạo dưới nó.”

“Ít nhất thì em sẽ không còn phải lo lắng về việc cơn mưa làm rối tóc mình nữa.”

“Đúng vậy, tiến sĩ. Em đã bắt đầu gặt hái được kết quả từ sự thay đổi của mình rồi.”

“Em không lái xe à?”

“Em thậm chí còn không có bằng lái. Chúng ta có nên vào trong không? Ngoài này hơi lạnh.”

“Có việc này,” Wallis nói, xoa xoa bộ râu của mình. “Thầy không chắc đây là cách tốt nhất để thông báo với em, anh bạn, nên thầy sẽ thẳng thắn luôn. Cuộc thí nghiệm giấc ngủ kết thúc rồi.”

Guru nhướng mày kinh ngạc. “Kết thúc? Có chuyện gì đã xảy ra...”

“Hai người Úc kia vẫn ổn. Nhưng kể từ ca làm việc cuối cùng của em, tình trạng của họ xấu đi một cách rõ rệt, và để tránh tình huống tệ nhất, thầy quyết định dừng truyền khí ga vào phòng họ.”

Vai Guru chùng xuống khi nghe anh thông báo tin tức này. Cậu như chú chó con mất phương hướng, bị vứt qua một bên. “Em nên mong đợi điều này mới phải. Sức khỏe của họ xấu đi nhiều trong mấy ngày nay. Họ đã bắt đầu hồi phục chưa ạ?”

“Họ vẫn ở dưới tầng hầm. Khi thầy tắt khí ga, không khí bình thường tràn vào phòng thí nghiệm, họ sẽ nhanh chóng rơi vào giấc ngủ. Thầy đoán rằng, khi họ tỉnh dậy vào hôm sau, những triệu chứng của họ sẽ giảm đáng kể, rồi từ từ biến mất.”

Guru thở dài. “Vâng, thật đáng tiếc. Em đã rất vui vì được tham gia vào cuộc thí nghiệm. Em rất buồn vì nó phải kết thúc sớm.”

“Hãy nhìn vào mặt tốt, anh bạn ạ. Cuộc thí nghiệm đã kéo dài được 11 ngày. Chúng ta đã đạt được kỷ lục từng được ghi chép vào Guinness rồi. Đây cũng là một chuyện đáng để ăn mừng” Wallis vỗ vai Guru. “Thầy thực sự trân trọng và đánh giá cao những đóng góp của em. Hãy cứ vui chơi nốt mùa hè này đi. Tất nhiên, thầy sẽ trả lương đủ 21 ngày cho em, nên đừng lo lắng gì cả. Cứ gửi tin nhắn cho thầy thông tin tài khoản của em, thầy sẽ chuyển tiền cho em vào ngày mai.”

“Thầy thật hào phóng” Guru lúng túng đưa tay ra. “Cám ơn thầy vì trải nghiệm lần này. Em sẽ không bao giờ quên nó.”

Wallis bắt tay cậu. “Thầy hy vọng sẽ còn được gặp lại em trong những khóa học tiếp theo vào học kỳ tới.”

Guru thoảng nhăn mày khi nhìn thấy băng vết thương được cuốn quanh bàn tay phải của Wallis, nó giúp che dấu vết răng trên lòng bàn tay anh.

“Thầy lỡ làm đổ cà phê nóng lên, Wallis lên tiếng giải thích. “Không có gì nghiêm trọng. Về cẩn thận nhé.”

NGÀY THỨ MƯỜI HAI

Thứ Sáu, ngày 8 tháng 6 năm 2018

Roy Wallis dành hàng giờ tiếp theo quan sát hai đối tượng tham gia thử nghiệm và ghi chép như thường lệ. Việc giam mình ở phòng quan sát nhỏ 24/7 trong tương lai gần không phải điều lý tưởng, nhưng anh có thể chịu đựng tất cả vì công trình nghiên cứu của mình. Anh mua một chiếc thảm để ngủ ngay tại phòng và giải quyết hầu hết các bữa ăn ở mấy quán gần trường Berkeley. Anh chỉ trở về nhà để tắm rửa và thay đồ, nhưng anh không thấy phiền vì những chuyện đó. Hai người Úc vẫn muốn tiếp tục tham gia thí nghiệm. Mọi việc sẽ ổn thôi.

2 giờ sáng, Wallis băng qua màn đêm ẩm ướt đến bãi đậu xe, đánh lái đến ngay trước cửa tòa nhà Tolman. Anh quay trở lại căn phòng trống ở tầng hầm, nơi anh cất giữ thi thể của Penny, vác theo cái xác được giấu kín trong một bao màu đen, sau đó cẩn thận đi về phía xe, đặt nó nằm ngang trên dãy ghế chật hẹp phía sau.

Anh trượt vào sau tay lái, nhấn nút khởi động và dành chút thời gian nhập điểm đến vào hệ thống định vị GPS. Một phút sau, khi chiếc xe đã sẵn sàng lăn bánh, một tiếng gỗ vào cửa sổ khiến anh giật nảy. Anh ngoài đầu sang bên, nhìn thấy khuôn mặt tròn trịa của viên cảnh sát Roger Henn trong khuôn viên trường. Anh ta mỉm cười bên dưới bộ ria mép được cắt tỉa như người đàn ông trên bộ cờ tỉ phủ, vì vậy Wallis không nghĩ anh ta đã nhìn thấy xác của Penny. Hơn nữa, Audi TT là một loại xe thể thao hai cửa, cửa kính phía sau hình tam giác hẹp, rất khó để nhìn thấy bên trong. Nhưng, để đảm bảo, Wallis vẫn bước ra khỏi xe.

“Rodge, chào anh bạn,” Wallis nói, lôi bao thuốc lá từ trong túi ra, cố gắng hướng sự chú ý của người đàn ông to lớn này rời khỏi chiếc xe.

“Anh thế nào rồi, tiến sĩ?” Roger Henn chào hỏi. Chiếc mũ lưỡi trai — in dòng chữ CẢNH SÁT: Đại học California – được kéo thấp quá trán, tạo thành một bóng che trước đôi mắt xanh lục. Hai má anh ta hồng hào và chiếc mũi đỏ ửng như đang say, hơi thở sực mùi kẹo cao su bạc hà.

“Tôi khỏe. Có bắt được mấy đứa học sinh làm trò trong bụi rậm tối nay không?”

“Xịt cay dọa chết chúng rồi.”

Hai người cùng cười phá lên. Wallis châm một điếu thuốc.

“Cuộc thí nghiệm của anh thế nào rồi?” Roger Henn hỏi. “Mà anh đang làm gì dưới đó?”

“Ồ, anh biết đấy, mấy việc mà mọi nhà khoa học đều làm. Cho lũ chuột chạy vòng quanh mê cung và chơi với mấy ống nghiệm sủi bọt.”

“Trong khi lải nhải mấy lời đắng sọ và phô trương kiểu đắng kỳ cục.”

“Chính xác” Wallis bắt chước Gene Wilder trong Young Frankenstein, dang tay và nói: “Nó còn sống!”

Họ lại bật cười.

“Còn anh thì sao, Roger?” Wallis hỏi. “Một đêm yên bình chứ?”

“Chúng tôi có một thằng khốn đang tạm giam ở đồn,” Henn đáp. “Tên đó một kẻ móc túi, anh phải nghe hắn kể về mấy ngày cuối tuần của hắn cơ. Bắt chuyến tàu địa phương đến sân bay

quốc tế San Francisco vào sáng thứ Bảy, đi khắp nơi móc túi. Tại sân bay, mua một bịch bao thư và tem, gửi mấy thứ mà hắn gọi là của nhặt được về địa chỉ nhà mình. Sau đó, làm một chuyến tham quan ở phòng chờ trước khi lên một chuyến bay giá rẻ đến Phoenix, Sante Fe và cả Topeka chết tiệt nữa – bất cứ nơi đâu mà hắn ta muốn dừng chân trong một hoặc hai ngày, vẫn tiếp tục trộm vật và gửi tiền về nhà, để không một đồng nào được tìm thấy nếu hắn bị bắt. Hắn ta nói mình không bao giờ bị bắt, bởi nếu ai đó nhận thấy mình bị móc túi, hắn sẽ ngay lập tức thả rơi chiếc ví và còn chỉ cho người chủ, như thể nó chẳng may bị rớt, và hắn ta là một người qua đường tốt bụng. Hắn ta không đếm xuể số người đã cảm ơn anh ta vì lý do như thế.”

Wallis gõ nhẹ cho tàn thuốc rơi xuống. “Vậy hắn ta làm sao lại bị bắt?”

“Lái xe sau khi uống rượu.”

“À ha. Nỗi khổ của cảnh sát tuần tra đêm. Nhắc mới nhớ, tại sao một cảnh sát điều tra lại mắc kẹt ở mấy vụ như thế này?”

Henn nhún đôi vai cường tráng của mình. “Chúng tôi có chính sách giao ca. Nhiệm vụ tuần tra được giao dựa vào thâm niên.”

“Nhưng anh đã bao nhiêu tuổi rồi nhỉ? 35? Hay 36? Anh phải có kha khá năm trong nghề rồi chứ hả?”

“37, và đúng là thế. Nhưng tôi không ngại làm việc này. Ít ra không phải mấy cuộc gọi báo cáo tào lao, và hầu hết mấy cậu cảnh sát trẻ ít nghi ngờ về cuộc sống hơn mấy ông già đời. Nhưng đúng là như thế đấy. Anh ta ngáp dài. “Thỉnh thoảng tôi cũng mệt muốn chết.”

“Bởi vì anh đang làm việc trái với tự nhiên, Rodge. Con người là sinh vật ban ngày. Chúng ta không được sinh ra để thức đêm và ngủ ngày. Nó trái với đồng hồ sinh học của chúng ta.

“À, phải rồi, anh là tiến sĩ về giấc ngủ mà. Có gợi ý nào để tôi bớt mệt mỏi hơn không?”

“Có chứ, ngủ đủ giấc.”

“Nói dễ hơn làm. Anh đã từng thử ngủ ngày chưa?”

“Não bộ của chúng ta có thể được điều khiển để đi vào giấc ngủ dưới điều kiện thích hợp. Kéo kín rèm cửa, hoặc bịt mắt. Cả bịt tai nữa, phòng khi hàng xóm quyết định kéo máy cắt cỏ vào giữa giấc ngủ của anh.”

“Được thôi, tôi sẽ thử làm thế, tiến sĩ. Hàng xóm nhà tôi có con chó không bao giờ chịu im miệng.”

“Ông cũng có thể thử điều chỉnh độ sáng của đèn. Chọn mấy loại công suất thấp ấy, hay thậm chí cả mấy cái đèn màu đỏ.”

“Ồ, không! Tôi sẽ không biến nhà mình thành nhà chúa đảo.”

“Thì anh đang hỏi ý kiến của tôi mà.”

“Tôi dùng bịt mắt và bịt tai là được rồi.”

Wallis giảm điếu thuốc dưới mũi giày. “Vậy nhé, Rodge. Cuộc nói chuyện rất thú vị, nhưng tôi phải về rồi. Chúc làm việc vui vẻ.”

Roger Henn tiếp tục cuộc tuần tra của mình về hướng đông dọc theo đại lộ Hearst, và Wallis quay trở lại chiếc Audi, hài lòng vì biểu hiện bình tĩnh của bản thân trong suốt cuộc nói

chuyện với viên cảnh sát, với thi thể của Penny chỉ cách đó vài bước chân.

Xoay bánh lái một đường chữ U, Wallis rời khỏi Berkeley và lái về phía tây dọc theo xa lộ liên tiểu bang 580. Nửa tiếng sau, anh lái xe qua nhà tù nơi Johnny Cash thu âm trực tiếp một album, và tiếp tục đi dọc đại lộ Sir Francis Drake tới công viên tiểu bang Samuel P. Taylor.

Anh từng là một chàng thanh niên thích những hoạt động ngoài trời, và anh đã phát hiện ra công viên này một cách khá tình cờ cách đây hơn chục năm khi lái xe đến bờ biển Quốc gia Point Reyes. Nó nhanh chóng trở thành điểm đến yêu thích của anh vào những ngày cuối tuần cắm trại một mình, đi bộ đường dài và đạp xe leo núi. Anh không thể nhớ lần cuối cùng mình tới đây là bao giờ, nhưng ít nhất cũng phải hơn năm năm về trước.

Theo truyền thuyết, Wallis nhớ công viên này được đặt tên dựa theo Samuel Penfield Taylor, một người giàu có phất lên trong Cơn sốt vàng ở California và dùng vàng của mình để mua một lô đất dọc con sông Lagunitas, nơi ông ta xây dựng nhà máy giấy đầu tiên trên bờ biển Thái Bình Dương. Khi tuyến đường sắt bờ biển Bắc Thái Bình Dương được mở rộng đến gần đó, doanh nhân Taylor đã xây dựng một khu nghỉ dưỡng dọc tuyến đường, phục vụ cho những người San Francisco mệt mỏi vì cuộc sống xô bồ nơi thành phố. Sau khi Taylor qua đời, chính quyền bang California đã lấy tài sản của ông với lý do không đóng thuế, người dân ghi nhớ công lao của ông và dùng tên ông đặt cho công viên này.

Wallis đỗ chiếc Audi cách lối vào khu cắm trại Taylor khoảng một dặm về phía Tây. Vào giờ này, không có một chiếc xe nào quanh đó. Anh xác của Penny ra khỏi ghế sau. Anh thầm cảm ơn hiện tượng đồng cứng thi thể đã giúp anh dễ dàng khiêng cơ thể cô lên vai chẳng khác nào một túi đựng khoai tây.

Anh biết phía bên kia con đường dẫn đến Devil's Gulch, nhưng anh không có ý định đi dọc lối mòn đó. Thay vào đó, anh rẽ về phía Tây, hướng tới cánh rừng già.

Những thân cây gỗ đồ cao chót vót chặn mọi ánh sáng từ bầu trời xuyên qua đám mây chiếu xuống mặt đất, nhưng ánh sáng đèn pin từ điện thoại của anh cũng đủ để chiếu sáng lối đi. Mặc dù anh khá khỏe mạnh, còn Penny thì gầy và nhẹ, nhưng việc bước đi không hề dễ dàng. Những con dốc đứng và lạch quanh co cản bước chân anh chậm lại, làn sương mù nhẹ bao phủ từng gốc cây, hòn đá, khiến anh nhiều lần vấp ngã. Dù chỉ mới di chuyển được mười phút nhưng anh đã thở hổn hển, toàn thân đầm đìa mồ hôi. Sau mười phút nữa, anh phải dừng lại để lấy hơi thở. Tuy nhiên, giờ không phải lúc để được phép lười biếng hay chậm chạp, Càng giấu thi thể sâu trong rừng bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu.

Cuối cùng, anh dừng lại sau khoảng ba mươi phút ròng rã, cho rằng mình đã đi đủ xa. Anh vùi thi thể Penny vào trong đống lá rụng, sau đó thở hắt. Lau mồ hôi trên trán, mắt và lắc đổi vai cùng cánh tay mỏi nhừ, anh rút ra một con dao mang đi từ nhà. Trước đây anh chỉ dùng nó để cắt dây thừng và làm cá. Tối nay, nhiệm vụ của nó sẽ hơi khác, và trong chốc lát, anh nghĩ rằng mình không có đủ can đảm để chặt đầu cái xác.

Nhưng anh biết đây là một việc bắt buộc. Anh không có xěng, và cũng không tính sẽ đi mua nó vào giữa đêm. Ngay cả khi anh tìm thấy một nơi vẫn còn bán nó vào thời điểm này, anh sẽ phải sử dụng tiền mặt để tránh ghi lại dấu vết trên hóa đơn, hay lưu lại những giao dịch trong hệ thống ngân hàng, và nó sẽ khiến mọi thứ trở nên thật đáng ngờ. Người bán hàng sẽ nhớ mặt anh và có thể sẽ thông báo cho cảnh sát. Anh cho rằng mình có thể đợi đến sáng và đi tới cửa hàng bán vật dụng dành cho nhà cửa, nhưng ở đó có camera an ninh, và việc bị camera quay lại còn tệ hơn so với lời khai của bất kỳ nhân chứng nào.

Hơn nữa, anh cũng chẳng cần xěng. Công viên đầy thú ăn thịt. Gấu đen, cọp Mỹ, cáo xám và linh miêu, chúng đều là những ứng cử viên có tiềm năng, sẵn sàng nhảy bổ vào bữa ăn miễn phí này. Và Penny trong bụng một con gấu sẽ tốt hơn Penny bị chôn vùi dưới đất, nơi nếu bị phát hiện thì cái xác vẫn có thể được nhận diện.

Vấn đề là cái đầu của cô ta.

Nó quá to để lũ động vật xơi tái, dù là tất cả những nhân tố xung quanh và sự phân hủy ăn mòn nó thành một hộp sọ theo thời gian, công nghệ pháp y ngày nay vẫn có thể tái tạo lại cấu trúc mặt của cô ta.

Cho nên, anh phải xử lý cẩn thận.

Wallis cúi người xuống, bắt đầu công việc kinh hoàng là tách phần đầu đầy tóc của Penny ra khỏi cơ thể. Lưỡi dao bằng thép dài gần mươi bốn phân sắc lẹm khiến việc này trở nên dễ dàng hơn, ngay cả khi nó cắt đứt đốt sống cổ, mặc dù máu đã kịp bắn tung tóe lên tay anh.

Wallis đứng dậy, cảm giác nhộn nhạo dấy lên trong dạ dày. Anh hít sâu vài lần để kìm nép cảm giác buồn nôn này.

Wallis dùng một mảnh vải nhắc đầu của Penny và đi ngược trở lại một trong những con lạch mà anh đã đi qua trước đó. Anh đặt đầu trên bờ, sau đó lội xuống để kiểm tra độ sâu. Điểm sâu nhất chạm đến gần vai anh, đủ tốt. Anh lau sạch vết máu trên tay rồi quay trở lại bờ. Vi khuẩn trong dạ dày và ngực của người chết sẽ tạo ra đủ khí để khiến cơ thể nổi lên bề mặt nước. Điều này cũng tương tự với một cái đầu. Cho nên, để an toàn, Wallis nhét đầy đá vào miệng của Penny, rồi ném nó ra chỗ sâu nhất ở giữa con lạch.

Nó chìm ngay trong phút chốc, Wallis thỏa mãn quay trở lại xe của mình vì đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc.

Anh trở về căn hộ áp mái của mình khi bình minh đang tô vẽ trên bầu trời vừa được gột rửa sau một cơn mưa, tựa màu hổ phách, màu mơ và màu đỏ châu sa.

Anh tắm rửa và thay đồ, dự định sẽ ra ngoài mua một số vật dụng cần thiết cho những ngày tới, nhưng chiếc giường cỡ lớn của anh quá đỗi cảm dỗ.

Chỉ một tiếng thôi, anh tự nhủ trong giây phút yếu lòng, nằm up xuống chiếc đệm êm ái.

Anh mơ thấy công viên Samuel P. Taylor vào ban ngày, cánh rừng vẫn yên tĩnh và bất động. Anh đang nhanh chóng băng qua bóng tối được phủ lên bởi đám gỗ rừng khổng lồ ven biển, liếc nhìn qua vai để tìm kiếm kẻ vô hình đang đuổi theo mình.

Một màn sương mù dày đặc lan ra từ hư không, và trong đó, một nhà thờ đá xập xệ mọc lên từ gốc cây mục nát. Những bức tường đá bị nứt và vỡ vụn khắp nơi, một làn khói trắng gầm như lẩn vào sương mù bay lên từ ống khói của nhà thờ.

Anh len lỏi vào bên trong qua kẽ hở của gốc cây lởm chởm. Không gian bên trong rộng lớn hơn nhiều so với việc nhìn từ bên ngoài, anh vội và băng qua sảnh cầu nguyện rồi ẩn nấp dưới chiếc bàn phủ khăn. Ngay cả khi anh đang trốn, không khí bên ngoài vẫn đang chuyển động và đặc lại, tụ thành một đám đen. Sau khi lấy hết can đảm để lén nhìn ra từ bên dưới tấm vải phủ bàn, anh thấy mình đang bị bao quanh bởi một khoảng không tối đen vô tận, rộng lớn tới nỗi ngay cả những cây gỗ đỏ cao nhất cũng trở nên nhỏ bé như những chiếc tăm. Nhưng anh không có một mình, một con quái vật khổng lồ không có hình thù rõ ràng cũng đang ở đó, và anh biết rằng thời gian của mình sắp hết...

Wallis giật mình tỉnh giấc trong hơi thở hổn hển. Bóng tối choán hết căn phòng, khiến anh mất phương hướng. Lúc anh nằm xuống trời vẫn còn sáng, chẳng lẽ anh đã ngủ cả ngày.

Wallis ngồi dậy và nhìn đồng hồ đeo tay của mình. Đã 8 giờ 30 tối.

“Chết tiệt” Anh chửi thầm. Sau đó, một thước phim sinh động chiếu lại trong đầu anh, anh nhớ tới chuyến hành trình của mình vào nửa đêm hôm trước, và cả việc anh đã làm với thi thể của Penny, sau đó liên tục chửi thề trong hối hận.

Wallis vào phòng tắm, tạt nước lạnh lên mặt, đánh răng rồi quay trở lại phòng ngủ. Anh cầm điện thoại lên, đang đi ra cửa

trước thì nhận thấy có một cuộc gọi nhỡ từ Brook.

Anh dừng lại ở phòng khách và đấu tranh suy nghĩ. Sau đó bấm số gọi lại cho cô.

Brook nhấc máy ở tiếng chuông thứ hai. "Chào anh," cô nói, không thể hiện rõ sự vui mừng hay buồn bã khi nghe giọng anh. Chỉ mới một ngày trôi qua kể từ hôm qua, khi cô ở đây và Penny tự tiện ghé quá. Vậy mà nó dài như cả một thế kỷ.

"Chào em," anh nói, cố gắng tỏ ra vui vẻ hơn cảm xúc thật của mình. "Anh đã bỏ lỡ cuộc gọi từ em."

"Em xin lỗi, em không nên làm phiền anh khi anh làm việc."

"Bây giờ anh không làm việc," anh nhanh chóng đáp lại. Anh biết mình phải đến Tolman ngay lúc này. Cuộc thí nghiệm đã không được giám sát hơn mười tám tiếng tới. Tuy nhiên... anh đang rất suy sụp và lo sợ, và giọng nói của Brook khiến anh bình tâm lại. Anh muốn gặp cô, muốn cảm giác quen thuộc, thân thương mà có mang lại, ngay cả khi đó là một sự quen thuộc giả tạo, bởi vụ sát hại Penny sẽ mãi là vết nhơ trong tâm thức của anh. "Em đang làm gì vậy?" Anh hỏi.

"Nhấp nháy một ly rượu và nhìn ra vịnh."

"Nghe thật thú vị."

Brook ngập ngừng một lúc rồi nói: "Sẽ thật tốt nếu có anh ở đây?"

Wallis không trả lời.

"Roy?"

"Anh chỉ đang nghĩ... em đã ăn tối chưa?"

"Rồi, nhưng em có thể ăn thêm, thứ gì đó nhẹ nhàng."

“Vậy nhà hàng Izakaya ở đường San Pablo thì thế nào? Nó không quá xa từ nhà em.”

“Chúng ta cần phải đặt bàn trước.”

“Anh quen người chủ ở đó. Anh ta có thể để cho chúng ta một bàn. Nửa tiếng nữa nhé?”

Wallis lướt nhanh qua cây cầu nối giữa San Francisco và vịnh Oakland trên chiếc Audi mui trần, tận hưởng tiếng gió gào thét bên tai và bầu trời đêm rộng lớn trên đầu. Mặt trăng soi sáng, tròn đầy giữa những vì sao rải rác.

Đỗ xe ở trung tâm thành phố Oakland, Wallis đi bộ qua vài dãy nhà để đến Izakaya. Nỗi lo lắng, bồn chồn vẫn xâm chiếm toàn bộ cơ thể anh, anh sợ rằng Brook có thể đọc ra từ trong mắt anh những gì anh đã làm. Điều này tất nhiên nghe thật vô lý, chỉ là cảm giác tội lỗi khiến anh không thể điều khiển nổi suy nghĩ của mình, và anh phải tự nhủ hàng trăm lần rằng hãy bình tĩnh lại.

Nữ nhân viên phục vụ – một cô gái châu Á mặc trang phục ninja thời kỳ Edo với băng đô, bộ quần áo vải đen rộng và đôi dép gỗ xỏ ngón – dẫn anh tới một chiếc bàn ở góc. Brook vẫn chưa đến, anh nhân cơ hội này gọi một ly đồ uống. Nhà hàng này không có rượu rum, nên anh đã gọi một bình sake 350ml. David, chủ quán, bước ra từ bếp và chào đón anh. Họ biết nhau sau một vài cuộc trò chuyện xã giao nhờ số lần Wallis đã bảo trợ cho nhà hàng trong những năm qua.

Khi người phục vụ mang rượu sake ra, David quay trở lại bếp và Wallis yêu cầu thêm một bình nữa. Nữ nhân viên không có phản ứng gì đặc biệt.

Nhà hàng Izakaya hơi tối, mang phong cách tối giản và không lớn lăm. Tất cả các bàn đều có những vị khách trung niên giàu có, đang thưởng thức bữa ăn mà không có lũ trẻ. Mùi thơm của món tempura chiên giòn và nước sốt teriyaki, cùng thịt ba chỉ nướng ngọt ngào khắp không gian, Wallis nhận ra rằng mình đã không ăn gì kể từ chiều hôm qua.

Mười phút sau, Brook đến trong chiếc váy dài thướt tha cùng đôi xăng-đan. Phục vụ đã dọn một bình sake đi, giờ chỉ còn lại một bình đã vơi nửa trên bàn.

“Xin lỗi, em tới trễ,” cô nói. Anh đứng dậy, họ trao nhau một nụ hôn nhẹ và cùng ngồi xuống. “Em không quyết định được nên mặc gì.”

“Em rất đẹp,” anh khen.

“Anh cũng luôn rất bảnh bao.”

“Thật dễ dàng khi tất cả những gì anh phải làm là mặc một chiếc áo khoác.”

Wallis rót cho cô một ly sake, rồi gọi thêm một bình nữa, cùng với vài món như dưa chua tự làm, đậu edamame, tempura nấm và thịt bò xiên.

“Cạn ly,” anh nói, nâng ly lên và uống.

“Em chỉ muốn nói với anh rằng,” Brook nói, “em không tức giận về chuyện đêm qua. Em có thể đã làm quá lên vì hành động bỗng dưng của anh. Em không thể trách anh khi cô trợ lý của anh say nắng anh. Em cũng say mê anh. Chỉ là...”

“Em không cần giải thích mà, Brook,” anh an ủi. “Và bây giờ em có lẽ sẽ vui khi biết rằng anh đã đuổi cô ta ra khỏi cuộc thí nghiệm.”

“Anh đuổi cô ấy? Trời ơi, Roy, anh không cần phải làm như vậy!”

“Có, anh nên làm thế. Việc cô ta đến nhà anh như vậy chẳng hay ho chút nào. Cô ta đã điều tra địa chỉ của anh trên mạng hay đại loại thế. Đây là một dạng bám đuôi.”

“Ừm... miễn là anh nghĩ điều đó là nên làm, và nó không phải là từ phản ứng của em.”

“Đó là điều anh phải làm,” anh khẳng định. “Tuy nhiên, anh sẽ phải làm thay tất cả những ca làm tám tiếng của cô ta, có nghĩa là anh sẽ không có nhiều thời gian rảnh cho tới khi cuộc thí nghiệm kết thúc.”

“Khi nào, tuần sau hả?”

Wallis đã kể với Brook về thời gian của cuộc thi nghiệm là 21 ngày, cũng như anh nói với Penny, Guru và hai người Úc, nhưng thực tế là nó sẽ kéo dài cho tới khi cần thiết, để chứng minh hoặc phủ định giả thuyết mang tính đột phá của anh.

Dù vậy, anh vẫn trả lời: “Đúng, khoảng một tuần nữa.”

Cô bĩu môi, vờ giận dỗi. “Vậy em sẽ làm gì khi không có anh?”

“Này, anh có cái này cho em. Hãy nhắm mắt lại đi.”

“Thật hả?” Cô mỉm cười, nhắm mắt lại.

“Đưa tay cho anh.”

Cô chìa lòng bàn tay của mình ra. “Được rồi.”

Wallis lấy từ trong túi áo mình ra chiếc nhẫn mà Beverley St. Clair đã làm cho anh. Anh cố thủ đeo nó vào ngón tay giữa nhưng có chút chật, nên thay vào đó, anh đeo nó vào ngón đeo nhẫn của cô.

“Được rồi,” anh nói.

Brook mở mắt, ánh lên niềm vui sướng khi nhìn thấy chiếc nhẫn. “Ôi, Roy!” Cô cảm động, đưa tay lên trước mặt để chiêm ngưỡng món đồ trang sức. “Đẹp quá! Nó thực sự rất đẹp.

Chiếc nhẫn làm bằng bạc có gắn một viên đá thạch anh màu xanh lá. Trên góc trái của viên đá quý là một chú bọ rùa vàng hồng 18 karat, như thể đang đậu trên mép lá.

“Anh không chắc về kích cỡ ngón tay của em...

“Nó vừa khít.” Cô nắm lấy cả hai bàn tay anh và siết chặt một cách chân thành. “Cám ơn anh, Roy. Em nghĩ là mình sẽ không tháo nó ra.”

Nhân viên phục vụ đi tới với bình sake thứ ba cùng đồ ăn. Wallis gọi thêm vài món, hai người hoàn thành bữa ăn trong vòng một giờ hoặc hơn một xíu. Trong suốt bữa ăn nhàn nhã, Brook và anh nói về tất cả mọi thứ có thể nói tới. Cuộc nói chuyện rất dễ chịu và vui vẻ. Họ có mối liên kết rất tự nhiên. Họ có cùng sở thích, có cùng khiếu hài hước. Tuy nhiên, điều mà Wallis trân trọng nhất trong thời gian ở bên Brook là cách cô khiến tâm trí anh được bình yên. Cuộc sống của cô rất đơn giản, điều đó khiến con người cô cũng vậy, nhưng theo một cách rất đáng yêu. Cô như bỏ bùa anh. Cô không giả tạo, không làm quá vấn đề. Cô không có hoài bão gì quá lớn trong cuộc đời và cũng không có ước mơ gì xa xôi. Cô có công việc của mình, một công

việc mà cô yêu thích; cô có những người bạn chân thành và thực tế, những người mà anh đã có cơ hội được gặp; cô còn có căn nhà nỗi nhỏ bé, nơi có rất quý trọng; và cô có sức khỏe.

Cô sống ở thực tại, không phải trong những mộng tưởng, và anh cảm thấy mình không những bị hấp dẫn bởi những điều này mà còn cả ghen tỵ nữa.

“Dự báo thời tiết nói trời sẽ mưa một lượng đủ cho cả tháng trong tuần tới,” Brook lên tiếng, lấy miếng đậu edamame cuối cùng từ đĩa và cắn hạt đậu nành từ vỏ. “Sẽ có ba cơn bão trong bảy ngày. Anh có tin nỗi không?”

“Những cơn bão lớn như trong mùa đông?” Anh hỏi.

“Không đến mức đó, nhưng trời sẽ mưa không ngừng.”

“Cũng tốt, anh sẽ chỉ làm ổ bên trong Tolman thôi.”

“Em rất tò mò về nó.”

“Vậy thì phải nhanh lên. Tòa nhà sẽ bị dỡ bỏ vào cuối mùa hè này.”

“Ý em là thí nghiệm của anh cơ.

Wallis chớp mắt ngạc nhiên. “Thật sao?”

“Đúng thế, em có thể không?”

“Không có gì đáng xem đâu. Chỉ là hai người sống cô lập trong một căn phòng thôi.”

“Em biết anh không thích nói nhiều về nó, Roy, nhưng em thực sự muốn xem. Em sẽ phát điên nếu không ngủ đủ tám tiếng mỗi đêm. Còn những chú chuột của anh đã trải qua chuyện như vậy tới hai tuần rồi.”

Wallis can ngăn. “Anh không biết, Brook... Anh không phải đang làm một buổi công diễn kỳ quái, một đồng một vé.”

“Em sẽ không can thiệp tới bất cứ thứ gì, em thề đó. Không phải anh nói là có cửa kính hai chiều sao? Vì vậy họ thậm chí còn sẽ không nhìn thấy em nữa.”

“Khi nào em muốn tới?”

“Chúng ta cũng không có gì để làm ngay bây giờ.”

Wallis ngẫm nghĩ một lát, rồi chuốc cạn ly rượu.

“Được rồi,” anh quyết định, dùng khăn giấy lau miệng. “Đi thôi.”

“Chúa ơi!” Wallis thốt lên ngay khi họ bước chân vào phòng quan sát.

“Ôi trời... kia là?” Brook quay lưng lại, như đang nôn mửa.

Wallis không thể rời mắt khỏi cửa sổ quan sát. Một hoặc cả hai người Úc đã xé hàng trăm trang giấy từ những cuốn sách trên giá, và dùng phân để dính nó lên mặt kính. Những tờ giấy dán kín toàn bộ tấm kính khiến anh không thể nhìn được vào bên trong.

Anh ấn nút Trò Chuyện trên bảng điều khiển. “Này, hai người....” Anh nói, giọng điệu lén xuống như thể một câu hỏi.

Họ không đáp lại.

Brook bước đến và đứng bên cạnh anh. Cô không nói gì.

“Chad?” Anh thử lại. “Sharon? Có chuyện gì trong đó vậy?”

Anh nghe thấy những tiếng thầm thì đáng ngờ và điệu cười điên dại.

“Roy..?” Brook lên tiếng, một cách thận trọng.

“Điều này chưa từng xảy ra trước đây,” anh nói.

“Đây là một trò đùa đúng không? Sao họ lại... làm thế.”

“Họ đang trải qua ảo giác nhẹ. Đây có thể là một trong những biến đổi trong nhận thức sai lệch của họ.”

Wallis nghĩ tới ảo giác của Chad, về những cái nấm mọc trên đầu và gật gù.

“Em không thích điều này, Roy” cô nói thêm. “Chúng ta có nên... em không biết... chúng ta có nên giúp họ không?”

“Không”” anh đáp lại một cách gay gắt, như thể đang trải qua cảm giác déjà vu. Tuy nhiên, anh nhanh chóng gạt bỏ suy nghĩ về việc sẽ làm với Brook như bị kịch với Penny. Brook không bốc đồng, không trung thành, hay bị thúc đẩy bởi tư lợi. Cô sẽ không bao giờ đâm sau lưng anh. “Ý anh là, không phải ngay lúc này,” anh nói thêm. “Anh sẽ theo dõi bọn họ thêm một vài ngày, để họ ra ngoài hít thở không khí trong lành, cho họ chút thời gian để giải tỏa đầu óc.”

“Anh nghĩ đó là tất cả những gì họ cần hả? Những gì họ đang làm.”

“Anh chắc chắn chín mươi lăm phần trăm rằng đó là tất cả những gì họ cần, Brook ạ. Có lẽ anh còn nên dẫn họ đi ăn kem?” Anh mỉm cười. “Dù sao đi nữa, nếu vì một lý do nào đó mà họ không trở lại bình thường được, anh sẽ đích thân đưa họ tới Hội nghị thượng đỉnh Alta Bates. Tất nhiên, sức khỏe của họ là điều tối quan trọng.”

“Anh không muốn em ở lại với anh cho đến khi chắc chắn rằng mọi thứ đều ổn...”.

“Mọi thứ vẫn ổn, Brook.” Anh lại cười, chỉ riêng lần này tươi sáng hơn. “Hãy tin anh. Anh sẽ dành tám tiếng mỗi ngày để ở với họ trong hai tuần cuối cùng. Anh hiểu họ mà. Họ chỉ cần ra khỏi căn phòng đó một lát. Còn bây giờ, sao không để anh đưa em về nhỉ? Đã muộn rồi, sáng mai em phải đi làm không?”

“Vâng, được ạ. Em nghĩ... ừm, em sẽ không thể gặp anh cho tới hết tuần sau phải không?”

Wallis hôn nhẹ lên má cô và dẫn cô ra khỏi phòng quan sát. “Hy vọng rằng chúng ta có thể sắp xếp được thời gian trước đó. Có lẽ em có thể quay trở lại sau vài ngày để nhìn hai người họ khi đã trở lại bình thường, đọc sách và xem ti vi?”

“Vâng, em mong chờ việc đó.” Họ bước lên bậc thang tiến về phía cổng chính. “Cảm ơn anh vì buổi tối tuyệt vời ngày hôm nay, Roy.” Brook cười ẩn ý, nhìn qua vai về phía căn phòng họ vừa đi ra. “Ý em là, nó thực sự đã rất tuyệt vời... cho tới khi gặp chuyện kia.”

“Em thì thoát khỏi nó dễ dàng,” anh nói, cười lớn. “Anh mới là người ở lại nghĩ cách xem phải dọn dẹp như thế nào.”

NGÀY THỨ MƯỜI BA

Thứ Bảy, ngày 9 tháng 6 năm 2018

Sharon rất vui vì họ không thấy được cô nữa. Sự thăm dò, quan sát của họ khiến cô phát điên. Tay cô toàn mùi phân, cả căn phòng thí nghiệm này cũng vậy, nhưng sự riêng tư này xứng đáng để đánh đổi. Cô cảm thấy vui sướng với thành quả mà cô và Chad đã làm... Vui đến độ choáng váng và tự do.

Họ không thể thấy mình! Họ không thể thấy mình! Họ không thể thấy mình!

Một tràng cười khích khích thoát ra từ cổ họng cô.

Chad, từ phía bên kia căn phòng, liếc nhìn cô. Cô nghĩ anh ta sẽ bắt đầu rống lên như anh ta vẫn làm, nhưng thay vào đó, anh ta cũng khục khặc cười.

Cô bò về phía anh ta bằng cả tứ chi.

“Họ không thể thấy chúng ta!” Cô thì thầm.

“Mẹ kiếp chúng nó!” Anh nói.

Cả hai cùng cười hí hửng.

“Chad...?” Cô nói nhỏ.

“Gì...” Anh đáp.

“Anh có nghe thấy tiếng gì không...”

“Có.”

“Không phải tiếng từ cái loa...”

“Không...”

“Chúng tới từ bên trong tôi...”

“Tôi cũng thế...”

“Chúng muốn tôi làm... vài thứ...”

“Tôi cũng thế.”

“Chúng muốn... ra...”

“Tôi biết...”

“Chúng ta có nên để họ ra....”

Anh bắt đầu cười phá lên, nhanh tay che miệng mình lại, và chỉ sau ít phút quan sát anh ta, cô cũng làm theo.

Chad và Sharon từ chối giao tiếp với Wallis, và tất cả những gì anh có thể nghe thấy qua micro loa thu âm trên trần nhà là tiếng đi lại và thỉnh thoảng là những tiếng cười thầm kín.

Anh không biết liệu họ có còn đeo chiếc đồng hồ thông minh mà anh đã đưa cho họ không, hay chúng đã bị tắt, hoặc hết pin, bởi bảng điều khiển không thể ghi lại nhịp tim hay huyết áp của họ nữa.

Anh một lần nữa nhấn nút Trò Chuyện, nhưng lần này, anh nói: “Hai vị? Tôi sẽ đi vào trong đó, được chứ? Chỉ để kiểm tra rằng mọi thứ vẫn ổn.”

Tiếng cười chói tai vang lên.

Wallis đi tới trước cánh cửa căn phòng thí nghiệm ngủ.

Nó không hề nhúc nhích.

Anh cố gắng vặn tay nắm cửa một lần nữa, nhận ra rằng cửa đã bị chặn từ bên trong, anh dồn lực vào vai đẩy mạnh cánh cửa.

Không có tác dụng.

Họ đã chặn cái quái gì ở trước cửa vậy?

Anh quay trở bàn làm việc và ngồi xuống. Mặc dù bức bối vì không thể quan sát trực quan những gì đang diễn ra bên trong, nhưng anh có cảm giác kích động kỳ lạ.

Cuộc thí nghiệm về giấc ngủ đang bước vào giai đoạn mới.

1 giờ 43 phút sáng hôm đó, Sharon bắt đầu la hét.

3 giờ sáng cùng ngày, tiếng la hét và khóc lóc của cô dừng lại.

Nửa giờ sau đó, sau khi cố gắng nói chuyện với hai người Úc nhiều lần, Wallis gọi điện thoại.

“Thầy Roy?” Giọng Guru Rampal vang lên, ngái ngủ.

“Thầy cần em tới tòa nhà Tolman. Ngay bây giờ.”

Ngay khi đặt chân vào căn phòng, Guru Rampal đứng khụng lại ngay tại chỗ, như thể có một bức tường chắn trước mặt. “Lạy Chúa!” Cậu ta thốt lên, nhìn chằm chằm vào cửa kính quan sát. “Họ đã làm gì vậy?”

Wallis đứng lên và nhường ghế cho Guru. “Ngồi xuống đi, Guru. Chúng ta cần nói chuyện một chút.”

Cậu ngồi xuống ghế, khuôn mặt nhăn nhúm. “Em đã làm gì sai phải không, tiến sĩ?”

“Không, đây là việc liên quan đến cuộc thí nghiệm giấc ngủ. Những chi tiết mà em không biết, và em sẽ cần phải biết, nếu như em muốn giúp thầy.”

“Thầy muốn em giúp gì ạ?”

“Em rất thông minh, Guru. Em phải hiểu rằng không một bước tiến quan trọng nào không cần đến sự hy sinh.”

“Vâng, em hiểu điều đó, thưa tiến sĩ. Bản thân em đã hy sinh rất nhiều khi rời Ấn Độ và gia đình của mình để sang Mỹ học tập.

Wallis gật đầu. “Thầy cũng đã hy sinh rất nhiều thứ – một cuộc sống bình thường, hôn nhân và con cái – tất cả đều vì công việc. Mười năm qua, thầy đã cống hiến cho một giả thuyết, mà nếu nó được chứng minh là đúng thì sẽ thay đổi cả thế giới này, mãi mãi. Thành công đang ở ngay trước mắt. Nó đang ở ngay trong kết quả của cuộc thí nghiệm này.”

“Nhưng thầy nói là cuộc thí nghiệm đã kết thúc rồi mà?”

Wallis vân vê chòm râu. “Khi thầy còn nhỏ, Guru, cha mẹ dẫn thầy tới nhà thờ vào mỗi sáng Chủ nhật. Thầy nhớ rất rõ những sự kiện thường diễn ra trong đó. Họ luôn bắt đầu bằng việc diễu hành dọc lối đi giữa hai bên hàng ghế. Chiếc đàn organ Hammond cũ kỹ sẽ ngân lên những nốt nhạc truyền thống, còn cậu bé phụ giúp cho linh mục sẽ cầm theo cây thánh giá khổng lồ, dẫn đầu đoàn người chậm chạp tiến về phía trước. Theo sau cậu bé sẽ là những người cầm nến, rồi tới vị linh mục, và cuối cùng là người phó tế với cuốn Kinh Thánh trên tay. Từng người ngồi trên những hàng ghế sẽ lần lượt đứng dậy và nối đuôi theo đoàn người diễu hành, ngân nga giai điệu của bản thánh ca. Mặc dù bài hát được chơi ở những âm trưởng cao độ, để tiếng nhạc nghe vui tươi hơn, và mọi người đều đang cố cất giọng mình lên cao nhất có thể, nhưng tôi luôn bị nhầm lẫn giữa những đoạn nhạc. Bài hát ám chỉ rằng quỷ Satan không bị nhốt ở trong hố lửa giữa lòng đất như những gì tôi vẫn hằng tin tưởng. Mà thật ra, nó vẫn ở trên thế gian này, dẫn

đầu một đội quân ác quỷ vô hình. Khi thầy hỏi mẹ về điều này, bà đã trích một đoạn trong thánh thư, nói rằng: ‘Quỷ Satan luôn khát khao có được con. Đây là lời Chúa Jesus đã nói với tông đồ Peter của mình ở một khu vườn tại Gethsemane, Jerusalem. Bởi Peter sẵn sàng hy sinh thân thể và máu thịt để bảo vệ Chúa Jesus khỏi kẻ thù, nhưng anh ta không sẵn sàng để đối đầu với Satan bằng cả tâm trí và con tim. Và đó là nơi Satan và đội quân của nó sẽ chiến thắng. Thầy nghiêm ra một điều vào ngày hôm đó, rằng lũ quỷ sẽ chiếm được bạn, ở bất cứ nơi đâu, bất cứ khi nào chúng muốn, thậm chí ngay khi bạn không hề hay biết. Trong tâm trí và trong trái tim.’’ Wallis châm một điều thuốc. “Sau này lớn lên, quan niệm bất biến này vẫn luôn khiến thầy sợ hãi. Trên thực tế, những ác mộng vẫn ám ảnh thầy cho tới tận bây giờ. Thầy đang muốn nói gì sao? Chỉ là một câu tường thuật rất đơn giản – ‘Satan vẫn luôn khát khao chiếm lấy chúng ta – câu nói đã thay đổi cuộc đời thầy. Đó là lý do tại sao thầy theo đuổi Khoa học Tâm lý.’’ Anh dừng lại một lúc trước khi nói tiếp. “Em biết không, Guru, cha mẹ thầy qua đời khi thầy ít hơn em bảy giờ vài tuổi. Họ đang đi thuyền tới Bahamas thì bị cướp biển tấn công, em có tin nổi không. Lũ cướp biển. Chúng chiếm thuyền, cướp đi tất cả những thứ có giá trị, rồi quăng họ xuống biển. Đó là điều mà cảnh sát địa phương làm như vậy, và thầy không có lý do gì để nghi ngờ. Thầy đã rơi vào bóng đêm tuyệt vọng, thầy không nói dối đâu. Bóng đêm tối tăm mù mịt, không lối thoát. Thầy không quan tâm mình sống hay chết. Thầy đã nghĩ tới chuyện tự vẫn. Một lần, khi đang lái xe trên quốc lộ, thầy có một ham muốn gần

như không thể cưỡng lại được là lao đầu vào một chiếc xe nào đó đang đi tới, mà không thèm suy nghĩ đến chuyện người khác cũng sẽ bị liên lụy bởi ý định tự vẫn của mình – và đó là khoảnh khắc thầy nhận ra rằng quỷ Satan đã chiếm được mình.” Wallis hít một hơi thuốc thật sâu và dài, thở khói ra dưới hai cánh mũi. “Thầy quyết định xoay chuyển cuộc đời mình từ đó. Thầy cố gắng hết sức để xua tan sự tăm tối trong tâm trí. Thầy đổi chuyên ngành sang Tâm lý học để hiểu rõ hơn tại sao con người lại làm những việc kinh tởm như vậy, để giúp họ nếu mình có thể. Tuy nhiên, những nghiên cứu về giấc ngủ lại hấp dẫn thầy một cách kỳ lạ. Thầy gia nhập vào làn sóng những nhà nghiên cứu đang nỗ lực khám phá những bí mật trong bộ não của con người khi ngủ. Trước những năm 1950, mọi người đều nghĩ ngủ là một hành vi thụ động, nhưng điện não đồ đã thay đổi toàn bộ. Chúng ta được cho biết rằng có bốn giai đoạn trong giấc ngủ lặp đi lặp lại, cho đến khi chúng ta thức giấc vào cuối giai đoạn REM (chuyển động của mắt), tâm trí chứa đầy những ký ức, những địa điểm và khuôn mặt mà chúng ta không thể nhớ.”

“Có một điều rất thú vị như thế này, thưa thầy,” Guru lên tiếng. “Một trong những nhà nghiên cứu đầu tiên nghiên cứu về giai đoạn chuyển động của mắt đã phát hiện ra rằng ông ta có thể dự đoán thời điểm một đứa trẻ sơ sinh sẽ tỉnh dậy bằng việc quan sát sự chuyển động bên dưới mí mắt.”

Wallis gật đầu, nhấn đầu thuốc vào gạt tàn. “Một mánh khéo để thu hút sự chú ý, chắc chắn vậy. Còn bây giờ, có một sự thật cũng không kém thú vị: bất kỳ một sinh vật nào mà em có

thể đo điện não, trong suốt quá trình ngủ của chúng—chim, hải cẩu, mèo, chuột, cá heo... – tất cả đều trải qua bốn giai đoạn của giấc ngủ.”

“Chuột cũng mơ khi ngủ à?”

- “Có, và còn nhiều hơn thế, anh bạn ạ. Chuột lông vàng tinh dây khỏi giấc ngủ đông – chỉ để ngủ trưa tiếp. Nên có một thứ rất quan trọng ở đây – có thể nói là tối cần thiết, diễn ra khi đèn tắt. Câu hỏi là, đó là cái gì? Có chuyện gì xảy ra trong giấc ngủ mà quyết định sự sinh tồn của mọi sinh vật?”

“Em xin nhắc lại một chút, thưa tiến sĩ, rằng trong lớp học Giấc ngủ và Giấc mơ của thầy, thầy có nói rằng chúng ta ngủ theo thói quen. Chúng ta ngủ, cho phép em trích lại y nguyên câu nói của thầy, bởi vì chúng ta vẫn thường hay ngủ.”

“Đây là một vấn đề rất thú vị để tranh luận, phải không? Không riêng gì những bộ não trẻ tràn ngập tò mò trong cả hội trường, bản thân thầy liệu có thực sự tin lý thuyết đó?” Wallis bắt đầu đi vòng quanh căn phòng quan sát, hai tay chắp lại phía sau lưng. “Mười năm trước – mùa hè năm 2008 – thầy đã tiến hành thí nghiệm đầu tiên về tình trạng thiếu ngủ trên chuột. Vào thời điểm đó, hầu hết các cuộc thí nghiệm tương tự chỉ được tiến hành trên ruồi giấm, bởi chúng rẻ và dễ duy trì. Nhưng cái hay của mấy con chuột là: chúng có thể kết nối được với máy đo điện não. Trong những thí nghiệm đó, thầy thường xuyên kích thích lũ chuột ngay khi chúng tiến vào giai đoạn REM, khiến áp lực ngủ tăng lên. Sau đó, khi để lũ chuột tiếp tục ngủ, thầy xác định xem con chuột nào đang có biểu hiện hành vi kỳ quặc và đi sâu vào nghiên cứu bộ gene của chúng. Cuối

cùng, thầy phát hiện ra rằng: chúng đều có chung một đột biến trong cùng một mã gene nhất định. Kết quả trên điện não đồ cho thấy một số lượng lớn sóng ngủ biên độ cao bất thường, có nghĩa là chúng không thể tự kháng cự lại áp lực ngủ, và chúng sẽ tiếp tục sống một cuộc đời luôn ở trạng thái mê man, buồn ngủ. Mặc dù thầy vẫn chưa thể giải thích hoàn toàn mối quan hệ giữa gene bị biến đổi và áp lực ngủ, nhưng nghiên cứu đó đã giúp thầy tạo ra được phiên bản sơ bộ của khí kích thích – thứ đã thay đổi tất cả mọi thứ.”

Guru đỗ người về phía trước. “Thay đổi mọi thứ, ý thầy là sao?”

“Lũ chuột bị khống chế để không được ngủ theo cách truyền thống chỉ sống được từ 7 đến 32 ngày. Không tìm được nguyên nhân cái chết; chúng đơn giản chỉ là chết đột ngột, thầy nghi ngờ là do stress hoặc rối loạn chức năng nội tạng. Tuy nhiên, những con chuột không được ngủ do bị kích thích bởi khí ga đều chết trong 14 ngày, và chúng không chết đột ngột. Chúng chết một cách cực kỳ kinh khủng.”

“Cho em hỏi, bằng cách nào mà một con chuột có thể chết một cách cực kỳ kinh khủng, thưa tiến sĩ?”

“Trong 5 hoặc 6 ngày đầu tiên của cuộc thử nghiệm, chúng vẫn hoạt động bình thường như mấy con chuột bị khống chế theo cách truyền thống. Chúng có biểu hiện mất khẩu vị khi sự tiêu thụ năng lượng tăng gấp đôi so với bình thường, điều đó khiến sự tụt giảm thể trọng nhanh chóng và hao mòn hình thể.

Tất cả đều có thể dự đoán được. Nhưng sau đó, từ ngày thứ mười đến ngày thứ mười bốn, chúng bắt đầu tấn công nhau bằng răng và móng. Những cuộc tranh đấu không hề nhẹ nhàng hơn do mệt mỏi, Guru. Chúng tấn công nhau cho đến chết – còn vượt qua cả cái chết. Bởi, khi một con chết đi, những con còn lại tiếp tục tấn công cái xác không rõ lý do. Nhai mắt, gặm đứt chân và đuôi, cắn mở phần ruột và lôi ra khỏi ổ bụng. Những hành vi này hoàn toàn bất thường ở chuột, hay với bất kỳ một sinh vật nào, tất nhiên ngoại trừ những kẻ biến thái trong loài người chúng ta. Và sau đó, cho tới khi chỉ còn lại một con cuối cùng, nó sẽ quay lại bản thân và làm những hành động tự hủy đó, cho tới khi không thể hoạt động được nữa bởi những vết thương chí mạng. Wallis dừng lại một cách kịch tính. “Đó, anh bạn, đó là cách mà một con chuột có thể chết một cách cực kỳ kinh khủng.”

“Vậy nếu những con chuột bị khống chế hoạt động một cách bình thường cho tới khi chết tự nhiên,” Guru nói, “thì tại sao những con chuột dưới sự ảnh hưởng của khí ga lại có những hành vi kỳ quái đến vậy?”

“Thầy cũng luôn tự hỏi mình câu hỏi đó hằng ngày trong nhiều tháng liền,” Wallis nói. “Cho đến một buổi sáng, câu trả lời xuất hiện ngay trước mặt. Lúc thầy ra ngoài ăn sáng thì một vị linh mục ngồi xuống chiếc bàn bên cạnh. Chẳng bao lâu sau, một người khác tới ngồi chung với ông ta, có thể là một người bạn, hoặc một vị linh mục khác không mặc áo choàng. Họ bàn

luận về những giáo lý mà thầy không có hứng thú muốn nghe lén, nhưng không thể tránh được bởi khoảng cách giữa thầy và họ rất gần. Thầy không gọi thêm ly cà phê thứ hai như mọi khi mà đi thẳng về nhà, bắt đầu nhớ lại những ngày Chủ nhật mà mình đã trải qua ở nhà thờ khi còn bé. Bài hát thánh ca mà đám đông hòa nhịp lại vọng lên trong đầu tôi. Lời mẹ thầy trích ra từ thánh thư, cảnh báo về sự khát khao chiếm lĩnh của quỷ Satan, và cách mà chúng chiến thắng là từ trái tim..."

"Và tâm trí," Guru nói đầy ẩn ý. "Đừng nói với em là lũ chuột dưới khí kích thích kia bị quỷ ám nhé, tiến sĩ."

"Quỷ ám?" Wallis nhún vai. "Thầy đã không còn tin vào tín ngưỡng nữa, Guru, nhưng thầy cho rằng quỷ ám là một miêu tả chính xác về những gì đã xảy ra với lũ chuột, bởi vì còn gì có thể lý giải tốt hơn cho một tâm trí hỗn loạn? Và đây là quan điểm của thầy, anh bạn trẻ à. Mọi sinh vật sống – từ vi khuẩn và virus đa bào tới động vật có vú và con người – tất cả đều điên loạn theo một trật tự riêng. Nói cách khác, chúng ta được sinh ra với cái điên có sẵn trong người, mặc dù nó được kiểm chế lại bởi những hành vi bản năng cố định."

"Ý thầy là bản năng?" Guru hỏi.

"Chính xác. Bản năng – một quyển hướng dẫn về cách hoạt động có lý trí, ta có thể ví von như vậy. Bởi vì, hãy tưởng tượng, nếu một con sư tử cái không có bản năng nuôi con thì sao? Hoặc nếu một con rùa biển mới nở không biết cách chạy về phía đại dương hay những nơi an toàn tương tự? Hay nếu một loài động vật có túi, trước khi được sinh ra, không có bản năng chui ra khỏi túi của mẹ? Thật vậy, nếu không có bản năng, một

con nhện sẽ không bao giờ biết giăng tơ. Một con chim cũng sẽ không biết cách làm tổ hoặc bắt sâu. Một con gấu sẽ không đi trú đông khi vào mùa lạnh và có thể chết vì đói. Một con chó sẽ không biết lắc mình giữ nước và sẽ bị bệnh. Em thấy đó, nếu không có bản năng, sự sinh tồn sẽ trở nên hỗn loạn.”

“Thế còn chúng ta? Loài người? Chúng ta không phải là những con rối của bản năng.”

“Tất nhiên chúng ta có, Guru!” Wallis nói. “Sợ hãi, tức giận, yêu thương. Bản năng điều khiển tất cả mọi khoảnh khắc trong cuộc sống này. Nhưng em đã đúng ở một khía cạnh. Với bộ não phức tạp, khả năng lý giải thông tin và ý chí tự do, chúng ta ở vị trí tối cao trong thế giới động vật, để có thể lén nhìn ra phía sau tấm màn của Mẹ Thiên nhiên, để tận hưởng một chút đên loạn trong chính chúng ta. Bởi vì, để thầy nói với em, anh bạn, bản năng sẽ không bao giờ bảo ai đi nhảy cầu, hay lái xe tông vào đám người đi bộ, hay bắt cóc và tra tấn trẻ em. Đó là những sự đên rõ bên trong chúng ta mách bảo, sự đên rõ không bị kiểm soát bởi bản năng.”

Guru suy ngẫm trong hoài nghi. “Nếu điều này là đúng, thưa tiến sĩ, nếu tự nhiên được cân bằng trên sống dao, giữa hỗn loạn và trật tự, thì em vẫn không hiểu nó có liên quan gì tới lũ chuột và khỉ ga?”

“Bởi vì bản năng không phải là công cụ duy nhất mà Mẹ Thiên nhiên tạo ra để cung cấp cho chúng ta lý trí và tinh tú. Bà ấy còn có một quyền năng khác.”

Ánh sáng lóe lên trong mắt Guru. “Ngủ...?”

“Tại sao mọi sinh vật đều có áp lực ngủ? Tại sao chúng ta có một đai an toàn dưới dạng giấc ngủ siêu ngắn để đảm bảo rằng chúng sẽ gật gà gật gù kể cả khi cố gắng hết sức để tỉnh táo? Bộ não đang làm gì trong một phần ba cuộc đời của chúng ta, mà lại quan trọng và đòi hỏi nhiều đến nỗi vào cuối ngày, nó bắt buộc phải đưa chúng ta vào trạng thái bất tỉnh và tê liệt? Lợi ích tiến hóa nào đáng để bộ não gần như là tự ngắt kết nối với thế giới bên ngoài trong một thời gian dài mỗi ngày? Để thầy nói với em điều này, anh bạn của tôi à. Não của chúng ta đang hoạt động hết công suất để kìm hãm sự điên loạn bên trong chúng ta. Đó là sự thật. Thầy đã tận mắt chứng kiến những chuyện đã xảy ra trong suốt quá trình thiếu ngủ kéo dài. Đúng, phải thừa nhận rằng từ trước đến nay chỉ mới thấy ở lũ chuột, còn bây giờ...” Anh nhìn về phía cửa sổ quan sát dín đầy phân.

Guru cũng hướng ánh mắt về phía đó, thở gấp. “Chad và Shaz, thầy nói rằng họ đang không ngủ phải không?”

“Đúng, Guru, họ đang không ngủ.

“Họ... đã nhìn lén phía sau tấm màn của Mẹ Thiên nhiên?”

Wallis gật đầu. “Và họ cần sự giúp đỡ của chúng ta.”

“Chad, Sharon, tôi vào nhé,” Roy Wallis nói.

Anh không mong chờ sẽ có câu trả lời và đúng là như vậy.

Anh quay sang Guru: “Chúng ta sẽ phá cửa vào.”

“Tại sao không phải là cửa sổ quan sát ạ?” Câu hỏi. “Không phải dễ dàng phá vỡ hơn sao?”

“Dễ hơn, đúng, nhưng khi đó, khí ga sẽ lan ra khắp tiền phòng. Böyle giờ, đêm đến ba, em và thầy sẽ cùng xô mạnh vào cánh cửa. Sẵn sàng chưa?”

Hai người dồn toàn lực xô cánh cửa. Có tiếng gì đó nghe như tiếng kim loại rít lên chói tai ở phía bên kia.

“Tiếp tục!” Wallis hô hào.

Cánh cửa mở hé từng tí một, cho đến khi Wallis có thể nhìn thấy một cái tủ lạnh lớn 700 lít nằm nghiêng chắn trước cửa.

“Thêm chút nữa,” anh gắp. Và sau đó, “Được rồi, chừng này đủ rồi.” Anh quan sát khoảng cách hẹp mà họ đã tạo nên giữa cánh cửa và bản lề. Nó vừa đủ để chui vào. “Thầy sẽ vào trước.”

Wallis nghiêng người lách qua khe hở, đặt đầu gối phải lên phần trên cùng của chiếc tủ lạnh bị lật, hạ thấp người để dễ dàng ngã sang một bên. Nửa thân trên của anh đã chui được vào bên trong, vấn đề bây giờ chỉ đơn giản là kéo nốt chân vào. Anh đứng dậy, phủi tay và nhìn quanh căn phòng.

“Chết tiệt!” Anh thầm chửi.

Wallis đi vào giữa căn phòng thí nghiệm ngủ, mùi của nó còn tệ hơn chục lần so với nhà vệ sinh hôi thối nhất mà anh từng bất hạnh đi vào. Chad đang thu mình ngồi ở một góc đằng xa, gần ghế sô pha, dõi theo anh, tia sáng loé lên từ đáy mắt. Nhưng chính Sharon mới là người mà Wallis để ý tới. Cô nằm nghiêng trên giường, trần truồng từ eo trở xuống. Trên trán, hoặc là Chad hoặc là cô, đã rạch một đường ngang từ thái

dương bên này sang tới thái dương bên kia, khiến máu tràn ra đỏ lòm cả khuôn mặt.

Đôi mắt cô, cũng giống như của Chad, sáng quắc như mắt mèo, song ánh mắt của Chad thì cảnh giác và thăm dò, còn ánh mắt cô thì xoáy sâu đầy cuồng dại, gợi lên hình ảnh của một người phụ nữ trong vài phút cuối cùng lúc sắp sinh.

“Chuyện quái quỷ gì đây?” Giọng Guru cất lên sau lưng anh.

“Sharon?” Wallis nói. “Cô tự rạch mình Hay là Chad?”

Mỗi Sharon cong lên thành một nụ cười.

“Con dao ở đâu?” Anh gặng hỏi.

“Nó ở kia, thưa thầy,” Guru nói, chỉ tay về phía một con dao cắt bít tết, lưỡi dao bằng thép không gỉ và tay cầm bằng nhựa đen dính đầy máu, đang nằm trên sàn chỉ cách giường chừng mười bước chân.

“Tôi lấy nó đi,” Wallis ra lệnh. “Đừng kinh động đến Chad.”

Guru cẩn thận đi về phía con dao, mắt không rời khỏi Chad. Khi đi tới vị trí của nó, cậu cúi người và chầm chừ. “Thầy có chắc rằng em nên chạm vào nó không, tiến sĩ? Nó là bằng chứng.”

“Nếu em để nó ở lại đây, thì Chad hoặc Sharon sẽ tiếp tục dùng nó – để làm điều kinh khủng hơn.”

Guru nhặt con dao lên và đứng dậy. “Bây giờ làm gì tiếp ạ?”
Câu hỏi.

“Mang nó đến phòng quan sát và lấy bộ dụng cụ sơ cứu lại đây.”

Guru làm theo, còn Wallis đưa sự chú ý của mình trở lại Sharon. Vết rạch trên trán cô sâu nhưng không quá mức. Tất nhiên sẽ cần phải khâu lại, nhưng đây không phải là điều anh

có khả năng làm. Anh nhận thấy đôi tay của cô dính toàn phân và máu khô, điều khiến anh tin rằng cô chính là người tự làm ra vết cắt trên trán mình.

“Tại sao cô lại rạch trán mình, Sharon?” Anh gặng hỏi.

Sharon lại cười, khéo miệng nhếch lên thành một nụ cười nham hiểm. Wallis không thích nụ cười đó chút nào. Anh quay đầu nhìn về phía cửa. Guru đang lách mình qua khe cửa hẹp để vào lại căn phòng. Cậu ta loạng choạng bước qua tủ lạnh và đến bên giường.

“Của thầy đây, tiến sĩ.” Cậu đưa bộ dụng cụ sơ cứu cho Wallis. “Em nên làm gì tiếp theo?”

“Lấy giùm thầy chút nước ấm pha xà phòng từ bồn rửa và mang nó lại đây.”

Wallis mở khóa bộ dụng cụ sơ cứu và đặt chúng lên giường. Vào lúc anh đeo xong đôi găng tay y tế màu xanh thì Guru đã quay trở lại với một ly nước xà phòng và một cuộn khăn giấy.

“Nó có thể sẽ hơi đau một chút, Sharon,” anh nhẹ nhàng.

“Được rồi, tiến sĩ,” cô trả lời, giọng khô khốc như âm thanh xào xác của lá vàng mùa thu, đôi mắt xanh lục điên dại không rời khỏi anh.

Wallis thấm nước vào khăn giấy và nhẹ nhàng chấm xung quanh vết rạch. Sharon không hề chớp mắt.

“Đau không?” Anh hỏi cô.

“Tôi thích anh chạm vào tôi, tiến sĩ.”

Wallis khụng lại trong giây lát, rồi tiếp tục lau miệng vết thương, sau đó khử trùng với thuốc xịt và bôi một lớp kem kháng viêm. Anh dán bốn miếng dán vết thương nhỏ vuông

góc với nhau, với hy vọng làm khép miệng vết thương khi không có chỉ khâu. Sau đó, anh quấn một lớp vải băng quanh đầu cô, cùng loại với vải băng anh dùng cho vết thương ở tay mình. Anh dùng thêm khăn giấy đã thấm nước để lau đi vết máu khô trên trán, mặt và cổ Sharon.

“Đây là điều tốt nhất mà tôi có thể làm bây giờ, anh nói, ngắm nhìn lớp băng quấn trên đầu Sharon. “Cô cảm thấy thế nào? Băng cuốn có chặt quá không?”

“Nó ổn, tiến sĩ,” Sharon đáp. “Nhưng còn bụng của tôi thì sao?”

Cô đang mặc một trong gần hai chục chiếc áo nỉ giống hệt nhau mà anh đã mua cho cô. Vì quá tập trung vào phần trán nên anh không nhận ra chiếc áo cũng đang thấm đẫm máu.

“Tôi có thể xem qua không?” Anh hỏi.

Sharon ngồi dậy và kéo chiếc áo quá khổ lên tới ngực – rõ ràng đây là cỡ mà anh đã mua cho Chad.

Một vết rạch thứ hai chia đôi cái bụng căng tròn của cô, cách rốn vài phân. Máu phần lớn vẫn còn ướt nóng, chảy xuống khắp vùng bụng dưới, xương chậu và đùi trong.

Guru hít sâu một cách khó nhọc. Còn Wallis chửi thầm.

“Guru,” anh căng thẳng, “lấy giùm thầy thêm chút nước.”

Khi Guru quay trở lại, Wallis gần như đã dùng hết cả cuộn khăn giấy để lau miệng vết thương và những vùng da xung quanh. Nó vẫn đang rỉ máu, nhưng anh không thể làm gì thêm nữa.

“Anh có thích chạm vào người tôi không, tiến sĩ?” Sharon bất ngờ hỏi.

Wallis còn đang lau phần đùi trong bên trái của cô. “Tôi có thể nghĩ về hàng đống những công việc khác mà mình muốn làm hơn là việc này.”

“Tôi thích khi anh chạm vào tôi ở đây. Anh không cần phải dùng găng tay.”

“Guru, đưa cho thầy bình xịt khử trùng, sau đó lấy cho cô ấy một bộ quần áo mới.”

Wallis khử trùng vết thương, băng kín nó bằng miếng dán lớn nhất có thể tìm được và quấn vải băng quanh bụng cô nhiều vòng.

“Cô có cần tôi giúp thay quần áo không” anh hỏi khi Guru mang tới một bộ quần áo sạch. “Hay cô có thể tự làm?”

Sharon nhanh chóng chui đầu qua áo, bây giờ cô đang khỏa thân ngồi trên giường.

“Cô cần phải đứng dậy,” anh nói, chìa tay ra giúp đỡ.

Cô cầm tay anh và đứng lên không mấy khó nhọc, mặc cho những vết thương đang rỉ máu. Guru đưa cho anh quần lót màu trắng. Anh cúi người trước cô. “Nhắc chân trái lên,” anh nói. Cô nghe theo. “Chân phải.” Cô nghe lời. Anh kéo chiếc quần lót lên tới ngang hông. Chun quần chạm vừa khít ngay dưới eo cô. Anh lặp lại quá trình đó với chiếc quần ngủ. “Cô có muốn mặc áo ngực không?”

“Không,” cô đơn giản trả lời.

“Giơ tay lên.”

Sharon nâng tay lên không trung, và anh lần lượt chùm tay cô vào hai ống tay áo, sau đó kéo cổ áo qua đầu, cẩn thận tránh đụng vào vết thương nơi trán cô.

“Cô có thể ngồi xuống rồi,” anh nói.

“Chúng ta có thể nhảy không?” Sharon hỏi.

“Chúng ta sẽ không nhảy.”

“Làm ơn đi? Tôi muốn nhảy.”

Wallis thu dọn hộp đồ sơ cứu, sau đó cùng Guru khiêng tủ lạnh trở lại đúng vị trí. Có bốn bánh xe nhỏ dưới chân, không mấy khó khăn để đẩy nó vào trong bếp. “Thu hết tất cả những con dao còn lại trong ngăn tủ,” anh nói với Guru, “và đợi thầy ở tiền phòng. Thầy sẽ ra ngay.”

Wallis đi tới cửa sổ quan sát, chun mũi khó chịu khi ngửi và nhìn thấy tàn tích trước mặt. Anh chỉ bóc ba trang giấy và lau chỗ đó với số khăn giấy sạch sẽ còn lại.

Anh quay lại và thấy cả hai người Úc đang nhìn mình đăm đăm với cặp mắt sáng bất thường. Chad cũng giống như Sharon, đang nhếch miệng cười anh.

“Tôi tin rằng ô kính nhỏ này là một sự thỏa hiệp công bằng,” Wallis thông báo dõng dạc. “Hai người có nhiều sự riêng tư hơn trước đây, nhưng chúng tôi vẫn có thể nhìn vào bên trong để thỉnh thoảng quan sát.”

Không một ai trong số họ lên tiếng.

“Cả hai đều thiếu dinh dưỡng nghiêm trọng và cần phải ăn. Nếu các bạn muốn thứ gì đặc biệt mà không có sẵn ở đây, hãy cứ nói cho tôi biết.”

Chad và Sharon bắt đầu cười khúc khích – những âm thanh rít lên rùng rợn, the thé như tiếng móng tay cào lên bảng đen.

“Ít nhất hãy uống đủ nước,” anh nói thêm. “Nó rất quan trọng đối với cơ thể.”

Giờ thì những tiếng rít tràn ngập nơi cổ họng, nghe như tiếng tru của lũ chó sói hiếu chiến, cuồng loạn.

Wallis trở lại phòng quan sát.

“Mấy giờ rồi nhỉ, tiến sĩ?” Guru hỏi. “Em ngủ quên hả? Hình như em vừa gặp ác mộng.”

Và nó sẽ còn tệ hơn nữa, anh bạn ạ, Wallis nghĩ thầm, nhưng không nói thành tiếng.

Họ đang ở trong phòng quan sát, Guru ngồi phịch xuống ghế, như thể đã kiệt sức, còn Wallis ngồi dựa vào bàn, tay khoanh trước ngực.

“Tại sao Sharon lại làm thế với chính mình? Không, thầy không phải giải thích, tiến sĩ. Em biết tại sao. Đó là sự điên rồ.” Đôi vai cậu chùng xuống. “Sao có thể như vậy?”

“Lý do ở ngay trước mặt em, Guru. Họ trở nên điên loạn, hoặc họ đang tới rất gần đỉnh điểm của giới hạn.”

“Chúng ta không nên giúp họ sao? Chúng ta có nên...”

“Đã quá trễ rồi. Họ đã vượt qua giới hạn có thể nhận sự giúp đỡ.”

“Nhưng chúng ta không thể chỉ ngồi đây và nhìn họ phát điên – hoặc hơn cả điên.”

“Đó chính xác là những gì chúng ta phải làm.”

“Nhưng, thầy Roy! Họ không phải là động vật thi nghiệm. Họ là con người!”

“Thầy nhận thức rõ được việc đó, Guru. Nhưng em phải nghĩ tới điều cao cả hơn ở đây. Những ngày tiếp theo đây,

những thông tin mà chúng ta thu hoạch được sẽ là vô giá. Hãy nghĩ đi. Chúng ta sẽ chứng minh được rằng cả thảy, em và toàn bộ nhân loại, tất cả những sinh vật sống, đều diên loạn từ bản chất."

"Đây có phải là điều mà chúng ta muốn thông báo cho cả thế giới."

"Đúng! Thoạt nhìn nó có vẻ là một tiết lộ tiêu cực, nhưng trên thực tế thì hoàn toàn ngược lại. Chúng ta từng nghĩ vũ trụ vận hành theo chuỗi những quy luật mà chúng ta gọi là định luật vật lý. Nhưng thuyết lượng tử đã chỉ ra rằng: những định luật này, về bản chất, thực ra rất ngẫu nhiên và không thể dự đoán trước. Hỗn loạn. Tuy nhiên, thay vì thu hẹp tầm mắt của chúng ta về vũ trụ, thuyết này đã khai sáng một nguồn tri thức to lớn mới. Giờ đây chúng ta biết rằng vật chất về bản chất ở khắp mọi nơi, tại mọi thời điểm. Chúng ta biết có thể có nhiều vũ trụ, hoặc một đa vũ trụ. Chúng ta biết rằng khi các hạt hạ nguyên tử biến mất, chúng sẽ tái xuất hiện ở một nơi nào đó, điều này nghe có vẻ nghịch lý nhưng nó đã được chứng minh, và có thể một ngày nào đó sẽ có hy vọng về du hành thời gian. Và nói tới tương lai, trong kỷ tới, việc thành thạo thuyết lượng tử sẽ cho phép ta làm chủ bản thân vật chất. Chúng ta sẽ tạo ra siêu vật liệu với các đặc tính mới không có trong tự nhiên và cả máy tính lượng tử có thể vận hành với tốc độ gấp hàng triệu lần so với máy tính ngày nay. Thậm chí là tàng hình, anh bạn à. Dịch chuyển không gian. Thang máy không gian. Năng lượng vô hạn. Những bước tiến trong công nghệ sinh học và y học mà chúng ta thậm chí còn chưa bắt đầu biết tới."

“Thầy đang nói gì vậy, tiến sĩ?”

“Ý thầy là, Guru, rằng không có một khám phá khoa học nào khiến ta thụt lùi. Hãy tưởng tượng những tri thức mới của khoa học tâm lý mà chúng ta sẽ mở ra sau thí nghiệm này, tri thức về học thuyết lượng tử nhưng áp dụng cho trí não. Chúa ơi, nghiên cứu của chúng ta sẽ là bước đệm, để một ngày nào đó sẽ giải được mật mã về tâm thức của loài người – và sau đó sẽ là sự thật, sự thật chân chính. Em có muốn đào sâu vào nó hơn không, anh bạn của tôi? Em có muốn đào sâu vào sự thật không?”

“Ôi lạy Chúa, thầy ơi. Điều này hơi quá sức với em rồi.”

“Điều quan trọng, Guru, điều quan trọng ở thời điểm này, là mặc dù những điều không may đang diễn ra với Chad và Shaz, nhưng chắc chắn nó đang dẫn chúng ta tới những kết quả tốt đẹp hơn. Hãy nhớ không một bước tiến nào mà không có sự hy sinh. Em đã nói với thầy rằng em hiểu phải không?”

“Vâng, tiến sĩ, đúng vậy.” Khuôn mặt cậu chùng xuống.
“Chúa ơi...”

“Penny không thể nắm bắt được bức tranh toàn cảnh này. Trò ấy quá nông cạn. Đó là lý do tại sao thầy đuổi cô ấy ra khỏi cuộc thí nghiệm. Nhưng em không giống cô ấy. Thầy biết điều đó. Thầy vẫn luôn biết vậy. Em là một nhà khoa học từ tận trong tim. Việc tìm kiếm tri thức và sự thật nằm ngay trong gene của em. Nên em sẽ không mắc phải sai lầm giống như Penny đâu, phải không? Em sẽ không rời bỏ thứ mà sẽ trở thành một trong những chiến thắng về tri thức vĩ đại nhất lịch sử nhân loại, phải không?

Gần như tròn một phút yên lặng, chìm trong suy ngẫm sau lời tuyên bố hùng hồn của vị tiến sĩ, sự do dự trong biểu cảm của Guru cứng lại, như thể đã đưa ra một quyết định táo bạo.

“Không, tiến sĩ,” cậu nói một cách dứt khoát. “Em sẽ không rời đi.”

NGÀY THỨ MƯỜI BỐN

Chủ nhật, ngày 10 tháng 6 năm 2018

Roy Wallis rời toà Tolman lúc 7 giờ sáng để đi mua một cặp nệm hơi, gối, túi ngủ và một số vật dụng cần thiết mà anh và Guru cần trong những ngày tới. Anh hài lòng với quyết định kéo chàng trai trẻ Ấn Độ vào cuộc của mình. Guru không chỉ trút bỏ gánh nặng vô hình luôn đè nén trên vai anh, mà còn được giải tỏa khi anh cuối cùng cũng được thực sự chia sẻ mục đích chính của cuộc thi nghiệm ngủ, và cả giả thuyết mà anh đã dồn toàn lực nghiên cứu trong suốt bao năm qua.

Trên đường đi bộ đến xe của mình, Wallis tràn đầy sức sống. Mọi thứ ngày hôm nay thật tươi mới và rực rỡ: bầu trời bình minh đỏ sậm như san hô; những tia nắng ấm áp nhảy nhót khắp nơi khi mặt trời tỉnh giấc; mùi hương của cây cỏ, và bên dưới rải rác những khóm đinh hương và hạt nhục đậu khấu, chúng chắc chắn là loại thuốc diệt cỏ hữu cơ mà trường học trồng để ngăn cỏ dại mọc lấn lối đi.

Mình đã đến rất, rất gần rồi, anh phấn khởi. Một ngày nữa thôi, hoặc hai ngày nữa, giả thuyết của mình sẽ được chứng minh.

Và nếu nó đúng... chà, những suy luận từ đó hẳn sẽ không tầm thường. Qua một đêm, Roy Wallis sẽ trở thành cái tên nhà nhà biết tới, được nhắc đến ngang hàng với Newton, Einstein, Tesla, Galileo, Aristotle.

Ngay lúc này nghe có chút viển vông, nhưng anh sẽ làm được.

Anh sẽ tỏa sáng, sẽ lên tới đỉnh cao vì anh được sinh ra để trở thành như vậy.

Thanh âm của Tiến sĩ Wallis vẫn vang vọng trong tâm trí Guru:

Tất cả chúng ta đều hỗn loạn theo một cách có trật tự.

Guru rùng mình.

Anh có tin giả thuyết dị thường này không? Có thực sự hoàn toàn tin tưởng không?

Nếu ai đó khác không phải Tiến sĩ Wallis nói với anh điều này, anh sẽ không ngần ngại trả lời rằng “Không”. Nhưng tiến sĩ là một trong những chuyên gia hàng đầu về khoa học giấc ngủ. Ông ấy biết mình đang nói gì.

Hơn nữa, Guru đã tận mắt chứng kiến những biến đổi của Chad và Sharon. Họ đều trở nên điên loạn ngay trước mắt anh.

Tất cả chúng ta đều hỗn loạn theo một cách có trật tự.

Guru không phải là người theo thuyết tâm linh. Khi bắn khoan về sự kỳ ảo, vô tận của vũ trụ, sự huyền diệu của tạo hóa và những bí ẩn của tâm thức, anh không tìm tới những lý giải từ sức mạnh siêu nhiên. Anh chỉ tin vào thế giới vật chất, có thể hiểu được thông qua lý luận logic của khoa học.

Vậy nên, ngay cả khi tin vào giả thuyết khác thường này của Tiến sĩ Wallis – và anh cho rằng mình thực sự tin – thì anh cũng không nhất thiết phải đồng tình với tiến sĩ về miêu tả của sự hỗn loạn như một thể dạng của “ác quỷ”. Tuy nhiên, dù nó là gì đi chăng nữa thì những sự hỗn loạn này rõ ràng không phải là một điều tốt.

Nó tối tăm, vẩn vẹo và đầy nguy hiểm.

Chỉ cần nhìn vào những gì nó đã làm với hai người Úc kia.

Cảm giác tội lỗi và hổ thẹn xâm chiếm Guru khi nghĩ đến việc Chad và Sharon đánh mất lý trí của mình. Khi cuộc thí nghiệm này kết thúc, họ sẽ được đưa đến bệnh viện tâm thần, nơi họ sẽ dành những năm tháng còn lại của đời mình trong những chiếc áo trói tay^[*]. Hình ảnh này còn khủng khiếp hơn khi Guru đối chiếu nó với hình ảnh hai vị khách du lịch người Úc luôn tươi cười, khỏe mạnh và thân thiện mà anh gặp hai tuần trước đó. Đặc biệt là Sharon, cô rất cởi mở với anh, tràn ngập trí tò mò, luôn luôn mỉm cười và đặt cho anh những câu hỏi.

Còn bây giờ hãy nhìn cô ấy đi... Những vết rạch, sự điên dại như mang đầy thù hận.

Tuy nhiên, không thể cứu vãn được nữa. Tâm trí của cô đã bị hủy hoại mất rồi. Và không có nút tua lại thời gian.

Nếu Wallis và Guru bỏ cuộc ở đây, thì sự hy sinh của Chad và Sharon sẽ trở thành vô nghĩa.

Vì vậy, tiến sĩ nói đúng. Chỉ có một cách duy nhất mà họ có thể làm.

Họ phải ở lại và kết thúc những gì chính họ đã bắt đầu.

Sau khi cho toàn bộ những đồ mua được từ siêu thị Target ở phía Tây Oakland vào chiếc cốp nhỏ nhắn của xe Audi, Wallis trượt vào sau tay lái, cầm chìa khóa vào ổ điện... nhưng không khởi động xe. Ham muốn tình dục trong anh bỗng nhiên trào lên, thiêu đốt tâm trí khiến anh không thể nghĩ đến điều gì khác. Đã hơn một tuần kể từ khi anh làm tình với Brook, và sau

đó là toàn cảnh Sharon trần trụi trước mắt anh, những ham muốn giãy giụa thoát ra và anh biết nó sẽ nhanh chóng ảnh hưởng đến chất lượng công việc và khả năng tập trung của mình.

Wallis không thích thuật ngữ “người nghiện tình dục”. Nó nghe thật dơ bẩn và không phù hợp với một người có địa vị xã hội như anh. Ngay cả tên khoa học “rối loạn ham muốn tình dục quá độ” cũng không khá hơn là mấy. Song, Wallis không thể phủ nhận rằng mình bị ám ảnh bởi tình dục. Anh không có ham muốn nặng như một số người, nhưng anh nghĩ về nó – và tham gia vào nó – nhiều hơn người bình thường.

Cơn nghiện bắt đầu khi anh là một chàng thanh niên 22 tuổi, ít lâu sau khi cha mẹ anh bị sát hại ở Bahamas. Anh khám phá ra rằng tình dục giúp anh xoa dịu nỗi đau mất mát người thân của mình. Lúc đầu, anh chỉ trả tiền cho những cuộc vui của mình một hoặc hai lần một tuần, nhưng không lâu sau đó anh đã chi những khoản tiền lớn vào mỗi đêm ở mấy câu lạc bộ thoát y. Bước tiếp theo trong những ảo tưởng truy tìm khoái lạc là những đêm ở câu lạc bộ mại dâm địa phương. Rồi khi Brandy bước vào cuộc đời anh những năm sau đó, anh vẫn dành hầu hết các đêm của mình không phải với cô thì cũng là với những người đàn bà khác. Những khoái cảm của mọi thứ trước khi làm tình – sự ve vãn, những cuộc nói chuyện, uống rượu, nhảy nhót và cả những suy nghĩ như chúng ta sẽ làm hay không làm? — đều kích thích anh và trở thành một phần quan trọng trong những cuộc vui. Làm tình tập thể, những bữa tiệc bạo dâm, múa cột, thoát y, anh đã tham dự hết – và vẫn luôn luôn

tìm kiếm nhiều cách chơi kích động hơn trong nhục dục. Brandy tất nhiên không biết về cuộc sống hai mặt này của anh. Anh cho rằng thật không công bằng khi buộc cô mắc kẹt trong một mối quan hệ không có tương lai. Cũng bởi, không quan trọng rằng anh thích con người cô bao nhiêu, anh vẫn sẽ luôn tách biệt những giá trị cảm xúc của mình với các mối quan hệ ngoài luồng. Cô mang lại cho anh cảm giác được thuộc về một ai đó, được nuôi dưỡng về mặt tinh thần, điều mà anh vô cùng khao khát; cô khiến anh cảm thấy được cần tới, được mong chờ, điều mà anh luôn mong mỏi, nhưng bất chấp tất cả những điều này... nó chỉ rặt một sự thân mật giả tạo. Anh có một lỗ hổng trong tim, và nó cần phải được lấp kín, nhưng chỉ một người phụ nữ thì không đủ để làm điều đó.

Bi kịch này không may lặp lại với Brook. Anh thực sự thích những khoảnh khắc ở bên cô, anh thích cách cô quan tâm mình, sự yên bình mà cô mang đến, nhưng một phần trong anh vẫn luôn sẵn sàng để bước tiếp khi phải gạt cô ra khỏi cuộc đời mình.

Loại bỏ những suy nghĩ này sang một bên, Wallis lái xe tới khu nhà thổ mở 24/7 ở Khu Tài chính của Oakland. Nơi này không phải là loại nhà thổ nghèo nàn, tàn tạ như mấy căn phòng mát-xa tình dục mà bạn có thể tìm thấy ở khắp mọi nơi. Trái lại, nơi đây là một cơ sở yêu cầu thư mời đặc biệt, chỉ dành cho những vị khách VIP nằm trong danh sách.

Nằm giữa ngân hàng và tiệm làm móng, nhà thổ này được thiết kế tương tự như một khách sạn cổ của châu Âu, và vì mục đích thuế, trên thực tế nó còn rộng gấp đôi như một khách sạn

thời thượng lưu trú ngắn ngày. Wallis bước qua cửa chính vào sảnh chờ có ánh đèn mờ ảo, tràn ngập cây cổ, một nhân viên lễ tân mỉm cười chào đón anh.

“Chào buổi sáng,” cô nói. “Quý khách đang muốn đặt phòng cho một đêm phải không ạ?”

“Không, không phải,” anh đáp.

“Ngài đã từng tới đây chưa?”

“Rồi.”

“Vậy tôi có thể biết tên của ngài được không?”

Anh trả lời, sau đó thấy nhân viên lễ tân nhập tên mình vào hệ thống máy tính, rồi nói: “Rất vui được gặp lại ngài, ngài Wallis. Xin mời đi theo tôi.”

Cô dẫn anh đến một phòng chờ riêng biệt, được thiết kế như một quán bar thanh lịch dành cho đàn ông dưới thời nữ hoàng Victoria. Ở đây có nhiều cây hơn, trên tường treo đầy những bức chân dung trừu tượng hình phụ nữ khỏa thân với tông màu trầm. Vài phút sau, người chủ của nhà thổ, người mà Wallis nhận ra, xuất hiện cùng với ba người phụ nữ khác trong những bộ trang phục thiếu vải nhưng vẫn tao nhã.

“Xin chào, Roy,” bà ta lên tiếng, bắt tay với anh. Không giống như gái mại dâm, bà ta mặc một bộ quần áo bình thường và đi đôi giày thể thao dễ thương. “Anh thế nào rồi, anh bạn?”

“Tôi vẫn ổn, Janet.”

“Ai trong số những cô gái đáng yêu này anh muốn chọn để bầu bạn với mình vào sáng nay? Nếu anh muốn dành thêm chút thời gian riêng tư để trò chuyện với họ...”

“Không phải hôm nay,” anh xen ngang.

“Được rồi. Các cô gái?”

Họ vâng lời rời đi một cách ngoan ngoãn.

“Vậy sẽ là ai, Roy?” Janet hỏi.

Trước đây Wallis đã từng mua vui với một cô người châu Phi, còn cô người châu Á thì có vẻ hơi mập mạp so với sở thích của mình, nên anh chọn phụ nữ Bắc Âu.

“Rất tốt,” Janet đáp. “Cô ấy chỉ mới tới được hơn một tháng, nhưng ai cũng thích cô ấy. Cô ấy đã trở thành thành viên chính thức của gia đình chúng tôi. Tiền mặt hay thẻ.”

Wallis dùng thẻ tín dụng để thanh toán cho dịch vụ trong ba mươi phút. Người chủ đặt phần tiền trả cho cô gái trẻ vào một sổ kẹp như loại mà các nhà hàng hay dùng để kẹp hóa đơn, đưa nó cho Wallis, sau đó nhấc điện thoại lên. “Vivian, cưng? Ba mươi phút với quý ngài Roy.” Bà ta cúp máy và quay sang với anh: “Chúc ngài có một khoảng thời gian vui vẻ, và làm ơn hãy quay lại đúng giờ.”

Bà ta rời khỏi phòng chờ, và cô gái người Bắc Âu xuất hiện rất nhanh sau đó.

“Xin chào!” Cô tươi cười nói. “Tôi tin rằng ngài có gì đó cho tôi.”

Wallis đưa cho cô nàng sổ kẹp, và cô dẫn anh đi sâu hơn vào trong căn nhà, kiến trúc bên trong nhanh chóng chuyển đổi uyển chuyển từ phong cách thời Victoria sang Hy Lạp cổ. Phòng của cô có bốn cây cột ở bốn góc, một bể tắm nước nóng và một bức tượng nữ thần tình yêu Venus.

“Phòng tắm ở ngay đây,” cô nói, chỉ tay về cánh cửa dẫn tới phòng tắm lát đá cẩm thạch. “Em sẽ quay trở lại ngay.”

Wallis tắm nước nóng và trở lại phòng ngủ với độc một chiếc khăn tắm màu trắng quấn quanh eo.

Vivian cầm một chiếc hộp trên tay và đang sắp xếp gọn gàng các loại bao cao su, đồ chơi tình dục và dầu bôi trơn trên một chiếc bàn nhỏ.

“Anh đã tới đây bao giờ chưa?” Cô hỏi, mỉm cười với Roy.

“Rồi,” anh đáp, bắt đầu cuộc trò chuyện. “Janet nói em mới tới.”

Cô gật đầu. “Đây là tháng đầu tiên của em... trong ngành.”

Wallis đoán tuổi cô trong khoảng đầu ba mươi, có nghĩa là khá trẻ trong ngành phục vụ thể xác này.

“Em từng làm trong ngành y học thể thao,” cô chia sẻ.

“Điều gì khiến em thay đổi ngành nghề của mình?”

“Tiền.”

Anh gật gù.

“Còn anh làm nghề gì, Roy?”

“Anh nghiên cứu tâm lý học.”

“Là vậy sao? Anh có biết Lisa không?”

“Anh không nghĩ vậy.”

“Cô ấy đã làm việc ở đây khoảng một năm nay. Cô ấy từng là một nhà tâm lý trị liệu được cấp phép. Có lần cô ấy nói với em rằng cô ấy cảm thấy ở đây mình còn giúp được nhiều hơn khi còn là một bác sĩ tâm lý.

“Anh có thể hiểu được,” anh đáp, liếc nhìn chiếc đồng hồ đeo tay của mình. “Để tiết kiệm thời gian, anh nghĩ chúng ta nên bỏ qua những câu hỏi rườm rà, bởi vì anh có công việc quan trọng phải đi.”

Wallis quay trở lại phòng quan sát dưới tầng hầm lúc 9 giờ 15 sáng.

“Họ có tốt hơn không?” Anh hỏi Guru, đi thẳng tới khoảng trống nhỏ trên cửa sổ quan sát và nhìn toàn cảnh căn phòng thí nghiệm. Chad vẫn ngồi đúng góc tường mà anh ta đã ngồi trước đó, chỉ là bây giờ anh ta đang ngồi đối mặt với nó, lưng quay về phía cửa sổ. Sharon đang nằm nghiêng trên giường, trong tư thế cuộn tròn như bào thai.

Guru gật đầu. “Họ hầu như không di chuyển gì từ lúc thầy đi.”

“Tốt,” Wallis nói, thầm biết ơn vì đã không bỏ lỡ điều gì. “Bây giờ em hãy ra ngoài với thầy một chút.” Trên hành lang đặt hai túi đồ lớn, anh nói với chàng trai người Ấn Độ: “Hãy lấy một túi cho mình, sau đó chọn một căn phòng để dọn đồ vào.”

Guru cầm lấy một cái túi và hỏi: “Thầy muốn dùng phòng nào, tiến sĩ?”

“Không quan trọng với thầy.” Anh nhường mày về phía căn phòng liền kề với phòng thí nghiệm. “Căn này là được rồi.”

“Vậy em sẽ chọn phòng hướng này.” Guru đi dọc hành lang, thò đầu vào bên trong quét qua một lượt từng căn phòng rồi dừng lại ở căn phòng thứ tư. “Em thích căn này.”

Một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng Wallis. Guru chọn đúng căn phòng mà anh từng đặt thi thể Penny.

“Vậy hãy xếp đồ ra,” anh nói với một nụ cười gượng gạo. “Tấm nệm hơi có bơm đi kèm, nhưng cứ gọi thầy nếu em cần giúp đỡ.”

Wallis cũng sắp xếp đồ đạc và bơm nệm hơi của mình, đặt túi ngủ lên trên – và nhìn chằm chằm vào chiếc giường một cách khao khát. Anh đã không ngủ cả đêm, và hai người Úc kia bây giờ cũng không làm gì nhiều. Liệu anh có nên chợp mắt một lúc...

Brook không có nhiều dự định cho ngày nghỉ. Cô bắt đầu ngày mới bằng một bữa sáng tự làm, sau đó đi bộ bốn mươi lăm phút dọc theo bờ vịnh. Vào cuối chuyến đi, cô thường ghé vào thư viện gần đó để mượn vài cuốn sách mà người thủ thư giới thiệu. Về tới nhà sẽ làm một bữa trưa đơn giản, sau đó làm việc nhà (giặt giũ, dọn dẹp, hút bể phốt nếu đầy), rồi... chuẩn bị bữa tối, chỉ với chừng ấy công việc cũng ngốn nguyên ngày của cô.

Hôm nay Brook đã dành cả buổi sáng để đi bộ quanh bến du thuyền, ăn uống và tưới cây, còn bây giờ thì cô đang ở trong bếp, làm món trứng nhồi... và nghĩ về Roy.

Trên thực tế, cô không thể ngừng nghĩ về người đàn ông này và thí nghiệm giấc ngủ của anh kể từ khi cô quay trở lại từ trường đại học vào đêm hôm trước. Việc hai đối tượng trẻ tuổi tham gia thí nghiệm đã trét phân lên mặt kính không chỉ kinh tởm mà còn rất đáng lo ngại. Họ rõ ràng đang ở trong trạng thái không tỉnh táo.

Roy rõ ràng đã rất sảng sốt trước những gì họ làm, nhưng anh mau chóng gạt nó sang một bên như thể điều đó không đáng quan tâm.

Tại sao nhỉ?

Có phải anh đã hạ thấp sự nguy hại đến từ hành vi của hai người họ để không khiến cô lo lắng, hay là anh đang mong đợi như vậy từ họ? Phát điên có phải là một hệ lụy từ việc thức trắng trong một khoảng thời gian dài? Và nếu vậy, thí nghiệm ngủ này của Roy có thực sự được cấp phép không? Bởi vì thật khó để tin rằng bất kỳ hội đồng xét duyệt nào lại phê chuẩn cho một thí nghiệm mà những đối tượng tham gia thử nghiệm phát điên.

Tất nhiên, đây chắc chắn không phải là thí nghiệm đầu tiên liên qua đến các đối tượng thử nghiệm là con người vượt qua ranh giới cho phép về mặt đạo đức. Brook, một người ham mê đọc sách, có thể rành mạch kể ra một vài ví dụ tương tự. Bác sĩ sáng chế ra vắc-xin chữa bệnh đậu mùa đã dùng trẻ em để phát triển nghiên cứu của mình. Dự án MKULtra, một nghiên cứu do CIA tài trợ, đã tiêm cho công dân Mỹ và Canada thuốc gây ảo giác LSD và những loại thuốc kích thích trí não khác trong nỗ lực phát triển các chất hóa học có thể sử dụng trong các hoạt động bí mật. Những bác sĩ ở Đại học California đã sử dụng các kỹ thuật vô nhân đạo để nghiên cứu huyết áp và dòng chảy của máu ở trẻ sơ sinh khi mới một ngày tuổi. Quân đội hoàng gia Nhật Bản đã tiến hành thí nghiệm bí mật về sinh hóa học cho chiến tranh, trong đó những nhà khoa học loại bỏ nội tạng và cắt cụt tứ chi của các tù binh Trung Quốc và Nga để nghiên cứu mức độ mất máu. Một đội quân Nam Phi và một nhà tâm lý học đã tin rằng phương pháp sốc điện có thể chữa khỏi bệnh đồng tính. Một bác sĩ phẫu thuật chính ở Nhà tù bang San Quentin đã tiến hành một cuộc cấy ghép tinh hoàn cho các tù nhân đang

sống bằng cách sử dụng bộ phận sinh dục của những tù nhân đã bị hành quyết, và có một vài trường hợp còn là của dê và heo rừng. Quân đội Hoa Kỳ đã từng thả hàng triệu con muỗi gây bệnh vào Georgia và Florida để quan sát xem loài côn trùng này có thể lây lan bệnh sốt vàng da và sốt xuất huyết hay không. Và tất nhiên, mọi thứ được phơi bày trong các phiên tòa ở Nuremberg liên quan đến các thí nghiệm của Đức Quốc xã trên người Do Thái, tù binh, người Romani và các nhóm người bị đàn áp khác.

Brook lắc đầu rũ bỏ những suy nghĩ của mình khi cắt đôi những quả trứng. Thật nực cười khi so sánh cuộc thí nghiệm của Roy với Quân đội hoàng gia Nhật Bản hay Đức Quốc xã. Anh sẽ không nhúng tay vào những tội ác vô nhân đạo như vậy; anh chỉ đơn thuần là giữ hai đối tượng tham gia thí nghiệm không ngủ trong một khoảng thời gian với khí ga bí ẩn đó của mình.

Hơn nữa, cô là ai cơ chứ, một nữ bồi bàn, sao có thể nghi vấn trưởng khoa Tâm lý học của Đại học Berkeley? Roy nắm rõ những luật và quy định về công việc của mình hơn ai hết. Anh sẽ không phá vỡ chúng. Cô đơn giản là phải tin vào anh.

Brook tập trung sự chú ý của mình trở lại việc nấu nướng. Cô lấy lòng đỏ từ những quả trứng đã được luộc chín ra bát và trộn chúng với xốt Mayonnaise, mù tạt, giấm táo, muối và tiêu. Cô đánh hỗn hợp này cho đến khi thành dạng kem sệt sau đó múc từng thìa, đổ vào lòng trắng đã được cắt đôi lúc nãy. Sau cùng, cô cất những phần trứng đã hoàn thành này vào tủ lạnh, pha cho mình một tách trà, rồi bước ra hiên ở phía trước căn

nhà női, ngồi xuống, nhìn ngắm những đám mây đen đang hầm hè mang mưa và lắng nghe những tiếng lộp độp khi mưa bắt đầu rơi xuống mái, nhưng tâm trí cô ở một nơi khác xa xôi.

Cô lại nghĩ về Roy.

Anh nói với cô rằng mình đã đuổi việc cô trợ lý đó. Có thật như vậy không? Có phải cô ấy bị anh đuổi đi hay thực tế là đã bỏ việc? Có thể do cô ấy phản đối con đường mà thí nghiệm đang hướng tới?

Ai quan tâm chứ, Brook? Chuyện gì xảy ra với mày vậy?

Cô không biết. Cô chỉ đơn thuần là cảm thấy có thứ gì đó cứ... sai sai.

Dù gì thì Roy cũng đang làm gấp đôi số giờ làm việc. Có nghĩa là anh sẽ dành mười sáu tiếng mỗi ngày dưới cơn hầm đó.

Có lẽ sẽ rất buồn chán.

Và vô cùng cô đơn.

Brook nhấp một ngụm trà. Một đám mây lớn trôi qua, khỏa lấp ánh mặt trời, giấu đi những tia sáng le lói.

Mình nên chuẩn bị bữa tối cho anh ấy, cô thầm nghĩ. Sau đó mang tới vào chiều nay.

Anh chắc hẳn sẽ rất cảm kích vì món ăn và sự bầu bạn của cô.

Và cô sẽ có thể nhìn kỹ hơn thí nghiệm này của anh ấy.

Roy Wallis choàng tỉnh. Không gian xung quanh tối tăm và yên tĩnh. Nhịp tim anh đập liên hồi trong nỗi sợ hãi còn vương lại sau cơn mơ mà chính anh cũng không nhớ nổi. Đang định

bước chân xuống giường để đi tới phòng quan sát thì anh bỗng cảm thấy ngứa ngứa ở sau đầu. Anh cau mày, đưa tay về phía sau để gãi – và phát hiện ra một cục nhỏ lồi lên ở ngay phần trũng giữa xương chẩm và cột sống cổ. Anh dùng các ngón tay sờ nắn. Phần lồi lên khá cứng và đặc. Anh lo lắng tiếp tục tác động lực lên phần dị thường này, cho đến khi cảm giác có máu chảy ra từ đầu ngón tay. Anh biết mình không nên làm như vậy, nhưng anh không thể dừng lại.

Khi phần da chỗ đó lật lên, anh nhận ra thứ lồi lên từ dưới da ấy được làm bằng sắt.

Một khóa kéo, Wallis suy đoán.

Anh nắm chặt khóa bằng ngón trỏ và ngón cái rồi kéo ngược lên trên. Nó di chuyển từ từ dọc theo đường răng song song, tạo ra một rãnh hình chữ Y.

Khóa kéo kết thúc ở đỉnh đầu, nhưng anh vẫn không thể ngăn mình lại, anh luồn những ngón tay đẫm máu của mình xuống bên dưới lớp da lủng lẳng và lột chúng sang hai bên, ra khỏi phần xương sọ. Lớp da dễ dàng lột ra như vỏ của một quả trứng đã được luộc chín.

Kinh ngạc, giật mình và sợ hãi, anh nhìn chằm chằm vào mớ tóc và mảng da đang ôm lấy tay mình...

“Tiến sĩ?”

Wallis choàng tỉnh. Trong một khoảnh khắc khủng khiếp, anh nghĩ mình đang ở trong phòng giam. Sau đó anh thấy Guru đang cúi xuống nhìn mình, phía sau là ánh sáng hắt vào từ hành lang.

Anh nhanh chóng ngồi dậy. “Có chuyện gì sao?”

“Không... không hẳn là vậy. Nhưng có thể là đang có vấn đề a.”

“Em đang nói cái gì vậy, Guru?”

Trước khi Guru kịp trả lời, Wallis đã đứng dậy và bước nhanh về phía phòng quan sát. Anh nhìn xuyên qua phần kính nhỏ hẹp trên cửa quan sát.

Chad vẫn ngồi trong góc như lúc trước, quay lưng lại với Wallis. Sharon không ở trên giường của mình.

“Sharon đâu rồi?” Anh hỏi, mắt hướng về cánh cửa đóng chặt ở cuối phòng.

“Cô ấy đi vào nhà tắm gần hai tiếng trước,” Guru đáp. “Và vẫn chưa quay trở lại.”

“Hai tiếng trước.” Anh liếc nhìn đồng hồ đeo tay của mình. Bây giờ là 10 giờ 30 phút tối. “Thầy đã ngủ cả một ngày!”

“Em không muốn đánh thức thầy.”

Wallis hít sâu. Sau đó anh nhìn thấy túi đựng đồ ăn màu nâu có nhãn hiệu Chipotle đang nằm trên bàn làm việc. “Em đã bỏ việc quan sát họ để ra ngoài mua đồ ăn?”

“Em không bao giờ làm thế, thưa thầy. Em đặt giao hàng. Có burrito bít tết trong đó cho thầy.”

Đói rã, Wallis ngay lập tức cầm chiếc burrito lên, xé bỏ lớp giấy bọc thực phẩm bên ngoài và cắn một miếng to.

Guru cười. “Ngon không ạ?”

“Rất ngon,” anh đáp với cái miệng phồng to. “Em nói là Sharon đã ở trong nhà tắm hai tiếng phải không?”

“Vâng, áng chừng là thế ạ.”

“Em có thử nói chuyện với cô ta chưa?”

“Cô ấy không trả lời.”

Wallis nuốt xuống, liếm phần nước xốt dính trên ngón tay, và ấn vào nút Trò Chuyện trên bảng điều khiển.

“Sharon? Cô khỏe chứ?”

Không một tiếng trả lời.

“Sharon?”

Yên lặng.

Wallis quay sang Guru, với sự lo lắng hiện rõ trên khuôn mặt. “Sao không gọi thầy dậy sớm hơn?”

“Em không nghĩ điều này có gì đáng lo ngại, thưa tiến sĩ. Nếu cô ấy lại tự cắt thân mình, em đã có thể... nghe thấy.”

Wallis gật đầu nhưng không đề cập đến khả năng: Sharon có thể tự treo cổ mình ở trong đó.

Anh đột nhiên không cảm thấy đói nữa, liền đặt chiếc bánh xuống bàn, lau miệng và râu bằng khăn giấy rồi nói: “Thầy sẽ vào trong đó xem cô ấy thế nào.”

Căn phòng thí nghiệm vẫn nồng nặc mùi hôi khó chịu của phân và cơ thể, nay còn lẫn thêm mùi tanh của máu.

Khi bước ngang qua phòng, Wallis nhận thấy Chad xoay lưng theo hướng đi của anh như đang tránh mặt.

Anh dừng lại. “Chad?”

Người đàn ông Úc phát ra âm thanh pháp phồng, đứt quãng. Đè nén tiếng cười?

Wallis tiếp tục: “Anh có thể quay mặt về phía tôi không, anh bạn?”

Anh ta không phản ứng lại.

“Chad, anh bạn?”

Khi vẫn bị anh chàng người Úc từ chối đáp lời, Wallis quyết định sẽ giải quyết anh ta sau, rồi tiếp tục đi về phía nhà tắm, tay anh đặt trên nắm cửa.

“Sharon?” Anh lên tiếng. “Là tôi, Wallis đây.”

Những tiếng cười khúc khích vang lên nhưng nghe không giống của Sharon, nó nghe như tiếng cười ma mãnh của trẻ con.

“Cô đang làm gì trong đó vậy?”

Thêm nhiều tiếng cười như vậy vọng ra.

“Tôi vào nhé?”

“Không!” Sharon bất thình lình gào lên.

Wallis vẫn đẩy cửa vào. Nó di chuyển được vài phân trước khi đóng sầm trở lại. Sharon đã dùng lưng hoặc chân để giữ nó.

“Sao cô không muốn tôi vào?” Anh hỏi.

“Tôi không muốn ra khỏi đây!” Thanh âm của cô khàn đặc, vừa hoảng sợ vừa phấn khích, như tiếng thở hổn hển khi bị bóp cổ trong quá trình bạo dâm.

“Cô không muốn ra khỏi phòng tắm, hay phòng thí nghiệm này?”

“Phòng thí nghiệm!”

“Vậy cô không cần lo lắng về điều đó, Sharon. Tôi không có ý định ép cô ra khỏi phòng thí nghiệm đâu. Sao tôi lại làm chứ?”

“Tôi đã không ngoan.”

“Cô đã làm gì?”

Cười khúc khích.

“Sharon?”

Cô ấy lầm bầm, như thể đang nói chuyện với ai đó.

“Tôi không quan tâm cô đã làm gì, Sharon,” anh nói.
“Nhưng tôi vẫn sẽ vào bất kể cô muốn hay không. Tôi khuyên
cô nên tránh xa khỏi cửa đi.”

Anh không nghe thấy tiếng di chuyển bên trong.

Anh dồn lực vào vai đẩy cửa.

Nó thậm chí không hề nhúc nhích.

“Sharon?”

Tiếng cười lúc này, the thé và cuồng dại.

“Thôi được,” Wallis nói. “Cô không cho tôi lựa chọn. Tôi sẽ
phải tắt khí ga đi.”

“Không!” Sharon gào lên.

“Vậy hãy để tôi vào.”

Âm thanh nức nở – hay đó là một tiếng cười khác?

Đi kèm với tiếng di chuyển chậm chạp và khó nhọc.

Anh kiên nhẫn đợi cho đến khi không còn nghe thấy gì nữa,
sau đó thử mở cửa.

Cánh cửa đẩy vào bên trong một cách dễ dàng.

Wallis đã nghĩ tới một cảnh tượng rùng rợn phía sau, nhưng
thực tế còn khủng khiếp hơn những gì anh dự đoán.

Máu tràn ngập sàn nhà tắm, dồn lại ở nắp cống thoát nước
một lớp dày tới cả phân, bị chặn lại bởi... cục thịt. Sharon ngồi
dựa vào bồn cầu, khuỷu tay co quắp vào bệ ngồi, giữ cho cô
không trượt xuống. Hình ảnh cô trộn lẫn giữa một người phụ
nữ đã uống quá nhiều Tequila và một người sống sót – thoi
thóp – sau một cuộc tấn công dữ dội từ dã thú.

“Ôi Chúa ơi, Sharon,” Wallis hít sâu, cổ gắt không để thức ăn trào ra khỏi dạ dày.

Những miếng vải băng quanh đầu và bụng cô giờ đang nằm trên mặt đất, ướt đẫm máu. Vết rách trên bụng lớn hơn nhiều so với lúc trước, để lộ những khoảng xương sườn trắng lấp ló dưới da thịt. Bộ phận tiêu hóa thì rơi ra (hoặc bị móc ra) trên đùi, như đống mỳ Ý lộn xộn. Đặc biệt là phần ruột non của cô, Wallis nhận ra trong nỗi kinh hoàng, nó vẫn đang tiêu hóa thức ăn ngay trước mắt anh, cơ ruột đang co thắt còng dịch dạ dày được tiết ra đang trôi nổi dưới thành ruột mỏng. Ngay cả trong khoảnh khắc kinh hãi này, anh vẫn tự hỏi làm sao điều này có thể xảy ra khi cô đã không ăn gì trong nhiều ngày – cho đến khi anh nhận ra thứ đang được tiêu hóa trong ruột chính là thịt của cô.

“Chào, tiến sĩ,” Sharon lên tiếng, hai con mắt sáng rực chòng chọc đâm thẳng vào anh, khóe miệng nhếch lên nụ cười kinh dị.

“Cô đang làm gì với chính mình vậy?”

“Tôi để nó ra.”

“Để cái gì ra?”

Sharon lại bắt đầu điệu cười khích đó của mình – nhưng bây giờ nó trở nên day dứt hơn trước, bởi không còn sự ngọt ngào trong giọng cười tươi trẻ kia nữa, mà chỉ còn lại sự thô ráp, tắc nghẹt phát ra từ đáy cổ họng. Đôi mắt có vẫn không rời khỏi anh, nó sáng rõ và cảnh giác một cách bất thường. Sau đó cô họ, vài tia nước đỷ phun ra ngoài không khí trước mặt.

Tiếng ho tiếp tục, liên hồi, theo sau đó là những vệt máu đặc chảy dài, trào ra từ môi dưới, chảy xuống cằm và cổ.

Nhưng sức khỏe của cô không còn là điều mà Wallis quan tâm. Sự khát khao của một nhà khoa học, hoàn toàn tách rời khỏi cảm xúc, không ngừng tìm kiếm câu trả lời đã chiến thắng. “Nó là cái gì, Sharon?” Anh gặng hỏi. “Cái gì ở bên trong cô?”

Sharon lại cười. “Tôi nghĩ anh biết, tiến sĩ.”

Anh cũng nghĩ là mình biết, và anh tự thầm rửa bản thân vì đã không mang theo máy đo điện não. Anh cần phải nhìn thấy thứ đang diễn ra trong đầu cô. Anh cần chứng cứ cho cái thứ bên trong đầu cô.

“Guru!” Anh hét lớn qua vai. “Mang máy điện não đồ vào đây! Ngay lập tức!”

“Muốn tôi cho anh xem không, tiến sĩ?” Sharon hỏi.

“Cái gì?” Wallis gắt gỏng, quay lại nhìn cô.

“Muốn tôi cho anh thấy thứ bên trong tôi không?”

“Không! Đừng! Đợi chút... chờ đã, chết tiệt!”

Wallis nghe thấy tiếng cửa phòng thí nghiệm mở và sau đó tiếng lạch cách của bánh xe chở thiết bị đo điện não đồ.

“Nhìn này, tiến sĩ, nhìn đi.”

“Guru! Nhanh lên!”

Sharon đưa tay vào trong khoảng trống ở ổ bụng, nơi mà bộ phận tiêu hóa của cô đã từng ở trong đó. Cô là hét — mặc dù âm thanh nghe như một sự khoái cảm trong cơn đau — đưa tay sâu lên trên, ngay chỗ khung lồng ngực.

“Sharon, không!” Wallis hét lên, loạng choạng đỡ người về phía trước để ngăn cản. Chân anh trượt trên vũng máu, anh ngã xuống sàn nhà, đầu đập thẳng xuống nền gạch. Bóng tối che phủ tầm mắt, mặc dù anh cố gắng chiến đấu để duy trì tinh táo.

Tuy vậy, anh vẫn không thể làm gì hơn ngoài việc nhìn theo những chuyển động chậm của Sharon trong tuyệt vọng, khi cả cánh tay của cô luồn vào sâu hơn bên trong cơ thể của chính mình, phát ra những tiếng nhớp nháp như hai chiếc lưỡi quyện vào nhau.

Rồi bỗng dung cơ thể cô cứng lại, co giật. Cô giật mạnh tay mình ra khỏi ổ bụng một cách đắc thắng.

Wallis cố gắng chống đỡ mình lên bằng một khuỷu tay, mặc dù anh biết mình có thể sẽ sõm ngất đi.

Điều cuối cùng mà anh nhìn thấy trước khi bất tỉnh là trái tim của Sharon đang trên tay cô.

Điện thoại của Wallis rung lên trên bàn làm việc. Guru phớt lờ nó. Anh đang cứng đờ trong kinh hãi, khi nghe thấy những gì đang diễn ra ở phía cuối phòng thí nghiệm ngủ. Anh chỉ có thể nhìn thấy phần lưng của tiến sĩ khi ông đứng bên trong cửa phòng tắm nhưng anh có thể nghe thấy mọi thứ rất rõ ràng.

Cô đã làm gì với chính mình vậy?

Tôi để nó ra.

Để cái gì ra?

Toàn thân anh lạnh toát khi nghe những lời Sharon nói, bởi anh biết thứ mà cô muốn để thoát ra là gì, ngay cả khi anh vẫn chưa hoàn toàn chấp nhận khả năng tồn tại của sự thật này.

Điều này không thể xảy ra, anh thầm nghĩ. Ác quỷ không tồn tại...

“Guru!” Giọng của Tiến sĩ Wallis dội qua từ hệ thống liên lạc nội bộ. “Mang máy đo điện não lại đây! Ngay lập tức!”

Guru chạy tới góc tường, dùng một tay đẩy chiếc xe kim loại trong khi tay kia mở cửa căn phòng thí nghiệm ngủ. Anh xoay lungan lùi lại tiến vào trong, sau đó kéo xe vào.

“Guru!” Wallis hét lên. “Nhanh lên!”

Guru xoay chiếc xe một vòng để nó ở ngay trước mặt mình, sau đó đẩy về phía nhà tắm nhanh nhất có thể.

Khi anh vừa đến, Tiến sĩ Wallis đã ngã ra trên sàn nhà đầy máu và ngất đi.

“Tiến sĩ!” Guru hoảng hốt, bỏ chiếc xe lại và chạy đến. Vậy mà khi anh nhìn thấy Sharon ngồi sụp bên cạnh bồn cầu, khoang bụng mở rộng còn bàn tay thì đang cầm trái tim của mình, anh như đụng phải một bức tường vô hình. Anh nhìn cô lên cơn co giật lần cuối, trái tim trượt ra khỏi bàn tay đầy máu và rơi xuống sàn nhà ẩm ướt, âm thanh nặng trịch.

Run rẩy hít một ngụm khí lạnh và khô khốc, Guru rời mắt khỏi thi thể khủng khiếp và quỳ xuống bên cạnh Wallis. Ngón tay anh run bần bật chạm vào động mạch cổ của ông và như trút được một phần sợ hãi khi thấy nó vẫn đập nhanh và mạnh mẽ.

Suy nghĩ đầu tiên gợi lên trong đầu anh: Gọi cứu thương.

Suy nghĩ thứ hai: Gọi cảnh sát.

Anh lao về phòng quan sát, giật lấy chiếc điện thoại nằm trong túi xách và tính gọi 911 – nhưng rồi khụng lại.

Đây không phải trường hợp khẩn cấp.

Sharon đã chết. Không một nhân viên y tế nào có thể mang cô trở lại. Tiến sĩ Wallis bị chấn thương ở đầu nhưng vẫn thở được. Ông sẽ nhanh chóng tỉnh lại – và sẽ rất giận dữ nếu anh hoảng loạn và kêu gọi sự giúp đỡ.

Anh cần phải bình tĩnh lại và suy nghĩ.

Cất điện thoại trở lại túi, Guru đi về phía căn phòng của tiến sĩ và mang tấm nệm hơi của ông vào căn phòng quan sát. Sau đó anh trở lại phòng thí nghiệm ngủ. Chad đang ngồi quay lưng lại trên sàn cạnh ti vi. Làm thế nào mà anh ta có thể không có động thái gì sau tất cả những chuyện vừa diễn ra nhỉ? Guru không thể suy luận nổi nữa, nhưng nó không phải là vấn đề ngay bây giờ.

Anh trở lại nhà tắm, cố không nhìn vào thi thể của Sharon, cẩn thận không giẫm phải những cục máu đã đông trên sàn, anh nắm lấy cổ tay tiến sĩ và kéo ông trở lại phòng quan sát, một vệt máu đỏ dài đánh dấu quãng đường của họ.

Thở nặng nhọc – Wallis nặng hơn những gì anh tưởng – anh móc hai tay mình xuống bên dưới và nâng cơ thể ông lên tấm nệm hơi.

Guru loạng choạng nắm lấy lưng ghế và ngã mình lên nó. Sau vài phút, cuối cùng mọi thứ cũng trở nên yên lặng.

Sharon đã tự giết chính mình và anh đã phá hủy hiện trường vụ tự sát.

Đây có phải là một tội ác?

Anh vẫn chưa gọi 911.

Đó có phải là thêm một tội không?

Guru nghe thấy tiếng bước chân đang lại gần từ phía hành lang. Cảnh sát! Anh bật dậy, sẵn sàng đi trốn nhưng không có nơi nào cả. Bị chặn! Anh lao nhanh ra cửa, đóng chặt nó lại, chuẩn bị cho sự tấn công đến từ đội SWAT tinh nhuệ...

“Xin chào?” Giọng một người phụ nữ vang lên kèm theo tiếng gõ cửa.

Một lát sau, cánh cửa mở ra, một người phụ nữ da hơi xanh xao với mái tóc cùng đôi mắt đen ló đầu vào.

Guru nuốt nước bọt. “Ai – ai vậy?” Anh dò hỏi.

“Tôi là Brook. Bạn của Roy. Anh chắc là...” Mắt cô mở to khi nhìn thấy Wallis, toàn thân đẫm máu, đang nằm sõng soài trên tấm nệm hơi. “Roy!”

Roy Wallis tỉnh lại trên một chiếc nệm hơi trong phòng quan sát. Anh ngồi dậy, rên rỉ khi cảm thấy như có hàng ngàn mũi kim đang châm vào đầu.

“Tiến sĩ!” Guru kêu lên, xuất hiện ngay bên cạnh anh. “Ông ấy tỉnh rồi! Thưa cô, ông ấy tỉnh rồi!”

Thưa cô?

Wallis nghe thấy tiếng bước chân đang tiến lại gần từ nửa còn lại của căn phòng, và không lâu sau, Brook đang cúi xuống nhìn anh từ bên cạnh tấm nệm, khuôn mặt cô tràn đầy căng thẳng, đôi mắt thì sưng đỏ, ướt át như thể vừa khóc.

“Roy,” cô lên tiếng, dịu dàng nắm lấy bàn tay anh. “Đừng cử động nhiều quá. Anh có một vết cắt sâu trên đầu.”

Anh rút tay mình ra khỏi tay cô và chạm vào bên trái đầu mình, nhận thấy một lớp vải băng dày đang quấn quanh thái dương. Anh nhăn nhó khi cảm thấy những chiếc kim đang đâm vào sâu hơn.

“Chuyện gì...” Anh đang định hỏi có chuyện gì đã xảy ra, thì hình ảnh đẫm máu của Sharon và những vết rạch kinh khủng tràn về sống động. “Chuyện gì mang em tới đây vậy, Brook?” Thay vào đó, anh hỏi.

“Em đã cố gọi cho anh,” cô đáp, “trên đường tới đây, nhưng anh không nghe máy. Em, ừm, em nghĩ anh có thể bị đói, nên em chỉ muốn mang cho anh ít đồ ăn!” Một tiếng nức nở phát ra, cô quay mặt sang một bên để giấu đi giọt nước mắt.

“Ôn rồi,” anh an ủi. “Hít thở sâu.”

“Không hề!” Cô cắt ngang. “Trợ lý của anh đã nói với em, cô ấy chết rồi! Cô gái mà anh thuê! Máu của cô ấy vẫn còn dính trên người anh! Cô ấy ở trong căn phòng kia, cô ấy chết rồi!”

Wallis trừng mắt nhìn Guru, tự hỏi tại sao cậu ta không thể ngậm mồm mình lại được. Tuy vậy, anh nghĩ rằng cậu thanh niên người Ấn Độ này cũng không biết phải giải thích làm sao khi trông anh bây giờ cứ như đã tiệc tùng thâu đêm với kẻ giết người khét tiếng Jeffrey Dahmer.

Anh cần câu thêm chút thời gian để nghĩ ra một lý do hợp lý cho cái chết của Sharon (nói với Brook rằng cô gái ấy tự móc lấp tim mình ra khỏi ngực đơn giản là vì không còn lựa chọn nào khác), nên nói: “Tên cậu ấy là Guru, và...”

“Tại sao cô ấy lại chết, Roy? Cô ấy đã chết như thế nào? Có chuyện quái quỷ gì đang diễn ra ở đây vậy?”

“Cô ấy tự vẫn,” anh đáp.

“Nhưng máu?”

“Cô ấy tự rạch cổ tay mình.” Đây là lời giải thích tốt nhất mà anh có thể nghĩ ra. “Anh trượt chân lên vũng máu khi cõi ngần cản cô ấy.”

“Tại sao cô ấy...

Wallis cắt ngang. “Anh muốn thay đồ. Anh sẽ giải thích mọi chuyện sau.”

Brook dụi mắt. “Em sẽ đi lấy vài bộ quần áo sạch từ nhà anh...”

“Không cần đâu,” anh đáp. Anh không muốn để cô rời khỏi tầm mắt của mình trong khoảng thời gian này, cô có thể làm chuyện ngu ngốc như gọi cảnh sát. “Chắc quần áo của Chad vừa với anh thôi.”

Mặc cho những lời kháng nghị đến từ Guru và Brook, Wallis vẫn nặng nề đứng lên. Cơn choáng váng ập đến gần như khiến anh ngã ngửa ra sau, nhưng nó cũng nhanh chóng biến mất. Anh bước vào căn phòng thí nghiệm, cảm giác vũng chải hơn sau từng bước chân. Anh ngay lập tức nhìn thấy Chad vẫn đang ngồi đối mặt với góc tường như lúc trước. Anh ta kéo mũ áo của chiếc hoodie trùm kín đầu, còn đôi vai thì rũ xuống, như thể một kẻ ăn mày trên góc phố, không dám đối mặt với thế giới.

Anh ta không phải là một mối đe dọa. Ít nhất là bây giờ.

Wallis lấy trong tủ quần áo ra một chiếc quần lót, quần dài và áo len. Anh lột bỏ bộ quần áo dính máu của mình và liếc

nhìn về phía nhà tắm. Anh thực sự muốn tắm nhưng không muốn gây thêm phiền phức khi phải di chuyển thi thể của Sharon ra ngoài trong khi Brook vẫn còn đang ở phòng bên cạnh. Mặc vào bộ quần áo sạch và quay trở lại tiền phòng, anh thấy lòng mình nhẹ đi đôi chút.

Guru đang đi lại lầm lalendar. Brook đứng ở cửa, tay bắt chéo trước ngực, nhìn chằm chằm xuống sàn.

“Em không nên tới đây,” anh nói với cô.

Cô ngược lên. “Có chuyện gì đã xảy ra với cô gái đó, Roy? Tại sao cô ấy lại tự giết mình?”

“Cô ấy gặp ảo giác, cô ấy...”

“Là do khí ga phải không? Trợ lý của anh đã nói với em..

“Tên của cậu ta là Guru.”

“Guru nói với em rằng khí ga đó khiến họ phát điên. Tại sao vậy, Roy? Tại sao anh không dừng cuộc thí nghiệm này lại nếu anh biết chuyện gì đang xảy ra với họ, nếu anh biết.”

“Anh đã không biết,” Wallis quát lên. Anh nhắm chặt mắt lại một lúc vì cơn đau nhói lên trong đầu. “Anh không biết rằng cô ấy sẽ tự vẫn,” anh bao biện một cách hợp lý, mặc dù tuyên bố đó là một lời nói dối trắng trợn. “Cô ấy bị ảo giác, đúng, nhưng nó đã được dự tính trước vì sự mất ngủ kéo dài. Nó đã được chứng minh cụ thể.”

“Và rồi việc này?” Brook nói, chỉ tay về phía cửa sổ quan sát dính đầy phân. “Nó có được dự tính trước không? Nó thật... bệnh hoạn. Còn người thanh niên trong kia, anh ta có bị ảo giác không? Anh ta có tự vẫn như cô gái kia không? Anh ta cứ luôn

ngồi quay mặt vào tường. Chuyện đó không bình thường chút nào, Roy!”

“Tất nhiên, hành động đó không bình thường. Anh ta đã 14 ngày không ngủ, Brook. 14 ngày. Chúng ta đang ở giai đoạn không biết trước được gì. Cho nên, từ bây giờ, anh sẽ quan sát anh ta thật kỹ, từng giây từng phút để chắc chắn anh ta... không làm những việc nguy hiểm.”

“Anh vẫn tiếp tục cuộc thí nghiệm ư?” Cô bàng hoàng.

“Nó sắp kết thúc rồi. Chỉ vài ngày nữa thôi...”

Cô lắc đầu nguầy nguậy. “Em không thể tin nổi những gì mình đang nghe thấy!”

“Nghe thấy gì cơ, Brook?” Wallis điềm tĩnh hỏi, mặc dù anh đang rất phẫn nộ vì phản ứng thái quá của cô.

“Cô gái kia đã chết, Roy! Thí nghiệm của anh đã giết chết cô ấy! Chúng ta phải báo cảnh sát.”

Wallis nghiến chặt răng hàm. “Chúng ta sẽ gọi cảnh sát, Brook,” anh nói. “Sau khi cuộc thí nghiệm này kết thúc. Một ngày nữa...”

“Có cái gì ở thí nghiệm này mà lại quan trọng đến vậy hả Roy?” Cô khăng khăng. “Có chuyện gì quan trọng đến nỗi che khuất lý trí và giá trị con người anh?”

Wallis cân nhắc đến việc giải thích mọi thứ cho cô như anh đã làm với Guru. Nhưng anh không thèm bận tâm đến nữa. Mà Brook cũng không đủ học thức như Guru. Cô sẽ không đánh giá cao giá trị cao cả của những phát kiến đó. Cô sẽ không tài nào hiểu được sự quyết tâm của anh, rằng không một thành tựu quý giá nào là không có sự hy sinh. Mạng sống của một, hai

hoặc vài chục cá nhân chẳng là gì so với mục đích vĩ đại, so với việc hàng ngàn, hàng triệu sinh mạng trên thế giới đang chết đi mỗi giờ vì già cỗi, bệnh tật, tai nạn và vài lý do ngu xuẩn khác. Vậy nên ai thèm quan tâm tới một hay hai người chết thêm chứ? Mà một hoặc hai người này không hề chết trong vô ích, họ chết vì tri thức – tri thức sẽ thay đổi thế giới mãi mãi? Họ nên cảm thấy vinh dự khi được phục vụ loài người như vậy, và nếu ai đó không hiểu điều này, mà theo Wallis, thì những người đó không có giá trị tồn tại.

Anh gượng cười. “Một ngày nữa thôi, Brook,” anh nói. “Đó là tất cả những gì anh cần. Một ngày...”

Cô vung tay đánh vào không khí. “Anh điên rồi, Roy! Thí nghiệm này khiến anh điên rồi! Họ không phải những con chuột thí nghiệm! Họ là con người đấy!”

“Em có hai sự lựa chọn, Brook,” Wallis nói bằng giọng đều đĩnh, tương phản với sự dữ dội của cô. “Em có thể ở lại đây và bình tĩnh lại khi anh đi kiểm tra Chad để chắc chắn rằng anh ta ổn; hoặc em có thể rời đi, báo cảnh sát và làm xáo trộn mọi thứ lên.”

Brook nhìn chằm chằm vào anh trong một lúc lâu, ánh mắt cô đăm đăm như đang cháy một ngọn lửa ngầm, rồi cô bừng tỉnh khi ra quyết định. Cô mở cửa, chuẩn bị rời đi.

“Aaa, chết tiệt, Brook,” Wallis gần giọng, lầm bầm trong cổ họng, chân thành hy vọng rằng cô sẽ không phản bội mình. Khi cô bước ra ngoài hành lang, anh túm chặt lấy vai cô và kéo cô trở lại căn phòng.

Cô giật mình quay đi. “Vậy để em đi...”

Wallis đấm mạnh vào hàm cô.

“Tiến sĩ!” Guru gào khóc.

Wallis nhìn cậu ta. “Thầy không thể để cô ấy đi báo cảnh sát,” anh đáp. “Em biết tại sao mà.”

Guru dùng hai tay ôm lấy cái đầu trọc của mình như hình ảnh nhân vật trong bức tranh Tiếng Thét. “Điều này quá sức với em. Quá lắm rồi.”

Wallis bước qua cơ thể của Brook và tiến tới túm chặt hai cánh tay của Guru, lắc mạnh. “Em biết thì nghiệm này quan trọng như thế nào mà, Guru! Em hiểu những gì đang diễn ra ở đây! Đừng trở nên yếu đuối như vậy, anh bạn!”

“Em biết, nhưng...” Cậu giật cánh tay mình ra và lùi lại. “Chúng ta sẽ phải đi tù.”

“Không, chúng ta sẽ không,” Wallis nói, động viên người trợ lý đang suy nghĩ về kết quả nhiều hơn về giá trị đạo đức, bởi vì kết quả, ít nhất, sẽ là lý do chính đáng. “Hãy nhìn xem,” anh nói thêm. “Thầy chỉ cần đo điện não cho Chad. Sau khi lấy được những thông tin, thầy cần..” Anh nhún vai. “Chỉ cần vậy. Chúng ta sẽ không cần tới anh ta nữa. Anh ta cũng không trụ thêm được lâu hơn đâu. Anh ta sẽ tự tử giống như Sharon thôi. Cho nên, sao chúng ta lại có tội được chứ? Chúng ta có ép họ đâu. Họ tự làm điều đó với bản thân mà.”

“Nhưng chúng ta để điều đó diễn ra, tiến sĩ.

“À! Sẽ không ai biết chuyện đó. Chỉ hôm qua thôi, em có tin rằng họ sẽ tự vẫn không?”

Guru nhăn mặt. “Họ gấp ảo tưởng và...”

“Đúng, đúng, nhưng em có nghĩ tới việc họ sẽ tự vẫn không?”

“Không,” anh chàng đơn giản đáp lại.

“Không” Wallis lặp lại. “Sự tụt dốc của họ, sự điên loạn cuối cùng diễn ra quá nhanh. Chính xác là chỉ sau một đêm. Nên chúng ta đơn giản chỉ là... nói giảm nói tránh sự thật.”

“Nói giảm nói tránh sự thật?”

“Sau khi có được thứ mình cần từ đầu của Chad, thầy và em sẽ cùng đi ăn tối để ăn mừng kết thúc thí nghiệm. Chúng ta sẽ tắt khí ga và để Chad và Sharon nghỉ ngơi trong phòng. Và khi ta quay lại vào sáng hôm sau... Họ đã làm những việc này với chính bản thân mình. Họ làm điều đó khi chúng ta không có mặt ở đây. Đây là tác dụng phụ của khí ga. Thầy không biết điều đó. Thầy sẽ ghi chú lại như một phát hiện khoa học. Kết luận là, thí nghiệm vẫn diễn ra bình thường dưới sự quan sát của chúng ta. Nhưng những chuyện sau đó thì chúng ta không thể lường trước được, và chúng ta cũng không có mặt để ngăn cản nó.”

“Thầy muốn chúng ta nói dối,” Guru khẳng định lại.

“Shiva, Krishma và Chúa Christ, Guru! Đừng giống như họ, anh bạn. Nói dối? Nếu em muốn gọi nó như thế. Nhưng với thầy, nó là một sự trình bày gần đúng về những gì đã xảy ra, nói giảm nói tránh một chút. Điều đó có gì sai chứ? Em muốn chìm vào đạo đức ư? Thế còn chủ nghĩa hậu quả trong triết học thì sao? Đánh giá sự việc đúng hay sai dựa trên những kết quả mà nó tạo ra. Hãy nghe tôi nói, nghĩ tới kết quả mà thí nghiệm mang lại, chúng ta chắc chắn là đang làm đúng.”

“Thế còn cô ấy?” Guru nhìn Brook.

Wallis cũng quay sang cô. Brook đang nằm dài trên sàn nhà, nơi cô ngồi xuống. Thật sự mà nói, anh cũng không biết mình nên làm gì với cô. Anh không thể loại bỏ cô như cách mình đã làm với Penny. Anh là bạn trai của cô. Anh đã gặp bạn của cô. Hầu hết nhân viên ở Emporium đều biết hai người đang hẹn hò. Anh sẽ là nghi can đầu tiên và có thể là duy nhất nếu như cô mất tích. Và hai người thân quen với anh mất tích cùng một lúc trong vài ngày? Không, loại bỏ Brook không phải là một điều hay. “Thầy sẽ nói chuyện với cô ấy,” anh nói với Guru. “Khi cô ấy nghe tất cả những gì thầy nói, cô ấy sẽ làm theo thôi. Cô ấy có thể sẽ không vui vì cái chết của Chad và Sharon, nhưng cô ấy yêu thầy. Cô ấy... cô ấy sẽ giữ yên lặng vì thầy,” anh nói thêm, hy vọng những điều mình nói sẽ trở thành sự thật.

Sau đó, nhận ra sự giả tạo trong lời nói của mình, khi Brook đang nằm sõng soài trên mặt đất với bên hàm phải sưng vù, Wallis quỳ xuống bên cạnh cơ thể của cô và cẩn thận – yêu thương – nâng cô lên tấm nệm hơi, giống như cô đang nằm ngủ yên bình trên đó.

Wallis quay lại phía Guru với vẻ chờ đợi, “Hãy kết thúc chuyện này thôi.”

Họ bước vào căn phòng thí nghiệm.

“Chad, anh cảm thấy thế nào rồi?” Wallis hỏi.

Anh chàng người Úc không phản ứng với câu hỏi của anh.

“Anh đã rất yên lặng, anh bạn.”

Không có câu trả lời.

Wallis dừng lại khi đứng ngay sau lưng Chad, người anh ta nồng nặc mùi cơ thể và thứ mùi thứ gì đó mà anh liên tưởng đến mùi gỗ mục rữa. Anh ra hiệu cho Guru, người đang đẩy chiếc xe kim loại có máy đo điện não đồ, đến tham gia cùng mình. “Như thế này nhé, Chad,” anh nói. “Chúng tôi sẽ làm một số bài kiểm tra với anh bằng máy này, và sau đó chúng tôi sẽ để anh yên. Anh chỉ cần ngồi yên như bây giờ là được, không cần phải quay lại. Nhưng anh phải kéo mũ áo xuống.” Wallis lấy gel điện cực từ trên xe đẩy. “Anh có thể không nhớ cái máy này hoạt động thế nào,” anh tiếp tục, “nhưng nó không đau chút nào đâu. Gel này hơi lạnh, nhưng chỉ có vậy. Sẵn sàng chưa?”

Wallis kéo mũ áo của Chad xuống.

Chàng thanh niên người Úc vặn vẹo trong tiếng rít như rắn độc.

Wallis nhanh chóng đưa tay lên bụt miệng mình, và nghe thấy tiếng Guru nôn mửa phía sau lưng.

Mặt của Chad đã biến mất.

Anh ta đã bóc từng mảng da trên khuôn mặt của mình, để lộ phần thịt hỗn độn với mỡ, cơ và những mô liên kết bên dưới. Vài nơi dọc quai hàm, anh ta đã tự khoét sâu đến nỗi xương hàm trắng ẩm ướt lộ hẳn ra ngoài.

Nơi đã từng là đôi mắt xanh lam rực rỡ, giờ đây chỉ còn là hai hố đen ngòm đầy máu. Còn vị trí của chiếc mũi thì trở thành một cái lỗ toàn chất nhầy nhụa. Đôi môi thì biến mất, chỉ thấy được phần lợi chảy máu liên tục và ngoác rộng ra như thế đang nở điệu cười gớm ghiếc.

Không có bộ phận bị thiếu nào nằm trên sàn, điều đó có nghĩa là chúng đã bị tiêu hóa.

“Lạy Chúa,” Wallis hít vào một ngụm khí lạnh, và anh thực sự cảm thấy kinh sợ con quái vật trước mắt mình. Anh tự hỏi liệu có phải Chad đã lột mặt của mình để thoát khỏi ảo giác bị nấm mà anh ta tin rằng nó đang mọc tràn lan trên đầu mình, hay giống như Sharon, anh ta đang cố để cho thứ gì đó bên trong thoát ra ngoài hay không.

Guru nói nhanh điều gì đó bằng tiếng Hindi, chắc là một lời cầu nguyện.

Wallis phớt lờ cậu ta. “Không sao, Chad. Không sao đâu. Chúng tôi sẽ không làm đau anh.” Nói đoạn anh ném lọ gel trở lại xe đẩy, vì nó không còn được cần dùng đến nữa, Chad không còn mảnh da nào trên đầu. Anh cầm đai đeo đầu lên. “Hãy nhớ rằng, anh bạn, điều này không đau đâu.”

Wallis cúi người về phía trước, chầm chậm đội nó lên đầu Chad như thể đang đội vương miện lên đầu của một vị quân vương.

Với tốc độ đáng kinh ngạc, anh chàng người Úc nắm chặt cổ tay Wallis, và ngay sau đó, anh thấy mình bị hất lên không trung. Cơ thể anh đập mạnh xuống sàn với tiếng xương cốt va chạm đầy đau đớn, lăn vài vòng trước khi dừng lại.

Anh ngồi dậy ngay khi cảm thấy mình ổn định trở lại.

Guru lùi xa khỏi Chad như cách bạn sẽ làm khi thấy một chú chó chăn cừu giống Đức đang sùi bọt mép trước mặt mình, thanh âm tắc nghẹn ở cổ. “Làm sao... bằng cách nào... làm thế nào mà anh ta làm được như vậy?” Cậu lắp bắp.

“Lùi về cửa đi,” Wallis nói với Guru.

Sau đó anh đứng dậy, tiến về phía Guru, tự nhủ sẽ không bao giờ quay lưng về phía anh chàng người Úc này.

“Không thể nào!” Guru thốt lên. “Phải cần tới sức của năm người đàn ông mới có thể ném thầy lên như vậy, giống như anh ta đã làm!”

“Hoàn toàn có thể, anh bạn ạ,” Wallis đáp, mắt anh ánh lên sự phấn khích tột độ, khi cả hai quay trở lại phòng giám sát. “Nó đã xảy ra.

“Nhưng bằng cách nào?”

“Lý giải khoa học? Adrenaline.”

“Adrenaline? Vậy là...”

“Adrenaline, enzym, protein, endorphin và cảm xúc. Khi toàn bộ phản ứng căng thẳng của cơ thể được kích hoạt, hầu hết mọi người đều có khả năng nâng gấp sáu, bảy lần trọng lượng cơ thể của chính họ. Một phụ nữ trẻ có thể nâng chiếc xe ô tô ra khỏi người cha mình khi nó đè lên ông ta. Một người đàn ông đã xé toang cánh cửa xe ô tô trong một vụ tai nạn để cứu vợ mình. Những trường hợp có sức mạnh như siêu anh hùng đó đã từng được nhắc tới.”

“Nhưng chúng ta không đe dọa Chad. Anh ta...”

“Anh ta không nhận ra điều đó. Anh ta không còn mắt để nhìn nữa.”

“Chúng ta nên làm gì bây giờ. Anh ta rõ ràng không để chúng ta kết nối mình với máy đo điện não đồ, chứ đừng nói đến chuyện ngồi yên trong quá trình kiểm tra.”

“Không, không phải khi anh ta đang ở trong trạng thái như bây giờ,” Wallis đồng ý. “Nhưng thầy có ý này.”

Roy Wallis giải thích kế hoạch của mình cho Guru Rampal, người đã miên cưỡng đồng ý giúp anh thực hiện nó. Sau đó, anh chuyển Brook vào giường của Sharon trong phòng thí nghiệm ngủ, để anh chàng Ấn Độ có thể để mắt tới cô phòng trường hợp cô tỉnh dậy trong khi anh ra ngoài. “Nếu cô ấy tỉnh,” anh chỉ dẫn, “đừng để cô ấy ra khỏi căn phòng đó, mặc kệ cô ấy có nói gì.”

“Làm ơn, nhanh lên đi tiến sĩ,” Guru nói.

Wallis gật đầu và rời Tolman. Cơn bão kéo dài cả tuần vẫn gào rít ở bên ngoài, không hề suy giảm. Tiếng mưa rơi lặp đập, đập lên các khung cửa sổ, lốc gió quất những cành cây gần đó khiến chúng đung đưa, nghiêng ngả, lá đập vào nhau cuồng loạn. Tiếng sấm rền bất thình lình, tiếp theo đó là tia chớp chói mắt xé ngang bầu trời.

Các đồng nghiệp của Wallis ở khoa Tiếng Anh sẽ gọi đây là một điều thảm hại, còn anh sẽ gọi đó là một sự khó chịu cùng cực.

Anh cúi đầu vội vã đi dọc đường Bayard Rustin tới xe của mình, sau đó lái đi với tốc độ chóng mặt đến Phòng thí nghiệm

Quốc gia Lawrence của trường Berkeley, nằm trên một ngọn đồi cao bên ngoài khuôn viên trường.

Anh lái xe qua cổng chính và đi theo con đường ngoằn ngoèo giữa những tòa nhà. Vào những ngày rảnh rỗi, anh vẫn hay ra đây để ngắm nhìn vịnh San Francisco, nhưng ngay lúc này, anh không thể nhìn thấy bất cứ thứ gì ngoài hai con đường hầm đặt cạnh nhau mà ánh sáng từ đèn pha của chiếc Audi chiếu rọi vào bóng tối.

Anh đỗ xe trái phép ngay trước cửa tòa nhà 33 và xuyên qua cơn mưa đi về phía cửa ra vào. Anh quẹt thẻ tử và bước vào sảnh đợi, sự hiện diện của anh kích hoạt hệ thống chiếu sáng từ máy tính điều khiển.

Được hỗ trợ bởi Bộ Năng lượng Hoa Kỳ và được quản lý bởi trường Đại học California, Phòng thí nghiệm Berkeley đã tiến hành nhiều cuộc thí nghiệm chưa được phân loại trong nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau. Họ nghiên cứu tất cả mọi thứ, từ quy mô cực nhỏ của các hạt hạ nguyên tử cho đến sự vô tận của vũ trụ. Tòa nhà 33, hay còn gọi là Phòng thí nghiệm Đa dụng, được thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học ở khắp các lĩnh vực.

Wallis leo cầu thang lên tầng ba, đi qua tất cả những phòng thí nghiệm từ độ ẩm cao cho tới thấp, trước khi đến được phòng thí nghiệm của mình. Anh mở cửa bằng thẻ tử và bước vào không gian nhỏ bên trong. Mặc dù đã loại bỏ hết đám chuột từ lâu, nhưng anh vẫn chưa đem trả hộp nuôi chuột, tủ an toàn sinh học đứng mà anh dùng để xử lý chúng, cả những vật dụng thí nghiệm đắt tiền khác vẫn ngắn ngang khắp nơi – chỉ có thứ

quan trọng nhất, những liều thuốc mà anh đặc biệt giữ lại, được cất cẩn thận trong ngăn tủ có khóa.

Anh đi tới tủ, mở khóa và nhét đầy vào túi áo khoác mình những ống tiêm và lọ Vecuronium, một loại chất ức chế thần kinh cơ mà anh đã dùng trên lũ chuột trong các cuộc thí nghiệm và phẫu thuật. Nó cũng là một thành phần trong loại thuốc độc được dùng để hành quyết những tử tù ở Tennessee, Virginia và các tiểu bang khác chưa bao giờ án tử hình.

Wallis khóa ngăn tủ lại và chuẩn bị rời đi thì nghe thấy giọng ai đó vang lên. “Xin chào?”

Wallis sững người.

Không gian xung quanh lại chìm vào yên lặng. Việc hy vọng người đó sẽ rời đi dường như chỉ là hão huyền, nên anh bước ra khỏi phòng thí nghiệm, đóng cửa lại, và nói: “Xin chào?”

Anh nghe thấy tiếng để giày cao su ma sát trên sàn nhà sáng bóng, và sau đó một người phụ nữ trung niên mặc bộ đồ thể thao không khác gì anh xuất hiện ở góc hành lang. Sở hữu một mái tóc xám tro, khuôn mặt với nếp nhăn chảy xệ và dáng người đậm, bạn sẽ dễ nhầm lẫn bà ta với một người gác cổng trường học già cỗi, sắp nghỉ hưu. Tuy nhiên, giống như bao người trong giới học thuật, nơi ưu tiên trí tuệ hơn vẻ bề ngoài, đôi mắt bà ta vẫn rất sắc bén, tinh nhạy và hiểu kì.

“Roy!” Bà nói, vẫy vẫy đôi bàn tay mập mạp của mình. “Tôi đã tự hỏi ai lại ở đây vào giờ này!”

“Tôi cũng đang thắc mắc điều tương tự, June,” Wallis đáp, cố rặn ra một nụ cười. June Scarborough là đồng nghiệp của anh, một nhà tâm lý học, người đã hoàn thành luận án tiến sĩ về

mức độ phức tạp trong hành vi của sóc. Bà và những nghiên cứu sinh của mình đã dành hai năm làm việc với các loại hạt, đồng hồ đếm giờ và máy quay phim để theo dõi mấy con sóc cáo quanh khuôn viên trường. Wallis đã gặp bà mấy lần vào học kỳ trước, khi bà đang chạy theo mấy con sóc gần khu phía tây của Berkeley.

“Hôm qua tôi để quên máy tính ở đây,” bà giải thích, vỗ vỗ trán mình. “Thật ngu ngốc! Bởi vì ngày mai tôi sẽ tới Colorado với chồng và con của mình để thăm anh chồng. Đó là cơ hội tuyệt vời để tôi nghiên cứu về loài sóc tai tua, một loài chỉ sống ở phía nam dãy Rocky.”

“Không thể tách rời công việc và thú vui hả?”

“Công việc là thú vui của tôi, Roy! Tôi yêu những sinh vật nhỏ xinh có lông hơn tất thảy thứ gì, ngoại trừ mấy đứa con tôi... Và thậm chí tình yêu của tôi dành cho con cái và mấy con thú đó cũng gần như nhau. Anh có bao giờ tự hỏi tại sao mấy con sóc lại hay đảo hạt bằng chi trước không?”

“Chưa từng.”

“Bởi nó đang phân vân một vài yếu tố như mức độ tươi ngon hay giá trị dinh dưỡng của hạt, cũng như số lượng thức ăn sẵn có vào thời điểm có hay không có kẻ cạnh tranh – tất cả những điều này sẽ dùng để đưa ra quyết định quan trọng về việc có ăn ngay không hay chôn hạt xuống đất rồi ăn sau. Nó thật thú vị, phải không? Loài sóc giải quyết vấn đề ngay trước mắt ta, và nhiều người còn không thông minh được như thế.”

“Tôi đoán hành vi của chúng không... như bã hạt đậu... nhỉ?”

“Ôi trời, Roy!” June vỗ bụng cười trước câu nói đùa của anh.
“Thôi! Đủ với những chú sóc rồi. Điều gì khiến anh tới đây vào
nửa đêm vậy?”

“Cùng lý do với bà.” Anh nhún vai. “Tôi phải tới lấy vài tờ ghi
chú cho công việc.”

“Vậy chúng được viết bằng loại mực không màu trên tờ giấy
vô hình hả?”

Wallis hiểu ý tứ đằng sau câu nói đó: tay anh trống không.
“Thật không may,” anh đáp, “chúng không có ở đây. Chắc ở văn
phòng của tôi rồi. Dường như tôi cũng đang bị ảnh hưởng một
chút bởi tuổi tác của mình.”

“Được rồi, tôi để anh đi lấy nó vậy. Tôi về nhà đi ngủ đây.”

“Chúc vui vẻ ở Colorado.”

Một tiếng sấm định tai nhức óc nổ vang trên bầu trời, gần
như trực tiếp dội xuống đỉnh đầu.

“Ôi trời, cơn bão này thật đáng sợ, nhỉ? Cẩn thận nhé, đừng
chết khi đi ra ngoài, Roy!”

“Cô đi được rồi đấy,” anh đáp và đi tới cầu thang.

Brook khó nhọc ngồi dậy, tự hỏi mình đang ở đâu và tại sao
lại đau đớn vậy. Cô chun mũi khi hít phải mùi hôi thối khó chịu
khiến cô liên tưởng đến bể phốt ở nhà, chỉ có điều nơi này
không phải là căn nhà nỗi của cô. Cô đang ở dưới tầng hầm của..

Roy đã đánh mình.

Brook chạm vào xương hàm và thấy nó sưng vù lên, mất
cảm giác. Một cơn đau khác nhói lên ở nướu khi cô dùng lưỡi

thăm dò. Cô phát hiện một chiếc răng của mình đã bị đánh đến lung lay.

“Thắng khốn,” cô lầm bầm. “Anh dám đánh tôi.”

Cố gắng gượng đứng dậy. Sau một lúc choáng váng, cô nhìn quanh căn phòng. Nó giống như một căn nhà thu nhỏ được trưng bày trong cửa hàng Ikea, với đầy đủ phòng ngủ, phòng ăn, phòng khách, phòng bếp và phòng tập thể dục.

Ở cuối căn phòng, cánh cửa phòng tắm hé mở, cô có thể nhìn thấy một phần cái chân rám nắng đang duỗi ra trong vũng máu.

Cô gái ấy.

Đã chết.

Nuốt xuống một cách khó nhọc, Brook nhìn về phía trước. Bên cạnh cửa sổ lớn dính đầy phân và giấy là cánh cửa dẫn ra tiền phòng.

Cô bước tới, cầm tay nắm và vặn.

Cánh cửa hầu như không di chuyển.

Cô đẩy thêm lần nữa, nó mở ra vài phân nhưng rồi lại đóng chặt lại.

Ai đó đang đứng chắn trước cửa.

“Để tôi ra, Roy!” Brook hét lên, dùng tay còn lại đập cửa.

“Tôi xin lỗi! Tôi không thể!” Có tiếng trả lời vang lên.

Đó không phải là Roy, là Guru, trợ lý của anh ta.

Cô dùng vai đẩy cửa, nhưng người đàn ông vẫn duy trì sức ép để ngăn nó mở ra.

“Guru?” Cô nói. “Là cậu phải không?”

“Đúng” cậu ta đáp.

“Tại sao cậu lại chặn cửa?”

“Tiến sĩ Wallis nói với tôi rằng không được để cô ra ngoài.”

“Roy có ở đây không?”

“Bây giờ thì không.”

Một tia hy vọng lóe lên trong cô. “Cậu phải thả tôi ra, Guru! Làm ơn? Trước khi anh ta quay trở lại.”

“Tôi không thể. Tiến sĩ Roy đã nói...”

“Đây là bắt cóc!”

“Tôi xin lỗi, thưa cô, nhưng...”

“Cô gái đã chết đang ở trong này với tôi, Guru!”

Một thắc mắc bỗng loé lên trong đầu cô, tự hỏi đối tượng tham gia thí nghiệm còn lại đang ở đâu. Cổ liếc nhìn khắp căn phòng và thấy anh ta đang ngồi ở một góc, sau mấy cục tạ, đối mặt vào góc tường.

Anh ta đang làm gì vậy?

Còn bao lâu nữa anh ta sẽ vồ lấy mình?

Brook đập cửa lần nữa.

“Hãy để tôi ra khỏi đây, Guru! Làm ơn!”

“Tôi xin lỗi nhưng tiến sĩ...”

“Kê mẹ anh ta!” Cô hét lên. “Anh ta điên rồi! Cậu không thấy sao? Cuộc thí nghiệm này đã cướp đi lý trí của anh ta rồi!”

Guru không trả lời, cô hét lên trong tuyệt vọng. Sau đó cô đi đi lại lại, nỗi sợ hãi ớn lạnh và cơn thịnh nộ hùng hục đang đấu tranh để được trào ra trong cô. Roy đã đánh cô – đánh cô – và bây giờ, anh ta nhốt cô lại như một con thú. Làm sao đây có thể cùng là một người đàn ông mà cô yêu sâu sắc? Sao cô có thể để anh ta lừa mình đến như vậy?

Wallis không đỗ xe ở vị trí dọc theo lối đỗ của trường đại học, bởi anh thích việc di bộ một quãng ngắn đến tòa nhà Tolman, nhưng bây giờ anh đang ướt nhẹp và lạnh, anh không muốn bản thân mình lạnh hay ướt át thêm nữa. Vì vậy, anh lái xe thẳng đến trước cửa tòa nhà, đậu vào một trong ba 6 trống đỗ xe dành cho người khuyết tật.

Khi đang chuẩn bị bước vào tòa nhà thì anh nhìn thấy một chùm sáng từ đèn pin xuyên qua cơn bão chiếu thẳng vào mặt mình.

“Mẹ kiếp,” anh rủa thầm, nhận ra đó là ai.

“Xin chào, Tiến sĩ Wallis!” Roger Henn tươi cười, một tay cầm dù đen, tay kia cầm đèn pin. Anh ta mặc một chiếc áo mưa rộng rãi bên ngoài cảnh phục. Dòng chữ CẢNH SÁT màu trắng chạy trước ngực. Mái tóc ngắn bù xù, bộ ria mép ướt nhẹp rủ xuống, còn đôi má vẫn hồng hào như ngày thường. “Thời tiết này thật đáng ngại phải không?”

“Ở đây không mưa, Roger.”

“À, phải rồi.” Anh ta hạ ô, gấp lại và hướng đầu ô xuống sàn để lắc hết nước đọng. Đôi mắt anh ta nheo lại, nhìn Wallis một lượt từ trên xuống dưới. “Trông anh này, tiến sĩ,” anh ta cười nói. “Tôi chưa bao giờ thấy anh ăn mặc... bình thường. Anh lúc nào cũng đóng thùng – một cách đẹp đẽ và chỉnh chu. Anh làm gì mà phải chạy khắp nơi dưới thời tiết này vậy?”

“Tôi phải đi lấy vài ghi chép từ phòng làm việc của mình.”

Không giống như June Scarborough, Roger Henn không để ý hoặc hỏi xem mấy tờ ghi chú đó đâu. Thay vào đó, anh ta gật gù

hào phỏng: “Tôi hiểu rồi, hiểu rồi. Vậy cuộc thí nghiệm của anh thế nào rồi? Tôi đã không gặp anh trong vài ngày.”

“Thì vẫn đi ra đi vào chỗ này thôi,” Wallis nói. “Còn cuộc thí nghiệm thì vẫn ổn, cảm ơn anh vì đã hỏi thăm.” Rồi, chợt nhận ra mình có thể biến Roger Henn thành nhân chứng vô tình trong câu chuyện mà anh và Guru đã thỏa thuận để đánh lừa cảnh sát, anh tiếp tục: “Thật ra, Rodge, cuộc thí nghiệm sắp kết thúc rồi, thật đấy. Chúng tôi sẽ có một bước đột phá vào đêm nay. Sau đó, trợ lý của tôi và tôi sẽ đi ra ngoài ăn mừng.”

Henn cười toe toét. “Anh và cô gái Trung Quốc nhỏ bé dễ thương ấy hả?”

“Cô ấy người Hàn Quốc,” Wallis sửa lại. “Và không. Tôi và anh chàng Ấn Độ đều trọc ấy.”

“À, thế hả, vậy cũng không vui lắm nhỉ, tiến sĩ. Cô ấy quyến rũ đó chứ, phải không? Tôi cũng không thấy cô ấy dạo gần đây. Cô ấy luôn chào tôi bằng cách phát âm buồn cười của mình.”

“Cô ấy.... à.... đã bỏ cuộc thí nghiệm vài ngày trước rồi.”

Henn nhăn mặt. “Vậy ư? Làm thế nào mà...”

Một tiếng sấm vang trời dội lên như tiếng nổ lớn, khiến hai người đàn ông phải ngoái đầu ra ngoài, nhìn lên bầu trời đầy lắng. Một tia sét kéo theo sau đó, chia thành những nhánh nhỏ, xé toạc cả không gian.

“Chúa ơi!” Roger Henn thốt lên. “Vậy mà tôi còn phải làm cái ca chết tiệt này. Vậy là cô gái Trung Quốc đó đi rồi hả?”

“Thật không may, đúng là thế,” Wallis tiếp tục. “Mẹ cô ấy bị bệnh - ở Seoul. Penny phải trở lại Hàn Quốc để chăm sóc và ở bên bà ấy.”

“Kiểu sắp chết ấy hả? Thật không may. Tệ quá. Anh ngủ với cô ta chưa?”

Wallis chớp mắt. “Hả, gì cơ?”

“Anh ngủ với cô ta trước khi cô ấy rời đi chưa?”

“Không, tôi không làm thế. Cô ấy là sinh viên của tôi.”

“Tôi chỉ hỏi thôi, bởi vì người ta đồn anh không có bất kỳ vấn đề gì với tất cả phụ nữ.”

“Ai nói vậy chứ?” Wallis hỏi, thầm nghĩ tên cảnh sát này kiểm thông tin như vậy từ đâu ra. “Mà thôi, Rodge, tôi phải trở lại làm việc đây. Có vài công việc nhỏ phải hoàn tất trước khi Guru và tôi đi ăn mừng.”

“Chắc chắn rồi, không thành vấn đề. Ước gì tôi không bị mắc kẹt ở đây, nếu không thì tôi cũng sẽ tham dự cùng hai người. Anh và tôi, chúng ta có thể hợp tác, anh biết điều tôi đang nói là gì, đúng không? Tôi đang gặp một phụ nữ đã ly dị, có vẻ như cô ấy không quá kén chọn bởi vì đã có con và có nếp nhăn.”

“Rồi anh sẽ có được cô ấy thôi, Rodge. Đừng chấp nhận lời từ chối là được.”

“Không chấp nhận lời từ chối, tôi biết rồi. À này, tiến sĩ, chính xác thì thí nghiệm của anh là để làm gì thế. Anh chưa bao giờ nói với tôi.”

“Cứ tiếp tục như vậy đi. Nhưng tôi chắc chắn rằng anh sẽ nghe về nó, sớm thôi.”

Brook nhìn thấy vài chiếc ghế bằng sắt nơi nhà bếp. Cô nâng một cái lên và mang tới phía trước căn phòng, đập mạnh về

phía cửa kính quan sát khiến những mảnh vỡ bay tung tóe khắp nơi.

Người trợ lý, Guru, xuất hiện ở phía bên kia cửa sổ. “Cô đang làm gì vậy?” Guru gào lên. “Cô không thể làm thế! Dừng lại!”

Brook quay trở lại chiếc giường gần nhất, lột tấm khăn trải giường (như chưa từng được dùng đến), và quấn nó quanh bàn tay phải. Cô quay trở lại cửa sổ và dùng bàn tay đã được bọc kỹ càng của mình để dọn dẹp đống mảnh vỡ thủy tinh hình tam giác lởm chởm nhô lên khỏi khung kính.

“Dừng lại!” Guru hét lên, hai tay vẫn vẫn trên đầu ra dấu mong cô ngừng lại.

“Tránh xa!” Cô cũng hét lên đáp lại, ném cái khăn ra ngang thành cửa sổ.

“Dừng lại!” Guru chạy tới, nắm lấy một bên khăn trải giường và cố gắng kéo nó ra.

“Không được!” Cô đáp, nắm chặt đầu khăn bên mình.
“Buông nó ra!”

“Cô không thể làm như vậy!”

Họ kéo qua kéo lại trong vài giây cho đến khi cô thả tay ra. Mất cân bằng lực, Guru ngã bệt xuống đất.

Chạy thôi! Cô nghỉ. Böyle giờ là cơ hội!

Đặt tay lên bệ cửa sổ – phớt lờ những vết cắt sắc nhọn khi những mảnh thủy tinh găm vào tay – Brook nhanh chóng trèo qua cửa và lao về phía trước.

Khi vào đến bên trong tòa nhà Tolman, Wallis cố gắng vuốt hết nước đọng trên râu và quần áo của mình, rồi mới đi xuống tầng hầm. Khi nghe thấy tiếng hét của Guru, anh chạy nhanh nhất có thể về phía phát ra âm thanh. Anh mở tung cánh cửa phòng thí nghiệm – và chạm phải Brook khi cô chuẩn bị lao ra ngoài.

Brook bị anh đánh bật ngược trở lại, loạng choạng lùi về phía sau vài bước.

“Có chuyện quái quỷ gì đang diễn ra ở đây vậy?” Anh lớn tiếng hỏi.

“Thầy đây rồi!” Guru cảm thán. Cậu ta đang ngã sống soài trên mặt đất cách đó vài bước, vẻ mặt nhăn nhó được thả lỏng rõ rệt khi nhìn thấy anh. “Cô ấy muốn chạy trốn!”

Brook chỉ tay vào mặt Wallis. “Tránh ra, Roy, cô nói, thanh âm khàn đặc, giận dữ gắn từng chữ. Vết bầm trên quai hàm bên phải của cô giờ sưng tấy lên, thâm đỏ. Biểu cảm trên khuôn mặt tràn ngập phẫn nộ như một con thú dữ: vừa lo sợ, vừa đe dọa.

“Anh không thể làm như vậy bây giờ được, Brook.”

“Để tôi đi!” Cô hét lên, nước miếng bắn ra.

“Anh sẽ làm như vậy, Brook, tất nhiên, anh sẽ để em đi,” anh cam đoan. “Nhưng phải tới khi cuộc thi nghiệm kết thúc.”

Cơ thể cô căng cứng, sẵn sàng trút hết sức lực để lao ra ngoài. Brook thở gấp. “Anh không cần phải làm thế.”

“Làm gì?”

Cô không trả lời, và sự yên lặng đó khiến anh khó chịu. Nếu cô biết được rằng anh đã từng có ý định giết mình thì cô sẽ không bao giờ dám tỏ thái độ như vậy với anh, không bao giờ.

“Làm gì cơ, Brook?” Anh hỏi lại với một nụ cười.

“Giam tôi ở đây,” cô đáp, dường như đang đoán suy nghĩ của anh và thay đổi cuộc nói chuyện. “Anh không cần giữ tôi ở đây. Tôi sẽ không... nói với ai hết, bất cứ điều gì.”

“Em đã nhắc đến việc báo cảnh sát.”

“Như là một sự lựa chọn. Nhưng nếu... anh không muốn như vậy, thì chúng ta hãy nói chuyện đi.”

“Đây không phải lúc để nói chuyện, Brook.” Anh thấp giọng. “Anh không biết liệu em có để ý tới anh bạn của chúng ta – Chad – trong căn phòng kia không, nhưng tình trạng của anh ta bây giờ cũng không tốt đẹp lắm. Anh không biết anh ta còn bao nhiêu thời gian, nên anh cần phải kiểm tra thứ trong đầu anh ta trước khi nó biến mất.”

“Roy! Làm ơn!”

“Sau đó chúng ta sẽ nói chuyện. Anh cần phải giúp Chad ngay bây giờ. Còn em, hãy quay trở về phòng thí nghiệm đi.”

“Không.”

Wallis bước về phía cô. “Đừng lặp lại những gì đã xảy ra trước đó,” anh nói đầy ẩn ý.

Ánh mắt cô đổ dồn về đôi bàn tay đang co lại thành nắm đấm của anh – cô e ngại lui bước. Chùng vai xuống, cô quay trở về phòng thí nghiệm.

“Chặn cửa lại,” Wallis ra lệnh cho Guru, rồi đi theo cô vào phòng, đóng cửa lại.

Brook đứng ở trong bếp.

“Đi về phía cuối phòng đi,” anh yêu cầu.

“Tôi sẽ không đi đâu hết...”

“Đi về phía cuối phòng, Brook. Ngay lập tức!”

Cô miễn cưỡng đi về phía cuối căn phòng. Anh dõi theo cho đến khi cô dừng lại ở bức tường phía xa. Sau đó anh băng qua phòng đến nơi Chad đang ngồi, anh ta đã ngồi đối diện với góc tường đó suốt hai mươi bốn giờ đồng hồ.

Nhip tim đập nhanh dần, anh có thể thấy tay mình ướt đẫm mồ hôi. Điều anh sắp làm tới đây chắc chắn phải thành công. Rõ ràng là anh có lợi thế. Chad bị mù. Tuy nhiên, ngay sau khi mũi kim đâm vào thịt Chad, lợi thế này sẽ biến mất. Điều đó có nghĩa là Wallis sẽ phải tiêm thật nhanh vào người anh ta, rồi đứng tránh sang một bên cho đến khi thuốc liệt cơ phát huy tác dụng.

Nếu làm hỏng việc này, mà y sẽ bị con quái vật khỏe như gấu này đập vỡ đầu.

Mày không được làm hỏng việc.

Wallis dừng lại phía sau Chad. Anh lấy ra một ống tiêm mang theo từ phòng thí nghiệm ở túi áo khoác bên trái và một lọ Vecuronium từ túi áo khoác bên phải. Có một mảnh giấy được dán từ nắp kéo dài đến thân lọ: Cảnh báo: Chất gây tê liệt.

Cầm ống tiêm trên tay như một cây bút chì, mũi tiêm hướng lên trên, anh tháo nắp bọc mũi tiêm ra và kéo pít-tông, sau đó đẩy phần pít-tông trở lại để dồn hết khí ra bên ngoài. Anh cầm đầu ống tiêm xuyên qua phần cao su của nắp lọ thuốc và lật ngược nó lại, tiếp tục kéo pít-tông về phía sau, xa nhất có thể để chất lỏng tràn vào, thầm nghĩ: *Một mũi đầy nhé, Chad, anh bạn, một mũi đặc biệt đầy.*

Trong những trường hợp bình thường – giả sử một bác sĩ đang chuẩn bị cho bệnh nhân phẫu thuật – anh ta sẽ tiêm thuốc vào tĩnh mạch người bệnh. Wallis tất nhiên không có sự lựa chọn xa xỉ ấy. Thay vào đó, anh sẽ tiêm trực tiếp vào cột sống của Chad. Nó sẽ phá hủy những tế bào thần kinh dọc sống lưng và gây ra bại liệt vĩnh viễn – tất nhiên, đây chính xác là những gì Wallis muốn. ;

Wallis cúi người xuống, xem xét vị trí tủy sống của Chad bên dưới lớp áo, nhẩm đếm đến ba trong đầu, sau đó đâm kim và đẩy mạnh pít-tông để chất lỏng được truyền vào cơ thể.

Chad đứng bất động, gào thét trong cơn giận dữ.

Wallis lùi về sau, chuẩn bị tinh thần cho bất cứ tình huống nào xảy ra. Chad vung tay loạn xạ lên không trung, tấn công những kẻ vô hình, chiếc mũ áo hoodie trượt ra khỏi đầu. Anh ta xoay vòng vòng hòng rút cây kim đang được cắm vào lưng mình, như thể một con chó đang cố gắng bắt lấy đuôi của nó.

Rất nhanh sau đó, anh ta di chuyển chậm hẳn lại, rồi loạt choạng khụy gối, ngã đổ sang một bên. Anh ta đã ngừng động đậy hoàn toàn.

Đó cũng là lúc Brook hét ầm lên.

“Anh đã làm gì anh ta vậy? Nhìn mặt anh ta kìa! Anh đã làm gì với mặt anh ta vậy hả?”

“Anh không làm gì cả!” Wallis đáp. “Anh ta tự làm vậy với chính mình!”

“Anh ta không có mặt!”

“Brook! Nghe này! Anh không làm điều đó...”

“Nó không quan trọng. Chính những thứ thuốc của anh đã khiến anh ta trở nên như vậy.”

Cô mất hết sức lực, ngồi phịch xuống đất, hai chân co lại, gục đầu xuống và nức nở.

Wallis cố gắng hết sức phớt lờ cô. Anh đẩy chiếc xe kim loại có máy đo điện não đồ đến nơi Chad ngã xuống. Anh lật anh ta nằm ngửa và luồn dây điện cực lên phần thịt nhão nhoét đã từng là trán. Tay anh bấm mở bộ phận khuếch đại để phóng to những tín hiệu điện cực được phát ra từ hàng triệu nơ-ron thần kinh của Chad, sau đó kéo ghế ngồi xuống, nghiên cứu những đường sóng xuất hiện trên màn hình.

Giọng nói Guru phát ra từ hệ thống liên lạc nội bộ, hỏi han mọi chuyện thế nào. Wallis không biết mình đã nhìn chằm chằm vào màn hình bao lâu, nhưng anh không còn thấy dữ liệu trên đó nữa. Anh đang miên man suy nghĩ về tất cả những điều tuyệt vời sắp xảy tới trong cuộc sống của mình.

“Tiến sĩ, thầy có nghe thấy em nói không?”

Wallis giật mình trở lại thực tại, háo hức như thể một bé trai vào buổi sáng Giáng Sinh. “Guru, anh bạn tuyệt vời của tôi, vào đây!” Anh nói với một nụ cười tươi.

Anh thấy Brook đã ngẩng đầu lên vì tò mò, trước sự ồn ào đột ngột.

“Mọi chuyện xong cả rồi, Brook,” anh nói với cô, nụ cười như thể kéo dài đến tận mang tai. “Chúng ta thành công rồi.”

“Anh đang nói gì vậy, Roy?”

Guru mở cửa bước vào.

“Lại đây nào, anh bạn.”

Guru nhìn Brook đầy e ngại.

“Cô ấy không cần phải tránh đi,” Wallis nói. “Cô ấy sẽ muốn nghe những điều mà thầy sắp thông báo đây. Thầy chắc chắn đấy. Cô ấy sẽ rất muốn nghe những điều này.” Anh mở rộng cánh tay. “Lại đây nào anh bạn, ôm thầy nào.”

Guru nhíu mày. “Thầy?”

“Chúa ơi!” Wallis bước về phía anh chàng người Ấn Độ và nhấc bổng cậu lên khỏi mặt đất trong chiếc ôm thật chặt, xoay một vòng trong tiếng cười sảng khoái. Khi đặt Guru xuống, anh xoa chiếc đầu bóng lù của cậu đầy cảm thán. “Em đã ở lại cùng thầy, anh bạn. Em. Đã ở lại. Cùng. Thầy.” Anh vỗ vai Guru, có lẽ vì quá phấn kích nên Guru suýt chút nữa ngã nhào.

“Có chuyện gì vậy, Roy?” Brook hỏi.

“Khoa học thần kinh 101,” Wallis nói, chuyển sang trạng thái giảng dạy trên cương vị một tiến sĩ. “Những tế bào não – hay còn gọi là nơ-ron thần kinh – giao tiếp với nhau bằng sóng điện cực và chúng luôn hoạt động, ngay cả khi ta ngủ, và cũng vì những sự giao tiếp này mà chúng ta có những suy nghĩ, cảm xúc và hành động. Về cơ bản, trạng thái có ý thức là một trạng thái thay đổi liên tiếp của sóng điện cực. Não của Brook, của thầy, của Guru, có khoảng một trăm tỉ các nơ-ron thần kinh. Điện não đồ” — anh chỉ về phía màn hình trên chiếc xe đẩy – “có thể ghi lại những hoạt động của các nơ-ron. Hãy tưởng tượng ném một viên đá xuống giữa một cái ao tĩnh lặng,

việc này tạo ra những gợn sóng lan trên mặt nước. Và giờ hãy so sánh viên đá đó như một nơ-ron thần kinh và cái ao là bề mặt não, gợn sóng là sóng não, Em theo kịp không, Brook?"

Cô gật đầu.

"Tốt, bây giờ hãy nghe đây, cả hai người, bởi vì điều tiếp theo rất quan trọng. Thay vì ném một viên đá xuống ao, hãy tưởng tượng ta ném cả một nắm. Ta sẽ nhận được rất nhiều những gợn sóng liên tiếp trùng lặp. Điều này tương tự như khi ta có nhiều nơ-ron đồng thời phát ra những đợt sóng điện cực: ta cũng sẽ nhận được rất nhiều những đoạn sóng não trùng lặp. Điện não đồ phát hiện ra những con sóng này và chia chúng thành các dải tần khác nhau được đo bằng Hertz. Các sóng delta chậm có tần số nhỏ hơn 4Hz. Sóng Theta nằm trong khoảng từ 4 đến 8Hz. Sóng Alpha là từ 8 tới 12. Còn dao động Beta phát ra nhiều nhất khi chúng ta tỉnh, là ở giữa khoảng 14 và 30Hz; và sóng Gamma là nhanh nhất, ở giữa 30 và 80Hz. Các sóng não, hay còn gọi là độ dài của dao động, cùng nhau tạo nên phổ ý thức liên tục của con người, luôn phản ứng và thay đổi dựa vào cảm xúc. Khi một dao động chậm lại, chúng ta sẽ cảm thấy mệt mỏi và uể oải. Khi một dao động tăng lên, chúng ta sẽ cảm thấy tỉnh táo và nhanh nhẹn. Vậy cho nên, tất cả những đoạn sóng xuất hiện trên màn hình khi đo điện não cho Chad này là gì? Là trạng thái có ý thức của Chad. Và như một nhà tiên tri dự đoán bằng việc đọc lá trà, để nhìn vào thế giới tự nhiên ẩn sâu bên trong, tôi có thể đọc những dao động này để nhìn thấy thứ bên trong đầu Chad."

"Và..." Guru phán khích hỏi.

“Sau khi loại bỏ những tác nhân gây ảnh hưởng từ bên ngoài và thông tin không liên quan từ bên trong, tôi phát hiện ra toàn bộ quang phổ... sóng não ẩn, thay cho rằng có thể gọi như vậy, mặc dù tất cả chúng đều sở hữu biên độ và tần số khác với bình thường.”

Guru và Brook ngơ ngác nhìn anh, chẳng khác nào những con nai trước ánh đèn pha.

“Sóng não ẩn!” Anh lặp lại, cố gắng hết sức để giữ bình tĩnh trước sự kích động của bản thân.

“Nó có nghĩa là, các tình yêu của tôi ơi,” Wallis tiếp tục, nụ cười tươi hơn bao giờ hết, “rằng cái thứ nằm trong não của Chad, là một trong hai trạng thái có ý thức tồn tại riêng biệt.”

“Không thể nào!” Guru thốt lên ngay lập tức.

“Vậy mà có thể đấy, anh bạn. Bằng chứng ở ngay đây, ngay trên màn hình này.”

“Hai trạng thái có ý thức?” Brook thắc mắc. “Ý anh là giống như đa nhân cách?”

“Không phải vậy,” Wallis giải thích. “Tôi không nói về chứng rối loạn nhân cách bình thường. Trên thực tế, có hai dạng thức tinh riêng biệt bên trong anh ta. Hai người trong một. Hay nói cách khác, thay ngờ rằng đó là nguồn gốc tồn tại của loài người, một người và một ác quỷ.”

Brook đứng bật dậy. “Anh đang nói gì vậy, Roy? Điều này thật lố bịch!”

“Đừng vội phán xét, em yêu, khi mà còn rất nhiều thứ em chưa biết.”

Anh lặp lại với cô tất cả những gì mình đã nói với Guru mấy ngày trước. Lũ chuột với bộ gene bị biến đổi, dẫn đến sự ra đời của khỉ ga gây kích thích. Tâm quan trọng của những giấc ngủ siêu ngắn, hoặc sự thiếu ngủ, và việc mất ngủ hoàn toàn có thể biến lũ chuột thành những con thú ăn thịt đồng loại man rợ. Cuối cùng là giả thuyết của anh, rằng tất cả những sinh vật trên thế giới này đều được sinh ra với sự điên loạn có sẵn bên trong, chỉ là nó được kìm hãm bởi bản năng và giấc ngủ.

Brook đã cắt ngang lời anh cả nghìn lần, nhưng sau khi nghe anh giải thích mọi sự thì sự hoài nghi của cô được thay thế bằng vẻ nghiền ngẫm thấu hiểu. Còn tốt hơn thế, cô không còn tỏ ra sợ sệt như lúc trước. Trên thực tế, anh còn nghĩ rằng liệu mình lại có thể có được cô như lúc trước không.

“Để em thảng thắn với anh nhé, Roy,” cô nói. “Lúc nãy anh có nhắc đến ác quỷ. Đây là từ anh dùng. Một con người và một ác quỷ bên trong chàng trai này. Có phải ý anh đang muốn nói rằng... sự điên loạn... bên trong chúng ta là quỷ?”

“Một con quỷ. Ác quỷ. Cả địa ngục bên trong nó. Gọi nó bằng bất cứ cái tên gì em cảm thấy phù hợp. Tất cả đều là phép ẩn dụ cho sự cuồng loạn bên trong chúng ta, đây là điều anh lý giải cho những hành động điên rồ mà chúng ta làm.”

Brook nhìn Chad, rồi lại nhanh chóng hướng ánh mắt đi nơi khác, làn da cô trở nên càng tái nhợt. “Vậy là sự điên rồ trong

anh ta đã khiến anh ta làm vậy với chính mình...”

Mắt Wallis mở to.

Chad đang ngồi dậy.

Sau khi bị tiêm một liều lớn Vecuronium – vào cột sống – điều này lẽ là không thể.

Wallis lấy thêm một lọ thuốc từ túi áo, hút đầy một ống tiêm rồi đi vào giữa căn phòng. Anh hết sức nhẹ nhàng khi lại gần Chad, vì biết rằng anh chàng người Úc này vẫn có thể nghe được. Anh lặng lẽ cúi người xuống trước mặt Chad, vỗ tay trước khuôn mặt đã bị phá hủy hoàn toàn của anh ta. Người đàn ông không có phản ứng gì.

Wallis không để lỡ cơ hội.

Anh đâm thẳng mũi tiêm vào tim anh ta.

“Không” Brook khóc nấc lên – nhưng đã quá muộn.

Wallis đã đẩy hết chất lỏng chết chóc kia vào tim Chad. Anh ta rít lên – thanh âm khô khốc, khò khè vang lên từ cuống họng – nhưng chỉ có thế. Sau đó anh ta ngã ngửa người ra sau và nằm im bất động.

“Anh nói mọi chuyện đã kết thúc rồi mà, Roy!” Brook gào khóc. “Anh nói...”

“Mọi chuyện lẽ ra phải kết thúc, Brook. Anh đã tiêm cho anh ta một liều nặng gấp mười lần bình thường vào cột sống. Đáng lẽ ra..” Anh không muốn kết thúc câu nói vì sợ cô cảm thấy ác cảm, nhưng vẫn nghĩ thầm: Đáng lẽ ra nó nên làm tê liệt toàn

bộ cơ trong cơ thể anh ta, kể cả phần cơ để hô hấp, và rồi do thiếu trợ lực của bộ phận hô hấp, anh ta sẽ chết vì thiếu ô-xy.

“Đáng lẽ ra gì cơ, Roy?”

“Không có gì.”

“Đáng lẽ ra nó đã giết chết anh ta?”

“Nhìn anh ta đi, Brook!” Anh quát lên. “Em nghĩ rằng anh ta vẫn sẽ sống sót sau tất cả những việc đã xảy ra sao? Em nghĩ anh ta muốn sống sót sao?”

Cô quay lưng lại với anh, kìm nép tiếng khóc.

Wallis đứng dậy và đi về phía cửa.

“Thầy đi đâu vậy, tiến sĩ?” Guru hỏi.

“Đi tắt khi ga.”

Sau khi tắt khi ga, Roy Wallis quay trở lại phòng thí nghiệm và nói: “Bây giờ thì nó kết thúc thật rồi, Brook.”

Cô lau những giọt nước mắt đang rơi và hít vào một hơi thật sâu. “Được rồi.”

“Được rồi?” Anh lặp lại lời cô với vẻ ngờ vực.

“Đúng thế,” cô đáp.

“Nghĩa là sao?”

“Nghĩa là... em ổn với... mọi thứ.”

Wallis nhìn cô thăm dò. Anh không đoán được liệu cô đang nói thật hay cô chỉ đang nói điều mà anh muốn nghe. Mà anh chắc là về sau đúng hơn.

“Vậy em nghĩ chúng ta nên làm gì bây giờ?” Anh hỏi Brook.

“Em nghĩ... Anh muốn làm gì?”

“Guru và anh đã có kế hoạch đi ăn mừng. Đúng không, anh bạn?”

Guru thận trọng gật đầu.

“Ăn mừng,” Brook lặp lại.

“Anh biết em đang nghĩ gì, Brook. Sao chúng ta có thể ăn mừng khi có hai người đã chết trong tay chúng ta, phải không?”

“Cuộc thí nghiệm của anh đã thành công vang dội, Roy. Không nghi ngờ gì, nó chắc chắn sẽ thay đổi cả thế giới, hoặc thay đổi cách chúng ta nhìn nhận thế giới. Đúng, anh nói đúng. Có hai người đã chết ở đây.” Giọng cô nghẹn lại ở mấy chữ hai người chết, nhưng cô vẫn tiếp tục. “Chúng ta không thể chối bỏ sự thật. Cảnh sát cũng sẽ không làm lơ, mặc cho những thành tựu của cuộc thí nghiệm. Nhưng anh và trợ lý của anh có kế hoạch đi ăn mừng?”

“Anh hiểu điều em đang nói, Brook. Rõ ràng và rành mạch. Vì vậy, hãy để anh giải thích. Cách đây chưa đầy hai mươi bốn giờ, Chad và Sharon vẫn sống sờ sờ. Họ tuy gặp ảo giác, nhưng vẫn ổn về mặt thể xác. Sharon tự kết liễu chính mình chỉ trong sáng nay. Lúc đó anh đang ngủ. Guru đã đánh thức anh dậy. Và việc gọi cảnh sát cũng không thể cứu sống được Chad. Anh ta đã tự hủy hoại mình. Anh không biết những điều này bởi vì anh ta trùm mũ áo lên. Anh ta đã tự làm vậy từ bao giờ.”

“Anh biết điều mình đang tìm kiếm, phải không, Roy?” Brook hỏi. “Anh biết về cái gọi là ý thức ẩn kia từ trước đúng không?”

“Đúng.”

“Nó có xảy ra với lũ chuột của anh không?”

“Có.”

“Và điều đó là chưa đủ đối với anh? Anh bắt buộc phải thử cái khí ga đó lên con người sao?”

“Chúng ta đi lệch chủ đề rồi, Brook,” anh đáp ngắn gọn. “Điều anh muốn làm rõ ở đây là, nếu anh kết thúc cuộc thí nghiệm ngay sau cái chết của Sharon và gọi cảnh sát, thì chúng ta sẽ không tranh luận về mảng xám hợp pháp ở đây. Sharon đã ký cam kết. Cô ấy biết rằng có thể sẽ có rủi ro khi tham gia cuộc thí nghiệm này. Thật không may, cô ấy không tránh nổi những rủi ro đó.”

“Nhưng cô ấy không được biết về cấp độ của những rủi ro đó, phải không? Cô ấy không biết chuyện gì đã xảy ra với lũ chuột, đúng không?”

“Hãy nghe anh nói hết đã, Brook. Nếu anh dừng cuộc thí nghiệm này lại, nếu anh báo cảnh sát, anh sẽ không thể nào đo được sóng não của Chad, và cuộc thí nghiệm sẽ trở nên vô nghĩa. Chad và Sharon sẽ chết một cách vô ích. Vậy nên, nếu anh thực sự có tội, thì chỉ là đã không thông báo cái chết của Sharon ngay tức khắc. Anh thậm chí còn không biết nó được quy thành tội nữa là. Nhưng tại sao lại phải lội qua bùn trong khi ta có thể đường hoàng đi trên con đường không hề có nó?”

Anh giơ một tay lên, kiên định với lập trường của mình. “Hãy tưởng tượng tình huống như thế này. Chad và Sharon vẫn còn sống. Họ chỉ... hơi bất thường, do thiếu ngủ... nhưng họ vẫn sống và chưa hủy hoại bản thân. Anh đo điện não cho Chad, cuộc thí nghiệm kết thúc, anh tắt khí ga, và chúng ta ra ngoài ăn mừng, em, anh và Guru. Khi anh quay trở lại vào buổi sáng,

anh thấy hai người họ đã ở trong tình trạng này rồi. Họ phản ứng một cách tồi tệ khi không còn khí ga và anh lại không có mặt lúc đó. Họ phát điên và thực hiện những hành vi tự hại bản thân khủng khiếp này khi anh không nhìn thấy. Anh không thể bị đổ lỗi bởi điều họ làm. Không ai phải chịu trách nhiệm về chuyện đó cả. Vậy thôi.”

Brook im lặng.

Guru cúi nhìn đôi giày của mình.

“Tất cả những gì chúng ta đã làm, Brook,” Wallis tiếp tục, “là trì hoãn việc gọi cảnh sát. Hãy nghĩ tới thành quả của cuộc thí nghiệm, em không nghĩ rằng việc trì hoãn gọi cảnh sát vài tiếng sẽ là trọng tội đấy chứ? Ý anh là, anh vừa chứng minh được ý thức thứ hai tồn tại trong mỗi cá thể loài người..

“Anh có nghe thấy gì không?” Brook xen ngang.

Wallis nhìn về phía Chad.

“Em thế,” cô tiếp tục. “Em nghe thấy anh ta nói gì đó.”

“Em cũng nghe thấy, tiến sĩ,” Guru lên tiếng góp thêm phần khẳng định.

“Không thể nào!” Wallis băng qua phòng và dừng lại trước Chad. Anh ta trông chẳng khác gì đã chết. Thực ra, Wallis vẫn chưa kiểm tra động mạch cổ của anh ta sau khi tiêm thuốc tê liệt vào tim, nhưng không đời nào lại có ai đó vẫn có thể sống sót được sau mũi tiêm này.

Nhưng cũng không có ai sống sót được sau khi bị tiêm thuốc tê liệt vào cột sống.

Một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng, Wallis kiểm tra mạch đập ở cổ tay Chad. Anh không cảm thấy...

“A!”

Wallis giật nảy mình.

“Thầy chưa!” Brook nói.

“Làm sao có thể?” Wallis hít một ngụm khí.

“Anh ta nói gì vậy, tiến sĩ?” Guru hỏi.

“Thầy... thầy không biết. ‘A, hình như là vậy.’”

“A?” Brook nói. “Chúa ơi, anh ta đang bị đau!”

Tim đập mạnh, Wallis rón rén đến gần cơ thể Chad. “Chad?”

Anh gọi. “Anh bạn?”

“Aaaaa...” Anh ta rên lên thành tiếng mà không cử động lõ
hổng toàn răng và xương, nơi đã từng là miệng của anh ta.

“Không thể nào,” Wallis thốt lên. “Hoàn toàn không thể
nào.”

“Aaaaaaa...”

“Giúp anh ta đi, Roy!” Brook khóc lóc.

Wallis nhận ra Chad vẫn đang đeo dây điện cực trên đầu.
Anh đập bàn phím để đánh thức cái máy. Sóng não của Chad
xuất hiện lên màn hình, chỉ là bây giờ...

“Chúa ơi,” anh thở nặng nề.

Guru xuất hiện bên cạnh anh. “Chuyện gì vậy, tiến sĩ?”

“Không thể nào...”

“Chuyện gì?”

“Ý thức thứ hai không phải là ý thức ẩn nữa, mà đó là ý thức
duy nhất của anh ta.”

Bỗng nhiên Chad bắt đầu lên cơn co giật, như thể đang gấp
phải một cơn động kinh lớn.

“Giúp anh ta đi!” Brook nức lên van xin.

“Đừng chạm vào anh ta!” Wallis yêu cầu.

Tức thì, Chad hét lên một tiếng lớn, chói tai. Đầu anh ta giật liên hồi. Xương cổ lộ rõ như sợi dây thừng với mấy nút thắt. Tay anh ta hết nằm chặt lại thả lỏng, còn cơ thể thì co giật từng cơn. Hai hàng máu dày, đặc quánh trào ra khỏi hốc mắt và mũi.

Sau đó, cơn co giật dừng lại. Chad nằm bất động trên sàn nhà.

“Thầy nhìn này!” Guru nói, chỉ vào màn hình.

Những dao động nguêch ngoạc của sóng não Beta ẩn trong não Chad biểu thị sự hoạt động của vỏ não và trạng thái tập trung cao độ đã biến chuyển từ từ thành sóng Theta ẩn có tần số thấp và chậm hơn.

Rồi giây phút tiếp theo, tất cả đều trở thành một đường thẳng.

“Anh ta chết rồi!” Guru nói.

“Lúc trước anh ta ngủ thiếp đi,” Wallis thốt lên ngạc nhiên.
“Thật kì diệu!”

“Lần này anh ta chắc chắn đã chết hẳn chưa?”

Wallis đá nhẹ vào cơ thể Chad. “Có lẽ vậy.”

“Ý thầy là sao, tiến sĩ, khi nói ý thức ẩn của anh ta là ý thức duy nhất?”

“Chính xác là vậy, Guru. Con người Chad đã chết, và tất cả những gì còn lại là con quỷ bên trong anh ta.”

“Có phải vì thế mà thuốc không có tác dụng với anh ta không?”

“Thầy đoán thế. Và thầy còn dám cá rằng anh ta – hoặc nó – không phải đang nói đau. Mà là ‘tả. Nó biết rằng tôi đã tắt khí ga đi, và nó biết nó phải duy trì trạng thái tinh táo hoặc nếu không...”

Cả hai nhìn vào thi thể của Chad một lần nữa.

“Vậy con quỷ đã chiếm được anh ta,” Guru nói, cảm thấy sợ hãi bởi khả năng này. “Nó đã ám được vào anh ta.”

Wallis gật đầu. “Nó khiến ta ngẫm lại những trường hợp bị quỷ ám và những lẽ trừ tà hàng thế kỷ qua không phải là chuyện bịa đặt. Có lẽ các nạn nhân trên thực tế đã chống chọi với tình trạng mất ngủ nghiêm trọng...”

“Ôi Chúa ơi, tiến sĩ,” Guru lắc đầu. “Đây không phải là điều tốt. Không tốt chút nào. Chúng ta đã mở chiếc hộp Pandora ra rồi! Khi những người khác biết đến khám phá này, khi họ bắt đầu không còn tin vào Chúa... Điều gì sẽ xảy ra nếu những con quỷ này số lồng và chiếm hữu? Không chỉ một vài cá nhân, mà là toàn bộ nhân loại?”

Wallis mỉm cười. “Đoạn tóm tắt của Sách Khải Huyền khá hay, đúng không?”

“Em không nói đùa, tiến sĩ! Chúng ta đã làm gì vậy?”

“Bình tĩnh nào, anh bạn! Em náo loạn lên vì gì chứ Chúng ta đâu có mở cánh cổng địa ngục. Chúng ta chỉ đơn thuần là định vị nơi mà chúng ta đang ở mà thôi. Em có hiểu không? Chúng ta không phải kẻ xấu! Chúng ta là anh hùng.”

Cánh cửa nối giữa phòng thí nghiệm giấc ngủ và phòng quan sát đóng sầm lại.

Brook đã chạy trốn.

Roy Wallis ngay lập tức đuổi theo, dừng lại khi hành lang hẹp mở ra trước chiếc thang máy không hoạt động và vài phòng tắm. Cầu thang chính được đặt khuất tầm nhìn phía bên trái thang máy, rất dễ bị lướt qua. Trái lại, cầu thang phụ nằm ngay góc phải. Bố cục này thật dễ làm người ta mất phương hướng, và trong những ngày đầu tiên của cuộc thí nghiệm, anh rất hay đi nhầm cầu thang – nhầm lẫn bởi vì nó dẫn tới nhà kho ở tầng trệt, thay vì tới cửa chính của tòa nhà.

Wallis không có cách nào biết được Brook đã đi hướng nào, nên anh chọn đại cầu thang chính. Nó dẫn anh tới sảnh có màu đỏ xen lẫn với sắc xanh như màu của trái đào và bơ. Toàn sảnh trống không. Liếc mắt nhìn về một trong bốn cửa ra vào bằng kính, không thấy có dấu hiệu có người thoát ra ngoài, có nghĩa là Brook cũng có thể mất phương hướng và đi nhầm vào cầu thang phụ.

Wallis đi cắt ngang về phía Tây, dọc theo hành lang tối tăm và thở phào khi thấy bóng dáng của Brook ở một trong những hành lang phân nhánh phía trước, đang chạy về phía mình.

Nhìn thấy anh từ xa, cô hét lên trong kinh ngạc, dừng lại và chạy ngược về phía sau, trốn khỏi tầm mắt khi đi qua một ô cửa dẫn trở lại cầu thang phụ.

Wallis theo sát gót chân cô, leo hai bậc cầu thang một lúc, đôi mắt bắt đầu làm quen với bóng tối. Mặc dù không thể nhìn thấy cô, nhưng anh có thể nghe thấy tiếng giày ma sát trên sàn xi măng phía đầu cầu thang, cho thấy cô đã đi qua tầng một. Khi đi tới tầng hai, anh dừng lại để nghe ngóng. Anh phát hiện tiếng bước chân của cô đang chạy ra xa khỏi hành lang của tầng

lâu này. Biết rằng mình có thể lạc dấu cô giữa mê cung các dãy hành lang, anh đẩy nhanh tốc độ, chạy hết tốc lực, và rất nhanh sau đó đã thấy cô trong tầm mắt mình một lần nữa. Cô chỉ ở phía trước cách anh năm mươi thước, đang chạy về phía đông dọc theo hành lang dài, nó dẫn tới các phòng ban của khoa Tâm lý học và Giáo dục.

Cô rẽ trái và lại khuất tầm nhìn. Anh đến vị trí đó chỉ năm giây sau đó và theo cô vào thư viện. Dù những chiếc tủ gỗ, bàn ghế đều đã được dỡ bỏ, nhưng không hiểu vì lý gì mà nhà thầu đảm nhận việc phá dỡ lại để lại những chiếc tủ sách bằng thép.

Xuyên qua những giá sách trống – những cuốn sách đã được chuyển đi từ lâu tới Gardner Stacks và Thư viện Nghiên cứu Xã hội – Wallis thoáng thấy Brook đang leo cầu thang lên gác lửng.

Anh biết chắc rằng mình tóm được cô, bởi đó là cầu thang duy nhất để đi lên và đi xuống gác lửng đó.

Chậm lại để điều hoà nhịp thở, anh nói: “Đừng lại đi, Brook! Em đang làm cái quái gì vậy hả? Anh nghĩ rằng em đã hiểu chứ. Anh tưởng em sẽ hợp tác?

“Để em yên!” Cô hét lên từ phía trên. “Đi đi!”

Anh bước lên cầu thang. “Anh sẽ không từ bỏ đâu, Brook,” anh nói dối. “Chúng ta vẫn có thể xử lý được chuyện này. Chỉ cần trở lại tầng hầm với anh thôi.”

“Biến đi, Roy! Em đã gọi cảnh sát rồi! Họ đang trên đường đến đây!”

Một nỗi sợ hãi thoáng lướt qua, trước khi anh tự nhủ rằng cô đang nói dối. Brook không mang theo điện thoại khi anh chuyển cô từ nệm hơi lên giường của Sharon, lúc cô bị bất tỉnh.

Điều này có nghĩa là nó hẳn phải nằm trong túi xách của cô được đặt trên bàn làm việc trong phòng quan sát. Và tất nhiên cô không thể nghĩ tới việc lấy điện thoại ra khỏi túi và mang theo khi chạy trốn khỏi phòng thí nghiệm, bởi vì tại sao không đơn giản là cầm theo cả chiếc túi, có phải sẽ dễ dàng và nhanh hơn không, cho nên anh hoàn toàn không có gì để lo lắng cả.

Khi lên đến bậc thang trên cùng, Wallis phát hiện ra Brook đang đứng ở những hàng giá sách cuối cùng, trên mỗi giá chia ra khoảng bảy hoặc tám tầng, lo lắng nhìn trái nhìn phải, biết rằng mình không còn chỗ để chạy trốn nữa.

Anh bước dần về phía cô.

“Tại sao anh lại làm vậy, Roy?”

“Làm gì, Brook? Em là người đã chạy trốn điên cuồng như một con gà mất đầu.”

“Làm ơn, hãy để em đi.”

“Hãy trở lại tầng hầm với anh.”

Cô chạy sang phải, anh liền chạy tới chỗ cô vừa đứng. Ngay lúc đó, cô kéo cả thanh sắt chia ngăn của giá sách vào khoảng trống giữa họ.

Anh đẩy nó trở về chỗ cũ, cô lại đẩy mấy thanh song song với nó ra.

Cuối cùng, giữa họ chỉ còn lại một thanh sắt chắn ngang.

Họ ở gần nhau đến nỗi anh có thể nhìn thấy mồ hôi chảy ròng ròng trên khuôn mặt chìm trong bóng tối của cô và cả nỗi sợ hãi tràn ngập trong đôi mắt.

“Điện thoại của em đâu, Brook?”

Cô không trả lời.

“Không phải em nói rằng đã gọi cảnh sát sao?”

Cô bước sang trái. Anh cũng bước sang trái.

Cô bước sang phải. Anh cũng bước sang phải.

“Không còn chỗ nào để chạy nữa đâu, Brook.”

“Em đã từng yêu anh, Roy.”

“Phải vậy không?”

“Tại sao anh lại làm vậy?”

“Tất cả những gì anh làm, Brook, là ngăn cản em phá hủy công trình cả đời của mình.”

“Em không làm gì cả!”

“Không phải những điều em đã làm. Mà là những điều em sắp làm. Em đang phản bội anh.”

“Em không hề, Roy. Em chỉ muốn về nhà.”

“Nếu anh để em rời đi, em sẽ trở về căn nhà nhỏ của em, trèo lên giường và quên đi việc em đã tới đây vào tối nay?”

“Đúng!”

“Nói láo!”

Anh giả bộ chạy sang trái để vòng qua giá sách. Cô chạy sang phải, nhưng rồi nhận ra rằng anh không đuổi phía sau mình, cô dừng lại.

Chậm rãi, đầy tự tin, Wallis bước trở lại để đứng đối diện với cô một lần nữa.

“Em muốn chạy bao lâu nữa, Brook?”

“Em sai rồi, Roy. Em không nên chất vấn anh. Anh không thể cứu được Chad. Em hiểu rồi. Em đứng về phía anh.”

“Tốt,” anh nói, “Giờ hãy trở lại tầng hầm với anh.”

“Tại sao?”

“Để anh có thể trông coi em.”

“Trong bao lâu?”

Wallis nghiên chặt răng hàm. Trò đổ chữ bắt đầu. Cả hai đều biết ý định thực sự của người kia. Họ chỉ đơn giản là đang lãng phí thời gian của nhau.

Wallis lao sang bên trái, quyết định cách duy nhất để kết thúc chuyện này là tóm được cô, ngay cả khi anh phải chạy vòng qua vài giá sách đang chắn đường.

Brook chạy sang phải, nhưng thay vì vòng một vòng qua giá sách để sang đầu bên kia, cô lại cắt chéo về phía mây cái cột chõ lan can bao quanh gác lửng.

“Brook!” Anh hét lên, tin rằng cô sẽ nhảy xuống.

Nhưng cô không làm thế. Cô hạ thấp người, dùng tay bám vào mép lan can, treo mình rồi từ từ thả tay để khoảng cách giữa chân cô và mặt đất được thu hẹp.

Tới khi cô thả tay ra khỏi đó thì anh lao đến, muốn túm lấy tay cô.

Cô đập đất với một tiếng rên đầy đau đớn, rồi khi Wallis đang suy tính có nên làm giống cô hay quay lại cầu thang để đi xuống, thì cô đã bò dậy và chạy thoát lần nữa.

“Chết tiệt!” Anh chửi thề và chạy về phía cầu thang.

Guru Rampal biết rằng mình đã gây ra họa lớn.

Lẽ ra anh đã có thể làm khác đi sau khi Sharon tự vẫn và gọi cảnh sát. Bằng việc đồng ý làm theo kế hoạch của Wallis là giữ bí mật về cái chết của cô cho đến khi cuộc thí nghiệm kết thúc,

anh đã tự dấn thân vào con đường mà ở mỗi bước chuyển không ngờ tới, nó lại càng khó để rời đi hơn, bất kể anh có muốn như thế nào.

Và cuối cùng, nhìn xem, nó đã đưa anh tới đâu.

Sharon chết rồi.

Chad cũng chết.

Brook...

Đúng thế, chuyện gì xảy ra với Brook, người phụ nữ xinh đẹp đó?

Nếu Wallis bắt được cô ấy, thầy ấy sẽ không ngồi yên nghe cô nói đâu. Thầy ấy đã đấm vào mặt cô. Thầy ấy cầm tù cô một cách bất hợp pháp.

Nếu Wallis bắt được cô... thầy sẽ không để yên, không... thầy sẽ không để cô đi.

Thầy ấy sẽ giết cô ấy.

Guru không thể tin vào suy đoán ấy của mình, nhưng sau tất cả mọi chuyện đã diễn ra trong vài giờ qua, anh biết rằng việc đó hoàn toàn có thể.

Mình không thể để thầy ấy làm vậy!

Không, không thể.

Guru bắt đầu tính toán các phương án trong đầu.

Khi Brook chạy đến được hành lang, cô biết mình có hai lựa chọn: chạy hoặc trốn.

Bản năng của cô nói rằng cô phải chạy, nhưng lý trí khẳng định Roy có thể bắt được cô. Anh ta nhanh hơn cô; anh ta biết

kiến trúc tòa nhà này rõ hơn cô.

Hơn nữa, ngay cả khi cô tìm được đường ra ngoài, cô sẽ đi đâu? Xe của cô đậu cách nơi này một dãy nhà. Không ai xung quanh có thể trợ giúp cô.

Đầu cô xử lý những suy nghĩ này trong vòng chưa đầy một giây, và rồi nó đi đến kết luận nhanh chóng:

Trốn.

Cô chui vào căn phòng thứ hai bên trái hành lang.

Nó trống rỗng nhưng tối mù.

Cô đi về góc phòng, phía bên trái cánh cửa, nơi bóng tối dường như dày nhất.

Cô chờ đợi.

Khi Roy Wallis chạy ra khỏi thư viện, anh mong đợi sẽ nhìn thấy Brook đang chạy hết tốc lực dọc hành lang về phía cửa chính của tòa nhà.

Nhưng không có ai ở đây.

Anh dừng chân, lắng nghe. Không thấy có tiếng bước chân của cô.

Điều này không đúng.

Âm thanh trong tòa nhà rỗng này hẳn phải được truyền đi khắp nơi, giống như tiếng vọng trong một căn phòng khổng lồ không có đồ đạc. Đoán rằng cô không thể đi trước quá xa, vì anh vẫn có thể nghe thấy tiếng cô chạy, dù cô có đang ở phía nào.

Trừ phi, cô ta quyết định không chạy.

Wallis bắt đầu rón rén đi về phía hành lang trước mặt, che giấu tiếng bước chân của mình. Sáu lớp học nằm phân bố dọc ở hai bên lối đi. Anh bước vào căn phòng thứ nhất bên trái. Mưa đập mạnh vào mảnh khung cửa sổ lớn đối diện với đại lộ Hearst. Mặc dù mắt đã quen với sự thiếu ánh sáng, nhưng chúng cũng không thể nhìn xuyên qua bóng tối đen kịt, che kín mảnh góc phòng ở phía xa. Chỉ khi nào anh đi tới chính giữa căn phòng mới có thể nhận ra rằng không có ai ở đây. Anh quay trở lại hành lang và tiến vào căn phòng đầu tiên bên phải.

Vẫn trống.

Dạ dày anh co thắt với suy nghĩ rằng Brook có thể đã lén chuồn được ra ngoài, rằng cô đang trên đường tới chỗ cảnh sát để phá tung cuộc thí nghiệm trước khi anh kịp dọn dẹp và sắp đặt mọi việc theo câu chuyện của mình một cách hợp lý.

Con khốn! Anh rửa thầm, mắt vẫn lên những tia đỏ. Mình đáng lẽ nên kết liễu cô ta khi có cơ hội!

Anh quay trở lại hành lang và đi vào phòng học thứ hai bên trái. Một tiếng sấm nổ định tai nhức óc rung chuyển trời đất, và Wallis bất giác quay lại, nhận thấy Brook đang lẩn mò, bò ra ngoài cánh cửa phía sau anh.

Anh nhanh nhẹn bám theo cô một cách lặng lẽ, rút ngắn khoảng cách giữa hai người xuống chưa đầy năm bước chân trước khi cô nghe thấy – hay cảm nhận – được anh.

Brook ngoái đầu về phía sau, đôi mắt mở to đầy kinh sợ và hét lên một tiếng the thé. Cô đứng dậy, chạy thật nhanh – nhưng quá trễ rồi.

Tay phải anh đã túm được vạt áo cô, giữ cô lại. Cô quay cuồng, vung tay tứ tung. Anh dùng cả hai tay che ngực cô. Sau đó cô hét lên, vặn vẹo, dùng hết khả năng đấm đá loạn xạ, khiến anh suýt chút nữa đã tuột tay, không thể giữ được cô.

“Đừng lại đi, Brook!”

“Để tôi đi!”

“Đừng lại!”

Anh đẩy mạnh cô sang một bên. Brook đập vào bức tường xi măng rồi bật ra, ngã khuỷu xuống bằng hai tay và đầu gối. Đứng từ trên cao nhìn xuống, hai tay anh nắm chặt lấy cổ áo cô và dựng thẳng cô dậy.

“Hai lựa chọn, Brook,” anh gầm gừ, khuôn mặt dí sát vào mặt cô. “Đi xuống tầng hầm với anh, một cách văn minh lịch sự, hoặc anh đánh ngất em rồi nắm tóc kéo xuống. Chọn đi!”

Guru đang ngồi ôm đầu trên giường của Chad trong phòng thí nghiệm khi Wallis lôi Brook vào.

“Cám ơn vì sự giúp đỡ, anh bạn,” Wallis mỉa mai.

Guru ngược lên. “Em đang đợi thầy quay trở lại, tiến sĩ. Em muốn nói với thầy rằng – em không thể làm nữa.” Ánh mắt cậu lướt nhanh qua Brook.

“Không thể làm gì?” Wallis hỏi.

Bất ngờ và đầy curos điệu, Guru lôi ra một con dao cắt bít tết giắt ở cạp quần sau lưng mình. Cậu ta run rẩy chĩa mũi dao về phía trước.

“Cái quái gì đây?” Wallis tức giận hỏi.

“Đừng làm hại cô ấy, tiến sĩ!”
“Bỏ con dao chiết tiệt đó xuống.”
“Thả cô ấy đi!”

Wallis cân nhắc tình huống, sau đó nói: “Em đang làm loạn mọi chuyện lên đấy, anh bạn. Nhưng tôi vẫn sẽ để cho em một con đường.”

Guru nhíu mày. “Ý thầy là gì?”
“Giết cô ta bằng con dao này.”
“Cái gì?”
“Cô ta sẽ báo cảnh sát về chúng ta...”
“Em sẽ không...”

“Im mồm, Brook!” Wallis hét lên, ánh mắt sắc lẹm cho đến khi cô không còn giao tiếp với anh bằng mắt. Sau đó anh quay sang nói với Guru, “Cô ta sẽ báo cảnh sát về chúng ta. Sẽ tố cáo chúng ta về cái chết của Chad và Sharon.”

“Nhưng chúng ta không làm gì cả...”
“Đúng, chính xác, anh bạn. Chúng ta không làm gì sau khi Sharon chết. Chúng ta chỉ tiếp tục cuộc thí nghiệm với Chad. Nhưng cảnh sát sẽ không thấy điều đó. Nếu em giết Brook, chúng ta sẽ không còn vấn đề gì nữa. Chúng ta sẽ quay lại vào ngày mai và thấy ba cái xác.”

“Ba?”

“Giống như thầy đã nói với em từ trước. Cuộc thí nghiệm kết thúc. Chúng ta tắt khí ga. Đi ra ngoài ăn mừng. Còn bây giờ – đây là một bước ngoặt mới. Brook đến để theo dõi hai người Úc giùm chúng ta trong khi họ ngủ. Họ bắt đầu hành động bất

thường. Cô ta đi vào phòng thí nghiệm để kiểm tra, họ giết cô ấy, sau đó tự sát. Nghe còn hay hơn cả câu chuyện trước!"

Sau tuyên bố này, một sự yên lặng đáng sợ bao trùm toàn bộ căn phòng. Rồi Brook bắt đầu khóc nức lên. Guru lắc đầu nguầy nguậy.

"Không, tiến sĩ," cậu nói, vung con dao. "Chúng ta không thể! Không thể!"

"Chúng ta không còn lựa chọn nào khác!"

"Đây là giết người!"

"Chúa ơi, Guru, em có muốn vào tù không?"

"Điều này không thể xảy ra. Làm thế nào mà thầy có thể đưa em tới con đường này?"

"Thầy sẽ giữ cô ta. Tất cả những gì em phải làm là dùng gối bít mặt cô ta lại. Sau đó mọi chuyện sẽ kết thúc..."

Một thanh âm khàn đục như có gì mắc nơi cổ họng, bẩn thỉu, ghê rợn, vang lên từ phía bên kia của phòng thí nghiệm.

Chad đang ngồi dậy.

Và cười lớn.

Roy Wallis không thể tin nổi vào mắt mình, nhìn chằm chằm vào thứ ghê tởm không có khuôn mặt với vẻ hoài nghi.

Không thể nào, hoàn toàn không thể nào, Chad vẫn còn sống. Mình đã thấy anh ta chết! Mình đã chứng kiến nỗi đau của anh ta phẳng lì!

Nhưng anh ta ở đó, đang ngồi dậy.

Và cười lớn.

Vào chúng ta?

Chad đẩy người đứng dậy bằng hai chân, không phải theo kiểu vặn vẹo, nghiêng ngả, ì ạch của xác chết sống lại, mà theo cách nhẹ nhàng, nhanh nhẹn của một người đàn ông 22 tuổi trong tình trạng khỏe mạnh.

“Anh là ai?” Wallis hỏi khi bị sự thật trước mắt giáng một đòn. “Anh là ai?”

“Tôi. Nghĩ. Ông. Biết.”

Mặc dù khuôn miệng đã không còn đôi môi để thấy được sự chuyển động, nhưng từng từ từng chữ chắc chắn được thốt ra một cách rõ ràng từ cái hố đang ngoác ra vĩnh viễn kia.

Wallis loạng choạng lùi về phía sau một bước. Guru và Brook chết sững, chân chân xuống đất vì sợ cứng người, trợn mắt há hốc mồm không thể tin những gì đang diễn ra trước mắt,

“Anh là ai?” Wallis hỏi lại lần nữa, xấu hổ bởi nỗi sợ hãi tràn trui trong chính giọng nói của mình.

“Ngươi,” thứ-tùng-là-Chad đang đáp lại anh với chất giọng khàn khàn. “Con thú trong ngươi... thứ ngươi đang trốn khỏi... ở trên giường của ngươi.” Anh ta tiến về phía trước, không có mắt nhưng bước chân vững vàng. “Cái thứ mà ngươi cố gắng đè nén... mỗi đêm.” Thêm một bước. “Chúng ta là ngươi.”

Gắn lên một tiếng trầm thấp, Guru lao nhanh ra cửa.

Thứ-tùng-là-Chad kia di chuyển cực nhanh. Nó lao qua phòng, đâm vào giường của Sharon. Nó khuỵu gối xuống nệm, nhưng nhanh chóng đứng dậy sau chưa đầy một giây.

Nó bắt được Guru khi cậu chỉ kịp chạm đến cánh cửa, tóm lấy cậu thanh niên người Ấn từ phía sau và ném mạnh trở lại căn phòng thí nghiệm, như thể cậu chẳng nặng hơn con búp bê giấy là mấy.

Guru chắc hẳn phải bay lên không trung mười lăm thước trước khi đập vào tủ lạnh. Con dao văng ra khỏi người, kêu lên lách cách rồi yên vị trên sàn.

Thứ-tùng-là-Chad đó nghiêng đầu sang một bên.

Nó đang nghe, Wallis nghĩ thầm.

Guru dường như cũng nhận ra điều đó, cậu ngay lập tức ngậm cái miệng đang thở dốc của mình lại, để tránh phát ra tiếng động dù là nhỏ nhất.

Nó di chuyển về phía bếp.

Nó lướt qua Wallis chỉ một bước chân. Anh đang dùng hết ý chí để đứng bất động và giữ mình yên lặng.

Còn Brook thì đã hóa thành một bức tượng trắng bệch rồi.

Thứ kia tiếp tục đi về phía âm thanh cuối cùng mà nó nghe thấy.

Với đôi mắt mở to, Guru chầm chậm đưa hai tay lên, thận trọng như thể bị dí súng vào đầu rồi bịt chặt miệng.

Thứ-tùng-là-Chad kia xoay đầu sang trái, rồi sang phải.

Khi phải đối mặt với cơn ác mộng đang tiến tới, bàng quang của Guru không chịu nổi. Chỗ đũng quần kaki màu be của cậu sẫm lại, rồi lan tới hai chân, nước tiểu chảy ra, phun đầy sàn nhà.

Thứ kia phát hiện âm thanh.

Nó nắm lấy đầu của Guru, nâng cậu lên đủ cao để tay chân lơ lửng trên không trung.

Guru hét âm lên, Wallis nghĩ rằng đó là tiếng thét của sự đau đớn tột độ, vì thứ kia đã dùng ngón cái cắm vào hai hốc mắt của Guru như thể chúng là mấy cái lỗ trên quả bóng bowling.

Máu tuôn đầy hai má anh chàng người Ấn như hai dòng nước mắt bằng máu.

Lùi lại phía sau cảnh tượng kinh hoàng một cách nhẹ nhàng nhất có thể, Wallis chuồn ra khỏi căn phòng thí nghiệm mà không ai biết.

Brook lấy đủ can đảm để theo sau anh, họ cùng nhau chạy về phía căn phòng quan sát. Ngay khi Wallis mở được cánh cửa thông ra hành lang, anh nghe thấy thứ-tùng-là-Chad đó rên rỉ, sau đó đang cật lực đuổi theo.

Nó đã nghe thấy tiếng cửa mở.

Nó đang tới.

“Chạy!” Brook hét lên từ phía sau, xô anh qua cánh cửa.

Wallis chạy hết tốc lực. Anh không do dự khi đến chỗ thang máy không hoạt động. Anh lao thẳng qua nó, rẽ phải để đi về phía cửa chính. Chỉ vài phút sau, anh đã ra được tầng trệt. Anh đẩy mở một trong những cánh cửa kính và chạy ngay ra ngoài. Trong cơn hoảng loạn và vội vã, anh vấp phải chính đôi chân của mình và chui đầu về phía trước, đầu gối và lòng bàn tay trượt trên nền đất trơn trượt của lối đi, khiến cơ thể anh lăn hai

vòng. Tuy nhiên, anh đứng bật dậy ngay sau đó, loạng choạng chạy về phía chiếc xe của mình, tạ ơn Chúa vì mình đã đỡ xe ở ngay trước cửa tòa nhà.

Anh rút chìa khóa xe ra khỏi túi, bật nút mở khóa, mở cửa xe phía người lái rồi trượt vào bên trong. Cùng lúc đó, cửa xe bên ghế hành khách mở ra, Brook nhảy vào ngồi cạnh anh.

Cả hai cánh cửa đều được đóng lại ngay trước khi cái thú kia túm được họ trong màn đêm giông bão.

Wallis vươn tay tính với lấy nút khởi động, nhưng trước khi kịp ấn xuống, Brook giữ cổ tay anh lại.

Cô lắc đầu thầm thì: “Không.”

Wallis nhìn ra sau cô thì thấy thú-tùng-là-Chad kia.

Nó đang đi về phía họ, nhưng mất phương hướng. Nó mất dấu họ rồi.

Tiếng động, Wallis nhận ra.

Anh gật đầu để Brook biết rằng mình đã hiểu ý của y cô, mặc dù tay anh vẫn giữ nguyên ở vị trí nút khởi động, sẵn sàng ấn xuống bất kỳ lúc nào.

Thú-tùng-là-Chad kia lao thẳng vào chiếc Audi. Nó tức giận đấm thẳng xuống trần xe, rồi bắt đầu đi vòng quanh. Nó di chuyển tới phía bên Wallis và dừng lại ngay cạnh cửa sổ ghế lái. Nó đứng đó trong vài phút dài đáng sợ, tỏa ra mùi nguy hiểm, im lặng, không còn nghi ngờ gì nữa, nó đang lắng nghe chuyển động bằng thính giác phi thường của mình, thứ mà dường như chỉ phù hợp với sức mạnh siêu nhiên kia. Wallis không hiểu nổi

học thuyết sinh lý đãng sau những khả năng đáng kinh ngạc này, và anh nhận ra rằng: thí nghiệm về giấc ngủ vẫn chưa đi tới được kết luận cuối cùng. Trên thực tế, nó chỉ vừa mới bắt đầu.

Có quá nhiều thứ để tìm hiểu về... linh hồn ác quỷ.

Có quá nhiều thứ để tìm hiểu về... chúng ta.

Linh Hồn Quỷ – cái tên mà bây giờ Wallis dùng để gọi thứ kia — đang đổi mặt với đại lộ Hearst.

Wallis nhìn thấy một chùm ánh sáng xuyên qua bóng tối đang di chuyển về phía mình, cách chừng mười lăm mét.

Brook cũng nhìn thấy, hơi thở cô bắt đầu dồn dập.

Nghe thấy tiếng thở, cái thứ đó quay trở lại chiếc chiếc xe, cúi xuống để nhìn xuyên qua cửa sổ phía tay lái bằng hai hõm mắt đỏ lòm, rỗng tuếch.

Wallis không dịch chuyển. Không dám thở. Một giọt mồ hôi chảy qua lông mày, chảy vào mắt trái anh, cay xè.

Anh không dám chớp mắt.

“Roy?” Giọng nói xa xăm của Roger Henn cất lên từ xa. “Là anh đúng không?”

Linh Hồn Quỷ biến mất khỏi cửa sổ, xuất hiện ngay sau đó khi di chuyển cực nhanh bằng cả bốn chân về phía người cảnh sát.

“Không!” Brook hít vào một ngụm khí, cố ấn còi xe.

Wallis nắm chặt lấy tay cô và nói: “Em đang làm cái quái gì vậy?”

“Nó sẽ giết anh ấy!”

“Còn hơn là giết chúng ta!”

“Roy, không! Đủ rồi!”

Nhận thấy mình không thể giật tay ra khỏi sự kìm kẹp của Wallis, cô hét lên.

Linh Hồn Quỷ dừng lại, nhìn về phía chiếc xe.

“Này, ai ở đó vậy?” Roger Henn cất tiếng, chạy về phía nó.

Màn mưa dày đặc và bóng đêm tối như mực cản trở tầm nhìn khiến ông ta không thể thấy rõ con quái vật trước mắt, cho đến tận khi đứng trước mặt nó. Ông sụng lại, lắp bắp, “Này anh... bạn... Ôi trời!”

Brook bấm còi...

Linh Hồn Quỷ ngó lơ tiếng còi inh tai. Nó vồ lấy Roger Henn. Vị cảnh sát to lớn, nhanh nhẹn xoay vòng, tránh được sự tấn công trực diện, rút súng ra và giơ lên.

“Đứng yên!” Anh hét lớn, chĩa vũ khí vào thứ đó. Rồi, ngay lập tức, “Cảnh sát đây!”

Tiếng sấm nổ ầm ầm trên đầu. Tia sét xé toạc màn đêm, tạo ra một hiệu ứng ánh sáng bất ngờ trên bầu trời, xua tan bóng tối. Linh Hồn Quỷ lồm cồm tiến về phía viên cảnh sát. Henn nổ hai phát súng vào mục tiêu, khiến nó ngã xuống mặt đất.

Brook mở cửa xe. Wallis túm lấy cô và kéo cánh cửa đóng trở lại.

“Để em đi!” Cô hét lên.

“Im miệng!” Wallis rít lên.

“Roy?” Henn gọi, tiến lại đủ gần để nhận ra chiếc Audi.

“Roy?” Henn nhắc lại, giọng cao hơn bình thường. “Chuyện gì đang diễn ra vậy? Chuyện gì đã xảy ra với anh chàng này vậy?”

“Cứu!” Brook hét lên. “Cứu tôi!”

Wallis đấm thẳng vào miệng cô, khiến cô đập vào cửa xe, máu rỉ ra từ môi, nhưng vẫn duy trì được ý thức. Anh đấm thêm một cú nữa, lần này là vào mũi, nghe thấy cả tiếng sụn mũi cô kêu răng rắc. Cô ngất lịm.

“Ra khỏi xe ngay, Roy!” Viên cảnh sát Roger Henn hét lên.
“Tôi có thể thấy anh! Thả cô gái kia ra!”

Nhưng tất cả những gì Roger Hann có thể nghĩ là: Mình đã bắn anh chàng kia, mình đã giết anh ta, chết tiệt, mình giết anh ta rồi! Và đồng thời nghĩ: Chuyện gì đã xảy ra với anh ta vậy? Anh ta không có mặt! Nhìn như là nó đã bị gãm vậy!

“Nghe tôi nói không, Roy? Ra khỏi chiếc xe đó ngay và đặt tay anh ở nơi mà tôi có thể – Chúa ơi!”

Henn chết sững, nhìn chằm chằm người đàn ông không có mặt với hai phát đạn vào ngực đang dần đứng dậy, chống lên bằng đầu gối, rồi đứng thẳng hai chân.

Henn lại giơ cao khẩu Glock 22 lên, nhưng hành động như thế Lazarus^[*] của con quái vật kia khiến anh cứng đờ. Trước khi anh kịp bắn thêm một phát súng, thứ kia đã nhào tới, đè anh xuống đất, cào và cắn xé cơ thể anh với sức mạnh và sự tàn nhẫn không thể tin nổi.

Wallis tức thì ấn nút khởi động, lùi xe và lao ra khỏi điểm đỗ. Anh gạt cần xe lên mức một và nhấn chân ga. Suy nghĩ đầu tiên của anh là phải phóng nhanh xuống đại lộ Hearst. Tuy nhiên, trong cùng một khoảnh khắc, anh thay đổi ý định và

xoay vô lăng sang trái về phía Linh Hồn Quỷ. Chiếc xe với thứ ánh sáng trắng chói mắt từ đèn pha LED húc thẳng về phía cơ thể bất động của Roger Henn, làm nội tạng bên trong của viên cảnh sát bắn lên không trung như ai đó đang ném gạo hay hoa giấy trong đám cưới.

Wallis nhận ra mình đang hét lên một cách vô thức khi chiếc Audi thực hiện hành động man rợ như vậy.

Nghe thấy tiếng động cơ xe đến gần, con quái vật nhảy vọt lên.

Wallis nhắm mắt lại khi khởi động cơ Đức nặng hơn mười tấn đậm sầm vào Linh Hồn Quỷ.

Đạp chân phanh, anh mở mắt ra và nhìn thấy tấm kính chắn gió đã vỡ nứt, nhuốm đầy máu.

Anh liếc qua gương chiếu hậu và thấy sinh vật kì dị đó đang nằm trên lề đường trong ánh sáng đỏ rợn người từ máu và đèn hậu xe hơi.

Nó giật giật.

Wallis lùi xe, nhấn chân ga. Lốp xe ma sát xuống mặt đường, rít lên.

Chiếc Audi lao về phía trước, một lần, hai lần.

Chà! Chà!

Wallis đạp phanh.

Dưới ánh đèn pha, một lần nữa được chiếu sáng, nằm trên mặt đất trước chiếc xe, Linh Hồn Quỷ giờ đây trở thành một bãi máu nhầy nhụa da thịt.

Một bãi máu thịt nhầy nhụa nát bét bất động.

Brook cựa quậy, khẽ rên, nhưng bóng tối vẫn bao trùm không gian. Cô lờ mờ đoán rằng mình vẫn đang ngồi trên ghế lái phụ trong xe của Roy. Biết chắc chắn tính mạng mình đang gặp nguy hiểm, từ cả Roy và anh chàng người Úc đáng thương, hoặc bất cứ thứ gì mà anh ta trở thành. Nhưng cô không tài nào suy tính thêm hay thậm chí là dịch chuyển cơ thể được... Và rồi từ một nơi rất xa, cô nghe thấy ai đó gọi tên mình.

Cô cử động miệng, cố gắng phát âm, mặc dù cô cũng không chắc nó có thành tiếng hay không.

“Brook?”

Giọng nói lúc này gần hơn.

“Roy....” Cô cất tiếng.

“Brook?”

Cô buộc mình mở mắt. Một cơn đau thấu xương bên trong hộp sọ ập đến. Cô không nhìn được rõ lắm, nhưng có thể nghe được tiếng mưa rơi đều, mạnh mẽ đập vào trần xe.

Lạnh, ẩm ướt. Có đôi tay nào đó đang lắc mạnh vai cô.

Ai đó đang mở cửa bên cạnh.

Đó là Roy, ướt sũng, tóc ép vào da đầu, nước mưa xối lên mặt.

Anh ta đã đánh mình – một lần nữa.

Cô bất giác đưa tay lên sờ mặt. Không có cảm giác, giống như nó thuộc về một người khác. Nhưng theo sau đó là sự đau rát.

“Ở đâu...” Cô hỏi, cảm thấy cực kỳ khó khăn khi chuyển động đôi môi của mình. Cô nếm được vị máu.

“Chết rồi,” Roy nói, đưa tay về phía cô.

“Chết...?”

“Đi thôi.”

“Đi...?”

Cô không thể hoàn thành câu nói nên chỉ đơn giản là nắm lấy tay anh ta. Cô được đỡ ra khỏi xe cho đến khi đứng được trên đôi chân mềm nhũn của mình. Cô nghiêng mình dựa vào ngực anh ta khi cảm nhận được anh vòng tay ra phía sau ôm lấy cô. Mưa rơi xuống đầu cô và văng xuống mặt đất dưới chân.

Mình phải trốn đi.

Nhưng cô không biết phải làm thế nào. Cô không thể nghĩ thông suốt, thậm chí còn không thể đứng vững, chứ đừng nói đến việc chạy trốn khỏi anh ta. “Vị cảnh sát...?” Cô hỏi.

“Sẽ ổn thôi,” Roy trả lời một cách nhẹ nhàng, sau đó hôn lên trán cô.

Anh ta đưa tay lên, vòng qua lưng và ôm lấy đầu cô. Cô không thích điều đó, chuyện này không đúng lầm, đáy không phải là cách để ôm một người...

“Roy...?”

Cánh tay anh gồng lên và siết lại.

Điều tiếp theo mà Brook biết là cô đang nằm trên mặt đất, nhìn vào đôi giày của Roy. Cô cố gắng đứng dậy, nhưng không thể. Cánh tay phải bị kẹp bên dưới, nhưng nó không thể cử động. Có không cảm thấy đau, nhưng càng lúc có càng thấy khó thở, điều này khiến cô hoảng loạn tột cùng.

Roy cúi xuống. Mặc dù không thể nhìn thấy khuôn mặt anh ta, nhưng có thể nghe thấy anh nói.

“Ôn rồi, Brook. Sẽ không còn lâu nữa đâu. Tất cả ổn rồi.”

Anh đã làm cái quái gì với tôi, thằng khốn. Anh đã làm gì với tôi: ANH ĐÃ LÀM GI?

Cô vẫn đang gào thét trong câm lặng những câu hỏi này trong đầu, cho đến khi chết vì ngạt thở hai phút sau đó.

PHẦN KẾT

Roy Wallis thu dọn những tấm vải băng đẫm máu của Sharon trên sàn nhà tắm trong phòng thí nghiệm, ném chúng cùng với mấy ống tiêm và lọ thuốc chứa Vecuronium qua khe rãnh thoát nước mưa trên đại lộ Shattuck. Tiếp theo, anh ta đi tới thi thể của Chad, dùng tay bao lấy nó, để máu của Chad dính vào quần áo của mình.

Rồi anh báo cảnh sát.

Chỉ ít phút sau, ba xe cảnh sát và một xe cứu thương, đèn nhấp nháy, kêu inh ỏi dừng lại ngay trước cửa tòa nhà Tolman. Vài cảnh sát đứng gác để đảm bảo hiện trường. Các nhân viên y tế đến chỗ nạn nhân và xác nhận không có người nào sống sót. Viên cảnh sát cấp cao tra hỏi Wallis về những chuyện đã xảy ra. Khi Wallis từ chối đưa lời khai khi chưa có mặt của luật sư, anh bị đưa đến trại tạm giam của Cục Cảnh sát Berkeley, tiếp tục bị tra hỏi bởi vài vị thám tử, và cuối cùng là bị nhốt lại.

Sau khi lấy vân tay và chụp ảnh, Wallis nói: “Tôi có quyền được gọi một cuộc điện thoại.”

Viên cảnh sát canh gác nhún vai. “Gọi nhanh lên.”

Wallis dùng điện thoại bàn để gọi cho luật sư riêng của mình.

“Don?” Anh nói, quay lưng lại với vị cảnh sát đó. “Roy Wallis đây.”

“Roy,” Don Finke nói, giọng đầy lo lắng. “Một cuộc gọi vào giờ này không thể là tin tốt.”

“Tôi đang bị bắt,” anh vào thẳng vấn đề. “Họ đang giữ tôi tại trại tạm giam của Cục Cảnh sát Berkeley, và tôi thực sự không

muốn ở đây lâu hơn cần thiết.”

“Đừng lo lắng, Roy. Không cần phải lo lắng gì cả. Tôi sẽ đưa anh ra khỏi đó nhanh thôi.”

Bởi vì không còn tòa án địa phương ở thành phố Berkeley nữa, nên giữa buổi sáng hôm sau, Wallis bị đưa tới tòa án tối cao ở Oakland với lệnh triệu tập, và trong suốt quá trình, anh khẳng định rằng mình vô tội. Ủy viên Công tố Quận^[*], Edward Prince—một người đàn ông cau có, dữ tợn – dùng hết mọi khả năng để chống lại yêu cầu được bảo lãnh của Wallis, trong khi Don Finke tranh luận rằng Wallis là một tiến sĩ đại học có tiếng, một công dân tốt của xã hội và không hề gây nguy hiểm. Cuối cùng, sau hai mươi phút tranh cãi qua lại, vị thẩm phán tuyên bố: “Yêu cầu bảo lãnh được chấp thuận với số tiền là năm trăm đô-la.”

Ba ngày sau, Ủy viên Công tố Quận Edward Prince đệ đơn tố cáo Tiến sĩ Wallis với năm tội danh vô ý giết người, trong đó, thí nghiệm về giấc ngủ đang trở thành một hiện tượng đáng chú ý ở tầm quốc tế. Dựa trên mức độ phạm tội, thí nghiệm gây ra một cuộc tàn sát với năm người thiệt mạng. Do có những cái chết tự hủy hoại bản thân và bạo lực, nó được đặt ngang hàng với vụ án giết người của gia đình Tate vào năm 1969. Thêm vào đó, Wallis đã khai rằng hung thủ – Chad Carter — đã bị chiếm hữu bởi sự điên loạn, thứ nằm bên trong bản chất của nhân loại, sự điên loạn bị kìm hãm bởi sức mạnh kì

diệu của giấc ngủ – vâng, bạn đang được chứng kiến một sự việc chưa từng diễn ra trong lịch sử cận đại.

Mặc dù phần lớn mọi người đều tin rằng Wallis đang lừa bịp công chúng, nhưng điều này cũng không ngăn cản được việc tên của anh ta xuất hiện hằng ngày trên mỗi buổi phỏng vấn trực tiếp và các cuộc tọa đàm ở nước Mỹ, hoặc cụm từ “Linh Hồn Quý” trở thành một trong những từ khóa được tìm kiếm nhiều nhất trên mạng xã hội thế giới.

Thực vậy, việc người dân nói phiên tòa xét xử sắp tới là “phiên tòa xét xử thế kỷ” cũng không phải là nói quá, và cáo buộc giết người chống lại Tiến sĩ Roy Wallis sẽ được xử vào bốn tháng sau, vào ngày 14 tháng 10 năm 2018. Phiên tòa sẽ diễn ra ở Tòa thị chính San Francisco. Tòa nhà ốp đá granit, là nơi đặt Cục Cảnh sát, Nhà tù Quận Tòa án thành phố, và cho tới bây giờ còn đóng vai trò là địa điểm của văn phòng Pháp y thành phố. Phòng xử án có những bức tường bằng gỗ sồi, trần nhà dạng ô lõm và sàn lót vải sơn. Treo trên một bức tường ở phía trước căn phòng, đằng sau những hàng ghế gỗ dài là biểu tượng của tòa án, được đóng dấu bởi chính quyền liên bang và tiểu bang. Phía trước mấy hàng ghế dài là bức đứng của nhân chứng hiện tại đang trống, và mấy chiếc bàn làm việc, cũng như ghế ngồi của thư ký tòa án và phóng viên tòa án ở phía sau. Phía bức tường bên trái là khu vực bàn của bồi thẩm đoàn, bao gồm mười hai người, sáu nam, sáu nữ, tất cả đều là người da trắng.

Trong ba tuần qua, họ đã kiên nhẫn lắng nghe những cáo buộc và biện giải, cũng như lời khai của hơn hai chục chuyên gia, bao gồm trưởng ban pháp y của cơ quan điều tra; các điều

tra viên của phòng ban Giết người Cướp của thuộc Sở Cảnh sát San Francisco, nhiều y bác sĩ, nhà độc chất học, chuyên gia về chất gây nghiện, một giám định viên pháp y trên máy tính và một bác sĩ chuyên về nội khoa. Vào hôm nay, ngày cuối cùng của phiên xét xử, họ sẽ được nghe những lập luận cuối cùng của bên công tố và bên luật sư biện hộ cho bị cáo.

Wallis ngồi ở bàn dành cho bị cáo, phong độ, bình tĩnh và ăn mặc chỉnh tề trong bộ vest đen được thiết kế riêng, cùng chiếc cà vạt bằng lụa phù hợp. Kể từ khi cái tên của anh được nhắc đến khắp nơi, người ta thường xuyên bàn tán trên các phương tiện truyền thông về ngoại hình, phong cách - và thậm chí là cả bộ râu của anh - nhiều như số lần họ tranh cãi về việc anh có tội hay không, hay về thuyết Linh Hồn Quỷ. Nhờ đó mà anh có vô số người hâm mộ là nữ từ những quốc gia xa xôi như New Zealand cho tới Nhật Bản, họ gửi hàng ngàn bức thư cho anh mỗi tuần, kèm theo cả những bức hình gợi cảm của bản thân và những lời cầu hôn kỳ lạ. Nhiều lúc trong phiên tòa, từ đám đông người tới dự, vài phụ nữ còn huýt gió, trêu đùa với anh, khiến ban bởi thẩm phải hai lần yêu cầu yên lặng và một lần đe dọa đóng phiên tòa với công chúng trong phần còn lại của quá trình tổ tụng.

Tuy nhiên, không phải ai tới dự phiên tòa cũng ủng hộ Wallis. Vài người không thể hiện sự yêu quý hay đồng cảm, mà thay vào đó là thù địch và mong đợi một phán xét thích đáng chống lại anh. Họ khinh thường tài sản và vẻ ngoài của anh, cả địa vị xã hội lẫn sự chào đón mà anh nhận được, họ không muốn gì hơn ngoài việc thấy anh lụn bại.

Đúng 9 giờ, người đại diện mặc đồng phục mời thẩm phán bước vào phiên xét xử.

Tất cả mọi người đứng dậy khi nữ thẩm phán Amanda Callahan trong chiếc áo choàng đen tuyền tiến vào phòng và ngồi xuống vị trí của mình. Sau lời mời của bà, Ủy viên Công tố Quận của thành phố – Edward Prince – tiến lên bức giữa hai bên bồi thẩm và đối mặt với thẩm phán. Ông chứng tỏ mình là một công tố viên giỏi và đầy kinh nghiệm, và theo một cách khai quát nhất, ông đưa ra những tội danh chống lại Roy Wallis. Ông tranh luận rằng Tiến sĩ Wallis là một người đàn ông tham vọng, đầy nguy hiểm, người đã đặt sự thành công của thí nghiệm về giấc ngủ lên trên hết thảy. Khi hai đối tượng tham gia thí nghiệm bắt đầu có biểu hiện đi xuống nghiêm trọng cả về tình trạng thể xác lẫn tinh thần, từ lâu trước khi cuộc thí nghiệm kết thúc, hoặc có thể coi là sự tạm dừng có thời hạn của cuộc thí nghiệm, anh ta vẫn tiếp tục tiến hành, mặc cho kết quả sức khỏe của họ có như thế nào.

Edward Prince kết thúc cáo buộc của mình bằng một diễn thuyết: “Sự kiện thảm khốc diễn ra vào bốn tháng trước sẽ được kết thúc tại đây. Vào ngày 14 tháng 6, tội ác vô nhân đạo đã diễn ra. Hôm đó, một cô gái trẻ đã giật tim mình ra khỏi lồng ngực và một chàng trai trẻ đã sát hại ba người khác một cách dã man trước khi mạng sống của chính mình bị tước đi – năm mạng người đã ra đi vĩnh viễn. Những câu hỏi mà ai ai trên thế giới này cũng đang thắc mắc là: Làm sao những điều này lại có thể diễn ra? Và ai là người phải chịu trách nhiệm? Vâng, những câu hỏi này sẽ được giải đáp ở ngay tại đây, trong chính căn

phòng này, và câu trả lời sẽ phụ thuộc vào quyết định của những thành viên trong bồi thẩm đoàn.

Dựa vào những chứng cứ được đưa ra trong ba tuần vừa qua, dựa vào những gì chúng ta được nghe và được chứng kiến, câu trả lời thật rõ ràng. Bi kịch này không nên được phép diễn ra, và bị cáo, Roy Wallis, phải chịu trách nhiệm cho sự thờ ơ và sơ suất nghiêm trọng của mình về tính mạng con người.

Tất cả mọi người trong phòng xử án này đồng ý rằng Tiến sĩ Roy Wallis, với tư cách là người giám sát chính của cuộc thí nghiệm tai tiếng về giấc ngủ, phải chịu trách nhiệm về cái chết của năm nạn nhân xấu số ấy. Đây là điều không thể bàn cãi. Bị cáo tin vào điều đó. Tiểu bang cũng tin điều đó. Tính mạng của Sharon Nash đã không phải kết thúc trên sàn phòng tắm với trái tim trên chính tay mình. Brook Foxley đã không phải chết một cách từ từ và đau đớn vì ngạt thở do gãy cổ. Viên cảnh sát Roger Henn, một người chồng và cha của hai đứa con nhỏ, đã không phải chết dưới tay của Chad Carter, với nội tạng rơi ra khỏi ổ bụng.

Vậy cho nên, bản án này không phải về việc liệu Roy Wallis có phải chịu trách nhiệm cho vụ thảm sát hay không. Mà là về cách anh ta tiến hành cuộc thí nghiệm, gây ra không chỉ là sự sai sót đơn thuần, mà còn là sự thờ ơ, vô cảm với tính mạng của người khác - đây là cáo buộc của bang, xin thưa quý quan tòa, và đây cũng là sự thật.

Ta đã nghe rất nhiều lời chỉ dẫn từ thẩm phán trong suốt quá trình xét xử. Chính quyền bang xin được nhắc lại một vài trong số chúng.

Thứ nhất là lời chỉ dẫn về tính cách cho biết có cần phải cân nhắc đến tính cách của bị cáo trong việc đánh giá anh ta có tội hay không. Luật sư biện hộ chắc chắn sẽ khiến ta tin rằng Roy Wallis là một công dân ngay thẳng, một tiến sĩ đại học, một nhà khoa học đáng kính và một người đàn ông tốt toàn diện. Tuy nhiên, đừng quên các lời khai của nhân chứng nói rằng anh ta là một kẻ nghiện rượu, một kẻ lăng nhăng, một tay chơi sống trong căn hộ áp mái xa hoa vài triệu đô-la, và cũng là một kẻ điên cuồng, ảo tưởng, có tham vọng vô đáy.

Một lời chỉ dẫn nữa mà chính quyền bang muốn nhắc lại liên quan đến sự coi thường tính mạng của con người một cách vô nhân đạo. Thẩm phán đã đặt cụm vô nhân đạo trong ngoặc kép, bởi điều quan trọng là ta phải phân biệt được liệu cái chết của những nạn nhân đó có phải là kết quả đến từ sự đơn thuần do sơ suất, hay sơ suất đến mức thô bạo, bừa bãi, ngay từ ban đầu, đủ để phô ra sự vô nhân đạo trong việc coi thường mạng sống con người. Chính quyền bang xin được gợi nhắc về định nghĩa của vô nhân đạo, là thể hiện hoặc có thái độ coi thường người khác một cách vô cảm và tàn nhẫn, và điều này hoàn toàn tương đồng với sự coi thường đầy tàn nhẫn trong trường hợp này. Chính xác là 14 ngày của sự coi thường đầy tàn nhẫn.

Trong các trường hợp ngộ sát không tự nguyện đã được xét xử thành công đối với những người lái xe ô tô trong tình trạng có sử dụng ma túy hoặc rượu — hầu hết những trường hợp này đã được biết đến bởi quan tòa — các vụ giết người đều diễn ra trong một khoảnh khắc.” Ông búng tay để nhấn mạnh. “Nó chỉ mang tính thời điểm. Mặt khác, trong trường hợp của Roy

Wallis, cái chết của năm nạn nhân đều không diễn ra trong chốc lát, hay khoảnh khắc nhất thời. Bị cáo đã có 14 ngày để kết thúc cuộc thí nghiệm, MƯỜI BỐN NGÀY, đó là khoảng thời gian đủ để cho hai người trẻ tuổi hoàn toàn mất đi lý trí của mình, dưới sự quan sát của chính anh ta. Luật sư bào chữa cũng sẽ khiến các bạn tin rằng Roy Wallis không hề biết trước Chad Carter hay Sharon Nash sẽ trở thành mối đe dọa tới chính bản thân họ hay với người khác. Nhưng làm thế nào mà ta có thể tin vào lời bao biện này: Một ngày trước khi vụ tàn sát diễn ra, hai người họ đã dùng chính phân của mình phủ kín cửa sổ quan sát phòng thí nghiệm – che cửa sổ bằng phân. Tôi không phải là một tiến sĩ tâm lý – nhưng cũng chẳng cần thiết – để biết rằng hai người họ cần sự giúp đỡ. Chính là sự giúp đỡ mà Tiến sĩ Wallis đây đã từ chối họ trong vòng mười bốn ngày.”

Edward Prince đi về phía bồi thẩm đoàn.

“Tất cả mọi người đều có quyền mà ta luôn coi là sự thật hiển nhiên: sự sống, tự do và mưu cầu hạnh phúc. Chad Carter, Sharon Nash, Guru Rampal, Brook Foxley và Roger Henn cũng vậy, họ có quyền được sống, được trải nghiệm niềm vui, tình yêu và cả sự thất vọng đến từ cuộc sống, được già đi và rồi chết một cách thanh thản... nhưng bởi chính sự nhẫn tâm coi thường mạng sống con người của Roy Wallis, bởi những tham vọng mù quáng và bất chấp của anh ta, cuộc sống, quyền tự do và những mưu cầu hạnh phúc của họ đã bị tước đoạt.

Đừng để bị đánh lừa bởi suy nghĩ cho rằng bị cáo nên được cho qua vì thí nghiệm khoa học của anh ta đặc biệt hay cao cả, hay bởi vì anh ta đưa ra được cái nhìn mới về loài người. Ngay

cả khi thuyết về Linh Hồn Quỷ của anh ta được chấp thuận, anh ta cũng không nên được bỏ qua. Hãy phán quyết Roy Wallis vì những hành động vô nhân đạo của anh ta như cách mà ta phán quyết những người bình thường khác. Nó không quan trọng nếu ta nghĩ rằng anh ta có những chủ ý tốt trong việc tiến hành thí nghiệm. Nó chỉ nên được cân nhắc khi thành lập sự trùng phật, chứ không phải được cân nhắc liệu anh ta có tội hay vô tội.”

Edward Prince dang rộng hai tay.

“Vậy nên, như tôi đã nói, Chad, Sharon, Guru, Brook và Roger không phải chết như cách họ đã chết. Họ không nên có cái chết như vậy. Roy Wallis lẽ ra phải kết thúc cuộc thí nghiệm của mình trước khi nó chạm tới cái kết đẫm máu như vậy. Thực tế cho thấy rằng, anh ta không chỉ tiến hành thí nghiệm một cách đầy thiếu sót, mà còn tiến hành một cách đầy thô sơ và vô trách nhiệm với tính mạng con người.

Do đó, chính quyền bang buộc tội bị cáo tội danh ngộ sát không tự nguyện dựa trên những dẫn chứng đã được nêu ở đây. Kính thưa quý quan tòa, quyết định nằm trong tay các vị. Cảm ơn.”

Bạn thậm chí có thể nghe được tiếng kim rơi trong căn phòng xét xử vì sự im lặng tuyệt đối, khi Edward Prince gầy gò quay trở về chỗ ngồi của mình sau bàn truy tố. Wallis đảo mắt nhìn các vị bồi thẩm đoàn, những gương mặt mà anh đã biết rất rõ trong ba tuần vừa rồi, giờ đây hoàn toàn lạnh lẽo và không thân thiện.

Thẩm phán Amanda Callahan điều hành phiên xét xử: “Ngài Wilks, ngài sẽ đứng ra biện hộ phải không?”

“Đúng vậy, thưa quý thẩm phán.”

Stephen Wilks, cựu thẩm phán, là một người đàn ông thấp bé nhưng đậm người với đầu hói, bộ râu quai nón lạc hậu và cặp kính nặng nề khiến tròng mắt ông như to ra sau lăng kính dày cộp. Mặc trên mình bộ vest vải tuýt cùng giày đế bằng, ông thong dong bước lên bục diễn thuyết. Ông lật mấy trang trong đống giấy tờ của mình, sau đó ngược lên, chớp mắt, như thể được đánh thức bởi đám đông xung quanh. Thoạt nhìn, ông trông trái ngược hoàn toàn với những luật sư bào chữa chạy theo thân chủ giàu có mang trọng tội; trên thực tế, ông là một trong những luật sư đáng kính trọng nhất cả nước. Trong suốt sự nghiệp của mình, ông giữ một thành tích ấn tượng về việc chưa bao giờ thua một vụ án lớn nào, đó là lý do tại sao Wallis chọn ông lãnh đạo nhóm biện hộ của mình.

“Năm người đã chết và ai đó phải trả giá,” Stephen Wilks bắt đầu, đẩy kính cao hơn lên sống mũi. “Như đã được nghe từ các nhân chứng, và từ hầu hết các cáo buộc từ ngài Prince. Quyền được sống. Quyền được già đi. Năm người chết; ai đó phải trả giá. Roy Wallis phải trả giá. Vâng, ở một mức độ, bị cáo sẽ phải trả giá. Anh ấy sẽ trả giá trong suốt quãng đời còn lại của mình, nhưng đây không phải điều mà bản án này hướng về. Đó là về việc liệu bồi thẩm đoàn có thể thấy được những nghi ngờ hợp lý cho việc năm cái chết này là ‘kết quả đến từ sự đơn thuần do sơ suất, hay sơ suất đến mức thô bạo, bừa bãi, ngay từ ban đầu, đủ

để phô ra sự vô nhân đạo trong việc coi thường mạng sống con người.

Vì vậy, chúng ta hãy cùng xem lại những luận điểm mà chính quyền bang đã đưa ra để tranh luận rằng Wallis đã hành động nhẫn tâm, coi thường tính mạng của những nạn nhân, những gì họ nghĩ rằng họ đã chứng minh được vượt lên trên những nghi ngờ thích đáng. Luận điểm chính của họ là Wallis đã không dừng cuộc thí nghiệm đủ sớm. Tuy nhiên, quý tòa đã chỉ dẫn nhiều lần rằng, việc bị cáo không kết thúc cuộc thí nghiệm sớm hơn, về bản chất, không đủ để cấu thành tội ngộ sát không tự nguyện. Nó không cho thấy Tiến sĩ Wallis đã nhẫn tâm coi thường sức khỏe của các đối tượng tham gia thí nghiệm của mình. Nhờ vào những ghi chú tóm tắt được ghi chép lại từ bị cáo và hai trợ lý, chúng ta có thể thấy được diễn biến từng giờ của sức khỏe tâm lý của hai đối tượng. Và, vâng, mặc dù một vài triệu chứng của họ có thể khiến bạn lo ngại, đặc biệt là khi họ sắp đạt đến mốc kết thúc của cuộc thí nghiệm, nhưng không có một báo động đỏ nào chỉ ra rằng họ đang trở thành mối nguy hiểm với chính bản thân mình, hay với người khác. Wallis không thể nào biết được giới hạn của họ. Sau cùng, anh ấy không hề tra tấn họ. Anh ấy chỉ đơn giản là để họ không ngủ. Anh ấy không hề biết toàn bộ hậu quả sau cùng – và đây cũng là mục đích chính của cuộc thí nghiệm!"

Stephen Wilks gãi đầu, và trong một khoảnh khắc, ông như thể đã lạc mất dòng suy nghĩ của mình. Nhưng sau đó, ngay khi các thành viên bồi thẩm bắt đầu nhúc nhích không thoái mái trong yên lặng, ông ta nói tiếp. "Hành vi của việc không biết,

thưa quý ông, quý bà, là một hành vi không hề có chủ đích. Chúng ta không thể cố ý không biết một thứ, bởi vì khi đó, nó đã không còn là thứ mà ta không biết tới nữa rồi. Nó sẽ là thứ mà ta ngó lơ. Việc ta ngó lơ điều gì đó hoàn toàn khác với việc ta không biết về nó. Wallis không ngó lơ những báo động đỏ của hai đối tượng thí nghiệm. Anh ấy chỉ đơn giản là không biết điều gì sẽ diễn ra. Và dù hành vi không biết là một hành vi không chủ đích, nó vẫn không đạt tới tiêu chuẩn để cấu thành tội danh ngộ sát không tự nguyện, bởi nó không phải là sự thờ ở vô nhân đạo.

Giờ đây, khi sự việc đã trở nên tồi tệ hơn, ta mới nhận ra rằng những đối tượng tham gia thí nghiệm này đã trở thành mối nguy hiểm cho chính họ và những người khác, nếu – nếu – Tiến sĩ Wallis đã không làm gì vào thời điểm này, vậy thì tôi sẽ không biện hộ cho anh ta trước mặt các vị, bởi vì lúc đó anh ta chắc chắn sẽ phạm tội sơ suất hình sự. Thế nhưng, điều đó đã không diễn ra. Ngay khi Guru Rampal thông báo với Wallis rằng anh ta lo lắng về Sharon Nash, Wallis đã cố gắng để giúp cô ấy. Nhưng thật không may, vào thời điểm đó, anh ấy không thể làm gì nữa. Vì vậy, anh ta đã ngay lập tức cho dừng cuộc thí nghiệm, tắt khí ga và kiểm tra đối tượng tham gia thí nghiệm còn lại, người mà đột nhiên, không thể lý giải được, tấn công Guru Rampal. Vào lúc này, Wallis đã chạy trốn ư? Không, anh ấy không hề làm thế. Theo như lời tường thuật của chính mình, Wallis đã dũng cảm kéo Chad ra khỏi Guru, sau đó bị đánh mạnh vào đầu và ngất đi. Khi tỉnh dậy sau đó, anh ấy nhìn thấy trợ lý của mình – Guru Rampal đã chết, bạn gái của anh ấy –

Brook Foxley – cũng chết, và Chad Carter đã điên cuồng tấn công Roger Henn. Lại một lần nữa, anh ấy có chạy trốn không? Không, anh ấy cũng không hề làm như vậy, và mặc dù anh ấy không thể cứu được viên cảnh sát Henn, nhưng những hành động này của anh ấy không thể diễn tả gì khác ngoài rất dũng cảm.”

Stephen Wilks đi từ bục đến trước bàn bồi thẩm đoàn và mỉm cười rụt rè với những người đàn ông và phụ nữ đang ngồi trên đó. “Xin đừng bị lung lay trước cái chết đáng tiếc của năm nạn nhân,” ông nói. “Cái chết của họ đúng là một bi kịch, nhưng không phải bi kịch nào cũng là tội ác. Hãy cho tôi vài phút đọc một vài chỉ dẫn của thẩm phán tới các vị.” Ông lôi ra một tờ giấy từ túi áo của mình. “Nếu ta thấy rằng các tình tiết có thể lý giải theo hai cách khác nhau, mà một trong hai cách đó chứng minh sự vô tội của bị cáo, ta không thể tuỳ tiện chỉ nghe theo lý giải còn lại mà phán quyết bị cáo có tội. Thay vào đó, cách lý giải có lợi cho bị cáo nên được tiếp nhận trừ khi không thể giải quyết được, trong mọi trường hợp. Chứng cứ không những phải phù hợp với định tội mà còn phải phù hợp với mọi giả thuyết hợp lý về sự vô tội.

Stephen Wilks gấp lại tờ giấy.

“Vậy nên, các vị thấy đó, kính thưa bồi thẩm đoàn,” ông tiếp tục, “hành động giữ cho hai đối tượng thí nghiệm không ngủ bằng khí ga kích thích đơn giản là chưa đủ để cấu thành tội trạng. Đúng, đã có năm người chết. Đúng, Wallis, với tư cách là giám sát chính, phải chịu trách nhiệm với những cái chết này. Anh ấy chưa bao giờ phủ nhận điều đó. Nhưng câu hỏi đặt ra ở

đây là: Có phải một tội nhân, một kẻ mang trọng tội, đang đứng trước mặt các vị hay không? Nếu các vị không chắc về phán quyết này, dù chỉ một chút, thì chính quyền bang vẫn chưa chứng minh được một cách hợp lý rằng Tiến sĩ Roy Wallis có tội trong việc nhầm tâm coi thường mạng sống của con người, và các vị phải phán xét công bằng vì anh ấy. Vì anh ấy thực sự vô tội, thưa quý ông, quý bà, vô tội với tội danh mà chính quyền bang đã đưa ra: rằng anh ấy biết Chad Carter và Sharon Nash là một mối nguy hiểm với chính bản thân họ cũng như người khác, và tiếp tục cuộc nghiên cứu, thì đó sẽ là ngộ sát không tự nguyện. Vâng, nếu là tôi, thì tôi sẽ tranh luận trường hợp này là giết người có chủ đích. Nhưng, trái lại, chính quyền bang đã không đưa ra cáo buộc này, nên cho tôi được nói rằng, mặc cho các vị nghĩ gì về cuộc thí nghiệm giấc ngủ này, hay về bản thân Tiến sĩ Wallis, thì anh ấy cũng không phải là tội phạm, và đây là lời tuyên án duy nhất mà các vị có thể tìm được. Vô tội.”

Bồi thẩm đoàn đã rời phòng xử án trong bốn giờ. Roy Wallis quan sát khi họ đồng loạt quay trở lại. Mặc dù vẫn duy trì vẻ bình tĩnh, nhưng thực chất anh đang cảm thấy nhộn nhạo trong dạ dày, như thể những con rắn đang trườn bò bên khoang bụng mình. Một phán quyết có tội, mặc dù không phải tới cuối đời, nhưng cũng đủ để hủy hoại anh. Dù chỉ năm năm trong tù cũng không thể. Anh có quá nhiều thứ phải làm!

Thẩm phán Amanda Callahan điều hành: “Xin hỏi bồi thẩm đoàn có thể đưa ra phán quyết chưa?”

“Đã có, thưa thẩm phán,” đại diện bồi thẩm đoàn giơ lên một mảnh giấy kẹp giữa ngón tay mình.

“Mời người đại diện nhận lấy phán quyết.”

Người đại diện đi tới chỗ bồi thẩm viên, nhận lấy mảnh giấy và đưa nó cho thẩm phán. Bà mở nó ra, đọc nội dung bên trong rồi ngược lên. “Bồi thẩm đoàn tuyên bố bị cáo vô tội.”

Một sự hỗn loạn diễn ra trong đám đông người tới dự. Họ đứng dậy, tất cả đều nói cùng một lúc, nhiều tiếng vỗ tay và chúc mừng, xen lẫn tiếng gào thét hay những lời tục tĩu.

Bên ngoài tòa án, Wallis dừng lại trước một dàn những máy quay đang ghi hình trực tiếp để đưa tin tức nóng hổi lên tivi. Khi đám đông các nhà báo và phóng viên lặng xuống, anh nói vào hàng chục chiếc mic đang hướng về phía mình: “Walt Whitman từng viết rằng nỗi sợ hãi địa ngục không là gì đối với tôi. Nhưng ông ấy là Walt Whitman, nên ông ấy thể viết những gì ông ấy thích.” Wallis vuốt râu, vui đùa trên từng câu chữ của mình. “Tôi đoán,” anh tiếp tục, “rất có thể Walt ngay từ đầu đã chẳng tin có địa ngục, nên ông ấy mới ung dung nói vậy.” Anh lắc ngón tay như thể khinh miệt vị cha đẻ của lối viết tự do này. “Nhưng tôi, những người bạn đáng yêu của tôi ơi, tôi của hiện tại đã biết địa ngục có tồn tại, và hãy để tôi nói cho bạn biết – địa ngục thực sự làm tôi kinh sợ.”

Xung quanh yên lặng, chỉ nghe thấy tiếng nháy liên tục của máy ảnh.

Sau đó, tất cả mọi người tranh nhau đặt câu hỏi cùng lúc.

“Ngài sẽ tiến hành một cuộc thí nghiệm nữa về giấc ngủ trong tương lai chứ, thưa tiến sĩ.”

“Ngài có dự định công bố toàn bộ cuộc thí nghiệm của mình cho công chúng không?”

“Ngài muốn nói điều gì với những người vẫn còn hoài nghi?”

“Ngài có định gửi lời xin lỗi tới người nhà của những người đã khuất không?”

“Ngài có biết Penny Park giờ đang ở đâu không?”

“Ngài có định bán khí ga gây kích thích cho các công ty được phẩm không?”

Bỏ qua những câu hỏi và mớ hỗn loạn xung quanh, Wallis đi theo con đường mà đội vệ sĩ của anh mở ra giữa đám đông, hướng về chiếc SUV đen đang đợi sẵn. Anh trèo vào ghế sau, đóng cửa và cau mày nhìn người tài xế ở đằng trước.

“Anh là ai?” Wallis hỏi.

“Thưa ngài, hôm nay tôi là tài xế của ngài,” người đàn ông tóc hoa râm đáp lời.

“Raoul đâu?”

“Anh ta bị bệnh.”

“Bệnh?”

“Anh ta cáo bệnh ngày hôm nay, nên tôi được giao nhiệm vụ thay anh ta.”

“Anh có biết tòa nhà căn hộ của tôi ở đâu không?”

“Tòa nhà Tháp Đồng hồ, thưa ngài. Tôi sống cách đó không xa.”

Những người biểu tình đang đập vào cửa sổ và nóc ô tô, nên Wallis thúc giục: “Bắt đầu di chuyển đi.”

Tài xế đánh chiếc SUV thoát khỏi sự cản trở của đám đông. Khi đã khuất bóng người, Wallis nhận thấy sự yên tĩnh bất thường trên mây con phố, cho tới khi đi ngang qua một quán bar đông đúc một cách kỳ lạ – vào lúc mười một giờ bốn mươi lăm phút sáng – anh mới nhận ra sự yên tĩnh này xuất phát từ mình. Cả thành phố — có khi cả đất nước này, hoặc hơn cả thế — đã dừng làm việc, bởi tất cả mọi người đều tụ lại ở phòng khách, văn phòng, chỗ làm hay chỗ vui chơi, để đón nhận tin tức phát sóng trực tiếp trên truyền hình và điện thoại khi phán quyết của anh được tuyên bố.

Wallis tìm kiếm tên mình trên mạng bằng điện thoại và đọc tiêu đề trên hàng tá những trang báo:

Quan tòa đã phủ quyết tội danh ngộ sát không tự nguyện của Tiến sĩ Roy Wallis

Cả đất nước đang ngóng đợi phán quyết cho vị chuyên gia về giấc ngủ

Không công bằng!

Vô tội!

Tin tức nóng hổi từ tòa án: Wallis được “phóng thích”.

Vị Tiến sĩ Linh Hồn Quỷ được tự do!

Khi Wallis lướt qua tiêu đề của tờ New York Times, nụ cười của anh biến thành một cái cau mày. Nhà báo này rõ ràng là có thành kiến với anh, bởi bài báo của anh ta hoàn toàn mang tính lên án và châm chọc. Anh ta gọi anh là kẻ giết người thoát khỏi

sự trùng phẹt của công lý, miệt thị học thuyết Linh Hồn Quỷ là “một trò hề phi lý của một kẻ điên cuồng ảo tưởng”.

Nhúi chặt lông mày, Wallis nhét điện thoại vào túi. Anh không nên cảm thấy bất ngờ trước vài ý kiến trái chiều. Nhiều tờ báo cũng đã công khai chỉ trích anh trong suốt quãng thời gian xét xử, họ quá nồng cạn và thiếu hiểu biết – để tin tưởng vào những bằng chứng mà anh đã công bố.

Để xem ai mới là người cười cuối cùng, lũ thiển cận, Wallis nghĩ thầm, sau đó bắt đầu suy tính về cuộc thí nghiệm giấc ngủ thứ hai, mà anh dự tính sẽ phát trực tiếp trước toàn bộ công chúng. *Hãy để họ tận mắt chứng kiến loài người là gì và sẽ trở thành gì nếu giấc ngủ bị lấy đi và cảnh cổng địa ngục mở rộng ngay trước mắt.*

Wallis quá chìm đắm trong suy nghĩ của mình đến mức anh không nhận ra rằng đã đến tòa nhà Tháp Đồng hồ, cho đến khi đám phóng viên và cảnh nhà báo tụ lại xung quanh xe, máy quay phim và micro sẵn sàng.

“Lái gần về phía cổng chính nhất có thể đi,” anh gằn giọng.

“Vâng, thưa ngài,” người tài xế đáp.

Di chuyển thêm một chút qua đám đông kích động, chiếc SUV cuối cùng cũng dừng lại ngay trước cổng chính của tòa nhà. Ngay khi Wallis bước chân ra khỏi xe, những chiếc mic đã chĩa thẳng vào mặt anh, mọi người la hét, liên tục đưa ra những câu hỏi.

Mặc kệ đám người đó, anh nhanh chóng bước vào tòa nhà, đóng chặt cánh cửa kính sau lưng để không một tên khốn nào có thể theo anh vào bên trong.

Vuốt thẳng áo khoác và chiếc cà vạt, anh tự quan sát hình ảnh phản chiếu của mình trong cánh cửa thang máy bằng thép, thỏa mãn với ngoại hình hiện tại.

Khi cửa thang máy mở ra, anh đi thẳng lên đỉnh tòa nhà và bước vào căn hộ xa hoa của mình. Việc đầu tiên anh làm là bật kênh CNN trên chiếc ti vi lớn trong phòng khách. Bản tin vẫn đang phát sóng những tin tức về Wallis và cuộc thí nghiệm giấc ngủ của anh, anh bước đến quầy bar và rót cho mình một ly rượu rum. Anh theo dõi bản tin, nhưng khi một tên tóc trắng ngu ngốc đang hạ thấp thành quả nghiên cứu của mình, anh quyết định đi đến ban công để hút thuốc.

Anh sững người khi nhận thấy phần kính trên cửa sổ ban công đã bị vỡ.

“Tao làm đấy,” một giọng nam cất lên từ phía sau.

Wallis quay lại khi một người đàn ông xuất hiện từ phía căn phòng nối với tòa tháp. Với mái tóc đen vuốt ngược và khuôn mặt hốc hác, hắn ta chẳng khác nào một tên nghiện. Hắn mặc quần jean xanh và khoác áo da màu đen bên ngoài chiếc sơ mi vải bò nhạt màu hơn chiếc quần. Hắn gầy gò, ốm nhom, khiến phần xương cổ sau gáy lồi hẳn lên như mấy nút thắt của sợi dây thừng.

“Anh là thằng quái quỷ nào vậy?” Wallis cáu kỉnh, giọng anh hùng hổ và không hề sợ hãi mặc dù nhịp tim tăng vọt, còn suy nghĩ thì trống rỗng. Không ai có thể bình tĩnh khi thấy một người lạ trong nhà – đặc biệt là khi người lạ đó còn mang theo vũ khí, trong tay phải hắn ta là một cây gậy bóng chày.

“Bill,” gã lạ mặt đáp lời anh. “Tao tên là Bill.”

“Anh đang làm gì trong nhà tôi, Bill?”

“Tao tới để giết mày, Roy.”

Cổ họng Wallis nghẹn lại. Anh nuốt xuống một cách khó nhọc. “Tại sao chứ?”

“À, để tao giới thiệu bản thân kỹ hơn nhé, Roy. Tao là Bill - Bill Foxley.”

Đôi mắt của Wallis mở to, cảm giác trống rỗng trong anh tăng lên hàng chục lần.

“Nghe này,” anh nói, giơ hai tay lên. “Tôi không giết Brook. Đó là Chad Carter.”

“Tao không quan tâm là mày đã vặt cổ chị gái tao, hay là tên bệnh nhân điên khùng kia. Thực tế là chị ấy đã chết, và chị ấy sẽ không chết nếu không vì mày và thí nghiệm vớ vẩn đó...”

Wallis ném thẳng ly rượu vào Bill và nhanh chân chạy ra cửa chính. Anh nghe thấy hắn đuổi phía sau, biết rằng không kịp mở cửa trước khi bị hắn ta đập cây gậy bóng chày vào đầu, nên anh dừng lại ngay giữa đường.

Chặn được cú đánh bằng cả hai tay, Wallis đấm mạnh vào quai hàm Bill, khiến hắn ta loạng choạng lùi về sau. Dù vậy, anh biết mình không thể thắng nếu như không có vũ khí. Anh hướng về căn phòng tới tòa tháp, định chạy xuống tầng một, nơi anh có thể lấy mấy cái gậy chỗ bàn bi-a – nhưng anh ngay lập tức đổi ý với kẻ tấn công thứ hai.

Anh ngay lập tức biết đó là anh trai của Bill Foxley — bởi các đường nét tương đồng trên gương mặt và mái tóc quăn — nhưng ngay khi vừa nhận ra điều đó, người đàn ông đã quật một gậy về phía anh

Cây gậy gỗ đập thẳng vào trán Wallis. Sự đau đớn bùng nổ phía sau con mắt trong một thứ ánh sáng hỗn loạn. Anh bất tỉnh trước khi ngã xuống sàn nhà.

Wallis tỉnh dậy trong cơn đau buốt xuyên thẳng vào não, Mặc cho làn sương trắng nhấn chìm suy nghĩ và tầm mắt, anh vẫn nhận thức được mình đang ngồi trên ghế, tay bị trói chặt bởi dây thừng phía sau lưng.

Chớp đôi mắt cay sè, anh thấy Bill đang đi lại trước mắt mình, ở trong bếp, với một ly whiskey trên tay.

Bill phát hiện anh đã tỉnh lại nên lên tiếng: “Đúng thời điểm đấy.”

“Tôi có tiền,” Wallis lầm bầm, suy nghĩ vẫn còn mơ hồ nhưng tràn ngập sợ hãi. “Nhìn này. Tôi có rất nhiều tiền. Anh cần bao nhiêu?”

“Tiền?” Bill cười điên dại. “Tao không cần tiền của mày, thẳng khốn. Tao muốn chị tao trở lại. Nhưng bởi vì mày không thể làm điều đó, cho nên tao muốn báo thù.”

Wallis biết rằng Bill không thể bị mua chuộc; người đàn ông này sẽ giết anh.

“Làm ơn!” Anh nói, cố gắng giãy giụa, hòng thoát khỏi dây trói. “Cái chết của Brook không phải lỗi của tôi. Tôi vừa được minh oan...”

Một đôi tay vòng ra từ phía sau đầu anh.

Người anh trai còn lại.

Bill chậm rãi gật đầu, và trước khi Wallis kịp kháng cự, đầu anh đã bị bẻ ngoặt sang trái. Anh đổ người về phía trước trên ghế, sợi dây thừng quanh cổ tay giúp anh không bị ngã đổ xuống mặt sàn. Hơi thở anh bắt đầu nặng nề, khó khăn hơn. Anh biết cột sống cổ trên của mình đã bị gãy, và cái chết đang đến gần từ sự ngạt thở, như cách mà Brook đã chết. Ngay cả khi tình huống trớ trêu chết chóc này diễn ra, anh vẫn suy nghĩ với sự giận dữ phẫn nộ: *Các người không thể làm thế với tôi! Tôi là Tiến sĩ Roy Wallis! Tôi bây giờ rất nổi tiếng!*

Điều cuối cùng mà vị tiến sĩ nổi tiếng Roy Wallis nghe được trong cuộc đời mình là giọng nói giả dối của em trai của Brook: “Ngủ ngon nhé, tiến sĩ! Chúc ngài có một giấc mộng thật đẹp!”